

Sông Lam

SỐ 8 (THÁNG 8+9 / 2020)

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN



KỶ NIỆM

90 NĂM XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH (1930-2020)

75 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945-2020)

75 NĂM QUỐC KHÁNH NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM (1945-2020)

VÀ HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX



Suốt cuộc đời Người vì nước vì dân (sơn dầu) - TẠ TÂM



Bác Hồ và Hoàng thân Xuvanuvong - TRẠNG TRỌNG HIỆP



Tình quân dân (lụa) - BÀ SIẾU



Chống gậy lên non xem trận địa (sơn dầu) - VŨ HẢI



Thành cổ - PHAN NGỌC



Cánh diều trên đảo Trường Sa (acrylic) - HỒ THIẾT TRINH

Sông Lam

Số 8 (Tháng 8+9 / 2020)

- Tổng Biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC
- Tòa soạn:

Số 8, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: vanngheghean.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
525/GP-BTTTT ngày 02/12/2019.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Giá: 39.000 đ

MỤC LỤC

■ NHÂN VẬT VÀ ĐỐI THOẠI

PV (thực hiện): Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan: “Bảo bối” vạm
nặng để vượt qua thách thức là khơi dậy sức dân”3

■ THỜI LUẬN

LÊ DOÃN HỢP: Văn hóa là tinh hoa của đạo đức10

■ TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ SỸ

BÙI SỸ HOA: “Phần lớn mọi chuyện tùy vào anh em mình”12

■ KÝ

HỒ NGỌC QUANG: Ban tôi - nhà sáng chế nông dân (tr. 15) • TRẦN NGỌC
KHÁNH: Gia đình đại liệt sĩ (tr. 26) • NHẬT THÀNH: Về một buổi học đặc
biệt (tr. 29) • HOÀNG NGUYỄN VŨ: Phụ lúa (tr. 32)

■ TRUYỆN NGẮN

PHAN ĐĂNG LŨU: Con chó của cụ Sứ (tr. 36) • CAO XUÂN THƯỜNG: Danh
dự của làng (tr. 39) • NHƯ BÌNH: Người tình tiền kiếp (tr. 44) • BÙI ĐÌNH
SÂM: Bến đò xưa (tr. 52) • NGUYỄN THỊ MINH THÌN: Di cư (tr. 57) •
NGUYỄN HỒNG: Lá nếp có gai (tr. 62)

■ THƠ & NHẠC

BÙI QUANG THANH: Phù Đồng Thiên Vương (tr. 67) • NGUYỄN NGỌC PHÚ:
Trưa Tiên Điền (tr. 68) • NGUYỄN ĐĂNG VIỆT: Nhớ cụ Nguyễn Tiên Điền
(tr. 68) • NGUYỄN TRƯỜNG THỌ: Khoảng trưa ở thành cổ Quảng Trị (tr. 69) •
NGỌC THUY LÊ: Ghi ở đền Cuông (tr. 69) • HUỆ TRIỀU: Sự vừa phải (tr. 70)
• HỒ THỊ LAN ANH: Ngang qua... (tr. 70) • CAO KHẮC TƯỜNG: Luật đời (tr.
71) • NGÔ ĐỨC HẠNH: Rót nắng (tr. 71) • ĐÌNH THANH QUANG: Hương rừng
(tr. 72) • ĐÌNH TRỌNG THUẬT: Thăm nhà ngoại (tr. 72) • TRẦN QUANG
DIỆN: Cổng làng (tr. 72) • THANH HOÀNG: Mê cung nhỏ (tr. 73) • VÕ NGỌC
SƠN: Tiếng làng xưa (tr. 73) • HOÀNG NHƯ PHÚC: Sen nở thêm trăng (tr. 74)
• HUY LINH: Phố mưa bay (tr. 74) • PHAN THÚC ĐỊNH: Khúc chiều (tr. 74)
• NGUYỄN ĐỨC CỎ: Với cụ Nguyễn Công Trứ (tr. 75) • LÊ HẠNH: Thơ tình
ở biển (tr. 75) • VÕ VĂN VINH: Bếp lửa, Giao mùa (tr. 77) • NGÀ VŨ: Không
đề (tr. 78) • NGÔ MẬU TÌNH: Chuông chiều (tr. 78) • NGUYỄN ĐÌNH TÂM:
Vinh và em (tr. 79) • PHAN XUÂN THU: Miền Trung (tr. 79) • PHẠM VIỆT
THẮNG: Con về với mẹ chiều nay (tr. 79) • HỮU VI: Cảm giác sông (tr. 80)
• NGUYỄN VIỆT LỢI: Sông con (tr. 80) • NGUYỄN TIẾN CUÔNG: Không đề
(tr. 80) • ĐÔNG VĂN BÌNH: Soi (tr. 81) • ĐẶNG THIÊN SƠN: Buổi sáng biển
mất (tr. 81) • DƯƠNG TIẾN NGỌC: Sao lạc (tr. 81) • TRẦN MAI HƯỜNG:
Không phải tình nhân (tr. 82) • YẾN THANH: Mẹ tôi (tr. 82) • LÊ MINH THẮNG:
Chỉ biết lúc này (tr. 83) • BÁ CANH: Không đề (tr. 83) • LÊ HẠM: Bài ca tôi
vẫn hát (tr. 101) • VŨ TOÀN - NGUYỄN HỮU ĐÀO: Nghe chị hát ru (tr. 102)

■ ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

CHU TRỌNG HUYỀN: Xô viết Nghệ Tĩnh, 90 năm nhìn lại (tr. 84) • NGUYỄN
TRỌNG TUẤT: Nhớ mãi sáng mùa Thu năm ấy (tr. 88) • NGÔ ĐỨC TIẾN:
Tiếc nhớ học giả Phan Ngọc - bậc hiền tài quê Nghệ (tr. 90) • CAO NGỌC
THẮNG: Người của thao tác luận (tr. 92) • MINH TỰ: Có hai chiếc nón bài
thơ (tr. 98)

■ CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM

HOÀI LINH: Mèo con (tr. 104) • DƯƠNG THẾ VÕ: Hạp xóm bờ ao (tr. 104)
• PHẠM VĂN HỮU: Lờ máy xúc (tr. 105) • PHẠM VĂN KHIÊM: Làng chài
sông Lam (tr. 105) • TUẤN PHẠM: Rủ con (tr. 106)

■ **SUY NGẪM**

LẠC THANH: Xem người ta kia! (tr. 110)

■ **KÝ SỰ NHÂN VẬT**

HOÀNG XUÂN THUỜNG: Lâm Quang Mỹ - Nhà thơ triết lý, tình yêu (tr. 112)

■ **NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH**

ĐẶNG LƯU: Tinh luận lý - một đặc điểm tư duy thơ Hồ Chí Minh (Qua *Ngục trung nhật ký*) (tr. 118) • LÊ ĐÌNH CÚC:

Linh cảm trong *Truyện Kiều* (tr. 123) • PHAN BÁ HÀM: Giải thích một số câu tục ngữ khó hiểu (tr. 128)

■ **VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

YPENDRANATKH ASK: Câu đố về trái tim phụ nữ (tr. 133)

■ **40 NĂM NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN (12/9/1980 - 12/9/2020)**

BÙI THỊ NGỌC: Rạng rỡ những trang sách vàng (tr. 141) • DƯƠNG ĐỨC, PHẠM HẰNG: Giới thiệu sách mới của Nhà xuất bản Nghệ An (tr. 144)

■ **MỸ THUẬT:** BÀ SIẾU, HỒ THIẾT TRINH, TẠ TÂM, HỌC HÀ, ĐÌNH TRUYỀN, THẢO PHƯƠNG, PHẠM ĐÌNH HÙNG, KIM HIỂN, CAO ANH THƯ, PHAN THẢO LINH, PHẠM THẢO PHƯƠNG, DIỆU LINH,

■ **ẢNH:** HẢI VƯƠNG, TRẦN CẢNH YÊN, CHU TRỌNG TUẤN, HỒ HẢI ĐĂNG, QUANG DŨNG, HỒ CHIẾN

■ **BÌA 1:** NGÔ XUÂN KHÔI

BÌA 2: HỒ THIẾT TRINH, TRONG HIỆP, VŨ HẢI, TẠ TÂM, BÀ SIẾU, PHAN NGỌC

BÌA 3: TỪ THÀNH

BÌA 4: QUANG DŨNG, CHU TRỌNG TUẤN, HỒ LONG, HỒ CHIẾN, HỒ HẢI ĐĂNG

Thư Sông Lam

Hơn 70 năm qua, trong lòng người Việt, thì mùa Thu không đơn thuần là một mùa của sắc trời, của thiên nhiên, của tuần hoàn vòng quay trái đất, mà mùa Thu còn được nhắc đến với bao kỷ ức tự hào, thiêng liêng: mùa Thu cách mạng.

Chẳng thế mà đến những ngày chạp Thu, đường làng, ngõ phố đã rộn rã sắc cờ. Màu cờ đỏ với cánh sao vàng rực lên trên nền trời thăm thẳm bình yên, xiết bao kiêu hãnh. Bởi dưới bóng cờ ấy là bao nhiêu máu xương đã đổ; là bao nhiêu người mẹ những lần tiễn con đi, rồi đêm về khóc thầm lặng lẽ; là bao nhiêu người vợ hóa đá Vọng Phu nơi đầu non, cuối bể; là bao nhiêu thanh xuân “ra đi không tiếc đời mình” để “lúc ngã vào lòng đất vẫn con trai”...

Một đất nước của bão giông, nắng lửa, một đất nước chọn nơi đầu sóng để làm nên vóc dáng, gồng gánh bao nỗi gian lao, mà sao vẫn khiến ta thao thiết yêu thương, thao thiết nhớ về? Nào có ai chối bỏ được Tổ quốc, bởi ta được lớn bằng câu Kiều mẹ ru, bằng hạt lúa củ khoai nảy mầm trên đất đai xứ sở. Ta biết thương từ cánh cò, lũy tre, thương từ tên đất, tên làng, thương những dấu binh đao còn hằn in hình sông, dáng núi. Đất nước của đứa trẻ 3 tuổi biết lớn nhanh đánh giặc, của chàng thiếu niên 16 tuổi muốn “xin đánh” mà bóp nát quả cam, của những nữ nhi cưỡi voi ra trận...

Trong dòng chảy của mùa Thu, của những cảm xúc thiêng liêng tự hào, Tạp chí Sông Lam ra số đặc biệt này như một cách chào mừng các sự kiện trọng đại: Cách mạng tháng Tám, Quốc khánh (2/9), 90 năm ngày Xó viết Nghệ Tĩnh (12/9) và hướng đến Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX.

Hy vọng những tác phẩm văn học nghệ thuật, những bài bút ký đậm dấu ấn xứ Nghệ, những suy ngẫm và trở trăn của các chính khách, các văn nghệ sỹ sẽ để lại chút gì đáng nhớ trong lòng bạn đọc.

Trân trọng!

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM



NGUYỄN PHÓ THỦ TƯỚNG VŨ KHOAN:
“Bảo bối” vạn năng
để vượt qua thách thức
là khơi dậy sức dân”

■ Nhân dịp kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, nguyên phó Thủ tướng Vũ Khoan - người trực tiếp chứng kiến Lễ Tuyên ngôn Độc lập ở Hà Nội - đã trò chuyện về những ký ức và giá trị của cách mạng tháng Tám trong bối cảnh đất nước đang đối mặt với nhiều thách thức do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Ông kể:

Sự khao khát tự do đã liên kết muôn người

Lúc nổ ra cách mạng tháng Tám, tôi đang 8 tuổi và nhìn sự kiện này bằng nhận thức của một cậu bé con. Lúc đó, gia đình tôi đang sống ở Cầu Guột, cách huyện lỵ Phú Xuyên (Hà Tây cũ) khoảng 1 km. Đầu năm 1945, bỗng thấy xuất hiện quân sĩ Nhật, chúng chôn sống một người thanh niên ngay trên sân ga, truy lùng bọn Tây, đầm. Sợ quá, gia đình tôi chạy lên Hà Nội. Thời đó, bọn trẻ con chúng tôi cứ thấy sờ sờ mỗi khi lên khu Ba Đình ngày nay vì đó là khu phố Tây, trường Tây và bọn con Tây thường bắt nạt. Tâm lý ghét Tây hình thành từ đó. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, không còn bóng dáng bọn Tây, bọn Nhật nữa, chúng tôi thấy vui lắm. Lớn lên mới hiểu đó chính là *niềm vui của người dân một nước độc lập!* Lúc đó tràn ngập bầu không khí *hồ hởi, đoàn kết muôn người như một*. Tôi vui sướng chạy theo các đoàn biểu tình đông đảo, tập hợp đủ các tầng lớp nhân dân, rầm rập diễu qua các đường phố Hà Nội, cờ đỏ sao vàng bay phấp phới, các biểu ngữ giơ cao, miệng hô vang các khẩu hiệu yêu nước. Sau này, tôi càng thấu hiểu lòng yêu nước, sự khao khát tự do đã liên kết muôn người như thế nào.

Rầm trung thu đầu tiên của nước Việt Nam độc lập thật đặc biệt. Tôi vẫn nhớ như in cuộc tập trận giả náo nhiệt ở hồ Hoàn Kiếm. Lũ trẻ chúng tôi vây quanh bờ hồ, reo hò rầm trời, đua nhau ném vỏ bưởi xuống thuyền đánh đuổi bọn quân xanh. Dọc theo các đường phố, nhà nhà bày “bàn thờ Tổ quốc” ra trước cửa, khi phá cỗ mời chào bất kỳ người nào đi ngang qua. Sau này tôi có dịp đi nhiều nước nhưng không ở đâu thấy có cái tục “bàn thờ Tổ quốc” cả. Đó là bàn thờ truyền thống, có bát hương, cây nến, lọ hoa, ngũ quả, chỉ khác là ở giữa bày chân dung “Cụ Hồ” (lúc đó chưa gọi là “Bác Hồ”). Chưa được gặp, chưa biết nhiều về Hồ Chủ tịch, song ai cũng yêu quý vì tác phong giản dị của Người, trong dân gian rầm rì tin đồn mắt cụ rất sáng và cụ chính là Nguyễn Ái Quốc. Những câu chuyện chia sẻ ở trên để lại trong tôi cảm nhận không bao giờ phai mờ về *không khí hồ hởi, tự do và lòng yêu quý đối với lãnh tụ dân tộc*.

Một cảm giác nữa mà khi lớn lên tôi mới định nghĩa được là sức dân. Số là mùa Thu năm Ất Dậu (1945), nạn đói khủng khiếp hoành hành ở miền Bắc.

Trong bối cảnh bi đát như vậy, Bác Hồ kêu gọi diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, phát động phong trào “Hũ gạo tiết kiệm, thi đua sản xuất” và tổ chức “Tuần lễ vàng”. Dịp ấy, người dân Hà Nội kéo nhau đi hiến vàng để giúp nước như một ngày hội. Nhờ đó đời sống người dân ổn định, nạn đói bị đẩy lùi. Như vậy, Cách mạng tháng Tám đã thay đổi số phận người dân, giúp họ thoát khỏi cảnh đói khát để tạo lập cuộc sống ấm no.

Còn đọng lại trong tôi, đó chính là hào khí cách mạng lúc bấy giờ. Ngày 17/8/1945 có cuộc mít-ting, tôi trèo lên hàng rào, chứng kiến hàng nghìn, hàng vạn người tập hợp, lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới theo những nhịp chạy của họ. Lần đầu tiên tôi thấy nhiều cờ đỏ sao vàng như vậy, phủ đầy địa điểm của Nhà hát Lớn. Sau mít-ting, mọi người kéo đi, vừa đi vừa hô to ủng hộ Việt Minh, phản đối phát-xít Nhật. Dòng biểu tình ấy chính là khí thế của nhân dân. Cách mạng

tháng Tám đúng là cuộc cách mạng của nhân dân. Đến ngày 2/9, chúng tôi kéo lên Quảng trường Ba Đình để nghe Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập.

Ấn tượng tiếp theo với tôi là sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân hồ hởi tham gia xây dựng chính quyền mới. Đó là cái không khí phấn khởi vào ngày 6/1/1946, khi lần đầu tiên người dân được cầm lá phiếu bầu chọn những người đại biểu của mình, thể hiện quyền công dân của một nước độc lập.

Nhà báo Phùng Nguyên: *Thưa ông, có ý kiến cho rằng một số giá trị của Cách mạng tháng Tám mà ông vừa nói đến đã phai nhạt dần trong xã hội hôm nay?*

Bác Hồ từng nói đại ý: khi làm cách mạng, tiến hành kháng chiến thì lợi ích chung gắn kết mọi người lại, nhưng trong hoàn cảnh hòa bình thì xuất hiện những lợi ích khác nhau. Thật vậy, trong hoàn cảnh làm ăn thời bình thường nảy sinh những lợi ích vật chất cụ thể, chứ không chỉ có nhân tố tinh thần. Vì vậy, có những giá trị không còn như trước cũng là điều dễ hiểu, đừng bi kịch hóa quá. Điều đáng lo nhất hiện nay chính là sự phân hóa giàu nghèo quá đáng, tình trạng chạy theo lợi ích vật chất, chia rẽ con người. Nếu phân hóa giàu nghèo ngày một lớn sẽ làm cho khối đoàn kết toàn dân rã ra, nhất là không ít người, cả cán bộ đảng viên giàu lên bất chính. Có thể nói, Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám hầu như không có hiện tượng tham nhũng, nhưng Bác cũng đã cảnh tỉnh về tệ quan liêu, hạch sách của cán bộ. Tôi có vinh hạnh được tiếp cận các nhà lãnh đạo thế hệ lập quốc, những người học trò của Bác Hồ. Tôi thấy họ rất thông tuệ, sống rất trong sạch, khoảng cách lãnh đạo và người dân gần như không có. Lãnh đạo gần dân, là niềm tin của dân, làm việc ngày đêm vì dân. Và họ đối xử với nhân sĩ trí thức rất đàng hoàng, tạo nên sự đoàn kết giữa Đảng với các tầng lớp khác, từ đó người dân theo. Những phong trào như *Bình dân học vụ*, *Hũ gạo kháng chiến* đều đi vào lòng dân, rất thực chất, được toàn dân thực hiện. Bác Hồ làm gương thật sự chứ không chỉ kêu gọi, biến việc đó thành một phong trào tự giác của toàn dân chứ không mang tính hình thức như một số phong trào hiện nay. Đó cũng là một di sản tốt đẹp của Cách mạng tháng Tám.

Những giá trị của cách mạng tháng Tám vẫn còn đó

Nhà báo Phùng Nguyên: *Sau 75 năm Cách mạng tháng Tám thắng lợi, ông suy nghĩ gì về những giá trị ban đầu mà ông cảm nhận được khi đang là cậu bé 8 tuổi chứng kiến sự kiện lịch sử này?*

Sau Cách mạng tháng Tám, dân tộc ta lại rơi vào số phận phải đương đầu với biết bao thử thách, phải trải qua mấy chục năm chiến tranh, đất nước bị tàn phá, không những chẳng được yên hàn mà còn kéo lùi sự phát triển. Sau 75 năm, thể và lực của chúng ta được tăng lên nhiều. Lúc mới giành độc lập năm 1945, Việt Nam không quốc gia nào công nhận, nhưng bây giờ thì Việt Nam có quan hệ ngoại giao với hơn 180 nước, có vị thế trong các tổ chức quốc tế. Kinh tế đất nước sau 75 năm đã khác, đời sống nhân dân cũng thay đổi nhiều... Những giá



Mít-ting tổng khởi nghĩa ngày 19/8 tại Nhà hát lớn (Hà Nội) - Ảnh: TL

trị của Cách mạng tháng Tám như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, ý chí vươn lên thoát khỏi mọi hiểm nguy... vẫn còn đó, nhất là khi phải đối mặt với nguy nan. Để khơi dậy và nhân lên những giá trị ấy, điều có ý nghĩa quyết định là củng cố lòng tin của dân bằng những hành động thiết thực, cụ thể, bằng tấm gương trong sáng của cán bộ, đảng viên!

Chỉ có mấy trăm đảng viên mà làm nên Cách mạng tháng Tám, nay mấy triệu đảng viên chẳng lẽ không đưa được đất nước lên hàng giàu mạnh, văn minh? Điều quan trọng nhất là nhìn lại lịch sử để rút ra bài học. Vậy bài học của Cách mạng tháng Tám là gì? Theo tôi, nói gọn lại, bài học cơ bản là có một đường lối lãnh đạo đúng và biết khơi dậy sức dân. Ngay trong bối cảnh hiện nay, dù là khắc phục khó khăn kinh tế hay bảo vệ chủ quyền, “bảo bối” vạn năng vẫn là dựa vào sức dân, khơi dậy sức dân.

Nhà báo Phùng Nguyên: *Thưa ông, đại dịch Covid-19 đang tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam, có thể nói là một nguy nan mà chúng ta phải đối mặt. Ông nhận định gì về tình thế này và làm thế nào để khơi dậy và nhân lên sức mạnh của dân tộc để vượt qua thử thách?*

Chúng ta đã thành công bước đầu trong chống dịch Covid-19, nhưng tình hình còn đang diễn biến rất phức tạp ở trong nước và trên thế giới, nhất là các nước đối tác lớn của chúng ta về kinh tế. Bây giờ còn quá sớm để nói một cách chắc chắn về chiều hướng kinh tế hậu Covid-19, chưa biết lúc nào là “hậu” cả. Hơn nữa, Việt Nam có một nền kinh tế rất mở, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu gấp đôi GDP - một trong những nước có độ mở kinh tế hàng đầu trên thế giới. Cho nên, nền kinh tế Việt Nam hồi phục như thế nào, tùy thuộc rất nhiều vào tình hình thế giới. Quá sớm để dự báo gì về kinh tế thế giới nhưng có thể khẳng định

sự khôi phục của nền kinh tế thế giới dự cảm sẽ khó khăn, chậm và sẽ kéo dài. Tình hình đó tất yếu ảnh hưởng đến nước ta.

Bên cạnh, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nghiêm trọng và kéo dài, có một nhân tố ảnh hưởng tới kinh tế nước ta, đó là chủ nghĩa bảo hộ tăng lên, chuỗi phân phối bị đứt đoạn, cạnh tranh kinh tế gay gắt... Từ nhận thức đó, tôi cho rằng chúng ta có cơ hội để phục hồi kinh tế, vì dù sao đi nữa tới thời điểm này, việc chống dịch bệnh của Việt Nam tương đối thành công, hy vọng rằng với kinh nghiệm đã có sẽ tránh được làn sóng lây nhiễm nghiêm trọng. Đó là một lợi thế. Một lợi thế khác là thị trường nội địa của Việt Nam khá lớn, khoảng 100 triệu dân, trở thành bệ đỡ của sự phát triển kinh tế khi mà xuất nhập khẩu gặp khó khăn.

Mặt khác, uy tín quốc tế của nước ta ngày càng được nâng cao, Việt Nam được coi là bến đậu an toàn cho sự hợp tác đầu tư, buôn bán. Điều này liên quan đến bức tranh cơ cấu chiến lược toàn cầu với sự dịch chuyển sang châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương của nền kinh tế thế giới. Đó là những yếu tố bên ngoài có lợi cho ta.

Ở bên trong, lòng tin của người dân đối với Đảng, Nhà nước được củng cố qua nhiều hoạt động như chống tham nhũng, chống dịch Covid-19, sự đoàn kết trong xã hội tốt hơn, được bộc lộ mạnh mẽ hơn. Những nhân tố đó sẽ thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn một số nước khác nhưng nhìn chung vẫn khó khăn. Vì kinh tế Việt Nam có tăng trưởng bao nhiêu thì vẫn tăng trong xuất phát điểm bị tụt xuống. Cho nên, trước hết phải lấy lại những cái đã có, rồi từ mức đó phát triển lên.

Nhìn dài hạn, với đại hội Đảng lần thứ XIII sắp diễn ra, sẽ định hình cho sự phát triển kinh tế 5-10 năm tới và tầm nhìn đến 2045. Chúng ta chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc từ rất sớm, từ khi chưa có đại dịch Covid -19. Tình hình đại dịch Covid -19 hiện nay sẽ đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ cho bước đường sắp tới. Tôi tin tưởng Đảng và Nhà nước đang có những suy nghĩ để định hình lại cách phát triển đất nước như thế nào.

Chờ đợi sự đột phá trong hành động

Nhà báo Phùng Nguyên: *Thưa ông, đại dịch Covid -19 tác động rất mạnh với đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam, lại đúng thời điểm sắp diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Theo ông, trước thực tế này, văn kiện Đại hội Đảng cần sự điều chỉnh như thế nào, cần cách tiếp cận nào để đưa đất nước thích ứng với trạng thái mới và phát triển?*

Tôi nghĩ, đứng về mặt thuần túy kinh tế, chúng ta đang xây dựng và chuẩn bị thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn: 5 năm (2021 - 2025), 10 năm (2021 - 2030) với tầm nhìn 25 năm (tới năm 2045). Theo tôi, trong văn kiện Đại hội Đảng không nên “chốt cứng” các chỉ tiêu mà việc cần linh hoạt hơn, tùy theo diễn biến của tình hình để điều chỉnh. Bởi vì có rất nhiều nhân

tổ không thể dự báo được. Tôi nhận thấy tần suất khủng hoảng kinh tế tăng lên nhiều. Đây đang là thời điểm của “trạng thái bình thường mới” với nét đặc trưng là “những điều bất thường trở thành bình thường”(!). Cục diện oái ăm này không phải là mới. Nhớ lại khi xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) đâu có ngờ năm 1997 nổ ra khủng hoảng khu vực? Khi soạn thảo Chiến lược 2001 - 2010 có ai nghĩ tới cuộc khủng hoảng trầm trọng bùng phát năm 2008? Khi làm kế hoạch 10 năm (2011- 2020) không ai hình dung nổi đại dịch toàn cầu sẽ bùng phát vào năm chót. Một phần quan trọng vì vậy cho nên chỉ tiêu tăng trưởng GDP bình quân hằng năm của các Chiến lược 10 năm không đạt mức mong muốn. Điều gì sẽ đón đợi trong 5, 10 hay 25 năm tới là rất khó đoán định. Chỉ riêng dịch bệnh thôi thì trong 20 năm đầu của thế kỷ 21 đã xảy ra tới 5 đại dịch, nếu kể cả đại dịch toàn cầu lần này. Thực tế ấy, đòi hỏi mọi quốc gia phải tính toán các phương án trung và dài hạn hết sức cơ động, linh hoạt.

Bên cạnh đó, nền kinh tế chúng ta quá mở, tùy thuộc vào kinh tế thế giới trong khi bên ngoài lại đang xáo động, nếu không thay đổi chính sách theo hướng nhấn mạnh hơn thị trường nội địa thì sự phát triển kinh tế sẽ thiếu vững chắc. Chúng ta đặt mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước thu nhập cao, muốn vậy phải có một nền kinh tế tự chủ, dựa vào nội lực là chính. Vì thế, cần cân bằng lại “gien nội” và “gien ngoại”, làm sao “gien nội” trội hơn trong cơ cấu kinh tế. Điều đó phải được thể hiện trong nền tảng công nghiệp, trong khi chính sách công nghiệp hóa của chúng ta đã bị lỡ hẹn mấy lần rồi. Cách mạng công nghệ 4.0 nếu không có nền tảng công nghiệp cũng không thể tiến lên được.

Tôi nhận thấy, chúng ta có nhiều chủ trương đúng, nhưng khâu tổ chức thực hiện cứ nhìn vào thực tế sẽ có câu trả lời. Chủ trương tái cấu trúc đã nêu ra từ đại hội Đảng lần thứ XI, nhưng kết quả không như mong muốn. Chủ trương phát triển công nghiệp phụ trợ cũng nêu ra lâu lắm rồi nhưng trên thực tế chưa hình thành được nền công nghiệp phụ trợ.

Chính vì vậy, tôi nghĩ điều quan trọng nhất là khâu tổ chức thực hiện. Đã có rất nhiều nghị quyết của Bộ Chính trị, của Trung ương Đảng trong nhiều lĩnh vực. Tôi thấy hầu như không có lĩnh vực quan trọng nào mà không có nghị quyết. Đại hội Đảng lần thứ XIII sắp tới tôi chờ đợi nhiều vào sự đột phá trong hành động hơn là sự đột phá về chính sách.

Chúng ta có văn hóa phong trào, cái gì cũng phong trào, “ra quân”, thế rồi ào đi, mọi thứ lại đầu vào đấy. Năm ngoái là phong trào khởi nghiệp, đi đâu cũng nghe nói về Star-up nhưng giờ lại thấy vắng lặng. Điều quan trọng là hô hào về phong trào khởi nghiệp nhiều nhưng những chính sách đi kèm để có nền kinh tế khởi nghiệp lại không có.

Trong cách tiếp cận của văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, tôi nghĩ cần thấy sâu hơn những thách thức sẽ nảy sinh trong những năm tới. Đó là dân số sẽ già, kỷ nguyên dân số vàng sắp qua, nguy cơ già hóa dân số cận kề, đòi hỏi chất lượng

lao động ngày càng cao trong khi tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp. Biến đổi khí hậu ngày càng dữ dội mà chúng ta đang cảm nhận được rất rõ rệt. Tính bất trắc tăng lên rất nhiều.

Nhà báo Phùng Nguyên: *Covid-19 trong góc nhìn của ông - một người già đang nghỉ hưu và một chính khách từng nhiều năm làm công tác đối ngoại?*

Tôi về hưu là dân thường thôi, tôi đi loanh quanh các khu phố gần nhà và nhận thấy nhiều cửa hàng đóng cửa, nhiều người thất nghiệp không kể sinh nhai, tiềm ẩn những bất ổn về an sinh xã hội. Những vấn đề xã hội này chúng ta chưa tính được hết nhưng rất đáng quan tâm.

Có thể còn quá sớm để nói, nhưng tôi cảm giác thế giới đang bước sang một trang mới chứ không phải cục diện mới, trạng thái mới. Đây là một sự chuyển mình mang tính thời đại chứ không phải cục bộ. Cách sống, cách giao tiếp, cách học, cách làm việc đều thay đổi, cơ cấu lao động, cơ cấu sản xuất thay đổi, phương pháp quản lý thay đổi, an ninh quốc phòng thay đổi. Phải chăng đó là một thời đại mới?

Xin trân trọng cảm ơn ông!

PHÙNG NGUYỄN (thực hiện)

Văn hóa là tinh hoa của đạo đức

LÊ DOÃN HỢP

(Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, nguyên Bộ trưởng Bộ TT&TT)

Tôi nhận thức sâu sắc rằng, con người quý nhất là sức khỏe, thiên nhiên quý nhất là màu xanh, quốc gia quý nhất là văn hóa.

Văn hóa quốc gia với 3 trụ cột quan trọng nhất là văn hóa gia đình, văn hóa doanh nghiệp và văn hóa công sở.

Văn hóa gia đình là nền tảng của xã hội. Gia đình là đơn vị kinh tế cơ sở, là đơn vị an ninh cơ sở và là đơn vị văn hóa cơ sở. Có thể nói mọi sự tốt đẹp của xã hội đều bắt đầu từ gia đình và mọi điều không yên, không vui của xã hội cũng luôn xuất phát từ gia đình. Gia đình tốt thì con người tốt và xã hội cũng tốt.

Văn hóa doanh nghiệp là nền tảng của kinh tế. Văn hóa của doanh nghiệp tốt thì kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

Văn hóa công sở là nền tảng của chính trị. Văn hóa công sở chính là đạo đức công vụ. Một người có đạo đức sẽ luôn thể hiện ra bên ngoài bằng tinh hoa văn hóa. Một người có văn hóa vì họ là người có đạo đức. Vì thế văn hóa chính là đạo đức. Người ta nhìn vào một đảng cầm quyền trước hết là nhìn vào văn hóa ứng xử với công dân, đồng bào của đội ngũ công chức. Vì thế, văn hóa công vụ, đạo đức công chức chính là văn hóa và tín nhiệm của đảng cầm quyền.

Văn hóa gia đình; Văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa công sở đều có chung thước đo đầu tiên là văn hóa ứng xử. Để cân đo đong đếm chính xác văn hóa ứng xử của một con người có 3 tiêu chí quan trọng như sau: Một người có văn hóa là một người xuất hiện ở đâu cũng làm cho người khác dễ chịu (vì thế nếu làm người khác khó chịu là đồng nghĩa với thiếu văn hóa). Một người có văn hóa là một người mới gặp thì ngại, nói chuyện thì khoai và chia tay mong ngày gặp lại (gặp rồi mà không muốn gặp lại nữa cũng đồng nghĩa là thiếu văn hóa). Một người có văn hóa là một người luôn luôn hưởng thụ bằng thành quả lao động của mình. (Đòi hỏi hưởng thụ nhiều hơn kết quả lao động của mình là đồng nghĩa với tham lam, thiếu văn hóa và sẽ không an toàn).

Cuối năm 2006, khi còn đảm nhận trọng trách Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, tôi đã sang thăm và làm việc với Nhật Bản. Trong cuộc trao đổi với Bộ trưởng Bộ Văn hóa Nhật Bản, tôi có đề cập với ngài Bộ trưởng đồng nhiệm rằng, tôi rất ngưỡng mộ nền văn hóa ứng xử của Nhật Bản, ngài có thể khái quát cho tôi thành mấy chữ đặc trưng để tôi về để triển khai ở Việt Nam.

Ngài Bộ trưởng Nhật Bản hỏi lại tôi, ngài ngưỡng mộ văn hóa Nhật Bản là ngưỡng mộ những nội dung gì? Tôi trả lời ngay, tôi ngưỡng mộ văn hóa Nhật Bản với 5 giá trị văn hóa cốt lõi là: Người Nhật Bản rất yêu quý trẻ thơ. Đất nước Nhật Bản rất tôn trọng phụ nữ. Nhân dân Nhật Bản rất kính trọng người già. Các triều đại của Nhật Bản rất trân trọng và tôn vinh người giỏi và bộ máy công quyền của Nhật Bản rất nghiêm túc với người không tốt.

Ngài Bộ trưởng Nhật Bản tỏ ra hài lòng về câu trả lời của tôi và ngài từ tốn nói: Văn hóa là một phạm trù rộng mà khái quát thành mấy chữ sẽ rất khó. Nhưng theo yêu cầu của ngài tôi tạm nói mấy chữ trước, sau này có dịp gặp lại, chắc tôi phải bổ sung thêm.

Mấy từ ngài Bộ trưởng Nhật Bản khái quát hôm đó cách đây 13 năm rồi vẫn còn nguyên giá trị thời đại: Nếu xét đến mức ngắn nhất, nền văn hóa ứng xử của người Nhật là “không làm phiền người khác. Nếu phải làm phiền ai thì phải biết ơn, ghi ơn và trả ơn”. (Sau này tôi được Quốc hội phân công làm Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông nên không có cơ hội gặp lại ngài).

Ngài Bộ trưởng Văn hóa Nhật Bản vừa dứt lời, tôi nghĩ ngay đó chính là văn hóa Hồ Chí Minh. Cả cuộc đời của Bác đều không làm phiền cấp dưới. Ngay cả ngày sinh nhật của mình, suốt 24 năm là người đứng đầu đất nước, cứ mỗi năm đến ngày sinh nhật, Bác lại xếp lịch đi công tác xa để không làm phiền cấp dưới.

Tất cả chúng ta chỉ cần học, đọc, nghe và xem để thấm nhuần phong cách ứng xử của Bác Hồ với mọi người cả trong nước và quốc tế, chắc chắn chúng ta sẽ có các giá trị văn hóa ứng xử bình dị mà cao đẹp, sâu sắc mà lắng đọng, nhẹ nhàng mà thuyết phục, dễ nhớ dễ làm, đó là văn hóa Hồ Chí Minh; văn hóa của dân tộc Việt Nam.

■ LTS: Mở ra chuyên mục mới này, Tạp chí Sông Lam hy vọng sẽ nhận được nhiều hơn những ý kiến góp ý, phản biện của các văn nghệ sỹ đối với các vấn đề “nóng”, bức thiết của xã hội, hay những vấn đề có ý gợi mở cho những quyết sách của lãnh đạo ngành, tỉnh, đất nước, đặc biệt là những vấn đề về văn hóa - văn nghệ hiện nay. Số đầu tiên, chúng tôi trân trọng giới thiệu đến bạn đọc ý kiến của nhà thơ Bùi Sỹ Hoa, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An, nguyên Tổng biên tập Báo Nghệ An, nguyên Tổng biên tập báo Vietnamnet.

“Phần lớn mọi chuyện tùy vào anh em mình”

Nhà thơ **BÙI SỸ HOA**

Lần đi công tác Diễn Châu cả tháng ròng cùng nhà thơ Trần Hữu Thung cuối những năm tám mươi thế kỷ trước, tôi được nghe nhà thơ kể nhiều chuyện đời, chuyện thơ và cả chuyện thể sự xưa nay.

Có bữa không biết từ đâu, ông nói nhỏ nhẹ, đại ý: Ông cha ta ngày xưa, hễ ai đậu đạt thì đều được bổ về làm quan ở một nơi nào đó, không liên quan, dính dáng gì tới gia đình, họ tộc, bạn bầu... và vị quan đó muốn làm tốt việc công đều phải quan tâm trước hết đến hai dạng người trong xã hội, một là những bậc học hành, chữ nghĩa, hai là những kẻ giang hồ, thảo khấu, có ý bất tuân...

Tôi nghe ông từng lời, từng chữ và không quên hỏi thêm về chuyện lãnh đạo hiện thời liệu có quan tâm đầy đủ đến anh em trí thức, văn nghệ sỹ hay không? Ông cười nói rằng “Có chỗ được, chỗ không, lúc được, lúc không, phần lớn mọi chuyện tùy vào anh em mình”. Ngưng một lát, ông nói tiếp “Cháu còn nhiều thời gian công tác, chịu khó nghe ngóng, kiểm nghiệm thêm điều chú nói”!

Thực ra đó là cả một câu chuyện dài, chuyện lớn và không dễ để khẳng định theo bất cứ hướng tích cực hay tiêu cực nào. Và không hiểu sao tôi cứ nhớ, cứ luôn để tâm về một ý nhà thơ Trần Hữu Thung nói “phần lớn mọi chuyện tùy vào anh em mình”?

Gần ba chục năm công tác ở tỉnh nhà, gắn với nhiều hoạt động báo chí, văn nghệ địa phương, tôi tin mình “nắm” được hầu hết mọi sự quan tâm mà lãnh đạo tỉnh, các huyện, thị... dành cho anh em trí thức, văn nghệ sỹ. Từ chuyện lớn liên quan đến chủ trương, chính sách được bàn thảo và quyết định ở cấp tỉnh, đến việc đi thăm, tặng quà dịp tết đến, Xuân về; việc trở thành thông lệ, cũng như việc đột xuất... đều được lãnh đạo “quyết” gọn ghẽ, có tình, có nghĩa, thủy chung sau trước, vẹn toàn.

Nhưng, nhìn một cách cụ thể và tỉ mỉ thì có thể thấy, mọi việc liên quan đến anh em báo chí, văn nghệ sỹ tỉnh nhà, cụ thể ở đây là Hội Văn nghệ và Tạp chí Sông Lam, thì vẫn còn một khoảng cách đo đếm được, nếu đem so với hai cơ quan báo chí của tỉnh là Báo Nghệ An và Đài Phát thanh - Truyền hình. Việc đầu tư cơ sở, vật chất và nhất là nhân lực, các hoạt động chuyên môn của 2 cơ quan báo chí nói trên so với Tạp chí Sông Lam rõ ràng còn rất nhiều điều để bàn luận và thay đổi cách nghĩ, cách làm.

Tôi biết rõ, Báo Nghệ An từ nhiều năm nay được đầu tư nhà làm việc khang trang, được trang bị phương tiện tác nghiệp hiện đại và nhất là áp dụng chế độ nhuận bút theo từng số báo xuất bản vào loại cao nhất trong hệ thống báo đảng cả nước. Riêng định mức nhuận bút từng số báo luôn được tăng lên theo đúng mức tăng của hệ số lương mà Nhà nước ban hành, đồng nghĩa với việc luôn được đảm bảo mức thu nhập tăng/giảm ngoài xã hội.

Đến đây, tôi mới thực sự thấm thía câu nói của Nhà thơ Trần Hữu Thung ở trên “phần lớn mọi chuyện tùy thuộc anh em mình” là như thế nào! Báo Nghệ An có được mọi điều kiện thuận lợi đó, trước hết là do lãnh đạo Báo từ cách đây hàng chục năm đã biết tập trung trí tuệ, nguồn lực để xây dựng được một đề án phát triển báo lâu dài, căn cơ, nghĩa là biết cách tham mưu đúng, trúng, kịp thời để cấp trên nghe thấu, quyết định kịp thời, hiệu lực và hiệu quả. Tôi cũng biết, nhiều cơ quan báo chí trong nước đã tìm về Báo Nghệ An để học hỏi cách làm, không chỉ chuyện làm trụ sở, chế độ nhuận bút mà ngay cả cách xây dựng quy chế làm việc nội bộ rất công phu, khoa học của Báo để về áp dụng cho cơ quan, đơn vị mình.

Vì thế, tôi vẫn mong lãnh đạo văn nghệ tỉnh có được một chương trình làm việc cụ thể với lãnh đạo tỉnh, báo cáo, đề xuất, kiến nghị... các vấn đề liên quan đi kèm một đề án phát triển căn cơ, lâu dài, với mục tiêu cụ thể, đích đến rõ ràng, trong đó có nhiệm vụ phát triển Tạp chí Sông Lam theo đúng mô hình một cơ quan báo chí thực thụ với đầy đủ cơ cấu tổ chức, nhân sự, chế độ nhuận bút “mở” như cách tỉnh áp dụng đối với Báo Nghệ An và nhiều vấn đề liên quan khác.

Quá trình xóa bao cấp, tiến tới tự chủ đối với các cơ quan báo chí đang diễn ra, nhưng chắc chắn quan điểm “xóa cái gì cần xóa, bao cái gì cần bao” sẽ tiếp tục được áp dụng và đó chính là hướng để Hội Liên hiệp VHNT nói chung và Tạp chí Sông Lam nói riêng chủ động tìm cách làm phù hợp, hiệu quả. Để làm sao lãnh đạo tỉnh tin tưởng ở cách đi, tin cậy ở cách làm, tin yêu ở hiệu quả đạt tới,

TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ SỸ

cho phép tạo ra một “khung” cơ bản, lâu dài về nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất, làm việc, cơ chế hoạt động, cơ chế nhuận bút và nhiều vấn đề liên quan đến cuộc sống, sáng tác và điều kiện đảm bảo cho văn nghệ sỹ cống hiến, trưởng thành.

Câu chuyện “anh em mình” theo cách nói của nhà thơ Trần Hữu Thung, có thể là đồng đạo anh em văn nghệ sỹ đoàn kết, thương yêu nhau, tôn trọng cá tính và cá tính sáng tạo của nhau, để sống và viết tốt; đồng thời nhiều khi chỉ là một người, người đứng đầu, dám làm, dám chịu trách nhiệm, biết tập hợp sức mạnh tập thể, thu hút anh em (như Nhà thơ Trần Hữu Thung từng làm được) để làm những việc lớn hơn bình thường, dài hơn nhiệm kỳ... thì mới mong có được một kết quả tích cực, mỹ mãn.

Tôi vẫn tin khi chúng ta “nói phải”, làm tốt thì đề án nào, đề xuất nào, kiến nghị nào cũng đều được lắng nghe, chia sẻ và tạo điều kiện hết mức, hết lòng, hết trách nhiệm của cấp trên và các ngành liên quan. Vì thế, trong hoạt động văn nghệ, nói cho cùng nhà thơ Trần Hữu Thung luôn luôn đứng ở chỗ “phần lớn mọi chuyện tùy thuộc anh em mình”!

■ **Hưởng ứng Cuộc vận động Sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật và báo chí về chủ đề Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tặng giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững cho ông Hồ Văn Hoàn năm 2014

Bạn tôi - nhà sáng chế nông dân

HỒ NGỌC QUANG

Hồ Văn Hoàn ở xóm 6, xã Quỳnh Văn. Tôi và Hoàn biết nhau từ năm học cấp hai vì tuy khác trường nhưng hai đứa cùng trong đội tuyển đi thi học sinh giỏi tỉnh của huyện Quỳnh Lưu. Hồi đó, ở huyện Quỳnh Lưu thường tổ chức cho các em đấu hai môn Văn, Toán của huyện ăn ở tập trung tại một trường trung tâm và được các giáo viên bồi dưỡng

để đi thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Hoàn và tôi đều là học sinh giỏi môn Toán, thành ra nhiều năm liền chúng tôi có dịp gặp nhau. Khoá bồi dưỡng năm ấy có anh Khánh (Quỳnh Ngọc), anh Vĩnh (Quỳnh Bả), anh Tuấn (Cầu Giát), chị Nhơn (Quỳnh Mỹ)... Sau này các anh chị ấy đều theo học các trường: Tổng hợp, Bách khoa... bạn Hoàng Anh Tuấn đi thi Toán Quốc tế, còn tôi và Nhơn thì vào Trường Sư phạm Hà Nội. Nói chung vẫn có duyên ở Thủ đô. Chỉ riêng Hoàn thì không đi học đại học, nghe nói do hoàn cảnh gia đình, đứa nào cũng tiếc vì bạn là người học giỏi, hiền lành, chăm chỉ.

Ít năm sau, tôi về quê nghe nói anh đi học trung cấp nghề cơ khí tại thành phố Vinh. Thời buổi chuộng bằng cấp, liệu khi cầm tấm bằng trung cấp cơ khí ra trường thì ai nhận? Người giỏi Toán mà đưa ra làm thợ thì phí quá, chẳng khác đóng cái đình mền mà đem chiếc búa tạ ra dùng vậy.

Thế nhưng đối với Hồ Văn Hoàn, anh lại vui vẻ và chấp nhận mọi chuyện. Hoá ra chúng tôi chỉ là kẻ thương vay khóc mướn, còn anh thì vẫn hồn nhiên, vô tư. Anh tâm sự: "Sự học thì vô cùng, vấn đề là đưa được kiến thức ấy vào cuộc sống. Cha ông tổng kết, nói thì dễ làm lẽ mới khó. Làm lẽ ở đây là áp dụng vào thực tế, thực hành. Cho nên thợ kỹ thuật rất cần. Tớ đọc báo nghe nói ở nước Đức sở dĩ họ nổi tiếng về công nghệ là nhờ họ có đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi nhất thế giới, tỷ lệ thợ kỹ thuật cao gấp nhiều lần bậc kỹ sư thiết kế - cứ mỗi kỹ sư có đến bảy cán bộ kỹ thuật, chứ không phải như nước mình, kỹ sư nhiều hơn thợ kỹ thuật. Tớ đam mê lắp ráp, chế tạo cơ khí từ bé nên đi trường ấy là hợp. Các bạn đừng tiếc cho tớ".

Kể ra bạn bè tiếc cũng có phần đúng. Tốt nghiệp xong, Hoàn về Hợp tác xã cơ khí (sau là Xí nghiệp cơ khí) Hồng Lục của huyện Quỳnh Lưu quê nhà. Những năm sau chiến tranh chống Mỹ, đất nước vẫn vận hành theo cơ chế bao cấp. Mỗi huyện đều có cơ sở sản xuất mặt hàng cơ khí, đúng hơn là kim khí như dạng Hồng Lục. Nghĩa là mặt hàng chủ yếu là rèn các loại công cụ phục vụ nông nghiệp như lưỡi cày, lưỡi cuốc, xẻng, dao rìu... cũng có khi vươn lên lắp ráp, sửa chữa xe cải tiến, thay thế phụ tùng máy kéo. Cách thức chung là hàng năm huyện giao chỉ tiêu sản xuất mỗi thứ bao nhiêu sản phẩm để chuyển về các cửa hàng mua bán xã tiêu thụ. Đổi lại, huyện và ngành cung ứng nguyên vật liệu sắt thép, dầu mỡ, que hàn... rồi bán lương thực thực phẩm và trả lương hàng tháng theo công nhật. Cách làm ấy chẳng những thủ tiêu năng lực sáng tạo của thợ, khả năng nhanh nhạy với thị trường và thị hiếu người tiêu dùng mà chất lượng sản phẩm thấp, mẫu mã kém. Ví dụ lưỡi cuốc mua ở cửa hàng về, phải mài hoặc mang đến thợ rèn tư nhân làm lại mới sử dụng được vì mép dày và tôi non, hễ cuốc gặp đá là quần lưỡi.

Là người làm việc chẩn chu, tay nghề cao, Hoàn buồn lắm về cung cách làm ăn của xí nghiệp. Anh đấu tranh đòi nâng cao chất lượng nhưng chủ nhiệm, rồi giám đốc xí nghiệp đều bó tay vì cơ chế. Con thuyền Xí nghiệp Hồng Lục ngoi ngóp sống và đến khi chuyển hẳn sang cơ chế thị trường thì nó không cạnh

tranh được, chới với, chìm ngấm rồi phá sản. Tất nhiên đây là bẽ tắc chung của các xí nghiệp thời ấy. Số bạn bè đi thi học sinh giỏi khoá ấy, tốt nghiệp đại học xong, cũng chẳng khá hơn, đưa xin được vào biên chế Nhà nước thì cũng lương ba đồng ba cọc sống lay lắt, cơm rau luộc. Nghề sư phạm “chuột chạy cùng sào” của tôi hoá ra cũng còn có học sinh mà dạy được mấy năm, sau đó cũng chung số phận, phải chuyển ngành về huyện.

Hoàn được trời phú cho đức tính lạc quan, rơi vào hoàn cảnh nào cũng thích ứng được, tìm ra niềm vui để lao động. Tôi nói đùa với anh: “Cậu như mỗi mạ chiêm vất sao cũng bén rễ được”. Hoàn cười hì hì. Cười thế là vì anh mở lò rèn tại xã Quỳnh Văn, quê anh, rèn các loại nông cụ cầm tay, từ cày cuốc đến liềm hái. Anh còn vươn sang sửa chữa xe đạp, xe cải tiến. Việc gì cũng hơn người nên cơ sở của anh không khi nào hết việc. Cộng thu nhập lại nghe nói còn hơn gấp mấy lần thời làm công ăn lương ở Xí nghiệp Hồng Lục. Và hơn mấy lần lương dạy cao đẳng của tôi là cái chắc. Sau đó số phận run rủi thế nào, tôi lại về huyện nhà công tác, có điều kiện gần anh hơn. Do vậy, chúng tôi lại có dịp chia sẻ, động viên theo dõi bước tiến của nhau.

Đúng là cá lớn không chịu ở ao cạn, ao bé, anh quyết định bán chiếc xe máy cộng với vốn góp bấy lâu mở một xưởng cơ khí nhỏ. Tôi có dịp đi qua, ghé vào thăm xưởng của anh những năm đầu 1990, đã thấy trong nhà anh có dăm bảy thợ cùng anh rèn dũa và máy công cụ cũng đã sắm được ê tô, phay, tiện, doa, hàn... Nói tóm lại, những xe bò lốp, xe cải tiến bị hỏng, xưởng anh đã có thể lắp ráp, hàn nối ngon ơ. Trước đây những loại máy này bị hỏng hóc, mấy xã quanh Quỳnh Văn đều phải bỏ lên xe đạp đèo xuống thị trấn Giát mới có thợ hàn, đập còn bây giờ xưởng anh Hoàn đã giải quyết tốt, chất lượng lại đảm bảo, giá rẻ hơn.

Sản phẩm nổi tiếng của anh là bộ kiềng bếp bằng gang, đun nấu tiết kiệm 40% nhiên liệu so với các loại bếp cùng thời. Riêng việc anh đúc được gang cũng là bước tiến kỹ thuật mà nhiều nhà cơ khí thời đó nể phục. Những năm ấy, xoong nồi chủ yếu bằng gang, đến cả chậu, mâm cũng bằng gang, rất nặng và giòn. Anh mua đồ vỡ về nấu lại, làm ra khuôn mẫu mã mới, nhờ thế mà đúc được bộ kiềng đun nấu bằng gang nổi tiếng thời đó. Kể ra về mặt công nghệ sản phẩm này không có gì phức tạp lắm, nhưng anh hơn người là giải quyết được khâu cung cấp ô xi cho sự cháy, qua đó mà tiết kiệm được nhiên liệu đốt. Nhờ đủ ô xi, mà củi khô, tươi, dài, ngắn, các sản phẩm phế liệu như: vỏ trấu, mùn cưa, đầu thừa đuôi thẹo đồ mộc... tóm lại là nguyên liệu tận dụng đưa vào bếp đều dùng được tất. Đây là một công lao lớn. Ai ở nông thôn trước thời điện khí hoá chắc cũng không quên một thời chất đốt hiếm. Khi chưa có điện, gas thì đun nấu phải dựa vào nhiên liệu củi, than đá. Do vậy chúng thành tiêu chuẩn cung cấp. Ở tỉnh có công ty vật liệu chất đốt chuyên lo vấn đề thiết thân này. Mỗi cán bộ có tem phiếu mỗi tháng mấy cân củi, lít dầu như phiếu thịt, phiếu gạo. Ở nông thôn, chất đốt càng gay gắt bởi ngoài việc đun chín nồi cơm, nồi nước còn phải chín nồi cám lợn to dùng, và sưởi ấm cho ông bà già mùa rét. Nếu không giải quyết được cái đun thì phải lo cuống cuống ở những tháng thời vụ cấy gặt và dịp tết Nguyên đán. Do

vậy, anh Hoàn sáng chế ra cái bếp gang và lại tiết kiệm được 40% số nhiên liệu thì anh đã mở ra hướng đi mới, giải quyết chỗ ngứa xã hội và đánh thẳng vào cái dạ dày của người dân. Do vậy dù còn nghèo, kinh tế còn chật vật nhưng nhà ai cũng cố gắng mua một chiếc bếp cỡ nhỏ để phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Cũng trong thời gian này, VTV1 phát phóng sự “Vua Bếp” của nhà báo Chu Hoà, nói về anh và xí nghiệp của anh, từ đó Hồ Văn Hoàn có thêm một cái tên nữa là “vua bếp”.

Tôi mừng quá, đến chơi anh, động viên: «Ông Hoàn ạ, ông nghiên cứu ra cái bếp này đáng lẽ Bộ Lâm nghiệp phải trợ cấp cho ông tiền tỷ chứ không phải để ông góp nhặt mấy chục ngàn một chiếc ở trong dân thể này đâu. Vì sao à? Vì Nhà nước đang bỏ ra hàng ngàn tỷ đồng cho Chương trình 327, để phủ xanh đất trống đồi núi trọc, khoanh nuôi tái sinh rừng. Nếu không có cái bếp lò của ông thì đồi núi tiếp tục bị cạo trọc, rừng càng bị đẩy xa khu dân cư hơn, chứ đừng nói phủ xanh”. Nghe vậy anh chỉ tủm tỉm cười.

Trong Cuộc thi “Sáng tạo khoa học” toàn tỉnh Nghệ An, bếp lò của Hoàn được giải Nhì. Anh được cấp bằng sáng tạo, được đi dự Hội nghị Nông dân giỏi toàn quốc và được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Lúc ấy anh mới ngẫm biết công trình của mình hoá ra không “vật”. Tôi khuyên anh lưu giữ mấy chiếc và ghi lại tác dụng to lớn của nó bởi nếu không ghi lại, dù chỉ vài điều thôi thì sau này dùng năng lượng điện người ta sẽ quên lãng. Nói điều ấy vì chính anh cũng mãi với thành công máy lớn mà quên những những máy nổi tiếng một thời của mình như: máy bóc lạc, máy cắt thuốc Lào, máy cắt chuối, băm rau... Chính vì ý nghĩa đó, tôi quay ngược thời gian để phân tích những sáng chế đầu tay của anh đã giúp nhà nông tiết kiệm thời gian, giảm nhẹ sức lao động và góp phần mở rộng sản xuất nâng cao đời sống lúc đó.

Trước hết là máy “thái chuối, băm rau”. Máy này bây giờ tưởng chừng như chuyện vặt nhưng một thời đã giải phóng biết bao bàn tay và công sức của người dân, giúp họ làm giàu. Ví như trước đây, gia đình tôi nuôi vài con lợn tã, mỗi lần mẹ giao phải thái cho xong một khúc chuối bằng giao chấu hoặc dao lưỡi đôi là tôi đã ngao ngán đến bật khóc. Lợn ăn nhiều, ngày mỗi con chỉ ít cũng một rổ cây chuối thái đầy. Số liệu tổng hợp số lợn của toàn huyện Quỳnh Lưu năm 1991 có đến 61 nghìn con. Rồi đàn trâu bò cũng tới 11 nghìn con. Tất cả đều cần phải băm rau, thái chuối. Có lẽ cũng nhờ khâu cải tiến cắt nhanh rau, chuối này mà đến năm 2005, tổng đàn lợn và trâu bò tăng vọt lên (đàn lợn lên 68 nghìn con và đàn trâu bò lên 13 nghìn con). Tôi không vợ tất cả thành tích vào cho cái máy của anh nhưng chắc chắn cái máy đã âm thầm góp công sức không nhỏ cho việc tăng nhanh đàn lợn, trâu bò của huyện. Sau vụ Đông, dây khoai nhiều, chất thành đồng nếu không cắt nhanh đem phơi thành thức ăn khô dự trữ thì đàn lợn lấy gì ăn trong những tháng đông trắng nước trong của vụ chiêm Xuân. Đàn lợn có đủ lương thực dự trữ cũng nhờ có cái máy của Hoàn.

Nghệ An một thời được mệnh danh là “vua lạc” của cả nước. Lạc là mặt hàng chiến lược, lạc là “sắt thép”. Lạc xuất khẩu là lạc nhân, việc bóc hàng ngàn tấn lạc

bằng thủ công, tiến độ rất chậm. Để tăng năng suất trong việc bóc lột bằng tay, Hoàn nghĩ phải chế tạo ra chiếc máy bóc lột. Vài con số còn lưu lại trong những năm chiếc máy bóc lột của anh ra đời: Quỳnh Lưu những năm 1990 có đến 746 ha diện tích đất trồng lột và sản lượng lột xuất khẩu 468 tấn. Đến năm 2005, là 1.300ha với sản lượng 1.397 tấn. Thử hỏi, với cách bóc lột thủ công thì chừng ấy lột xuất khẩu cần bao nhiêu người, bao nhiêu thời gian? Do vậy, những người sống trong hoàn cảnh ấy ước ao có có máy bóc lột chắc chắn là hơn thanh niên hiện nay ước ao có chiếc điện thoại màn hình cảm ứng nhiều! Cũng do vậy, khi chiếc máy bóc lột của anh Hoàn ra đời, người lớn, trẻ em vùng ba huyện trọng điểm lột Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Nghi Lộc như được nổi thêm bàn tay, như được giải phóng khỏi công việc nhọc nhằn.

Tiếp đến là chiếc máy thái thuốc lào của Hoàn. Những năm 90 của thế kỷ XX cho đến những năm đầu thế kỷ XXI, có thể nói “toàn dân hút thuốc lào”. Đi họp xóm góc nào cũng nghe điệu cày rít kêu giòn giã. Điệu càng kêu, thuốc càng khói càng lăm khách ưa. Ở Hà Nội, thủ đô văn hiến, những năm ấy có 3 dòng thuốc lào nổi tiếng: Thuốc lào hiệu Thống Nhất (của nhà nước, phân phối cho cán bộ theo sổ căng tin) gói nhỏ, sợi đen, hút thơm ngang ngửa với thuốc lá; dòng thuốc lào Vĩnh Bảo (của đất Hải Phòng, sợi to, rọc cỏi, hút thơm, đậm khói) và thuốc lào Quỳnh Lưu (sợi vàng, dài như sợi tóc, hút nhẹ hơn, kém thơm hơn nhưng ăn đứt về mẫu mã và bắt mắt).

Được ưu thế nổi trội đó là nhờ Quỳnh Lưu có máy cắt thuốc lào của anh Hoàn “dâng hiến”. Trước khi có máy ấy, chẳng ai dám trồng cây thuốc lào nhiều vì ngại nhất khâu xắt để phơi. Một ông thợ Quỳnh Ngọc chuyên xắt thuốc lào, tay khỏe, rắn như cột lim, với cái dao chuyên dụng có quai nịt vào cổ tay cho đỡ mỏi, nặng trên vài cân, quai liên tục trên cái sông (dụng cụ bỏ cuộn lá thuốc, dài chừng hai mét), chặt vật lăm, thường là cắt cả buổi mới đồn xong cuộn ấy, ước chừng một thúng sợi lùm lùm. Đã ít vậy lại sợi không đều, sợi ngắn và to. Do dao cùn, do lăm dần vật cuộn thuốc bầm dập nên khi phơi, sợi thuốc thường mất màu, đen sì... Nhưng từ khi có máy cắt thuốc tình hình được cải thiện căn bản. Tôi đã tỉ mỉ ngồi quan sát chiếc máy thái sợi thuốc lào do anh Hoàn sáng chế. Đây là cái máy tận dụng động cơ máy bơm nước, đem lắp thêm hai lưỡi dao quay, với tốc độ 1.400 vòng/phút nên cắt nhanh và cho sợi nhỏ. Nhà ai cũng trồng thêm diện tích loại cây hái ra tiền này vì từ nay khâu khó nhất là thái cắt được giải quyết gọn nhẹ.

Các xã Quỳnh Di, Quỳnh Ngọc, Sơn Hải là trung tâm thuốc lào của huyện, nhờ năng suất trồng và sơ chế, thái cắt nhanh, giúp nhiều nhà phát lên, trở nên giàu có. Có thời điểm trong làng đã có gần chục chiếc máy xắt sợi thuốc lào của anh. Sau này tôi biết dòng máy cắt thuốc lào ấy không chỉ vùng thuốc lào Quỳnh Lưu sử dụng, mà lan ra tận các huyện và tỉnh khác.

Nghe tôi phân tích ý nghĩa xã hội của những sáng chế đầu tay, anh cảm thấy vui vui. Cuộc đời anh như con tằm có bốn phận nhả tơ chứ không mấy quan tâm đến ý nghĩa của tấm vải đối với con người. Anh thấy xã hội đang đặt ra vấn đề

gì cần phải giải quyết và bị cuốn hút vào những con số kỹ thuật, vào những cắt, hàn, doa đột... đêm về chìm giấc ngủ mệt mỏi khi được tận hưởng những lời khen, lời động viên chân thành. Đi dự Đại hội Nông dân giỏi cấp tỉnh hay cấp quốc gia, họp xong là về ngay vì bao công việc đang chờ. Ngồi họp tâm vẫn để nơi chiếc máy hay công thức đang tính toán dở. Làm nhà khoa học đã khó, làm nhà doanh nghiệp cũng không mấy dễ dàng.

Tôi đến nhà anh bữa đó, sau hồi hàn huyền động viên anh, anh hứa sẽ tới thăm nhà tôi vào Chủ nhật. Tôi nghĩ anh nói thể thôi chứ anh như con xe con pháo, như người tổng chỉ huy, công việc vắng một ngày anh sao được. Không ngờ Chủ nhật tuần ấy, rỗng đến nhà tươm tất. Anh đi xe máy, áo trắng đống thùng trong quần ka ki, thất củ lạc như một cán bộ huyện. Trông anh trẻ ra chục tuổi. Điển trai và đôn hậu, cười tươi dí dỏm. Vài câu chào hỏi nhau, tôi đưa anh đi tham quan cái tổ ấm của mình mặc dù đang vay mượn và tạm ứng vật liệu, anh động viên: “Cháo nóng húp quanh, công nợ trả dần” vấn đề là đã làm thì cho đồng bộ và chắc chắn. Thấy sân cười cổng ngõ còn ngổn ngang trống hoác mà tình hình an ninh đạo ấy ở thị trấn rất nóng, anh bảo tôi:

- Mình sẽ kỷ niệm cho cậu toàn bộ bờ rào bằng trụ gang và ống nước.

Nói rồi anh bẻ que đo. Tôi nghĩ: mình đang cần thật, ngăn anh, hoá ra khách sáo. Nhưng thâm tâm vẫn lo cho anh, thứ ấy thì bền vững, sang nữa, nhưng đắt tiền quá. Anh nói vậy chứ chưa chắc có điều kiện đâu...

Không ngờ việc khó đó vẫn thành hiện thực, anh tự lái chiếc ô tô tải do anh chế tạo và lắp ráp, với đồng vật liệu bờ rào đã hàn từng mảng, đến nhà tôi, sau một thời gian tranh thủ hàn cắt vất vả. Rõ là của một đồng công một nén. Người chắc chắn, nói là làm, giữ chữ tín như thế chả trách hàng hoá của anh bảo đảm chất lượng. Khách hàng của anh từ trong đến ngoài huyện, sang tận Lào ai cũng hài lòng tin tưởng. Đó cũng là một trong những nguyên nhân để khách hàng cũng như bạn bè quý mến, cộng tác lâu dài với anh.

Tôi lên thăm và chúc mừng bạn lần thứ hai vào năm 2011. Đây là đỉnh cao của quá trình không ngừng cải tiến dây chuyền sản xuất gạch không nung, từ đơn giản đến phức tạp, từ bán thủ công đến dây chuyền tự động bằng thuỷ lực. Dây chuyền công nghệ này đoạt giải cao và được Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam cấp bằng sáng chế.

Còn nhớ những đầu của thế kỷ XXI, lĩnh vực vật liệu xây dựng có hai loại gạch nung phổ biến là nung bằng lò thủ công và nung bằng lò tuy-nen. Cả hai đều dùng đất sét đào sâu trên đồng ruộng. Cứ sản xuất được mấy vạn gạch là mất một sào ruộng tốt. Sau khi khai thác một vùng nào đó thì giống như bị “bom B52” rải thảm trong chiến tranh vậy. Đồng ruộng nham nhở những hố sâu, lầy thụt. Cùng với tác hại đó là nhiều cánh rừng già, cây cối tốt tươi bị đốn hạ để lấy củi đốt lò. Củi nung gạch không thể là loại củi tạp lá cành nhỏ hay sản phẩm phụ, mà những gốc cây hoặc cành ngọn lớn. Do vậy, rừng càng lùi xa mãi khu dân cư.

Chẳng đâu xa, như khu vực lò gạch nung tập trung nhất của Nghệ An ở làng Cù (huyện Tân Kỳ) là vùng lọt sâu giữa bạt ngàn cây cối vậy mà chỉ sau mấy năm, vùng này bị “cạo trọc”, cây cối bị đào bật cả rễ để làm chất đốt.

Quỳnh Lưu có hàng chục lò gạch thủ công nhưng chủ yếu đun bằng than đá. Chỉ còn vùng núi phía tây huyện, lác đác vẫn còn những lò gạch nung bằng củi nhưng từ năm 2005 trở đi, đã giảm dần và đến năm 2010 thì bỏ hẳn, vì Nhà nước ra lệnh cấm loại lò gạch thủ công loại này. Bởi vì ngay cả nung bằng than, chẳng những giá thành một viên gạch cao mà lượng khí thải của nó cũng vô cùng độc hại. Một làng có vài lò gạch nung than thì dân cư sẽ ngạt mùi khí độc các-bô-níc, ni-tơ... gây tác hại nguy hiểm đến tài nguyên, môi trường và sức khỏe con người.

Không có việc gì khó, khi nhu cầu xây dựng ngày một cao, gạch nung đắt, khó mua thì dân tự đóng lấy tấp lô bằng xỉ than, vôi vữa làm vật liệu xây dựng. Cách làm thật nhiều khê và nặng nhọc. Ấy là trộn lẫn xỉ than, đá vụn, vôi vôi... bỏ vào khuôn sắt hoặc gỗ rồi lấy búa tạ, dùi vồ nện chặt. Khi đã thành viên, to bằng 4 viên gạch xếp lại thì tháo khuôn đem ra phơi khô, chuyển vào trong nhà, che chắn cẩn thận vì nếu gặp mưa chúng sẽ “phì” ra. Khi xây xong phải “gia áo” ngay để chống đổ và mưa xói mòn. Mà năng suất đóng gạch tấp lô mỗi ngày hai người làm cật lực cũng chỉ được chừng 30 viên trở lại.

Anh Hoàn trăn trở khi nhìn cảnh nung gạch và đóng tấp lô ấy. Suy nghĩ của anh tập trung về hướng cải tiến dòng “gạch không nung” sao cho giảm bớt nặng nhọc và tăng chất lượng trong xây dựng. Anh ủng hộ dòng sản phẩm này vì vùng quê nào cũng sẵn cát sỏi, đá khai thác loại vụn, lãng phí quanh các hòn lèn khi trên địa bàn sản phẩm kết dính xi măng đã cung ứng giá rẻ. Nhà máy xi măng 12/9 Anh Sơn, sản xuất xi măng mác thấp không bán được hàng, tình đang cho các hợp tác xã vay làm kênh mương nội đồng, nếu dùng để đóng loại gạch này rất hợp. Xi măng Hoàng Mai giá cũng rẻ. Còn nhân công làng xã nào cũng thừa, nhất là những thàng nông nhân...

Những tiền đề để phát triển dòng gạch không nung đã hội đủ, Hoàn biết đón thời cơ và biết giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra, anh lại lao vào cải tiến máy móc công cụ để đưa năng suất đóng gạch không nung lên.

Nhớ lại, từ năm 2004, máy đập gạch bằng tay, năng suất trên 1.000 viên do anh sáng chế đã ra đời và được khách hàng đón nhận. Đó là một cuộc cách mạng nhảy vọt vì từ dưới 100 viên/ngày lên trên 1.000 viên/ngày với chất lượng cao hơn hẳn, đã làm cho nhiều ông chủ trong nông thôn kéo nhau về xưởng anh Hoàn đặt máy. Anh Hoàn đã đáp ứng điều đó bằng cách nâng hai xưởng cơ khí nhỏ thành hai xưởng cơ khí lớn và tiếp tục cải tiến dây chuyền.

Đến năm 2005, công suất dòng máy mới đã lên đến 1.500 - 2.000 viên một ngày, nhờ tăng số viên một lần đập và cải tiến khâu trộn xi măng làm “hồ”. Đến năm 2007, công suất đã lên đến 4.000 viên mỗi ngày. Đến đây nhiều người cho rằng dây chuyền đã tối ưu, và quả thật, khách hàng nghe tin đã nườm nượp tìm đến.

Ngành sản xuất gạch này đang có thị trường tiêu thụ, vì mức sống xã hội nói chung, lên nhanh và nhu cầu làm nhà ở, xây lại tường rào, sửa sang lăng mộ và xây mương máng nội đồng... theo đó cũng tăng lên. Nó đòi hỏi nhu cầu sử dụng một lượng gạch lớn.

Nhật ký sản xuất của công ty còn ghi: Năm 2007, bán được 250 bộ dây chuyền, sau đó cứ mỗi năm tăng thêm, ít nhất 50 bộ. Tiếng lành đồn xa, không chỉ trong huyện, trong tỉnh đến đặt mua mà cả người ngoài tỉnh và sang cả tận bên Lào, Campuchia, thậm chí sang cả nước Angola xa xôi.

Trước năm 2010 có thể nói làng quê nào cũng áp dụng dây chuyền sản xuất “tự động” bằng phương pháp thủy lực này của anh, bởi nó có nhiều ưu thế, gọn nhẹ, số lao động trong vòng 10 người trở lại cho mỗi ca máy mà sản xuất đạt năng suất cao, cường độ lao động được giảm nhẹ. Điều quan trọng là giá bán mỗi máy cũng phải chăng. Một hộ nông dân khá giả có thể mua được vì giá chỉ từ 36 - 40 triệu đồng một cỗ máy, tương đương hai chiếc xe máy cộng lại. Người ta tính mới vay ngân hàng dăm chục triệu đồng, đã có điều kiện làm ăn, phát triển cơ ngơi, làm giàu chính đáng.

Tại thời điểm năm 2011, trong nhà anh đã thấy Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và hàng chục giấy khen, bằng khen các cấp treo kín cả một bức tường, trong đó có một chiếc bằng sáng chế như đã nói. Tôi nói với anh: “Anh ạ, mọi sáng chế đều có tính thời đại nhất định, qua đó chẳng ai thấy giá trị. Rồi đây cái máy đúc gạch không nung mà dư luận đang ca ngợi này cũng thành cục sắt vụn như cái máy cắt thuốc Lào, máy bóc lạc hay cái bếp gang đạt giải Nhì cuộc thi sáng tạo vậy. Anh không tin ư? Cái máy hơi nước đầu tiên của Giêm-oát chế tạo, giờ đang nằm ở viện bảo tàng nào đó, biến thành vật cổ lỗ sĩ, cục sắt gỉ đó thôi. Cho nên phải viết tài liệu để đối chiếu với nhu cầu thời đại là vì vậy”. Anh Hoàn không tranh luận, chỉ ngồi cười. Tính anh vậy, thích làm, thích đơn giản vấn đề và bao giờ cũng khiêm tốn, coi mọi việc là tự nhiên, thường thường vậy thôi.

Để đổi không khí, tôi đề nghị anh cho đi thăm khuôn viên và các phân xưởng của Công ty Hoàn Cầu. Anh đồng ý ngay. Tôi muốn xem nhà sáng chế có giới kinh doanh, làm ra đồng tiền để phục vụ cho đời sống và quay lại đầu tư tiếp cho nghiệp sáng chế mà anh luôn đeo đuổi không. Rõ là con người có tài thật sự: Từ hai xưởng cơ khí nhỏ nay anh đã phát triển thành hai xưởng lớn. Những cỗ máy chiếm nửa gian nhà, sơn đỏ, sơn xanh bắt mắt. Tiếng máy nhào trộn bê tông, tiếng đóng gạch đều đều thật ồn ã nhộn nhịp. Bây giờ công ty đã có trên 80 người làm việc thường xuyên với mức lương ổn định. Mức lương cán bộ kỹ thuật từ 5 - 7 triệu đồng, ở vùng nông thôn thế là khá cao. Nhiều công nhân cho rằng thu nhập 7 triệu ở đây bằng Hà Nội 10 - 15 triệu và Thành phố Hồ Chí Minh 20 triệu, vì “thuyền to sóng lớn”, còn được gần gũi gia đình, các khoản dịch vụ đất đỏ khác không phải chi tiêu đến. Đồng tiền lương còn quay vòng qua nông nghiệp, qua kinh doanh buôn bán khác nên sinh lợi thêm. Tôi hỏi anh doanh thu của Công ty Hoàn Cầu mỗi năm đạt bao nhiêu? Anh Hoàn nói đại ý:

“Có năm cao năm thấp nhưng bình quân độ 6 - 7 tỷ đồng mỗi năm”. Mức ấy là ước mơ của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Nghệ An. Điều quan trọng không kém là công ty đã tạo công ăn việc làm cho 80 công nhân thường xuyên, nâng cao mức sống của hộ gia đình và đóng góp cho xã hội. Tôi biết thêm trong số người lao động này đa phần là con em cựu chiến binh, con em các gia đình khó khăn, hoàn cảnh.

Thăm phân xưởng sản xuất gạch không nung, tôi mới hiểu tại sao nó được cấp bằng sáng chế bởi được sản xuất trên một dây chuyền khép kín, năng suất cao và lao động không quá nặng nhọc. Anh Hoàn tâm sự với tôi: “Dây chuyền đến đây có thể nói là đỉnh cao, đạt chuẩn nhưng tôi vẫn cứ trăn trở xem có thể cải tiến ở khâu nào, chi tiết nào nữa không? Công ty không chạy theo số lượng mà đi sâu vào chất lượng, vào sự hài lòng của khách hàng. Chính vì thế, chúng tôi cử nhân viên về tận nhà khách hàng hướng dẫn họ lắp ráp, vận hành thuận thực mới thôi. Nếu có trục trặc là xử lý ngay. Những công cán ấy (có khi sang tận Lào) không tính vào giá cả của máy... Tôi nghĩ thế này bạn ạ, cải tiến kỹ thuật, đổi mới mẫu mã và hạ giá thành sản phẩm là việc làm cốt tử của công ty. Việc hạ giá thành cũng là cách hỗ trợ nông dân mua máy. Nhiều trường hợp chúng tôi tạo vốn, cho nợ tiền máy, đến khi sản xuất ổn định, có lãi mới thu hết tiền. Nói chung, làm thế nào mà người nông dân tiếp cận được với máy và làm giàu được trên cỗ máy, chúng tôi mới yên tâm.” Nghe anh tâm sự vậy, lòng tôi rung rung, giá như ai cũng được như anh.

Bài viết có thể kết thúc ở đây nhưng tôi “lòng vẫn nhủ lòng” hãy đi thực tế xem hiệu quả của máy sản xuất gạch không nung được người sử dụng đánh giá như thế nào? Nghe những cán bộ lãnh đạo địa phương đánh giá về sự đóng góp của chiếc máy anh sáng chế với thực tiễn và tấm lòng đóng góp xã hội của công ty ra sao? Ngay cả cán bộ công nhân viên, nơi sản xuất ra chiếc máy ấy và đang sản xuất ra sản phẩm bằng máy ấy, đời sống thực tế của họ thế nào? Người ta nói có lý rằng: “Nếu là thỏ thì phải xem tai, nếu là nai thì phải xem gạc”. Không thể nói sản phẩm sáng chế có ích lớn cho xã hội mà không được những đối tượng vừa nêu thừa nhận.

Trước hết tôi về xã Quỳnh Văn, nơi chôn rau cắt rốn, thuở hàn vi và là nơi đứng chân của Công ty Hoàn Cầu lừng lẫy hiện nay. Kinh nghiệm cho hay: Gái ngoan hết lảng giềng lầy, sản phẩm tốt hết người lân cận mua. Nếu ở Quỳnh Văn, bà con mua nhiều máy đúc gạch để sản xuất làm giàu thì có thể an tâm được.

Thật vui khi ông Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho biết thế này: “Trước kia, người dân ở đây chưa có nghề phụ làm gạch không nung bằng dòng máy do anh Hoàn chế tạo, thu nhập của dân hàng năm rất thấp, bình quân từ 6 triệu đồng trở lại thôi. Hiện nay trên địa bàn có trên 150 dây chuyền sản xuất gạch không nung, mức sống người dân đã được nâng lên từ 15 - 20 triệu đồng mỗi người một năm. Vấn đề là hơn hai nghìn người lao động dư thừa trong nông nghiệp của xã giờ đã có việc làm thêm ngay ở trên địa bàn. Trước đây khi chưa có máy, cứ ăn tết

Nguyên đán xong là nam giới đủ lứa tuổi rủ nhau vào Nam kiếm việc làm. Sau mấy tháng đổ mồ hôi trên quê người, may lắm thì họ chỉ đủ tiền đầu tư lân, đạm hoặc nộp sản phẩm cho gia đình ở quê. Từ ngày có máy làm gạch, số người thoát ly đi làm ăn ở ngoài tỉnh giảm hẳn. Người ta tính ở nhà “năng nhặt chặt bị” còn hơn. Anh nhìn xem, xã Quỳnh Văn bây giờ ngày ngày xe ô tô, máy kéo bốc hàng chở đi kìn kìn. Máy đúc gạch của anh Hoàn đã hình thành, tạo dựng nên hai làng nghề được tỉnh công nhận “sản xuất gạch không nung” rồi đó. Sau này người ta suy tôn anh Hoàn là Thành hoàng 2 nghề gạch ấy cho mà xem”. Ông Chủ tịch cười vui vui với ý nghĩ hay hay trong câu nói của mình.

Tôi dạo một vòng quanh xóm ở gần Ủy ban xã. Rõ là “thừa giấy vẽ voi”. Gạch sản xuất ra được nhiều nên cái gì cũng xây, gia trát. Nhà cửa nhà ai cũng khang trang. Bờ rào ngay thẳng thay cho bờ bụi um tùm xưa kia. Ngoài đồng cũng vậy, mương máng ghép xây bằng gạch không nung, ngang dọc như ô bàn cờ. Trên lưng chừng núi, nghĩa trang các họ được tôn tạo thấp thoáng trong rừng cây. Tất cả chứng minh rằng, gạch không nung sản xuất bằng máy đúc công suất cao, giá thành rẻ đã có tác dụng to lớn trong đời sống làng xóm nơi đây.

Tôi quyết định tìm hiểu xem những chủ hộ mua dây chuyền đúc gạch này về sản xuất kinh doanh, họ nói thế nào về đầu tư mua máy? Chủ hộ đầu tiên tôi đến là chị Nguyễn Thị Hiền, một bà chủ chừng tuổi 40, ăn nói có duyên nhưng rất kín khi hỏi về thu nhập. Vùng đất sản xuất của chị, gạch phơi trắng xoá, xe vào ra chở gạch nhộn nhịp, tiếng máy rộn ràng. Tất cả thể hiện ra sự tươi mới và phát triển. Chị Hiền cho hay: “Lúc đầu tôi góp tiền vốn được 36 triệu đồng đem mua một dây chuyền đúc gạch không nung của ông Hoàn vì tìm hiểu, nghe người ta nói làm ăn có lãi. Sau một thời gian hạch toán thấy họ nói đúng, tôi đầu tư mua thêm máy thứ 2. Tôi nghĩ, 2 máy thì vẫn còn nhiều lao động đến xin làm mà chưa có chỗ nhưng vay vốn ngân hàng mua thêm máy nữa thì lo “bù không bằng bỏ”. Rất may, Công ty Hoàn Cầu cho người đến thăm, biết chuyện và anh Hoàn đã cho tôi ứng máy về sản xuất, trả tiền sau. Đến bây giờ như anh thấy đó, tôi có 7 máy tất cả. Doanh thu thì cũng lớn đấy nhưng lo lương cho chừng ấy con người cũng mệt. Dù sao chúng tôi cũng cảm ơn Giám đốc Hoàn đã sáng chế ra chiếc máy này để giải quyết việc làm cho rất nhiều lao động. Anh xem ở vùng nông thôn có nguồn vật liệu rẻ và tốt thế này để xây dựng thì còn gì bằng. Cũng thành thật mà nói, bên cạnh kiếm việc làm cho hộ nghèo và trung bình, máy cũng giúp những nông dân bạo gan như chúng tôi vươn lên làm giàu chính đáng”.

Tôi trò chuyện thêm với các ông chủ: Lê Văn Hùng, Đậu Đức Lập và Hồ Sỹ Phong nữa, xem họ có khen sản phẩm dây chuyền như chị Hiền không? Quả là mỗi người một ý nhưng tựu trung lại đều đánh giá cao đóng góp của anh Hoàn khi sáng chế ra loại máy này.

Cuối cùng, tôi tò mò tìm hiểu đời sống của bản thân đơn vị người sáng chế. Thường thì “nhân bất thập toàn” giỏi mặt này thì kém mặt kia. Giỏi sáng chế thì kém kinh doanh? Thế nhưng anh Hoàn bạn tôi lại “văn võ song toàn”. Tất nhiên

không thể không nhắc đến công lao của người vợ, chị Lê Thị Lan, cựu chiến binh lính thông tin Trường Sơn năm xưa và người con trai - Hồ Văn Vinh, đã tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội, về làm Giám đốc Công ty để anh Hoàn rảnh rang nghiên cứu, chế tạo các dòng máy mới.

Tôi cũng đã có dịp trò chuyện với những người làm việc tại Công ty Hoàn Cầu, trong đó có các anh: Lê Đông Công, Hoàng Nguyên Duy và anh Lê Khánh Trình. Đây đều là những người đã làm việc cho Công ty Hoàn Cầu nhiều năm và họ đều vui vẻ chia sẻ: “Ông Hoàn, bà Lan và giám đốc Vinh nữa, đều rất quan tâm đến đời sống của người lao động. Ngoài lo đủ lương tháng kịp thời, còn đóng đầy đủ các loại bảo hiểm và có chế độ nghỉ và thưởng lễ, tết cho người lao động”. Anh Trình nói thêm: “Tôi làm nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật trong tổ thợ sản xuất gạch, mỗi tháng được trả lương 6 triệu đồng. Nhờ thu nhập ổn định, không phải làm ăn xa, tích góp được đồng lương, gia đình tôi đã xây dựng được nhà cửa khang trang, đến nay đã ra khỏi danh sách hộ nghèo của xã Quỳnh Văn rồi anh ạ!”.

Làm ăn phát đạt, Công ty không quên chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bằng các hành động thiết thực như đóng góp, giúp đỡ cho các quỹ từ thiện ở xã Quỳnh Văn và cho các tổ chức chính trị trong huyện Quỳnh Lưu (như Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân...). Mới đây, Công ty đã tài trợ 500 triệu đồng để đổ nhựa con đường giao thông trục chính của xã Quỳnh Văn. Ông Hồ Xuân Đình, Phó Chủ tịch Hội Truyền thống bộ đội Trường Sơn huyện Quỳnh Lưu, cho hay: “Trong mấy trăm suất quà Hội tặng cho những hội viên gặp khó khăn vừa qua, cựu chiến binh Lê Thị Lan đã đóng góp phần đáng kể. Chúng tôi biết “của chồng công vợ” nên cảm ơn cả anh Hồ Văn Hoàn, người đã có tấm lòng vì những người nông dân cảm sung như chúng tôi.”

Như thế là bạn tôi đã mười phân vẹn mười. Tôi như được thơm lây về một người bạn có tài sáng chế xuất thân từ giai cấp nông dân cần lao và sáng tạo. Và sản phẩm của anh ấy, của Công ty Hoàn Cầu làm ra, cái đích là hướng vào đời sống nông dân, nông thôn mà phục vụ. Đầu đề bài viết: “Người sáng chế nông dân” mà tôi tặng anh chính là vì thế, nó có nghĩa kép như hai mặt của một tờ giấy trắng thơm. Một điều rất quan trọng nữa mà bạn tôi đã chứng minh một cách đầy thuyết phục là đại học không phải là con đường duy nhất để người ta thực hiện được ước mơ và thành đạt trong cuộc sống, trở thành người có ích cho xã hội.

Gia đình đại liệt sĩ

TRẦN NGỌC KHÁNH

- Bác Đồng, bác Đồng, bác cho thằng Khánh hẳn về Bảo Thành, cho được gần nhà, bởi nhà hẳn là gia đình “đại liệt sĩ”.

Gần 20 năm rồi câu nói ấy vẫn còn văng bèn tai tôi. Ông Nguyễn Bá Huệ, Trưởng phòng Giáo dục có tiếng là đào hoa và hài hước của huyện lúa Yên Thành, nói nửa đùa, nửa thật với thầy Đồng (Tổ chức phòng lúc đó); và tôi được chuyển về công tác tại trường THCS Bảo Thành, cách nhà gần 7 km để có thêm điều kiện lo cho gia đình.

“Gia đình đại liệt sĩ” một tổng kết ngắn gọn và gần như chính xác: can nội tôi, cụ Trần Duy Áng là liệt sĩ phong trào Văn Thân - Cần Vương. Cụ là một lý trưởng, kiêm phó tổng, vì bức xúc trước việc Pháp phá lũy tre làng mà vận động nhân dân chống lại, kết cục vào đêm 25 rạng ngày 26/12/1885 tại đình làng Vĩnh Tuy, chúng đã sát hại cụ. Tiếp đến đời cháu cụ Áng; ông Trần Bính Dần, em ruột ông nội tôi, ông tôi bị bệnh từ khi còn trẻ, gánh nặng gia đình, gia tộc dồn lên vai bà nội tôi - Ngô Thị Khuynh. Bà rất thông minh, thuộc nhiều về giặm, tháo vát, cha mẹ chồng mất sớm, nuôi cả một đàn con, lo nội ngoại, chu tất. Ông Dần khá thông minh, được bà nội đem đến bái cụ cử Cần làm môn sinh, sau lớn tuổi đi hỏi vợ cho...

Nhưng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ thúc giục, các tráng sĩ lên đường ra trận, ông Dần từ biệt xóm làng và trong một trận đánh tại Hà Nam, trung đội của ta hóa trang thành những người đi buôn, mặc toàn quần áo gụ, áp sát đồn địch. Trận đánh không cân sức, hỏa lực địch quá mạnh, ông xung phong

chấn tằm đạn địch, cho anh em tiến lên, nhưng cũng không kịp nữa rồi. Sau nửa thế kỷ, cha tôi mới đến được nơi xảy ra trận đánh của người chú ruột năm xưa. Chính quyền và nhân dân ở đó tiếp đón niềm nở; các cụ già mắt rưng lệ, kể lại trận ấy, 23 năm mộ được đưa về nghĩa trang kính cẩn, nhưng không biết ngôi mộ nào là của ông tôi... Cha tôi thấp hươg kính lạy. “Ở đây thì cùng quê hương mình, đất nước mình, hưởng chi các bác đây đã ngã xuống vì quê hương chúng tôi, chúng tôi sẽ hương khói...” các bô lão nói vậy, cha tôi cảm động quệt nước mắt và ra về...

Bản thân cha tôi - Trần Quang Kha, khi đang làm cán bộ Đoàn xã năm 1964, sau khi sự kiện Vịnh Bắc Bộ cũng lên đường vượt Trường Sơn. Đến năm 1968, trong một trận đánh thảm khốc trên gần bờ sông Đồng Nai, ông bị thương nặng, trong hồ sơ thương tật ghi “sợ tiếng động mạnh, ngoài 50 tuổi dễ bị di chứng bại liệt nửa người”. Ông là thương binh bị mất 59% sức khỏe, lạy trời đến nay cha vẫn còn gắng gượng được, nhưng từ khi mẹ tôi mất, cha tôi yếu hẳn đi, nhìn ông đôi khi tôi cứ nơm nớp trong chiều...

Rồi đến chú ruột tôi - liệt sĩ Trần Văn Khoa. Ông đã trở thành một huyền thoại của làng, rất nhiều người nhắc đến với một sự trân trọng lạ... Ông là một vận động viên không chuyên có tiếng, cùng với ông Trần Xuân Hồ đã thổi bùng ngọn lửa thể thao của làng trong những năm bom đạn... Rồi cắt máu, viết quyết tâm thư lên đường đi vào khói lửa chiến tranh, để lại sau lưng một mối tình kéo dài 7 năm! Cô Phương (sau công tác ở ngành tòa án - người cùng quê), ở quê nhà bà nội tôi cứ năm 2 lần đi tết nhà đằng gái cau, trầu, rượu, nếp, thịt chu đáo! Ấy vậy mà chú tôi trở về với cái giấy... báo tử - liệt sĩ! Bà tôi hình như không còn khóc được nữa, còn ông thì bệnh nặng thêm luôn! Mấy chục năm sau, trong một buổi chiều bà cháu ngồi chơi ở bậu cửa, có một thiếu phụ đi vào. “Ơ Phương... con về khi mô...?” “Bà ơi! Con khổ lắm! 30 năm rồi bao lần đi qua đây mà không dám vào...”. 2 người đàn bà khốn khổ ngã vào nhau, bà nội tôi vuốt tóc người thiếu phụ: “Thôi con, chuyện đời rứa rồi...” “Hồi anh hy sinh, con cứ mơ thấy anh luôn”...

“Mẹ biết rồi!” Bà tôi đột ngột đổi cách xưng hô: “Tội nghiệp con!”

Đêm ấy, đêm mười bốn mai rằm, nhà tôi có thấp hươg và hoa quả trên bàn thờ, bà tôi ngồi già cỗi trầu nhai bồm bẻm, nhìn trên bàn thờ. Quá khuya, tôi giạt mình tỉnh dậy, thấy bà vẫn ngồi nhai trầu như vậy, khi tôi đến gần, thì trời ơi trên gương mặt đầy nếp nhăn của người đầm đìa nước mắt. Có lẽ cái lỗi chịu đựng của bà đã ảnh hưởng đến tôi, một đứa trẻ bà ru từ khi còn trong tã lót. Sau này, khi mẹ tôi mất, bà giáo Toàn (chồng cũng là liệt sĩ), nói với tôi: “Con cứ khóc, cứ khóc thật to... chứ nhìn con bật khóc vậy bác không chịu nổi...”

Một dịp khác, tiến sĩ Đào Hiến (cán bộ giảng dạy Đại học Mỏ địa chất Hà Nội) về bảo với tôi “Tao sẽ kể cho cháu nghe về chú Khoa, mày còn ghi chép được nhiều chuyện đấy...” Rồi lần khác, kỹ sư Trần Bổng về nhờ cha tôi đưa ra mộ chú, rồi ông khóc lẫn ra, tiếng khóc của người có tuổi làm cho mọi người có mặt hôm ấy

đều chảy nước mắt. Sau ông mới kể lại là chưa biết người nhà đưa mộ chú tôi về quê, cứ tưởng chú vẫn trong nghĩa trang Quảng Trị... Ông Bổng kể; hỏi ông đậu đại học đủ điểm đi nước ngoài, khi tiễn nhau, chú tôi bảo: “Cậu đi học, sau về xây dựng đất nước, mình ra trận đánh giặc, công việc cậu khó hơn, giờ để toàn bộ hành lý đây mình gánh cho”. Và chú tôi gánh hộ ông gánh hành lý đi bộ gần 50 cây số, tiễn bạn lên đường. Nói rồi ông Bổng lại khóc.

Nhà tôi hồi đó còn có o Hồng nữa, đi thanh niên xung phong, đi công nhân, muộn màng mãi mới về lấy chồng, giờ ở tận trên nông trường An Ngãi (Tần Kỳ). Không những gia đình tôi, mà lối xóm của chúng tôi cũng là lối xóm liệt sĩ. Nhà nhé, phía Đông gia đình bà Ngọc Tuệ có liệt sĩ Nguyễn Hải, gia đình bà Lương Triển có liệt sĩ Trần Hòe... Phía Bắc nhà tôi gia đình có Bảo Cuồi có liệt sĩ Trần Duy Đạo. Phía Tây Bắc có có bà Lựu (vợ liệt sĩ tái giá), bà Duyệt Giai (vợ liệt sĩ tái giá), nhà giáo Nguyễn Thị Minh Toàn - người được Bác Hồ tặng bằng khen (chồng là liệt sĩ Nguyễn Điều), bà cố Thăng - Mẹ Việt Nam anh hùng (liệt sĩ Ngô Thăng). Quá lên đoạn nữa thì có gia đình ông Điều (liệt sĩ Nguyễn Đạo); rồi gia đình bà cố Phúc (con là liệt sĩ Trần Duy Đa)... Trời ơi; đó chỉ là một xóm thôi, còn làng tôi có những gia đình 2 con là liệt sĩ; 5 đứa con thì cả 5 vào bộ đội... Ở bia tưởng niệm các liệt sĩ (trước cổng trường THCS Vĩnh Thành có ít nhất 209 liệt sĩ ghi tên trên đó), ngày 2 buổi chúng tôi đi qua đây. Hàng tuần vào thứ Hai, học sinh của trường quét dọn sạch sẽ và dâng hương kính cẩn...

“Gia đình đại liệt sỹ”, trên đất nước này còn bao gia đình như thế nữa? Lại nhớ, có lần trong đại lễ cầu siêu các anh hùng liệt sĩ, người ta chiếu lại bức ảnh mẹ Thứ - Mẹ Việt Nam anh hùng nổi tiếng ở Quảng Nam, hình ảnh người mẹ ngồi giữa 9 bát cơm như vẫn đang đợi con về, và một vị thiếu tướng đã đọc một bài văn chiêu hồn do chính tay ông soạn, cả một biển người đã khóc.

Về một buổi học đặc biệt

NHẬT THÀNH

Mưa tầm tã, mưa dai dẳng, mưa liên miên. Ngôi trường cũ năm xưa, Trường Trung học cơ sở Năng khiếu Quỳnh Hợp bây giờ trở thành Trung tâm giáo dục thường xuyên của huyện nhà đang chìm trong màn mưa trắng xoá. Mặc trời đất. Các cô cậu học trò ngày ấy, lớp đầu tiên của trường Năng khiếu, vẫn đợi mưa đến lớp với lời hẹn hội ngộ để cùng ngắm nghía tấm bảng xi măng cũ kĩ đã lỗ chỗ dấu thời gian. Vẫn chiếc bàn giáo viên đan dày vết xước màu năm tháng. Ba dãy bàn học sinh trở nên quá nhỏ trước những học trò tuổi xấp xỉ tứ tuần. Hai mươi hai năm chưa thể xoá nhoà những kí ức. Bằng chứng là tất cả mọi người vẫn ngồi vào đúng vị trí mà khi xưa lớp học đã sắp đặt cho mọi người.

Hình như nghe tiếng trống vọng về từ miền kí ức xa xăm nên tất cả đã xúc động ngoan ngoãn vào lớp chờ bước chân quen thuộc của người thầy. Hôm nay, cô chủ nhiệm cũ Nhật Thành cũng thướt tha trong tà áo dài vương mùi hoa cúc. Thầy Hiệu trưởng Nguyễn Đình Thi, mới nghỉ hưu, thầy Hiệu phó Phan Đình Đạt, nay là Phó Bí thư Huyện ủy Quỳnh Hợp, cùng các thầy cô giáo bộ môn và cả bác bảo vệ ngày nào cũng đã nghiêm chỉnh ngồi vào chỗ ngồi đúng vị trí dự giờ thăm lớp. “Các em thân mến!” Cô chủ nhiệm dịu dàng lên tiếng: “Tiết học hôm nay cô sẽ cùng các em đến với tác phẩm bất hủ, Truyện Kiều của Nguyễn Du”.

Cả lớp im phăng phắc. Chỉ nghe tiếng mưa ràn rạt ngoài cửa sổ. Cô nhìn khắp lượt các em trong niềm thương mến với hồi ức đang trôi dạt trong lòng, rồi tiếp tục: “Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau/ Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng” Nguyễn Du đã thốt lên ai oán những tiếng kêu thương từ thế kỉ XVIII. Sau hai mươi hai năm xa mái trường, nay các em đã có đủ thời gian để trải nghiệm, để chiêm nghiệm, để suy xét trong

nổi đầu bể cuộc đời. Giờ đây, cô muốn nghe ý kiến của các em về đoạn thơ trên?

Sau phần giới thiệu, cuộc hội ngộ như một lớp học thực sự giống ngày xưa, chiếc micro lần lượt chuyển tay. Từng người đứng dậy tự giới thiệu tên mình và nhắc lại một vài kỉ niệm. Và sau đó là sự báo công với thầy cô về quãng đường hai mươi năm có lẽ. Có người ghen ngào đứt quãng từng câu, có người giọng ước nhoe nước mắt, có người cố tỏ ra hài hước để che đi nỗi xúc động dâng trào. Các thầy cô ngồi lặng đi. Những đôi mắt già nua lấp lánh niềm hạnh phúc. Lứa học trò của trường Năng khiếu khi xưa giờ là những doanh nhân thành đạt, những cán bộ năng động tháo vát, những nhà chuyên môn uy tín, những nhà giáo dục tràn niềm tin yêu trong mắt học trò... Ở tuổi ba mươi sáu, mọi "học sinh" trong lớp học hôm nay đang căng tràn sức sống và tràn đầy bầu nhiệt huyết cống hiến cho đời. Đợi cho hết lượt các em ý kiến xong, cô giáo tổng kết bài dạy: *"Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là thân nhau/ Trải qua một cuộc bể dâu/Những điều nghe thấy xiết bao vui mừng."* Điểm khác nhau giữa xã hội phong kiến thế kỉ XVIII và xã hội hôm nay chính là chỗ đó. Tài năng sẽ làm thay đổi số phận. Tài năng có sức mạnh để "thắng thiên". Các em có đồng ý như vậy không?

Tiếng vỗ tay rào rào át cả tiếng mưa đang xối xả ngoài trời. Lớp học rộ lên, sôi nổi hồi lâu. Những khuôn mặt rạng ngời tươi rói. Những tiếng cười thánh thiện. Những lườm nguýt trêu nhau. Những chí choé cãi lộn... Phút giây này, trước mắt cô, dường như cái áo của nhà doanh nghiệp, áo của nhà nghiên cứu, áo của nhà lãnh đạo... đều đã rơi ra hết, chỉ còn lại tinh khôi chiếc áo học trò với sự hồn nhiên nghịch ngợm. Cô nghiêm mặt: "Nào! Tất cả trật tự. Chúng ta sẽ chuyển sang tiết Toán. Mời cô giáo Trần Thị Lương".

Cô giáo Lương bật đứng dậy trong sự ngạc nhiên. Một phút bối rối vì chưa chuẩn bị giáo án. Nhưng rồi cô tự tin bước lên bục giảng. Tiếng vỗ tay rào rào giòn giã như một sự khích lệ. Cô nhìn xuống lớp, thấy hình ảnh mình ngày xưa qua học trò hôm nay. Vâng, hồi đó cô cũng đang ở cái tuổi mà bầu nhiệt huyết căng tràn trong trái tim, trong mạch máu. Cả lớp lặng đi trong dòng tâm sự của cô về cuộc đời mình. Ngoài ba mươi, xuân thì đang phơi phới, phải chia ly chồng vì cách trở âm dương, một mình bươn chải nuôi con trong bộn bề khổ khó. Việc nhà việc trường lúi lằm tần tảo, nhưng niềm mê say trong nghề dạy học chưa một phút buông lơi. Những thành tích trong nghề như giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua cô luôn dành được một cách đầy thuyết phục. Cảm động hơn khi cô đã trở thành nguyên mẫu trong một truyện ngắn được đăng ở tập san ngành Giáo dục. Đó không chỉ là nguồn động viên tinh thần to lớn để cô vững vàng chống chọi với dâu bể cuộc đời mà còn làm cho bao đồng nghiệp có thêm bản lĩnh vượt khó trong một thời đồng lương nhà giáo cực kỳ eo hẹp. Nuôi hai con lớn khôn, học xong đại học, lo công ăn việc làm cho chúng. Niềm vui đến với cô khi con trai xây dựng gia đình. Những tương thế là hết vận long đong, ngờ đâu con tai nạn. Qua bao nhiêu cuộc phẫu thuật, cuối cùng cũng đành chấp nhận trí não của con trai gần ba mươi giờ chẳng khác gì một đứa trẻ lên ba. Người ta bảo "Trẻ cậy cha, già cậy con", nhưng về hưu, cô vẫn phải là chỗ dựa cho con... "Nhưng các em ạ,

cuộc đời trải qua nhiều thử thách thì mới khẳng định được bản lĩnh con người. Mỗi lần vượt qua thử thách thành công, niềm vui sướng chẳng khác gì ta vừa tìm ra đáp số cho một bài toán hóc búa. Vâng, cô xin kết thúc tiết toán bằng kết luận như vậy nhé”.

Cô Lương cúi chào. Cả phòng học lặng đi, rồi một tràng pháo tay thật dài lại vang lên. Để cho cảm xúc của các em lắng xuống, cô Nhật Thành hỏi cả lớp:

- Em hãy so sánh giờ học Văn của cô và giờ học Toán của cô Lương hôm nay có gì khác với những giờ học ngày xưa?

- Thưa cô, không bị hỏi bài cũ ạ! - Một ai đó nhanh nhẩu.

Trời ạ, trong cái phát hiện này cô đọc thấy sự sung sướng của trò khi cô bỏ qua bước kiểm tra bài cũ nó lớn đến độ nào.

- Thưa cô, hôm nay có rất nhiều thầy cô dự giờ ạ. Cô vẫn chưa ghi điểm.

- Thưa cô, giờ học hôm nay rất xúc động ạ.

Cô vẫn lắc đầu. Cả lớp nhìn nhau. Cái gì nhỉ? Hay là hôm nay cô dạy không có giáo án? Hay bài này không có trong sách giáo khoa? Hay là hôm nay cô không phải dừng lại gõ thước nhắc trò im lặng? Cô mỉm cười, âu yếm nhìn cả lớp rồi cất giọng trầm trầm:

“Các em ạ. Dạy Văn ngày xưa, cô bày bảo các em cảm nhận những tác phẩm văn chương để từ đó các em hiểu cuộc đời. Giờ Văn hôm nay, từ trải nghiệm cuộc đời các em soi vào tác phẩm văn chương. Giờ Toán ngày xưa, cô dạy các em giải phương trình đại số hay chứng minh hình học bằng việc vận dụng qui tắc, định lý, công thức. Còn bây giờ, cô đang dạy các em giải bài toán cuộc đời. Bài toán ấy không vận dụng định lý này, công thức nọ mà sử dụng nghị lực và ý chí. Bản thân các cô đã giải bài toán cuộc đời mình bằng một nghị lực phi thường, một ý chí và lòng quyết tâm dũng cảm.”

Oà...

Kết thúc buổi học bằng tiết âm nhạc của cô giáo Lê Thị Thanh Xuân, nay đã nghỉ hưu, cô thật sự ngạc nhiên khi các trò đọc đều, đọc to bài tập đọc nhạc từ thời lớp sáu.

- Đồ rê mi fa son la si đồ...

Thầy Phan Đình Đạt, Phó Bí thư Huyện uỷ, nguyên là Phó Hiệu trưởng Trường Năng khiếu, xung phong hát. Tất cả cùng hoà nhịp:

“Hôm qua em tới trường, mẹ dắt tay từng bước ơ...” Một vùng cọ xanh xoè tán mát dịu tuổi thơ!

Ngoài cửa sổ, những hạt mưa xiên chéo. Hạt mưa nào của kí ức và hạt mưa nào của hôm nay? Những hạt mưa đan nhau tạo nên một miền thiêng mà trong đời người ai cũng muốn có được tấm vé để trở về sống cùng hồi ức.

Phụ lúa

HOÀNG NGUYỄN VŨ

Tháng Năm của năm ấy, lúa từng bông vít nặng xuống mặt đất. Tất thảy đều tằm tấp như trái thắm vàng, lốt phớt những chiếc lá lúa dựng đứng vẫn kiên trì xanh ngắt găm ngược lên trời. 10 năm chờ đợi, trời mới cho được một mùa, cái lão Minh lấm mồm hay ví von nhất cái làng Hải Côn vui sướng bảo thế.

Cả 3 cái làng chỉ còn cát và nhà tranh, sơ sài trong cái thênh thênh của trời đất, chỉ trông chờ vào cái màu vàng ấy. 9 năm trước đó Đông kéo dài, ra tháng Ba âm lịch trời vẫn rét cứng, cộng với cái mưa lép nhép không dứt khiến lũ lúa héo úa dần. Cái xứ gì kỳ lạ, rét cũng rét cho tận cùng, mưa cũng mưa như tận thế mà nắng cũng nắng như tận diệt. Mấy bà già lẩm cẩm với cháu con cứ đến mùa Đông thì kiếm lời hẫu mà lý do thường là không còn sức mà nói. Trời hành thêm những đợt rét đậm rét hại thì ít ngày sau trong làng cũng thiu thui tiếng kèn đám ma.

Mùa Xuân năm ấy, 1986. Tôi biết đội cả bó lúa to rồi. Mà đội không nổi cha tôi cũng cố nhét lên đội cho bằng được. Nhà nông để con ra cho nhiều là để làm chứ chưa nghĩ đến những gì xa hơn. Không làm thì chỉ có roi vọt rít lên kinh hãi cả tuổi thơ hằn tím.

Đầu hạ. Lũ trẻ chúng tôi phải dậy sớm theo người lớn ra đồng, quờ quạng giữa lớp sương mù dày đặc tìm lối mà đi. Sương bọc như bông trong không gian, người đi sau chẳng thể nhìn thấy lưng người đi trước. Sương ngai ngái phủ cái mùi trinh trong của đất trời ướt nhẹp cái hình hài xé toạc nó để tìm lối ra đồng.

Bình minh dựng ngược phía biển. Cái đám vàng khoe khoe kia lên dần xóa đi lũ sương mờ mờ, hiện dần lên cái thắm xanh lúa đầu hè như ai ngoắc vào những

mờ lam cây cối của những ngôi làng viền quanh. Xa xa là dãy Hồng Lĩnh thức sớm khắc khổ soi mình xuống dòng sông Lam dùng đục nhọc nhàn chảy.

Chỉ cần ít phút nữa thôi là nắng rực. Bầu trời được đẩy cao lên muôn thước, thăm sâu những ngăn ngắt vô hình rơi rớt lại những sợi sài mây trắng. Phía những con đê bắt đầu trắng loá như khoai lang khô.

Và bắt đầu, nhẹ nhai mồ hôi, đen đúa những làn da, xám bạc những thân trâu. Người vật lộn trong cái mở toang của không gian. Người xẻ vụn mớ đất khô róm rộp. Người quạt gió rín rít những trâu bò cày bừa cho ngay hàng thẳng lối. Người soàn soạt gỡ những sợi cỏ gà bò như lũ rết xuống từng vuông đất trắng.

O thôn nữ nào cất vang cái câu “Giận thì giận mà thương thì thương” để cả đồng phải hiểu o hát hay. Cái thời nghèo khó nhạc nhẽo cũng nghèo, chỉ vài ba cái làn điệu dân ca ca đi ca lại. Vài tiếng đùa cợt vui vui bằng thứ giọng quê dùng đục rồi thả cười giòn vào gió đồng hun hút.

Thế thôi, miền Trung trong tuổi thơ lấm lem cát bụi, thấm ướt mồ hôi và trong veo trời đất, thả tôi hồn nhiên trôi trong con sóng đời bất tận để rồi đưa tôi đi xa cái nơi tôi bắt đầu ấy, tự bao giờ.

Mẹ tôi vẫn cấy lúa ít năm sau đó thì hạt lúa cũng nặng khom lưng bà. Cái thời cấy mãi cày mãi cũng không no nổi cái bụng cũng qua, thay vào đó là gánh này xe nọ. Lúa nhiều quá người ta lại so đo, ừ bán ra cũng chỉ có mấy triệu, bằng một tháng lương của con Hồng con Thắm ngực mới nhú đi làm công ty giày da trong Bình Dương, thế là lúa cũng chỉ đóng vai trò phụ. Lúa nhiều ăn có hết đâu, bán cũng đâu được mấy, thà trồng cây bí lấy ngọn bán có khi còn dễ thở hơn. Đất lại về với khô hạn và cỏ gà, lúa về mức lưng bụng là cùng.

Mẹ yêu lúa. Người đàn bà chăm chỉ dành cả thanh xuân để cấy cho cổ để nhiều lúa hơn thiên hạ, thi thoảng đi qua vạt lúa ai thấy bông trĩu quá thì dùng đòn gánh đập một phát cho bồ ghét, nay thấy người ta so đo với lúa thì thoáng rít vài câu như mẹ chồng đau răng: “Phụ lúa thì nhằn răng có ngày”

Chẳng thấy mấy ai nhằn răng, chỉ thấy người ta đi làm công ty, người ta đi nước ngoài về thì khoe rộn ràng mỗi lần trở về. Khoe giọng nói pha Nam lai Bắc. Khoe quần bò áo phong. Khoe cả cái mớ tiền mang theo khi ra chợ mua thịt bò. Khoe nhà chóp nhọn kiểu Thái kiểu Tàu sơn hồng sơn trắng.

Lũ trẻ lớn lên tận thời hơn, điện thoại nhí nhoáy. Từ các ngôi nhà nhạc sần dùng đàn, pha tạp âm cái mớ âm thanh từ các loa xóm vọng chút chua chua chói chói Anh Thơ hát úp mặt vào sông quê. Và chẳng ai còn nói về đồng, về trời về đất ở cái nơi họ đang nổi trôi trên đó.

Mẹ tôi thành người cổ lỗ khi vẫn đi đi về về trong thửa vắng người trồng lúa. Mỗi năm cái sân gạch một mình bà giữa màu vàng chói chang nắng tháng năm, khi mà trên thì trời, dưới thì lúa, giữa thì bà. Bà dùng chân trần xới cho lúa khô, chang chang nón lá giữa cái oe oé tiếng ve đầu hạ.

Bà Thu cùng xóm bạn từ thời con gái đánh đá sợ ế chồng, thi thoảng qua chơi thăm nhau cho đỡ rỗi rãi mồm miệng. Thực sự bà Thu mỗi lần hàn huyên thì chỉ là con tui làm từng này lương, mua cái xe máy gì mà có chữ lờ ở đầu, chạy trên đường hông nó to như con nghé. Rồi thêm cái nữa là cái con Thuỷ nhà bà Trọng ưng hẳn lắm, theo đứt đuôi rắn, nhưng hẳn xem thầy bảo không hợp tuổi, mà không quên nhiech móc con Thuỷ một câu: Cái mồm tu hú ăn lở rú lở rí, có khi cả sân lúa nhà bà hẳn ăn vài tháng là sạch bách.

Ồi chao là môi cong cay nghiệt, nó về thấy lúa nó còn vờ như không biết chứ ngồi đó mà hốt cho đầy bụng, mẹ tôi chạm nọc cái đánh đá xuân thì. Trong lòng chả ưa gì bà Thu nhưng thôi, ở cái miền quê người ta dần đưa nhau tàn thời, sót lại vài quái kiệt xưa như hai bà thì dù không ưa cũng thủ thi cùng nhau cho với quên ngày tháng.

Đôi khi bà Thu thấy lúa lại thốt ra vài câu nghe hơi ám ảnh: Mà này, sân lúa, nón lá, nhà gỗ. Nói bà đừng giận chứ giống nhà địa chủ xưa hè? Mẹ tôi chấp trách câu nói, nghĩ ví von địa chủ lại gợi đến một khái niệm đau đầu cho cả nhà có địa chủ lại cả những mất mát quá vãng phận tá điền. Mẹ bảo: Ừ, tôi cứ rứa, nhà bà lâu son tròn vuông kệ bà.

Mà cái bà Thu chồng lớn nghe thế thì cười khanh khách, bảo giờ người ta nói trên tivi nhà gỗ sân gạch quý như vàng, con trai bà lại văn phong chữ nghĩa, viết nơi nọ nơi kia khen lấy khen để. Mẹ tôi nghe thế cũng rộn ràng cái tâm khảm, nghĩ cái con mụ kia lắm chuyện nhưng đôi câu nghe được.

Bà Thu xưa nhà tranh vách đất. Đến những năm 80 ông đi ngược Lường làm cái nhà gỗ, cũng sốt lên rét xuống mới lết được về nhà. Dựng cái nhà lên chứa những mười đứa con, lúa cấy khom cả lưng cũng không kịp lùa vào 10 cái tàu há mồm. Rồi chúng lớn lên, xì xì xoạp xoạp trong cái đám kèo cột cũng đến ngày tung cánh chớ cơm về.

Con bà Thu được cái siêng năng, việc gì cũng làm, trừ làm lúa. Ruộng bỏ khô bỏ khan, lại thêm suốt ngày nghe bà Thu than lúc thì đau khớp lúc thì đau bụng, thể chữ hiểu trời lên chúng cấm bà cấy lúa. Chúng cũng hiểu mẹ chúng đau thì ít rên thì nhiều, lúc nào cũng thích uống thuốc. Bà nghĩ mình có cả ổ bệnh, giun sán trong bụng phải như con lươn, tim đập nhanh như ô tô chạy, chân tay cứ như sắp rụng. Khi đi khám bác sĩ hỏi đau chỗ nào thì chỉ khắp người cuối cùng bác sĩ kết luận đau mỗi miệng thể là chê bác sĩ tươi bởi hoa lá, lại bảo không có tiền đứt lốt nên không khám hết bệnh.

Đôi khi đứa con dâu của bà, vốn làm thú y, thấy bà than đau ốm thì cũng đánh liều khám, rồi đi lấy thuốc xổ giun cho bà, nói suýt nhằm tên thuốc xổ giun cho chó. Như bệnh nghề nghiệp, cô bảo mẹ trước đây tiêm phòng đại chưa, bà rửa cho suốt mấy tháng trời, lòi cả cha cả mẹ cô ta ra mà đay mà ngứa.

Nhiều khi đổ hết lỗi cho trời cho đất, bà Thu quay sang đổ tại lúa. Vì cả đời làm lúa nên quá sức, bà đau bà ốm như thế. Rồi bà so, nhìn mấy bà thành thị trên

ti vi, trẻ như đồng đồng, đi công viên ôm cái ông nhảy suốt ngày có bệnh tật gì đâu. Tự hát lại tự múa, bà bảo, mấy bà ấy già rồi “đi” chết đi được, tôi mà thuê tôi nhảy, cho cả hũ vàng tôi cũng không nhảy. Già rồi ôm ôm tựa tựa, chả ra cái giống chi chi cả.

Nhà bà Thu mua gạo ở chợ. Gạo trắng ngần thơm dẻo. Thì lần nào bà chả bảo thế, làm lúa làm gì, mua mà ăn cho khoẻ. Có lần mẹ tôi không nhin, cái bà này, ai cũng mua như bà thì ai trồng lúa bán cho nhà bà? Đừng phụ lúa, có mà nhả răng ra đấy!

Lần đó bà Thu giận thật, không sang chơi nữa. Chuyện trò với ai ngoài đường cũng không quên cạnh khoe mẹ tôi vài câu. Có lần mẹ tôi nổi tam bành, khẩu chiến một trận thần điêu, lời quá khứ hiện tại tương lai ra xổ như xổ số, bà Thu tắt điện. Ít tháng sau bà Thu vào ở với con, nhà trọ công nhân xa xứ. Chúng mày ở cái nhà thế này thôi á, rồi khăn gói quả mướp về quê. Cô Thắm già về làng ngõ khoe tung bưng Sài Gòn đẹp lắm, nhưng không, lặng lẽ đi vài vòng quanh làng, ngắm cái bằng bạc ruộng đồng phơi mình bên dòng Lam đừng đực, lại đi về.

Ít tháng sau, mẹ tôi mang tiền phúng điếu qua thấp nhang bà Thu. Lũ con khóc rống tiếng Nam tiếng Bắc, mà khóc như xẩm trong ví giặm, có vắn có điệu lắm. Chứ mẹ ơi mẹ bỏ con thơ cháu dại bỏ ruộng bỏ đồng. Mẹ tôi thờ dài đầu ngơ: Bà ấy bỏ ruộng bỏ đồng từ lâu, giờ chúng mày mới khóc, sốt ruột.

Vắng bà Thu, sân lúa của mẹ tôi buồn hơn. Từng bụi lúa xót xa bên đôi chân tập tễnh. Mẹ vẫn cần mẫn trên trời dưới lúa giữa là bà.

Một năm trở lại đây mẹ tôi bảo mẹ phụ lúa rồi. Cái chân bà không đi nổi nữa. Cái lưng bà không cúi nổi nữa. Ôi chao hơn 80 năm lúa vít cong đời người rồi một ngày lúa cũng phải chín, phải rời ruộng rời đồng thôi mà. Nhưng là lúa rời người chứ không phải người rời lúa.

Ở cái làng quê bê tông lớn nhón ấy, có một người suốt một đời không phụ lúa

Con chó của cụ Sứ

PHAN ĐĂNG LƯU

■ Phan Đăng Lưu (1902 - 1941); Quê quán: Hoa Thành, Yên Thành
Lãnh tụ tiền bối, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1937), Ủy
viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1938).
Tác phẩm: *"Thơ văn các nhà chí sỹ Việt Nam"* và nhiều phóng sự khác
In trên các báo: *Dân, Nhàn lúa, Kinh tế Tân văn, Sông Hương, Tiền phong, Công luận, Diễn
đàn Đông Dương...* thời kỳ 1936 - 1939
Những tác phẩm của Phan Đăng Lưu được in trong: *"Tổng tập Văn học Việt Nam"*, *"Phan
Đăng Lưu - Tiểu sử và tác phẩm"* của Nguyễn Thành.

Xưa nay, người ta chỉ thường nghe quan ăn tiền dân, ấy thế mà nay, KĐ. lại biết một chuyện dân ăn tiền quan, rứa mới lạ chứ! Gần đây, một tỉnh ở Trung kỳ có một cụ Sứ nuôi một con chó giống Tetnơ (Terre neuve)⁽¹⁾ to đại đột xấp xỉ bằng con bò con, lông lá bù xù xem oai nghiêm bệ vệ lắm, nhất là tiếng sủa của nó thì thật sấm rầm, dân trong tỉnh ai cũng biết nó là chó cụ Sứ

Cụ Thượng trong tỉnh một đôi khi qua chơi nhà cụ Sứ thấy đẹp cũng vuốt ve đôi cái lầy tình. Bất ngờ, cụ Sứ lại tưởng cụ Thượng thích chơi chó nên cho cụ Thượng đem về nuôi cho vui. Cụ Sứ còn khuyên cụ Thượng nuôi con Tô-tô (tên con chó) cho kỹ, vì mỗi ngày hăn ăn ít nhất cũng 2 kg thịt bò và tối ăn cháo thịt heo; ngày nào cũng phải tắm xà bông và đến chiều cho lính đưa nó ra bãi chạy chơi cho ráng căng và tiêu cơm.

Cụ Thượng từ cũng khó từ, lãnh cũng khó lãnh, đắng cay như ngậm quả bồ hòn, nhưng cũng đành phải đưa cái cục nợ đời ấy về nhà vậy.



Minh họa: TRỌNG HIỆP

Ôi thôi! Tô-tô về đến dinh cụ Thượng thì cả nhà như nổi lên một trận giặc. Ngày nào cũng như ngày nào, hần đòi ăn cho đủ 2 kg súp thịt bò, ăn cháo phở heo, đòi đi chơi, đòi đi tắm. Thiếu một chuyện gì là hần cứ vác mô lên trời mà réo tru rầm rầm lên, đến nỗi bên lầu cụ Sứ cũng nghe rang rang. Tô-tô tru chừng nào thì cụ theo hầu hạ nó; chó mô mà chó ăn thịt bò; chó mô mà chó tắm xà bông thơm?

Cụ Thượng chỉ nuôi được một tháng mà cả nhà đều xồm rốm, đều bí beng. Bực bội quá, cụ mới nghĩ ra được một diệu kế là: mời quan Bồ Lại phải đưa “cái án mạng” ấy về nhà. Trời đất ơi! Tô-tô qua nhà quan Bồ, cái tấn kịch tam bành ở nhà quan Bồ cũng nổi lên ầm ầm, không thua gì ở nhà cụ Thượng. Điếc óc long xương trong 15 ngày, quan Bồ Lại phải dùng cái kế “chuyển sức tri luân” mà gửi qua cho quan Án.

Quan Án cũng chỉ nuôi được 10 ngày rồi cũng chịu không thấu. Bức hơn nữa là mới chỉ gần 2 tháng mà con chó nó gầy ốm, trương cái bộ xương sườn lên, ngó chướng mắt quá. Nếu trong lúc ấy mà cụ Sứ thấy được thì thật nguy to!

Câu chuyện chó chạy quanh dinh ấy, ai cũng biết cả, mà ai cũng sợ cả. Từ quan Kinh, quan Phán, quan Đề, thầy Thừa, thầy Đội thấy chó đâu là lo tránh mặt, vì lỡ mà cụ gặp được, cụ gán cho cũng chết.

Cụ Thượng bần khoản lo nghĩ mấy ngày đêm, mắt ăn mất ngủ, không biết làm cách nào mà xử trí cho yên.

“Thú bất tri”, có thằng dân kia lại vào hầu kiện, cụ lớn như ánh sáng xé mây, đã tìm ra được một kế tuyệt diệu, hớn hờ gọi hấn vào hậu tiên và nói nhỏ:

“Tau cho mi con chó ni, về mà giữ bò”. Thằng dân này vốn thằng khôn lanh, hấn cũng đã phong phanh nghe câu chuyện chó ấy rồi, nên hấn một lạy, hai lạy xin lãnh chó về. Cụ lớn như cười tít lông, mừng muốn trể lại. Nhưng thằng kia hấn xảo lắm, hấn đã đi được một chặng đường lại đem chó về trả. Cụ lớn hoảng hốt:

- Ủa, chi mà mi còn đem trả lại cho tau nữa?
- Bầm lạy cụ lớn, người ta nói con chó ni chỉ biết ăn thịt bò chứ không biết giữ bò.
- Thằng ngu, tau cho mi thì mi muốn làm nem, chả chi thì làm chó.
- Dạ, bầm lạy cụ, con không dám?
- Sao lại không dám?
- Bầm lạy cụ, con nghe nói chó cụ Sứ, con không dám.
- Chó cụ Sứ mà tau cho mi, thì mi làm chi thì làm cũng được chó sao?
- Bầm lạy cụ, con xin vô phép nói, thứ chó ni thịt hôi khét lắm, ăn uống chi được.
- Mi là đồ chó chết, thôi cho 5 đồng đây nè, đem về nhà mà mua thêm màu mè cho thơm, cút ngay đi, chó mi đem chó trở lại đây một lần nữa, tau sai bỏ tù mi rục xương.

Thế là thằng dân kia đã được cái phước vừa ăn được tiền quan, mà lại đánh chén được thịt chó cụ Sứ nữa vậy.

(Chuyện này bảo đảm có sự thật 100%).

(1) Tên một hòn đảo lớn ở châu Mỹ, thuộc Anh từ năm 1949 là một tỉnh của nước Canada, chữ Anh viết là New-found land



Minh họa: TRỌNG HIỆP

Danh dự của làng

CAO XUÂN THƯỜNG

Cứ đến ngày mùng 4 tết ta hàng năm, làng Phượng Kỳ lại tổ chức hội cờ người, vui ơi là vui. Cả một bãi rộng người vòng trong vòng ngoài reo hò chỉ trỏ, cờ quạt tung bay, trống chiêng om sòm. Nam thanh nữ tú được chọn đóng quân cờ ăn mặc cứ y như trong bài tam cúc. Lại thêm vài chú hề vẽ mặt ngộ nghĩnh, miệng pha trò, tay đánh thanh la xúng xoảng càng làm tăng thêm vẻ náo nhiệt. Các đấu thủ mặc áo lương đội khăn đóng, tay cầm cờ đuôi nheo phất phất chỉ huy quân mình đi lại trong bàn cờ, đỉnh đặc oai phong như các vị tướng cổ.

Hội cờ đi vào lòng người dân Phượng Kỳ như một niềm tự hào, một nỗi nhớ. Chẳng thế mà nhiều người xa quê nếu tết không về được thì ra Giêng cũng lận lội hồi hương chỉ để được xem hội cờ vài ngày cho đỡ khắc khoải.

Một trong những người đó là ông Cao Lắm.

Nhắc đến ông Lắm dân cả làng Phụng Kỳ ai cũng biết, bởi khi còn nghỉ hưu ở quê ông là người thẳng thắn độ lượng, hiểu biết và giao tiếp rộng. Đặc biệt ông rất mê cờ tướng. Chính ông là người đề xuất và đứng ra tổ chức phục hồi hội cờ của làng ngay khi đất nước vừa mở cửa. Chiều chiều, tại nhà ông, các kỳ thủ thường tập trung giao đấu. Người ta thích đến nhà ông ngoài việc ông là người cao cờ còn bởi ông bà là những người mến khách. Đến đó họ được tiếp đãi nồng hậu, ấm áp. Ngày ông mới về hưu, mọi người còn đến để thử sức. Nhưng về sau tất cả đều “tâm phục, khẩu phục” bởi những nước cờ biến hóa, thâm hậu của ông. Rồi tiếng tăm của ông bay ra khỏi làng, nhiều cao thủ hàng huyện, hàng tỉnh cũng tìm đến nhà để độ tài cao thấp. Với những danh thủ đẳng cấp ấy, việc nhiều người đánh thắng ông cũng không có gì lạ. Điều đáng quý ở chỗ khi đến họ là đối thủ cờ, khi về họ đã là những người bạn tâm giao. Nhiều người trước đây vì mê cờ bỏ bê cả việc nhà, huênh hoang khoác loác, sau một thời gian chơi với ông họ trở thành người khiêm nhường, chăm chỉ...

Nội quy của giải cờ Phụng Kỳ quy định: trừ các kỳ thủ đã thành danh có đẳng cấp hàng huyện, còn các đấu thủ làng khác nếu đăng ký cũng được tham gia. Chính điều này đã làm tăng thêm sự hấp dẫn của giải

Vài năm đầu ông Lắm cũng tham gia thi đấu và năm nào ông cũng đoạt giải quán quân. Các năm sau ông chỉ ngồi trên bàn trịch làm trưởng ban giám khảo và cùng các cao thủ hàng huyện nhìn vào bàn “trịch” mà bình cao thấp. Các kỳ thủ làng Phụng Kỳ vì được cọ xát nhiều với cao thủ hàng huyện nên xem ra họ có trình độ cao hơn làng khác. Suốt mấy năm, các đấu thủ láng giềng hầu hết đều bị loại từ vòng ngoài, thỉnh thoảng cũng có người vào vòng hai. Nhưng tuyệt đối chưa ai đoạt giải. Người dân Phụng Kỳ tự hào lắm. “Phải thế chứ, đất “choa” là đất văn hiến chứ đùa đâu”. Có lẽ vì thế nên năm ấy, vị lãnh đạo của làng vừa là trưởng ban tổ chức giải khi họp chuẩn bị thi đấu đã cao giọng tuyên bố:

- Tôi giao nhiệm vụ cho các đồng chí, đồng thời cũng xem như bổ sung vào nội quy nội bộ của giải là: dứt khoát không để giải cờ làng mình lọt vào tay làng khác. Đây là trách nhiệm, là danh dự của làng.

Ông Lắm thay mặt anh em đứng lên nói từ tốn:

- Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng, nhưng cờ là môn thể thao trí tuệ, không thể có nội quy bắt buộc được. Tổ chức giải cờ là để tôn vinh nét đẹp nhân văn của làng. Đặt điều kiện ấy ra e sẽ bị người ta cho là tự cao tự đại.

Vị trưởng ban vẫn khẳng khái:

- Không thể như thế được, hội cờ là hội của làng ta, để mất giải thì còn gì nữa. Cứ như thế đi, không phải tranh luận nữa.

Các kỳ thủ nhìn nhau im lặng.

Vào giải, ông Lắm vẫn ngồi trên bàn trọng tài xem các đấu thủ so tài. Trên ghế ban tổ chức, ông trưởng ban chẳng biết mô tê chi cớ quạ la hét om sòm:

- Tiến lên, tiến lên hỡi các anh em. Phượng Kỳ quyết thắng!

Mặt ông Lắm đỏ như, có lẽ ông ngượng với mấy cao thủ cờ hàng huyện ngồi cạnh ông.

Bất ngờ đã xảy ra, một thanh niên trẻ măng đầu như người vùng biển đã lần lượt hạ đo ván các đấu thủ Phượng Kỳ tiến vào trận chung kết. Người làng hậm hực lắm. Nó là thằng nào, trông mặt non choẹt thế kia mà thắng như chẻ tre trước các kỳ thủ làng mình? Theo dõi ván chung kết, ông Lắm cũng nhiều lần vỗ đùi đen đét:

- Hay, nước pháo liệt tuyệt diệu!

Khi tiếng trống ván cuối vừa dứt với phần thắng tuyệt đối về tay chàng trai làng khác, sân cờ lặng phắc rồi bỗng nhao cả lên: ông Lắm đâu rồi, sao không ra quân?

Vị trưởng ban mặt nặng như trời động giông, rẽ đám đông đến cầu vào người ông Lắm:

- Thế nào bác Lắm, phải ra quân cứu vớt danh dự của làng đi chứ, để tôi giới thiệu?

Rồi không để ông Lắm phản ứng, ông ta cầm lấy micro tuyên bố oang oang:

- Đấu thủ Nguyễn Văn Hoàng làng Hoa Lũy đã thắng đối thủ Chắt Hòe Phượng Kỳ. Bây giờ xin mời bà con xem trận đấu cuối cùng giành giải quán quân giữa người thắng cuộc với đấu thủ Cao Lắm của làng Phượng Kỳ.

Cả sân cờ vỗ tay như sấm. Đến nước này, ông Lắm không còn cách nào khác. Ông rẽ đám đông đến trước bục phát biểu nhỏ nhẹ:

- Thưa bà con, năm nay tôi không đăng ký thi đấu nên không có tên trong danh sách đấu thủ. Vì vậy, theo nội quy thì anh Hoàng đoạt giải quán quân là đúng. Nhưng thể theo nguyện vọng của bà con, tôi xin mời anh Hoàng chơi một ván giao hữu. Nếu anh đồng ý thì xin cho ý kiến...

- Hoan hô, hoan hô

Sân cờ lại rộ lên tiếng vỗ tay. Ừ thì không thành giải nhưng ít ra cũng gỡ được danh dự cho làng.

Chàng trai trẻ Nguyễn Văn Hoàng từ tốn bước lên, anh cúi chào bàn dân thiên hạ rồi nói khúc chiết:

- Kính thưa toàn thể bà con làng ta, cháu là Nguyễn Văn Hoàng người làng Hoa Lũy. Hiện cháu đang học năm thứ 3 trường Đại học Thể dục Thể thao, bộ môn cờ vua. Trong khi học cũng nghiên cứu cả cờ tướng. Hôm nay nhân đầu Xuân cháu xin đến góp vui với hội làng ta, lại được các cao thủ nhường cho thắng mấy ván, cháu xin cảm ơn nhưng xin không nhận giải mà nhường cho bác Chắt Hòe. Từ lâu cháu đã nghe danh về đức độ và tài cầm quân của bác Lắm. Hôm nay xin hân hạnh được hầu bác một ván giao hữu, có gì mong bà con lượng thứ.

Trên ghế, trưởng ban tổ chức toát mồ hôi: “Chết cha, thằng này xay tiền của bố mẹ, mài mòn đúng quần trên ghế nhà trường chỉ để nghiên cứu cách đánh cờ. Thì “vua” với “tướng” cũng cùng nòi phong kiến với nhau. Phen này ông Lắm mắc “cục xương” rồi, phải dừng ngay”. Ông định lên tuyên bố dừng cuộc đấu thì ông Lắm đã cầm micro:

- Thừa bà con, hội cờ làng ta được tiếp một kỳ thủ chuyên nghiệp là một vinh dự cho giải. Xin thay mặt các đấu thủ cảm ơn anh Hoàng và xin được tiếp anh một ván để học tập.

Quân cờ lại được dàn ra, cờ quạt vẫn tung bay nhưng trống thì không thấy thì thùng nữa. Mấy anh hề cũng ngồi im một góc. Tất cả im lặng theo dõi ván cờ với nét mặt lo âu trao gửi.

Vào trận, ông khai cuộc bằng thế “mã bình phong” còn chàng trai thì “tượng giăng pháo gánh” rõ ràng cả hai đều thận trọng. Đến trung cục hai bên vẫn giữ thế bình quân. Ông Lắm vừa đánh vừa thầm khen chàng trai tuổi trẻ tài cao. Sau một hồi giằng co, ông quyết định thí bớt quân để nhanh đến tàn cuộc với mong muốn sự chín chắn từng trải sẽ chế được sự nhanh nhẩu của tuổi trẻ. Quả vậy, sau một hồi bức thí, hai bên ngang quân nhưng ông Lắm được thế thượng phong. Mặt người làng giã ra, tiếng mách nước nhao nhao. Tay hề bên ông Lắm lại ra sân theo sát chàng trai vỗ thanh la loảng xoảng mong làm rối trí đối phương. Mấy cao thủ hàng huyền cũng phá nội quy thò cổ xuống mách nước tấn công mà vẫn chưa phá vỡ được thế trận của đối phương. Bất ngờ Hoàng đi một nước phao lửng như sơ suất. Lập tức ông Lắm dùng xe chiếu rút bắt được.

Khán giả Phương Kỷ nhảy dựng lên reo hò

- Ăn pháo, ăn pháo... từng từng từng

- Thắng rồi thắng rồi... xoảng xúng xoảng

Ai cũng nghĩ ông Lắm ăn hơn con pháo là chắc thắng. Duy có Trương Văn Công cao thủ cờ hàng tỉnh đang ngồi trên bàn trịch bồng đứng dậy nói với người bên cạnh

- Thôi chết, bác Lắm mắc kế “điệu hổ li sơn” rồi.

Chưa dứt lời, Hoàng đã nhảy “mã ngoại tào” chuyển thủ sang công cùng với con xe chiếu liên tục. Quân ông Lắm kẹt cứng lấy nhau, không sao rút về kịp đành chịu thất thủ.

Tiếng trống kết thúc trận đấu đã vang mà sân cỏ vẫn lặng phắc. Thua rồi, ông Lắm thua thật rồi.

Trên ghế, trưởng ban tổ chức hậm hực bỏ về.

Trời lạnh mà trán ông Lắm lấm tấm mồ hôi. Ông giang tay ôm Hoàng, tấm tắc:

- Hậu sinh khả úy. Cháu giỏi lắm! Chiều nay ở lại đến nhà bác chơi.

Rồi ông cười, vẫn nụ cười thân thiện nhưng phảng phất một cái gì như là ngượng ngập.

Ván cờ năm ấy vẫn được bàn tán mãi nhiều năm sau. Giải cờ Phương Kỷ vẫn duy

trì hàng năm nhưng trong nội quy bỏ điều bắt buộc Phượng Kỳ phải thắng. Tuy đến giờ, giải quán quân vẫn chưa lọt ra ngoài làng.

Chiều chiều nhà ông Lắm vẫn đông bạn cờ

Năm nào ông Lắm cũng nhắc đến Hoàng và có ý chờ nhưng không thấy anh trở lại. Nghe đâu anh ra trường, đang công tác tại Sở Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang là kiện tướng cờ quốc gia.

Khi đã ở tuổi trên bảy mươi, bà Lắm quy tiên. Người con cả đón ông ra Hà Nội. Ông dùng dằng mãi nhưng cũng phải ra đi với điều kiện: Cứ tết đến phải đưa ông về ăn tết và dự hội cờ với làng. Từ đó, hàng năm, đầu Xuân lại thấy ông trong hội cờ, râu tóc trắng như cước, da đỏ au. Gặp ai cũng hỏi han ân cần, đáng đáp vẫn còn phong độ lắm.

Bẵng đi vài năm nay không thấy ông về nữa, có lẽ do tuổi quá cao, già nua bệnh tật đi lại khó khăn. Bỗng giáp tết Mậu Tý, người làng nghe ông Cao Lan (em ông Lắm) thông báo: ông Lắm ốm nặng khăng khăng đòi về để được chết gần tổ tiên. Con cháu cùng bầu đoàn thể tử chở ông về trên hai chiếc xe con bóng lộn. Tối hôm đó đã là 27 tết, cả làng đổ đến hỏi thăm ông. Tuy nằm liệt giường nhưng ông vẫn tỉnh táo. Thỉnh thoảng vẫn trả lời và cười với dân làng xem ra mãn nguyện lắm.

Khuya hôm đó, xem chừng ông đã yếu lắm. Con cháu xúm xít xung quanh để nâng giấc. Ông giơ tay ra hiệu cho con cháu lại gần. Biết bố đã ở phút lâm chung, anh con cả cầm tay ông hỏi khẽ:

- Thầy ơi, thầy có điều gì dặn lại chúng con xin thầy cứ dạy!

Ông đưa mắt nhìn khắp một lượt con cháu rồi cầm tay anh cả, giọng ông thều thào:

- Thầy đã gần 90 tuổi. Nhìn các con phương trưởng thuận hòa, lại được về sum họp cùng tiên tổ, thầy ra đi thanh thản lắm. Riêng với làng Phượng Kỳ, thầy có điều hơi ân hận.

Mọi người xúm lại ghé sát giường ông nét mặt lo lắng. Lỡ trong cuộc đời có gì thất thổ khiến ông buồn chăng?

Giọng ông nhỏ hần, nhưng rành rẽ:

- Thầy ân hận vì ván cờ năm ấy, nếu thầy đừng nóng vội ăn quân pháo mà lên sĩ trước thì đã không thua, làm mất danh dự của làng.

Anh con cả cầm tay ông nước mắt dàn dụa:

- Con lạy thầy, chuyện nhỏ ấy thầy bận tâm làm gì, ai cũng hiểu thầy mà. Thầy cứ an tâm mà về với tổ tiên.

Như ngọn nến bỗng vụt sáng lên một lần trước khi tắt, ông Lắm nói to và rõ ràng:

- Với thầy, việc thua thắng một ván cờ không sao cả. Nhưng với làng đó là danh dự, là sự trao gửi, không được xem là việc nhỏ. Các con nên nhớ, dù đi đâu làm việc gì cũng không được để mất danh dự của làng.

Nói xong, ông buông tay anh cả. Mọi người ủa đến lay gọi thì ông đã đi rồi.



Minh họa: TẠ TÂM

Người tình tiền kiếp

NHƯ BÌNH

*"Thuở loài người có tên trước Biển.
Và không ai gọi Biển như bây giờ.
Có chàng trai tên Biển, cùng yêu thương cô Muống chân tình"*

(Lời bài hát Hoa muống biển)

Tôi chạy điên cuồng trên cát.

Cảm giác ngạt thở như bơi trong một giấc mơ sâu không thể nào tỉnh lại được.

Ngày mai tôi trở về nhà. Tôi đã rời nhà lâu quá rồi.

Ngày mai tôi phải rời xa nơi này.

Biển đêm nay trở lạnh, tôi choàng chặt chiếc khăn lên vai. Cảm giác như biển dầy sóng, sóng động dữ dội nhiều hơn đêm trước. Những lớp sóng đen trũi, lực lưỡng dâng từ đáy sâu của biển cả từng đợt đập vào bờ. Từng đợt, từng đợt

triều cường nổi đuôi nhau chồm lên như nuốt chửng lấy bãi cát bé bỏng... Tôi thấy nước tràn vào đập duềnh trong lồng ngực mặn đắng... Nước như ở đâu đó phủ trùm lên tôi. Sóng lướt qua lướt lại trên đầu tôi, gương mặt tôi trôi bập bềnh trên sóng. Những cuộn nước cứ như từ đại dương sâu thẳm cuộn lên chìm ngập trong phổi khiến cho tôi vừa thấy tức ngực vừa như bị ngộp thở. Sóng cuộn cuộn bế tôi quăng quật đi đâu... Cái lạnh sâu từ dưới đáy biển chạy dọc sống lưng lên đến đỉnh đầu buồn buồn...

Mất tôi tôi sầm lại, rồi dường như có hình dáng ai đó mạnh mẽ rẽ sóng lướt đến bên tôi, có ai đó mạnh mẽ nâng tôi lên từ đôi cánh tay lực lưỡng. Tôi nép vào ngực người đó ngủ hiên ngoan. Cái lạnh biển mất thay vào đó là một luồng hơi ấm sức nức dâng lên như sương, phủ kín lấy người tôi.

*

Tôi chạy điên cuồng trên cát...

Cảm giác mình cứ như đang tụt mãi, tụt mãi vào một hố đen sâu hun hút, mịn như nhung, ở đó nhấp nhô những đợt sóng xáo động tâm trí.

Hôm qua, chúng tôi đã đi mãi, đi mãi bên nhau trên bãi biển. Thiên nhiên dần dục. Cát mịn đỡ bước chân... Tôi lướt như bay chậm là là trên cát. Bên cạnh tôi, chàng trai tôi không sao nhìn rõ mặt. Tôi nhìn thấy anh từ xa trong ánh sáng mờ ảo của những con thuyền đi đánh cá ngoài khơi riu rít hắt sáng vào. Anh một mình, trên vai là một chồng lưới đánh cá rậm rịt những mắt lưới riu vào nhau còn tong tồng nước. Vào giờ này, sao mình anh còn lạc trên bãi biển. Những con thuyền đã gác chân lên sóng ngủ từ chập tối. Hoặc đang lênh đênh đâu đó ở xa khơi cho một chuyến đi biển dài ngày. Sao giờ này anh một mình trên biển động dữ dội với đồng lưới đánh cá to vập trên vai. Có gì đó thật cô đơn trên bờ vai trần vạm vỡ đang trĩu nặng vì lưới. Có gì đó u buồn thoảng trên gương mặt gồ ghề bóng tối. Có gì đó nuối tiếc sâu thẳm trong hai mảnh đen thẳm nơi hốc mắt lấp lánh sáng của anh. Chúng tôi đi ngược chiều nhau, chặm mặt nhau, va vào nhau trong đồng lưới đánh cá bùng bùng còn tanh mùi vị biển. Một thoáng điện giật chạy từ chân lên đỉnh đầu. Cát dưới chân tôi như sụt lở, vụn những ngôi sao sáng lòa trên biển bay vọt lên trời nhấp nhánh cười.

Không hiểu đi thế nào mà va vào anh tôi lại lọt thỏm trong đồng lưới của anh, gỡ mãi không ra. Tóc tôi như những nhánh cây tầm xuân luôn vắn vít vào những mắt lưới rối bù. Khoảnh khắc quàng vào nhau như thể thế giới bị cô đặc lại, vạn vật ngừng ma sát, lưu chuyển. Tất cả mọi thứ chậm lại, ngược lại về đâu đó xa xôi trong ký ức.

Tôi loay hoay mắc cạn trong đồng lưới biển của anh.

Anh loay hoay giúp gỡ tôi ra khỏi những mắt lưới.

Cả người tôi đầm ướt mồ hôi của anh, mặn khắt.

Cũng có thể muối biển đọng từ những mắt lưới bùng bùng đã kịp ướp mặn tôi

TRUYỆN NGẮN

vào đại dương và giờ đây tôi như một con cá biển đích thực bị bắt chặt trong đám lưới rắc rối.

Tôi thở như một con cá mắc cạn.

Không sao gỡ được những mắt lưới đang trói chặt tôi vào người anh.

Cảm giác da thịt đụng vào da thịt nhột nhạt, lạ lùng, như có những luồng điện chạy từ chân lên đỉnh đầu giằng giật đánh thức mọi ngõ ngách những tế bào vi tế nhất trong cơ thể tôi bắt đầu phun máu rào rào trong tận từng huyết mạch.

Chúng tôi không sợ hãi, hốt hoảng, mà phá lên cười.

“Em đâu phải là cá”.

“Anh đâu có muốn đánh bắt được con cá to đùng mà chẳng ăn được thế này”

Chúng tôi cười vang, như thể quen thân nhau từ lâu lắm. Cảm giác gần gũi thân thiết bùng lên như một làn sóng âu yếm vừa duyên qua ngực ấm nóng, kéo hai chúng tôi lại gần nhau hơn, thật mềm mại và dễ chịu. Anh và tôi dìu nhau lên mòm đá. Anh để tôi ngồi xuống và vật đổ đồng lưới nặng trĩu sang bên cạnh. Không được rồi, tóc tôi mắc vào lưới và tôi cũng đổ vật trượt trên đồng lưới bùng bùng.

Anh phì cười và quỳ trên tôi để gỡ những lọn tóc xoắn xuýt mệnh mang như ngọn tầm xuân đang cố bám víu vào mắt lưới để vươn những chiếc lá vừa mọc ra bé xíu, như những con mắt xanh tinh nghịch trêu chọc chúng tôi.

Anh cất giọng, âm vực trầm, âm âm như từ đáy biển vọng về:

“Tóc em để dài quá. Đi biển, em đừng xả tóc rồi”. Tôi tròn mắt ngạc nhiên. Anh chạm nhẹ vào trán tôi và cười. “Lần sau gặp anh thì bới tóc cao lên, không thì tránh xa anh ra. Lưới đánh cá của anh nó mê tóc em còn hơn cả anh đấy nhé”. Tôi chỉ muốn dợm người lên đâm vào ngực anh cho bỏ ghét. Người lạ đâu, mới gặp đã hay đùa.

Biển sóng mệnh mang...

Tôi chả nhớ tôi đã nói gì với anh.

Anh cũng không thể nhớ đã nói gì với tôi.

Gỡ xong được những sợi tóc của tôi ra khỏi đồng lưới bùng bùng của anh thì trời đã rạng sáng.

Chúng tôi im lặng.

Cảm giác sắp phải rời nhau ra buồn kinh khủng. Cứ như thể chúng tôi quen nhau, từng đợi nhau lâu lắm rồi.

Tôi không nhớ đã nói gì với anh.

Anh càng không thể nhớ đã nói gì với tôi.

Chúng tôi ngồi khít bên nhau cho đến khi bình minh sắp lộ dạng, bóng đêm nhạt

nhà tan, từng mảng hừng đông rắc màu hồng xuống biển, chúng tôi mới chậm rãi đứng lên để trở về.

Chia tay anh, tôi cảm giác như hằng đi một nhịp thở, người tôi trôi đi đâu đó, chơi vơi, trông chừng, chông chênh trong hơi thở lạnh buốt.

*

Như một người mộng du.

Có chút gì đó cuồng điên vỡ ra trong tim tôi.

Đêm nay tôi ra biển từ sớm và đợi anh ở phía mỏm đá hôm trước chúng tôi đã gặp nhau vì vụn tóc tôi vướng vào lưới đánh cá của anh.

Tôi chờ mãi. Đêm đã khuya, trăng 11 non nốt vẽ một nét mi cong xanh dịu dàng ở lưng chừng trời.

Tôi không thấy anh đội lưới từ biển trở về như đêm trước.

Tự dưng, nước mắt tôi từ đâu lăn trên gò má và rơi tòm xuống cát.

Tôi cúi xuống nhìn phía dưới bãi đá chỗ tôi ngồi và giật mình. Cơ man muống biển mọc rậm rịt xanh rì trải dài một màu thẫm trên bãi cát. Trong đêm trăng, tôi thấy rõ cả những vạt hoa muống biển tím ngắt khe khẽ khép cánh rập rờn dưới ánh trăng non xanh biêng biếc.

Tôi thò chân rúc vào đám hoa muống biển.

Cảm giác tê dại thích thú lan mãi trên da thịt mình.

Tôi mãi mê với đám hoa muống biển không biết anh đến bên tôi từ bao giờ.

Anh ngồi khít bên tôi và trầm tư nhìn ra biển lúc nào tôi không hay biết nữa.

Chúng tôi ngồi khít khao vào nhau hơn. Khít đến nỗi tôi thấy mình như đang đắm chìm trong vị biển mặn chát. Nghe thấy rõ tiếng đập thành thạch, thành thạch của trái tim khỏe mạnh đang nóng giãy lên trong vòm ngực rộng của anh. Khít đến nỗi tôi hít được mùi đàn ông nồng lên trên thịt da và tóc anh như lửa cháy.

Biển đen thẫm, sóng đánh dữ dội, tôi cố không nhìn về phía biển bởi nếu chạm ánh mắt vào vũng tối thẫm mênh mông ấy, tôi lại như một người trôi dập dềnh dưới những lớp sóng náo nhiệt và ngộp thở kia... Nhìn ra biển, tôi lại thấy nước dâng ngập tôi, khiến tôi chơi vơi trong làn sóng quảng xiết.

Thêm một đêm nữa, chúng tôi ngồi lặng phắc bên nhau, tôi thò chân vào hoa muống biển nghe cát mịn lăn qua kẽ chân. Còn anh, nắm chặt tay tôi vẫn nhìn về phía khơi xa, đôi mắt anh mở to và u buồn, trên đó lấp lánh những vệt nước biển chưa khô. Cảm giác nóng ầm ầm, thân thuộc lắm, gần gũi lắm, yêu thương và nhớ nhung nhiều lắm, dâng lên ngập ngụa giữa hai chúng tôi.

Tôi không nhớ tôi đã nói gì với anh.

Anh cũng càng không thể nhớ được những gì chúng tôi đã nói cùng nhau.

Cát mát lạnh da thịt.

Tôi hít hương tóc ở phía anh.

Cánh tay rám nắng tròn căng những cuộn cơ chắc đá của anh quàng lấy lưng tôi êm dịu.

Anh mãi miết lên người tôi những nụ hôn xiết chặt.

Tôi lịm đi dưới anh.

Ô kìa, chúng tôi làm tình với nhau như những cặp vợ chồng khát khao nhau lâu ngày không được gặp.

Những ham muốn dữ dội và bùng cháy tự nhiên như bản năng

Tôi đã kịp yêu ai đâu, tôi còn là trinh nữ kia mà. Tại sao tôi lại làm tình dễ dàng với anh như người đàn bà từng trải chuyện chăn gối, như người vợ mới cưới lâu ngày mới gặp chồng.

Sao tôi không có lấy chút e thẹn, e ấp của trinh nữ.

Tôi quấn chặt lấy anh trong cơn khát dữ dội. Không thể hiểu từ đâu, nỗi đau bỗng chốc dâng lên bóp nghẹt, rồi lại bỗng chốc dịu xuống như một vết bỏng vừa rộp phỏng đã lại mát dịu lại.

*

Tôi không nhớ tôi ở đâu đến, vì sao tôi có mặt ở đây, trên bãi biển thanh vắng này lâu đến thế.

Tôi nhớ mẹ, nhớ nhà, tôi cần phải trở về rồi. Mẹ tôi chắc đã đợi tôi từ lâu, bà chắc mong tôi lắm. Bao nhiêu lâu rồi tôi chưa trở về nhà, chưa gọi điện thoại cho mẹ.

Đêm nay, tôi nằm xuống đám hoa muống biển. Hoa cọ vào thịt da mát rượi như dâng đón thân thể ngọt lịm của tôi. Đêm nay, anh bên tôi nằm trên cát sau những cơn cuồng nộ hoan lạc của ham muốn. Hai cánh tay cuộn cuộn sóng của anh phoir rộng dưới bầu trời đêm vằng vặc ánh sao. Đêm nay, không thể dịu đi những ham muốn, tôi như một kẻ bị bỏ đói từ nghìn năm trước tiếp tục quỳ xuống cơ thể vạm vỡ như đá tảng của anh để uống, để say và để mộng mị...

Chúng tôi dành cả đêm để hôn nhau và mãi miết làm tình như những cặp vợ chồng trẻ xa nhau trong ngày đầu gặp lại... Tôi quên mất tôi đang là trinh nữ, và tôi quên luôn cả việc hỏi anh là ai, anh từ đâu đến trong cơn mộng du của tôi.

Anh gối đầu lên tóc tôi. Tôi thì thầm: "Em không cho anh đi biển nữa vì em sợ cảm giác phải đợi anh. Em sợ biển sẽ nuốt chửng lấy anh, cướp mất anh của em. Mình sẽ rời biển lên một ngôi làng nào đó cuốc đất trồng rau sinh sống anh nhé". Anh cười vang vang: "Anh biết làm gì ngoài nghề đi biển đánh cá. Xa biển, rời biển, anh làm sao sống được". "Nhưng con cá to nhất là em thì đã mắc vào lưới của anh rồi. Có em rồi, anh vẫn muốn đi bắt cá là sao". Chúng tôi cười vang vang và quấn lấy nhau trên bãi cát, xung quanh là bờ bờ hoa muống biển tím lịm. Tôi

vừa hôn anh đấy, đã lại muốn hôn anh thêm nữa biết bao. Tôi đã lại muốn ngấu nghiến lấy đôi môi dày mềm mại của anh... Tôi đã lại muốn thò bàn tay vào ngực trần của anh để in lên đó những dấu hôn sâu nhất. Tôi đã lại muốn đưa hai bàn tay lên đỡ lấy khuôn ngực rắn chắc mềm mại và nóng hổi của anh trong tay. Tôi muốn gặm từng miếng cơ thể anh để rồi tan vào vầng ngực và đôi môi ngọt ngào kia, vầng trán tinh khiết kia. Tôi muốn tan biến vào anh, để trên anh tôi chỉ còn là những vết yêu hoang dại...

Nhưng đêm nay anh đã bế tôi lên đi về phía biển.

Nước biển mặn đẩy tôi bồng bềnh trên sóng. Nhưng anh đã ghì xiết lấy tôi trong cuộn cuộn vòng ôm ngọt thở của anh. Tôi không hiểu tại sao nước lại có thể đẩy chúng tôi vào trong nhau sâu hơn, sâu hơn nữa và chạm tới đích của vũ trụ tan vỡ. Tôi không hiểu sao làm tình trong menh mông biển cả lại làm cho tôi run lên, run lên nhiều lần trong những cơn cực khoái đầm đìa nước mắt. Cảm giác ấy cho tôi tan ra li ti trăm ngàn mảnh như những tế bào nhỏ bắn tung trong vũ trụ. Cảm giác ấy làm cho tôi khóc. Nước mắt hay nước biển nhòa trên gương mặt tôi. Môi tôi rùng rùng máu chảy. Tôi cảm giác ngọt thở, như trôi quá sâu vào một cơn mê hoang dại mà mình không làm sao để tỉnh lại được... và từng mảnh xác thịt của tôi sẽ hút biến vào trong cơ thể anh, để tôi chưa từng có mặt trên đời, để tôi mãi là một tế bào lưu dấu từng mạch máu đập rộn rã trong trái tim anh...

Nhưng anh nói chúng tôi phải trở về nhà.

*

Tôi vừa chạy vừa bay là là trên những vạt hoa muống biển. Ở phía trước xa xa, có một người đàn bà ăn mặc theo trang phục đời xưa, váy đụp đầu chít khăn mỏ quạ đang quỳ gối khóc. Tôi nhìn thấy gương mặt bà gầy gò đau khổ trên đó chứa đầy những vũng tối menh mông. Người đàn bà chắc hẳn là dân vạ chài với đôi quang gánh tong tả trên đôi vai xơ xác. Trên một đầu quang gánh của bà có nải chuối cau chùm chim trái. Mái tóc bà xổ ra một phần dưới vành khăn mỏ quạ, bết nước biển, xoắn lại vào nhau từng lọn rời rạc trên vầng trán gầy hốc, gương mặt mỏng tang. Bà đặt quang gánh xuống bãi cát, một tay cầm nải chuối cau, một tay huơ nắm nhang cháy đỏ... vừa quỳ vừa khóc, vừa gọi tên một ai đó nghe như là "Muống ơi! Muống ơi, về với u đi con". Tôi tò mò quá, rất muốn tới gần quan sát bà mẹ đời xưa đau khổ tìm con nhưng những con sóng và ngọn gió biển cứ quần dạt tôi ra phía xa. Chỉ có tiếng gọi khẩn thiết của bà mẹ quen tai tôi lắm, cứ quện chặt dất dứu bám riết bên tai tôi rõ mồn một: "Muống ơi! Muống ơi, về với u đi con".

Tôi vẫn chạy... đúng hơn là chạy nhanh như thể đang bay đập dềnh trên từng ngọn sóng phía gần bờ... Xa xa, có một người đàn ông gầy guộc với khuôn ngực gầy trơ, những cái xương sườn gồ lên sau lồng ngực đang đi chậm chậm trên bãi cát. Ông hẳn là dân vạ chài rồi vì chiếc quần nâu ông mặc chẳng chịt những mảnh lưới biển vá vú vào nhau. Gương mặt người đàn ông khắc khổ lấp loáng những vũng tối menh mông hết như người đàn bà ban nãy tôi vừa gặp. Ông vừa

đi vừa huơ nắm nhang đỏ vừa gọi tên một ai đó: “Biển! Biển ơi, về với thầy đi con. Mây khôn thiêng mây theo nén nhang của thầy mà về với thầy u mày, đừng trôi dạt đâu nữa con ơi”....

Tôi vẫn đi như chạy. Tôi suýt đâm sầm phải mẹ tôi đang đứng nói chuyện với một người đàn bà khác. Tiếng của mẹ tôi rì rầm, nghèn nghẹt như tiếng của người khóc nhiều nên bị nghẹt mũi. Mẹ tôi nói: “Hóa ra, thế là bãi biển này gọi là bãi cô Muống hờ bà? Có phải câu chuyện như trong bài hát thuở xưa, có cô Muống và anh Biển yêu nhau. Anh Biển mãi mê đi tìm luồng cá ngoài khơi xa nên bị sóng cuốn đi. Cô Muống ở nhà chờ đợi người yêu, chờ mãi không thấy người yêu về, biết người yêu đã bỏ thân ngoài biển cả nên khóc suốt mà gục chết trên bãi cát, hóa thành loài hoa muống biển mọc bên bờ biển, để đêm đêm nằm nghe tiếng rì rầm của sóng biển và tiếng biển ru vọng về phải không bà. Con Thư nhà tôi thích hát bài này lắm, nó hát suốt mỗi khi về nhà với bố mẹ nên tôi mới nhớ lời bài hát đó thế này”. Người đàn bà đứng cạnh mẹ tôi, đang trò chuyện cùng mẹ tôi giọng còn buồn tủi hơn “Ờ, người làng tôi đặt tên là bãi cô Muống gì gì đó. Tôi nào có biết bài hát mà bà nói đâu. Tôi sinh ra đã thấy người ta gọi đây là bãi biển cô Muống rồi. Dân làng truyền nhau, chuyện cô Muống và anh Biển yêu nhau và chết ở biển để được mãi mãi bên nhau vì lúc sống họ không thành duyên phận được.

Tôi không quan tâm lắm chuyện truyền thuyết, bà hỏi thì tôi mới nhớ ra thôi. Cơ mà con tôi và con bà, chúng nó có quen biết gì nhau đâu, sao tôi và bà lại gặp nhau trong tình huống oái oăm này chứ. Ngày hôm nay đúng hai năm về trước, thằng Hải nhà tôi bị sóng cuốn ở đây. Thằng Hải nhà tôi cao lớn đẹp đẽ lắm, nó ngày nào chả từ ngoài khơi theo thầy trở về nhà. Nhà tôi ở trong kia kia, cái xóm gần sát biển đó. Nó đi đánh cá cùng bố nó suốt, nó biết bơi rất giỏi. Chiều hôm đó nó nghe tin có người bị sóng đánh cuốn trôi, nó còn chưa kịp ăn tối, quăng cả đồng lưới xuống sát mép biển để lao ra cứu người. Nó bơi ngược sóng để cứu một cô gái bị sóng cuốn. Ngờ đâu cô gái đó lại chính là con gái bà. Giờ gặp nhau đây, sau 2 năm kể từ ngày nó bỏ chúng tôi mà đi, tôi mới biết người nó cứu chính là con gái bà. Thật đen đủi cho số phận của cả tôi và bà, cứu người không thành nên thần biển cướp chúng nó đi luôn. Mà con gái bà là người thành phố, đâu có biết bơi đâu mà rủ chúng bạn xuống biển chơi rồi dám đi tắm ngoài xa... Giờ đây chúng nó rủ nhau đi rồi bà ạ, không biết dưới đó chúng nó có làm bạn với nhau cho đỡ tủi linh hồn...”.

Người đàn bà lạ mặt ngồi thụp xuống khóc hu hu. Gương mặt của người đàn bà dân chài vất vả khô xác sau màn nước mắt khóc con càng trở nên héo hon chua xót. Mẹ tôi khẽ ngồi xuống đỡ người đàn bà kia... rồi hình như, không đỡ được, cả mẹ tôi cũng sụp xuống cát mà khóc... “Tôi không ngờ hôm nay lại gặp bà ở đây. Cũng đã hai năm rồi kể từ ngày con gái tôi không về. Giỗ hết khó, tôi ra đây thấp hương mong linh hồn nó siêu thoát mà trở về bên gia đình rồi thanh thản đi sang kiếp khác. Tôi chỉ lo nó đơn lạnh ở ngoài kia bà ạ. Thôi nhà bà ở gần đây thì cho tôi vào nhà thấp hương cho cháu nhà bà nén hương. Tôi muốn tạ lỗi với cháu và mong nó tha thứ cho linh hồn con gái tôi, vì con gái tôi mà con trai bà bạc mệnh”....

Hai người đàn bà dắt díu nhau liêu xiêu đi vào bờ.

Tôi chạy với theo. Tôi ríu rít gọi: “Mẹ! Mẹ ơi, con đây mà. Mẹ ơi! Sao mẹ lại ở đây? Con còn sống đây mà. Mẹ ơi! Mẹ ơi”. Mẹ tôi không hề nghe tôi gọi. Người đàn bà vạm vỡ cũng chẳng nghe thấy tiếng tôi gọi. Sóng biển rì rầm. Trên trời, những vì sao đổi ngôi cho nhau thì thoảng xẹt rơi ngang qua bầu trời trong vắt. Tôi cố gắng để chạy thật nhanh về phía mẹ. Phía đó có ngôi nhà ngói mái đỏ, bên trong khung cửa sổ có ngọn đèn điện đỏ quạch hắt ánh sáng yếu ớt ra sân. Có một người đàn ông già đang thông thả vá lưới trên sân.

Ồ thì ra trăng đã 15 sáng rực.

Tôi đi như chạy... mà vẫn không đuổi kịp mẹ.

Sóng đánh dạt tôi mỗi lúc một xa mẹ hơn...

Tôi chạy như bay, cảm giác không gọi được mẹ khiến cho ngực tôi trào nước, ngộp thở.

Tôi khóc.... chơi với trên ngọn sóng.

Hình như có ai đó rẽ sóng bơi đến bên tôi. Ai đó giống như anh đã trao tôi cho anh. Anh bế tôi lên bờ... Một bên là đồng lưới với những mắt lưới mở to loang loáng nước. Tôi la lên: “Cẩn thận vì em chưa kịp búi tóc”. Anh cười vác tôi lên vai đi băng băng qua mù mịt sóng nước.

Anh âu yếm hỏi tôi: “Em có muốn về nhà gặp thầy u anh không? Nhà anh ở kia kìa. Về nhà chào thầy u anh nhé, em sẽ có bất ngờ đấy. À mà đêm qua khi anh đến, em đang ngồi trên mỏm đá nghịch hoa muống biển và hát bài “Chuyện tình hoa muống biển” hay quá. Đêm nay nhớ hát cho anh nghe đấy nhé”.

*

Tôi nằm ngoan ngoãn trên vai anh.

Tôi không còn đi như chạy nữa.

Tôi chẳng thấy mình trôi đi đâu nữa.

Tôi nhắm mắt lại mặc cho nước mắt rơi xuống ướt đầm tóc.

Tóc tôi buông tơi ra và mượt như rong biển xoắn xuống ngực.

Những con cá nhỏ từ tóc tôi chui ra bơi lội tung tăng.

Tôi nhìn xuống thấy mình nở ra tím bập ngàn những bông muống biển bám vào anh từ chân đến đầu. Cả người anh kín trong dây muống biển leo bám.

Tôi nhìn xuống bàn tay tôi, những nụ muống biển tím tím rung rinh...

Tôi nhìn xuống chân tôi, những sợi muống biển bò ra vằn vít.

Ngày mai tôi có còn phải rời biển để trở về nhà nữa không?

Vì sao tôi có mặt ở đây?

Và anh là ai, người tình tiền kiếp của tôi?

Bến đò xưa

BÙI ĐÌNH SÂM

Dân làng Vĩnh Long đồn rằng bà Liên dạo này không bình thường. Ngày nào cũng vậy, mỗi khi chiều tà, cho dù mùa Đông rét buốt hay mùa Hạ nóng rát, bà vẫn ngồi trên bờ đê cuối làng, đưa mắt dán chặt nơi xa tít, bến đò Vạn Rú năm xưa, một thời in đậm bao kỷ niệm tuổi xuân của mình. Thường ngày bà ngồi sệt lên bờ đê, khiến cho vạt cỏ chết lụi, ngả màu trắng xóa, trở thành dấu mốc ranh giới giữa hai làng Vĩnh Long quê nội và làng Đông Thịnh quê ngoại ở phía Bắc bến đò này. Một số người độc miệng cho bà già rồi trở tính, dở hơi, tâm thần. Số đông khác, nhất là những người cùng trang lứa với bà còn sống ở làng Đông Thịnh, tỏ ra hiểu biết về bà, vì thế, họ thương cảm và chia sẻ với bà nhiều hơn. Họ cho rằng, hồi chiến tranh bà là một trong những người con gái của làng chịu nhiều thiệt thòi, mất mát. Vậy nên có thể giờ đây bà bị ám ảnh và suy nghĩ quá nhiều...

Bà sinh vào năm Ất Dậu 1945, sau Cách mạng tháng Tám thành công chừng vài tháng, tính đến nay, bà tròn bảy lăm tuổi. Ở tuổi bảy lăm mà trông bà như người già hơn trăm tuổi. Chịu nhiều khổ đau nên khuôn mặt bà trở nên hốc hác, gầy khô, đôi mắt bà sâu hoắm, hai hàm răng không còn một chiếc, khiến đôi má của bà lún sâu vào tận hai đáy tai. Người không quen, mới gặp lần đầu, dễ chấp tay chào bà là cụ lão. Bà có hai đời chồng, ông nào cũng là bộ đội. Ông chồng thứ nhất, có một con trai rồi bỏ bà, lấy vợ lẽ, lý do theo bà là do mình. Ông chồng thứ hai thì ăn ở với bà, có bốn mặt con, nuôi ba, nhưng khốn nỗi, ông đã có một bà vợ đầu nay còn sống, nhưng không có con, kỹ tính. Ông đã mất hơn hai năm nay. Còn bà, lại có một đứa con riêng, bố nó là ai, ở đâu, chẳng biết! Suốt ngày, bà cứ lẩm bẩm tính đủ sáu người con, ba trai (nuôi hai) và ba gái, tất cả đều được học hành, ăn nên làm ra, đi xa, còn lại bà một mình ở quê nhà, nơi giáp ranh hai đầu xóm nhỏ.

Bờ đê nằm giữa khoảng trống hai làng từ hai năm nay chiều nào cũng có bóng bà chết lặng. Người làng nói ra, nói vào chán chê, rồi họ tìm cách báo với những đứa con của bà. Chiều nọ, bà đang ngồi lặng yên, bỗng giật mình khi nghe tiếng gọi to của cậu con trai riêng, từ thành phố về:

- Mẹ về đi, đừng ngồi ở đây nữa. Mẹ ngồi, người dân người ta bàn tán xôn xao, mà chúng con cũng bị chê trách. Tại sao vậy mẹ? Ma xui mẹ ả?

Bà Liên đưa mắt nhìn con, không rời chỗ, chỉ khẽ khàng:

- Thiện đây à con? Ai nói con ra đây tìm mẹ?

Thiện nài nỉ:

-Mẹ hãy về đi, năm hết, tết đến rồi, càng về cuối năm, con càng bận việc.

Anh em, bà con làng xóm nhiều người nhần tín, bảo con phải về, kiên quyết, dứt khoát không cho mẹ ra ngồi giữa mưa, nắng như thế nữa, dễ sinh bệnh tật, lại ngồi nơi trống vắng, ít người qua lại, thật nguy hiểm.

Rồi Thiện nắm chặt tay bà Liên, kéo về. Bà Liên bức xúc, giật mạnh làm Thiện ngã ra bờ đê. Lúc này thì Thiện vừa bức, vừa thực sự thương mẹ. Thiện chăm chăm nhìn vào mắt mẹ, vừa khóc, vừa năn nỉ:

- Mẹ ơi! Con thương mẹ nhiều lắm. Mẹ hãy thương con đi. Thương con thì mẹ hãy về nhà đi!

Bà Liên nhìn Thiện một lúc, rồi chậm rãi, nói:

- Con hãy ngồi xuống đây. Mẹ muốn kể cho con nghe, để con hiểu vì sao mà mẹ lại ra đây ngồi.

Gần 60 năm về trước, năm mười sáu tuổi, mẹ đã học hết cấp hai (hệ bảy năm) rồi cơ mà. Hồi đó, trong làng mình, số người học hết cấp hai hiếm lắm, cả làng tính ra được năm, bảy người. Con trai, con gái trong làng xung phong lên đường nhập ngũ ra tiền tuyến. Số còn lại ở nhà, như mẹ, làm công tác giao liên. Ngày ấy, mẹ cũng thuộc dạng xinh xắn, hát hay nên sớm lấy chồng. Sau đám cưới chừng vài tháng, chồng đi bộ đội. Gần một năm sau, mẹ sinh con trai, là anh Quý đây. Chồng đi biệt không về, sau mẹ hay tin ông đã cưới vợ khác, người ngoại tỉnh. Ở quê, họa vô đơn chí, nhà ông bà nội, nơi mẹ về làm dâu bị trúng bom từ trường của giặc Mỹ, nổ tung, tan hết. Sau sự kiện đau lòng ấy, mỗi người đi sơ tán nơi kiếm sống. Mẹ phải về nhà ông bà ngoại, rồi tiếp tục làm công tác giao liên như ngày trước.

Nói rồi, bà Liên đã giơ cánh tay chỉ về hướng nơi làng Đông Thịnh, thả giọng nhẹ nhàng:

- Đây là nơi chôn rau cắt rốn của mẹ! Và, suốt mấy năm nay đây là nơi dừng chân của hàng trăm ngàn bộ đội vào Nam chiến đấu. Con biết không, ngày ấy, cứ vào chiều tối là bộ đội bắt đầu hành quân. Xuất phát từ một vị trí nào đó ở phía Bắc làng mình, họ tính cho bộ đội đi bộ suốt đêm, sao cho trời hửng sáng là đến nơi,



Minh họa: TRẦN MINH CHÂU

dừng chân nghỉ tại làng mình. Nếu không đến kịp trước lúc trời sáng, máy bay Mỹ phát hiện được, nó đánh bom rất nguy hiểm. Mẹ cùng nhiều chị em khác trong làng, khoảng bốn, năm giờ sáng là thức dậy, được phân công dẫn các anh bộ đội vào từng nhà dân ổn định, ăn nghỉ. Đến chiều tối, lại tiễn chân bộ đội tiếp tục rời làng hành quân vào Nam...

Bà Liên, một tay nắm chặt tay Thiện, tay kia giơ cao chỉ về phía trước, nói tiếp:

- Men theo con đường nhỏ quanh co này, rồi qua mấy bãi mía, nương ngô bạt ngàn kia, con hãy đi tiếp gần đến nơi bờ sông, thấy ngọn núi nhỏ, đây là bến đò Vạn Rú. Bến đò mà đêm nào cũng bị máy bay Mỹ rình rập thả pháo sáng, dội bom, ấy thế mà hàng trăm ngàn bộ đội hành quân đi qua đều an toàn đấy. Bến đò, nơi có biết bao kỷ niệm cho quân và dân làng mình, sau mỗi lần bộ đội đến

rồi đi. Nhà thơ Phạm Tiến Duật khi hành quân đi qua đã có bài thơ nổi tiếng: *"Bến đò Vạn Rủ"*, trong đó có câu thơ hay, mẹ còn nhớ: *"Giữa khúc sông Lam có hai bến đò Vạn Rủ"*.

- Mẹ mà cũng biết nhà thơ Phạm Tiến Duật à? Thiện hỏi.

- Đừng có coi thường mẹ. Bà Liên cười nhẹ. Hồi trước, mẹ không chỉ thuộc bài thơ của ông ấy, mà còn thuộc nhiều bài thơ của các nhà thơ khác nữa. Nay lâu ngày, già rồi, trí nhớ kém, mẹ quên đi nhiều, những kỷ niệm năm xưa về công tác giao liên nơi bến đò Vạn Rủ này, thì mẹ làm sao quên được.

- Kỷ niệm gì thế hả mẹ? Mẹ kể tiếp đi! Con nghe đây. Thiện nói

- Vào một đêm mùa Đông nào đó, dịp gần tết Mậu Thân năm 1968, lúc tiễn chân bộ đội hành quân ra bến đò này để qua sông, bất ngờ máy bay địch ập tới. Chúng bắn hàng chục quả pháo sáng, làm sáng trưng cả một vùng. Tất cả bộ đội nằm sát bên nhau, lá ngụy trang chồng lên thành hai hàng cây xanh bên đường. Mờ mắt thấy rõ cả đàn kiến bò trên mặt đất. Đêm ấy, mẹ mang hộ một ba lô nặng với một bao tượng gạo và một khẩu súng AK cho anh bộ đội đang bị cảm nặng. Và, khi nghe tiếng còi báo động, mẹ và anh ấy chỉ kịp nằm xuống trên một hố cạn trồng bí đỏ, nơi vạt đất bên đường. Con biết đấy, trong khoảng không chật hẹp, giữa bao nhiêu nguy hiểm rình rập trên đầu, và hai con người với những thanh xuân đang rực cháy... Mãi hồi lâu, máy bay Mỹ không tìm thấy mục tiêu, chúng bỏ đi. Pháo sáng tắt dần, bộ đội theo lệnh chỉ huy tiếp tục hành quân. Mẹ và anh bộ ấy bịn rịn chia tay và biệt biệt tin nhau cho đến bây giờ!

Bà Liên dừng lại, lặng im hồi lâu không nói. Thiện thầm đếm những giọt nước mắt lăn nhẹ trên gò má của mẹ. Không giấu nổi xúc động, Thiện mạnh dạn hỏi luôn:

- Mẹ ơi! Con hỏi thật mẹ nhé. Mẹ hãy nói cho con biết, bố của con là ai?

Bà lặng người, giọt nước mắt nặng hạt lại tiếp tục rơi tràn lên khuôn mặt nhăn nheo. Đã hơn chín giờ tối rồi hai mẹ con vẫn ngồi trên bờ đê. Bà Liên ôm chặt Thiện vào lòng, chậm rãi nức lên từng tiếng:

- Con ạ! Ngay đến bây giờ, mẹ cũng không nhớ nổi, chỉ biết tháng chín năm sau mẹ sinh con. Con bỏ qua lỗi này cho mẹ. Những ngày mẹ sinh con, được ông bà ngoại chăm nom, và những năm tháng sau đó, con được ông bà ngoại nuôi dưỡng ăn học hết cấp ba, rồi đi đại học. Bây giờ con đã có vợ, có nhà ở thành phố, sinh hai con trai, chúng nó đều học giỏi, một đứa tốt nghiệp đại học ra trường. Mẹ mừng lắm. Thôi! Con đừng bận tâm đến điều đó làm gì, vì đến nay, mẹ cũng chẳng biết gì hơn về con người ấy.

Bà Liên dừng lại hồi lâu rồi nói hết cạn tâm tư:

- Nay Thiện con! Mẹ dặn con mấy việc. Tuy mẹ sống một mình, nhưng mẹ có năm người con. Mặc dầu mỗi đứa mỗi nơi, đứa ở trong Nam, đứa ngoài Bắc, nhưng tất cả là con của mẹ. Ngày mẹ mất, các con chung tay lo công việc cho mẹ.

TRUYỆN NGẮN

Riêng con là con riêng của mẹ, mẹ dặn thêm con một điều: Mẹ mất, con thờ mẹ. Còn bố thì con thờ...?

Bà Liên nghẹn ngào không nói nên lời. Lần này, đôi mắt bà khô cứng, những giọt nước mắt như chảy vào trong. Bà nấc lên từng tiếng một:

- Thường niên, năm hết tết đến, giỗ chạp con về nơi thờ ông bà ngoại để lễ nghi, khánh tiết. Khi mẹ mất, đến ngày giỗ mẹ, không cần phải nói gì thêm nữa, mất ngày nào cúng ngày đó, tốt hơn, trước ngày kỵ ấy, vào chiều tối, con làm nhẹ mâm cúng. Và, điều quan trọng hơn là ngày kỵ của cha con, theo mẹ, con hãy lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm để làm giỗ. Nếu con hứa sẽ nhớ và làm theo lời mẹ, từ nay trở đi, mẹ sẽ không bao giờ ra ngồi bờ đê này nữa!

Thiện ôm mẹ vào lòng. Giờ đây thì anh đã hiểu bao nhiêu cảm lặng của mẹ mình trong quãng đời dang dở. Anh hứa với mẹ, như hứa với lòng mình, rằng anh sẽ không quên những gì hôm nay mẹ kể cho anh và mẹ dặn anh.

Đêm đã về khuya, Thiện nắm tay mẹ trở về. Trong căn nhà tĩnh mịch giữa làng quê thanh bình, đêm ấy, có hai người không ngủ...



Minh họa: HOÀNG HẢI THỌ

Dị cư

NGUYỄN THỊ MINH THÌN

Mỗi lần về quê giỗ tổ, bà Phương không thể nào quên được ngôi làng xưa cũ. Ngôi làng đông đúc, trù phú bên bờ con sông Lam trong mát hiền hòa. Vậy mà giờ đây ngôi làng ấy không còn nữa.

Những mùa lũ lụt nước từ thượng nguồn đổ về, dòng sông đầy ắp réo sôi cuộn cuộn. Với sức mạnh bạo liệt, nó cuốn phăng đi tất cả. Bởi thế mà bờ sông cứ lở mãi, lở mãi để bồi đắp cho phía bờ bên kia, nơi có ngọn núi Hồng Lĩnh soi bóng xuống mặt nước trong xanh.

Khúc sông bên lở bây giờ không có một ngôi nhà nào tính từ trận lũ lịch sử hồi tháng Tám năm đó.

*

Cô bé Phương không bao giờ quên được cái ngày hôm đó. Khoảng hai giờ chiều trời đang nắng sáng, bỗng nhiên mây đen từ đâu tụ về quây kín trên đầu. Chẳng

mấy chốc bầu trời đen kịt, và gió, gió mỗi lúc một mạnh dần, cuốn tung lên những đám bụi mù mịt, bay thốc thác cả vào nhà. Đa số người ta chưa kịp đóng cửa, hoặc đóng rồi lại bị bật tung ra. Có nhiều người về nhà chưa kịp, họ vừa chạy trên đường vừa la hét thất thanh. Nhưng tiếng kêu của họ bị chìm lấp trong tiếng gió ào ạt. Mưa đổ sầm sập, tưởng tượng như dốc cái thùng nước khổng lồ từ trên cao đổ xuống, và cứ thế nước rơi ròng rã không ngớt từ hai giờ chiều hôm qua cho đến sáng ngày hôm nay.

Phương thức dậy khi cả gia đình bảy người nằm chen chúc trên chiếc giường ọp ẹp, nhìn thấy dòng nước từ bên ngoài cứ ồ ạt tuôn chảy vào nhà, bật tung cánh cửa lớn và cứ thế tràn vào tất cả mọi ngõ ngách. Sách vở của Phương và các em đều đang nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Nước dâng đến góc bếp, lan rộng ra cả phòng ngoài. Màn nước trắng đục giờ đây tro, than nổi lềnh bềnh trông đến nhớp nhúa, bẩn thỉu. Sau Phương còn có bốn em nhỏ nữa, hai bé gái nhỏ nhất, một đứa trong tay mẹ, một đứa trong tay chị cả đang khóc thét lên.

Ông bố dáng cao gầy, khuôn mặt sạm đen, khắc khổ xắn quần bước xuống sân nhà, lội bì bõm trong nước đi dần ra phía cửa. Ông kinh hoàng khi thấy bên ngoài là cả một màn trời nước mênh mông. Tiếng mưa, tiếng gió gào rít, ầm ào, dữ dội. Ngôi nhà của ông run lên bần bật như sắp chơi vơi giữa biển trời trắng xóa. Ông hết sức kéo hai cánh cửa đóng chốt lại nhưng không được, chợt nhớ tới cái sập trong đó còn hai bì lúa, nếu bị ướt, hỏng hết, cả nhà bảy con người lấy gì ăn trong những ngày sắp tới, ông quay trở vào, mở nắp lói hai bì lúa lên trên bề mặt của sập. Nước mỗi lúc một dâng to, hai chiếc giường sắp bị ngập, ông cuộn chiếu và giúp mấy mẹ con trèo lên trên sập. Tiếng khóc thút thít của hai cô con gái lớn, một mười bốn, một mười hai tuổi, tiếng dỗ dành, an ủi của người mẹ.

- Nín đi các con! Rồi mưa bão sẽ qua nhanh thôi.

Trong giọng nói của người mẹ có cái gì đó không thực, có cái gì đó thật mơ hồ. Mưa mới chỉ có ba ngày thôi mà cả căn nhà họ như cách biệt với thế giới bên ngoài từ lâu lắm rồi.

Người đàn ông gầy guộc, mắt trũng sâu thâm quầng mệt mỏi, râu ria mọc lởm chởm trên cái cằm xương xẩu, cứ quây trở không yên bên cạnh đàn con nhỏ và người vợ yếu ớt. Cả nhà đứng trên cái sập đựng lúa, nước đã ngập đến đầu gối. Hai bao lúa ông gác lên trên chạn, trên xà nhà. Cũng may trên đó còn có hai thanh gỗ bắc ngang. Nhưng giờ đây không ai để ý đến bao lúa nữa, bởi nước vẫn tiếp tục dâng, sự sống và cái chết đang kề trong gang tấc, bọn trẻ đứng bên cạnh người mẹ khóc rình lên. Những gương mặt quắt lại vì đói, vì thèm khát khung trời ngoài kia, nơi đó từng có con đường rợp bóng hàng cây, tiếng chim hót líu lo trong từng kẽ lá. Tiếng reo cười hớn hở của từng đám học sinh tung tăng cắp sách đến trường. Tất cả những điều đó giờ đây đã trở thành dĩ vãng rồi sao? Giờ đây trước mắt chị em Phương là ngôi nhà ngập nước. Nước bẩn thỉu, hôi hám cuộn xoáy réo sôi ừng ực. Ở ngoài kia trời nước gập ghào, rên xiết có thể nuốt chửng cả mấy chị em Phương, cả bố mẹ bất cứ lúc nào.

Mẹ Phương là người phải chịu đựng nhiều nhất sự giày vò đau khổ vì đã không nghe lời chồng. Nhiều lần đi họp về khuya, ông thường tỉ tê vào tai vợ: “Mẹ nó à! Bây giờ Nhà nước có chủ trương dấn dân lên miền ngược, hay là mẹ nó để tôi đăng ký rồi nhà mình cùng đi. Trong xóm cũng đã có nhiều gia đình viết đơn xin đi rồi. Chứ ở đây bao giờ cho hết đói khổ. Mưa gió bão lụt thường xuyên, rồi bom đạn chết chóc cứ rình rập trên đầu. Lên trên đó, trước mắt họ cấp tiền, cấp gạo cho để ăn, nhà họ làm sẵn chỉ việc lên đó ở. Rồi mình khai hoang vỡ đất, trồng lúa, trồng hoa màu. Cuộc sống no đủ, con cái nó có cái ăn, cái mặc, lớn lên khỏe mạnh hồng hào xinh xắn chứ không phải đói khổ quắt queo như bây giờ”.

Bà mẹ nghe tai nọ xọ tai kia, bà không muốn đi đâu hết. Bà yêu thương cái mảnh đất này. Nơi gốc gác, cội nguồn, nơi gắn bó hết bao đời của dòng tộc gia đình bà. Từ đời ông, đời cha đến đời con cái cháu chắt. Nó bám rễ rất sâu, không thể một chốc mà nhổ bật lên được. Hơn nữa cái tình cảm quê hương làng xóm, nó nặng nghĩa, nặng tình biết bao, làm sao mà có thể dứt đi được? Chưa nói đến việc lên trên đó, lên miền ngược nơi rừng thiêng nước độc, muỗi mòng, sên vắt rồi các loài rắn rết và các loài thú dữ ăn thịt người. Các loại bệnh như sốt rét, ghẻ lở, hắc lao... Người lớn còn chịu được chứ còn con nít thì sao? Chúng nó ốm đau quắt queo khổ thân lắm. Bà nghĩ vậy rồi bà làm mình làm mẩy với ông:

- Ông đi đâu thì đi, mẹ con tôi ở đây, sống chết cũng bám lấy cái mảnh đất quê mình, tôi không đi đâu hết.

Bà còn nói nhiều, nhiều nữa, rồi bà giận ông đến mấy ngày liền. Giờ đây, trước tình cảnh này, bà cảm thấy thương ông và lo lắng cho cả gia đình đến thất gan, thất ruột. Nếu như cả nhà có bề gì thì bà là người có lỗi lớn nhất. Và lại bà thấy có nhiều gia đình họ đã đi những đợt trước đây. Ngày giỗ, ngày tết cũng có đôi người về thăm quê, ai nấy đều khỏe mạnh, hồng hào. Qua lời kể của họ, bà biết họ làm ăn khá khá hơn. Con cái được học hành đến nơi đến chốn, không ai bị đói rách khổ sở hay ốm đau quắt queo như bà tưởng tượng. Giờ đây bà rất hối hận.

Sang đến ngày thứ tư bỗng dưng mưa ngừng hẳn, nước bắt đầu rút. Khoảng gần trưa mặt trời ló ra, vượt qua từng lớp mây mù, há cái miệng đỏ lòm toàn lửa để hút khô, hút sạch những màn nước khổng lồ quái ác.

Nước rút, những con đường hiện ra với vẻ nhầy nhụa, bắn thiêu, hôi hám. Rác rưởi từ đâu trôi về giờ đây mắc kẹt ở các gốc cây, các mô đá. Chó mèo lợn gà và các loài súc vật đã chết, bụng trương phình lên nằm rải rác bên lề đường, ruồi nhặng bầu đầy, có cả dòi bọ nhưng nhúc.

Các gia đình đều được huy động dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm. Công việc này rất khó khăn vì môi trường hôi hám bắn thiêu, tanh tưởi và ô nhiễm. Nhưng mọi người đều cố gắng vì đã được sống, được gặp lại nhau sau mấy ngày cách biệt.

Phương và các em lại tiếp tục cấp sách đến trường. Gặp lại bạn bè vui mừng khôn xiết. Nhưng trong cái đầu óc nhỏ bé của cô gái mười bốn tuổi đã sắp đặt một kế hoạch mà cô giữ bí mật. Bố mẹ và cả nhà ai cũng ngạc nhiên, dường như sau trận

lũ lụt vừa qua, Phương đã biến thành một con người khác hẳn. Không nhí nhảnh đùa cợt, không trêu chọc các em, vẻ mặt nghiêm trang như người lớn. Quả thật như vậy, Phương đang nung nấu một ý định... Rồi một buổi tối sau khi cơm nước xong xuôi cô bé thưa với bố mẹ:

- Bố mẹ ra ngoài uống nước. Con có chuyện này muốn thưa với bố mẹ.

Nghe Phương bảo vậy, bố mẹ Phương đều đoán già đoán non: Không biết nó định làm chuyện gì? Có lẽ nó muốn nghỉ học để đi làm giúp đỡ bố mẹ nuôi các em ăn học chẳng? Cái con bé này mới tít tuổi đầu mà đã tập làm người lớn. Đã muốn gánh vác công việc gia đình rồi. Nhưng dù sao mình cũng phải cho nó học hết cấp ba bà nó ạ!

Hai ông bà ngồi xuống cạnh bàn, chiếc bàn nhỏ thô giản dị thường dùng cho các con ngồi học bài. Nhưng hôm nay là tối thứ Bảy, cả mấy chị em đều đi ngủ sớm. Còn Phương giờ đây đang sắp đặt câu nói sao cho lọt tai để hai bố mẹ chấp nhận ý kiến của mình. Bố mẹ thì lại đưa mắt nhìn con bằng cái nhìn thương yêu trìu mến và ái ngại.

- Nào con gái! Có ý kiến gì hãy nói cho bố mẹ nghe đi.

- Vâng! Con sắp nói đây. Nhưng bố mẹ ạ! Bố mẹ đã công nhận con là người lớn chưa?

- Con còn bé lắm Phương à! Cuối năm nay con mới hết cấp hai mà. Con phải học cho hết cấp ba rồi còn đi học ngành nghề kiếm cái công việc nhà nước cho nhàn hạ tấm thân. Chứ làm nghề nông cực lắm! Dầu có đói khổ bố mẹ cũng phải cho con học hành đến nơi đến chốn. Không đứa nào được bỏ dở giữa chừng đâu đấy!

- Con đang học năm cuối cấp hai nhưng con làm lớp trưởng, hôm nay con được lên thẳng đoàn viên thanh niên, như vậy con thực đã là người lớn rồi phải không? Mà đã là người lớn thì có quyền tham gia ý kiến bàn chuyện gia đình.

- À! Thì ra là thế, bố mẹ chúc mừng con!

Ông bố vỗ tay vào đùi đánh đét rồi cười cười ha ha.

- Con chưa nói vào ý chính mà!

- Ừ! Con nói đi!

Lại là mấy giây căng thẳng chờ đợi. Phương có thể thấy rõ điều này trên gương mặt bố, mẹ mình. Và cô bé nhìn lại những nếp nhăn khắc khổ ấy một lần nữa, rồi khẽ khàng và nghiêm trang:

- Nhà mình di dân lên miền ngược đi bố mẹ ạ!

Câu nói đột ngột của đứa con gái mười bốn tuổi làm cho không khí của gia đình lắng hẳn xuống. Một lúc lâu sau, bố Phương từ từ đứng dậy, giang hai tay ôm lấy đứa con gái vào lòng, vỗ nhẹ nhẹ sau lưng nó.

- Như vậy là tốt rồi! Tốt lắm con gái ạ!

Rồi ông mỉm cười, như trút đi một gánh nặng lo toan, quay sang mẹ Phương:

- Giờ thì mẹ mày cũng phải đồng ý phải không?

Lại những giây nín lặng. Phương cảm thấy không gian như đứng im. Phương liếc sang bố, thấy bố cũng nín thở đợi chờ sự phản ứng gay gắt như bấy nay từ mẹ. Nhưng lạ chưa kìa, mẹ Phương chợt rạng rỡ mỉm cười:

- Như vậy là trăm phần trăm số phiếu rồi nhé!

Phương đứng dậy hoan hô. Không khí trong gia đình bỗng vui hẳn lên, tâm hồn mọi người nhẹ nhàng thanh thản khi đã đi đến thống nhất một quyết định quan trọng như vậy

Hai tháng ấy, cả làng có hai mươi gia đình đăng ký di cư lên miền ngược. Vào một buổi chiều, những gia đình được gọi tên cùng lên xe. Một đoàn xe đưa họ đến vùng đất mới, mang theo bao nhiêu pháp phông, hoang mang... Phương nhớ đoàn xe đã lầm lũi đi vào đêm tối hôm đó. Trên xe, chất đầy người, đồ đạc linh tinh, sách vở giấy bút học sinh. Trẻ con la khóc ầm ĩ rồi ngủ thiếp đi trong những cú xóc nảy người. Đi mãi đi mãi trên con đường hun hút, rồi dừng lại ở một khu lán trại. Tại đây có người ra đón chỉ dẫn cho từng gia đình đi vào ngôi lán của mình. Bước xuống xe, bố Phương bế đứa em sáu tuổi, mẹ bế em út ba tuổi. Cả hai đều đang ngủ say. Còn Phương và Thân mười một tuổi, mỗi đứa đều phải xách một bọc đồ quần áo và cặp sách. Có một chú dân quân mang cho cả nhà một bao tải lớn, linh tinh nồi niêu, xoong chảo, bát đĩa. Chú bấm đèn pin hướng dẫn mọi người đi vào ngôi lán của mình. Giường chiếu được rải sẵn. Bọn trẻ mệt quá leo lên giường và ngủ một mạch cho đến sáng

Nửa đêm Phương tỉnh giấc, lúc này khoảng hai, ba giờ sáng, cô bé mở to mắt trong đêm tối và lắng nghe bên ngoài tiếng gió hun hút, âm u của miền núi. Tiếng con mang toác, tiếng vượn hú từ xa vọng về. Nghe mà sợ, buồn đến thấu gan, thấu ruột. Mới mười bốn tuổi đầu, đang tuổi ăn, tuổi học vậy mà giờ đây ngoài bố mẹ ra cô là người thứ ba phải gánh trên vai gánh nặng gia đình. Là chị cả, cô phải có trách nhiệm giúp bố mẹ làm ra của cải, lương thực, thực phẩm để nuôi sống. Mà phải làm thế nào đây giữa khu rừng già này? Vạn sự khởi đầu nan. Cái gì cũng phải bắt đầu từ hai bàn tay trắng!

*

Đã hơn năm mươi năm trôi qua! Hai mươi gia đình ngày đó đến nay con số có thể lên đến hàng trăm gia đình. Mà không chỉ có một cuộc di cư trong cái năm đó. Cả trước đó cả sau này, trên đất nước mình đã có hàng trăm, hàng ngàn cuộc di cư. Mỗi một cuộc ra đi là nỗi đau là nước mắt đòi hỏi ở con người sự hy sinh và lòng quả cảm, mới có thể đè nén con tim để dứt bỏ, chấp nhận muôn vàn khó khăn từ buổi đầu gian khổ!

Bằng những bàn tay, khối óc con người đã lập nên những làng, xã, thành phố đông vui nhộn nhịp. Những vùng đất phì nhiêu, màu mỡ cho đất nước mở rộng, vươn dài, vươn xa.

Nay về lại bờ sông Lam, về lại quê xưa, nước mắt bà Phương đã rơi mà nhớ về cuộc di cư năm đó!



Minh họa: TẠ TÂM

Lá nếp có gai

NGUYỄN HỒNG

Anh rút một hơi thuốc dài rồi vút hơn nửa điếu còn lại ra xa. Điếu thuốc đang cháy, nhả khói thành một đường vòm trắng. Vy nhìn theo hốt hoảng. Nếu anh không nhanh chân chạy theo để dí cho tắt hẳn cô sẽ làm việc đó. Tất nhiên, vừa làm cô sẽ vừa cảm râm anh. Về việc anh đã vút rác bừa bãi. Nguy hiểm hơn đó lại là một đốm lửa, rất dễ bắt cháy. Hỏa hoạn dễ như bỡn.

Anh dí chân vào tàn thuốc rồi cúi xuống nhặt bỏ vào sọt rác. Vy vẫn nhìn theo anh. Những ý nghĩ loạn xạ trong đầu. Chẳng vật nào ra vật nào hết. Chán. Là Vy nghĩ thế nhưng Vy không nói.

- Anh cứ về trước đi, em tự lo được.

Ơn trời, rất trùng ý anh. Không đón thì không đón. Vy không nói thì anh cũng đã có ý định chấm dứt cuộc tranh cãi bằng cách đứng dậy ra về. Chỉ còn cách đó, nếu không đến đêm cũng chưa tàn cuộc. Mấy lần trước anh đều để Vy thắng. Hậm hực trong lòng cái ý nghĩ chả thèm chấp bọn đàn bà con gái. Đã lắm lời còn mau nước mắt. Xuống nước một lần là sẽ xuống cả đời. Nhưng lần này... Sự căng thẳng làm mất anh đồ ngẫu.

Toan bước nhưng anh quay lại nhìn Vy thêm lần nữa. Ánh mắt vẫn còn muốn nói nhiều. Cốc cà phê đã bắt đầu rã đá. Anh muốn nhắc Vy bỏ bớt đá ra ngoài không sẽ lạnh, rồi sẽ lại viêm họng. Như mọi lần, đây là việc của anh. Nhưng bây giờ, anh kệ. Cảm giác xót xót xộc lên.

- Rõ ràng, là nó có gai. Ở hai bên mép lá ấy. Tất nhiên không sắc nhọn được như lá dứa. Chỉ tại em không để ý.

Chẳng cần đợi Vy cong môi cãi. Anh bước dứt khoát. Mà thực sự, Vy cũng chả buồn cãi nữa. Vy thả mình xuống ghế. Vy chẳng nghĩ được thêm gì. Nó có gai hay không cũng kệ. Vy muốn chạy theo níu áo anh lại. Nhưng thôi. Kệ vậy. Làm thế thì chẳng khác gì tự nhận là lá nếp có gai. Trong khi cả buổi sáng qua Vy đã tỉ mẩn cạo từng lá một. Rồi hong cho thật khô trước khi đặt vào xe. Gặp anh, Vy sẽ hí hửng khoe, sẽ ba la bô lô kể với anh trăm ngàn thứ chuyện xung quanh bó lá thơm này. Tất nhiên những gì liên quan đến Hải, Vy sẽ chừa ra. Dẫu gì thì anh cũng đã mặc định Hải là mối tình đầu của Vy. Đã bao lần Vy bảo không phải, anh tin hay không thì tùy. Cả tuổi thơ Vy ở đó, quyến mùi hương thơm ngọt này. Không dưng hai đứa lại cãi nhau nguyên buổi sáng chỉ vì nó. Vy ầm ức lắm.

Không đơn giản chỉ là bó lá Vy mua về để trong xe khử mùi. Vy đã hấp tấp reo lên khi thoảng nghe mùi hương ấy. Xa quê bao năm, bây giờ Vy mới gặp lại. Là bó lá cơm nếp. Nghe bảo cây này dễ trồng. Vườn quê nhà nào cũng có một bụi. Nhưng nhà Vy không có. Cha mẹ đi làm cả ngày. Anh hai thì mãi chơi. Vy thì không biết trồng. Ngày đi học, bạn nào cũng có một vài lá. Sang thì để nguyên lá vẫy cho vô cặp. Hè hơn thì xé thành từng mẩu nhỏ, gấp vô sách vở. Lớp học đến mùa cứ thơm thơm lá nếp. Mặt dứa nào cũng vui. Chỉ có Vy và mấy đứa con nhà "cán bộ" là không có. Vy cứ phải lân la làm thân với các bạn để xin xỏ. Mỗi lần bạn xé cho một mẩu con con. Hít hà mãi rồi mới cho vào vở, cẩn trọng gấp lại. Mỗi ngày giờ ra giờ vào không biết bao nhiêu lần. Đã thế Hải lại có. Dẫu Hải cũng là con nhà cán bộ. Bố mẹ Hải còn làm việc ở tỉnh, đi đi về về trong ngày, thời gian đâu mà trồng cây chứ. Chắc là Hải có mối đâu đó để kiếm mà không mách Vy. Vy ầm ức. Rõ ràng Hải cũng như mình. Chẳng lẽ lại xin Hải. Thế thì xấu hổ chết. Chẳng lẽ hỏi vì sao Hải có, thế thì vô duyên quá. Nổi ầm ức cứ dồn lên, Vy giận Hải lúc nào chả nhớ nữa.

Chiều lên rồi không Vy?

Không.

Thế đầy củi rồi à?

Không

Anh Hai kiếm hộ à?

Không.

Thì sao? Vy giận chi tôi à?

Không.

Chỉ chừng đó thôi. Vy bưng mặt khóc. Rồi bỏ chạy. Hai ngơ ngác không biết mình có lỗi gì. Hôm kia Vy còn năn nỉ Hai nếu lên đồi với bọn cái Na, cái Lê thì cho Vy đi theo với. Học xong bài rồi Vy chả biết làm gì. Lên đồi chơi là chính, kiếm củi là phụ vì Vy còn có anh trai. Mấy việc nặng cha mẹ bắt anh làm hết. Hai còn bảo lên đồi không kiếm củi thì hái sim, bắt cào cào. Nhiều trò vui lắm. Vy ít ra ngoài không biết đó thôi, chiều nào bọn tôi chẳng lên đó, đầy một trời gió luôn. Thì Hai cũng chỉ nói chừng đấy, có ba lớp gì đâu nhỉ? Nhưng chắc chắn Vy giận gì đó nên mới vùng vằng thế. Nhà Hai cách nhà Vy mỗi bờ rào, mấy lần ngó sang thấy Vy cứ ngồi bần thần bậu cửa, vừa thương vừa tức. Càng nghĩ càng khó hiểu, rồi bực bội. Hai chỉ muốn kiếm Vy hỏi cho ra ngô ra khoai.

Đến cổng thì nghe tiếng anh trai làm Hai khựng lại.

- Vy, mày qua nhà thằng Hai xin tao tý lửa

- Còn diêm mà anh

- Ướt rồi, con mướp đái lung tung trong bếp, tao đuổi cổ rồi.

- Chết, đến tối mướp không về mẹ mắng cho

- Mướp không về thì thám đôn bằng ướt hết diêm à? Bao diêm mẹ mới mua đấy. Mày đi nhanh đi. Tao nhóm bếp, rồi mày còn ngồi mà hong diêm. Không là như đôn cả lũ.

Vy chạy như tên bắn ra cổng. Hai chưa kịp trở vào. Đang hốt hoảng vậy mà thấy Hai là bao nhiêu ảm ức dồn cả vào mắt. Nhưng nghĩ đến trận đôn, Vy bầm bụng xuống giọng.

- Ông cho tôi xin tý lửa, con mèo...

- Tôi nghe hết cả rồi.

- Thế vô lấy nhanh đi

- Nhưng Vy phải nói cho tôi biết Vy giận chi tôi

Vy chỉ muốn nổi cáu. Xin tý lửa cũng ra điều kiện này nọ. Nhưng làm quá nhớ Hai không cho nữa thì hỏng hết việc, đành vê gấu áo lý nhí.

- Tại ông có lá thơm mà không nói chi

- Trời, tôi xin cho Vy mà. Tôi định kết thành bó, hong cho se lại rồi mới đưa cho Vy. Đưa từng lá một Vy xé vụn ra vầy được bao lâu mà chán đâu.

Tiếng anh trai gọi như hét trong nhà. Vy ơi, Vy, nhanh đi. Mẹ về là chết cả lũ đấy. Đến nước này thì Vy chấp nhận hết mọi phân trần. Giận hờn thôi khép lại. Vy vừa ngồi hong diêm vừa nghĩ về mấy cái lá dứa. Má cứ đỏ bừng lên. Chập tối Hải mang sang, đúng là nhiều thật. Có lá đã se se, có lá còn lắm đất. Vy cẩn trọng rửa từng lá một, xếp gọn gàng. Lần đầu tiên Vy biết lá nếp không những thơm mà còn mềm mượt dịu dàng.

Hải vẫn là bạn Vy bao năm. Mặc dù hương lá nếp bị Vy cắt vào xó xỉnh nào đó sau những giấc ngủ vui hay những đêm trắng ôn thi. Thi đỗ rồi thì Vy bỏ lại hết. Vy ra với thủ đô ánh sáng. Thủ đô nhiều màu nhiều mùi, hương lá nếp và Hải bị lẫn đi đâu đó hoặc chỉ về trong những cơn nhớ vội. Chỉ thế thôi, không hơn.

Hải cũng như Vy, yêu rồi chia tay. Chia tay rồi yêu. Từng người tình đến rồi đi. Chỉ có Hải và Vy ngồi lại trút buồn khổ cho nhau sau những cuộc tình rệu rã. Chán buồn rồi thì hai đứa lại hai ngả, lệch thề đường về.

- Sao bọn em không yêu nhau đi?

Mấy lần anh hỏi thế nhưng Vy không trả lời được. Sự im lặng của Vy làm anh khó chịu. Chỉ biết, đã bao người nói lời yêu rồi vẫn bỏ Vy nhưng Hải thì không. Chẳng nhẽ anh cũng như bạn gái Hải, thường trực những bức bối đến là vô lý. Vy đã ý tứ giữ khoảng cách và rất hạn chế thăm nom. Còn trách Hải nhắc về Vy ít thôi, vậy mà vẫn làm bạn gái khóc cho cạn nước mắt vì sự thật thà đến vô tâm của mình.

- Chị Vy là bạn anh. Em còn muốn gì?

- Anh có thể bỏ em chứ chị Vy thì không thể, đúng không?

Hải cũng đã chọn lặng im.

Lặng im không phải là câu trả lời. Lặng im vì không biết trả lời sao cả. Đã mấy lần Vy nhỏ nhẹ. Em chỉ muốn anh tin. Chúng em chỉ là bạn. Mất Vy ngoan thế, anh không tin sao được. Nhưng những tráo trở của cảm giác, đôi lần đẩy anh đến miệng vực. Như sáng nay Vy reo lên với anh về bó lá thơm. Không phải anh không thích. Hơn thế, loại lá này còn gắn bó với tuổi thơ đầu trần chân đất của anh. Mùi hương ấy hay sự hồ hởi của Vy hắt anh khỏi thực tại. Ngày xưa mẹ anh cũng rất thích gội đầu bằng nước lá nếp này. Anh chả đã đi kiểm soát. Lần đầu còn bị gai lá dứa cào cho chảy máu. Sau rồi quen. Biết phân biệt đâu là lá dứa dại, đâu là lá dứa thơm. Mùi hương ấy cột anh vào những buổi chiều quanh quẩn bên mẹ, múc nước cho mẹ gội đầu. Sau này công tác xa nhà, thi thoảng gặp mùi lá trên đường, anh vẫn hái một ít, tiện đường về quê thì sẽ đưa cho mẹ. Không thì anh để lại trong phòng. Mùi hương làm anh nhớ quê hương.

Nhưng sáng nay, những bức bối cứ xâm lấn. Rõ ràng là có gai. Anh định thần lại.

Tiếng reo hồn nhiên của Vy cửa vào tìm anh một cơn nhói. Nhanh như vết cửa của lá dứa. Anh giấu tiếng á thốt thán. Đơn giản vì chả có vết máu nào trên tay anh.

Nhưng trái tim anh đang đau.

Anh lại muốn hỏi Vy. Là em nhớ Hải, đúng không? Nhưng câu hỏi ấy, Vy chẳng thèm trả lời nữa. Đôi lúc điên tiết. Vy bảo. Vâng. Nhớ đó. Anh ép em phải có câu trả lời đúng không? Vì em nói khác đi anh đâu có hài lòng.

Những cái gai dứa sắc nhọn cứ trêu ngươi anh. Lúc có lúc không. Nó làm anh bực bội. Ánh mắt Vy lại như không thuộc vào buổi sáng này. Nó đang ở đâu anh không rõ. Nhưng sự dịu ngọt làm anh thấy khó chịu. Sự khó chịu vô lý khiến anh buột miệng.

- Có hay ho gì bó lá dứa, nó đầy gai, lỡ châm vào tay thì rất đau.

...

- Và em có thể bị chảy máu.

Vy ngược mắt nhìn anh. Ngơ ngác. Đó là một sự vô lý. Vy cãi. Chỉ thiếu nước chạy ngay về nhà, xòe trước mắt anh bó lá thơm. Đây, rõ ràng là nó không có gai.

Nhưng anh vẫn không tin.

- Ngày xưa, anh đã từng bị cào cho rách da.

Đó là điều không thể. Vy đã như muốn khóc. Nhưng Vy đâu có hiểu được, bản thân anh cũng đang như muốn khóc. Cái câu hỏi ấy vẫn cứ lơ lửng trong đầu anh. Anh châm thuốc liên tục, nửa điếu một. Rồi dụi cho đầy ứ cái gạt tàn. Đến điếu cuối cùng, anh lẳng nó ra xa. Thực ra, lúc đó anh đã muốn chạy khỏi ánh mắt Vy, chạy khỏi những vô lý anh tự tạo. Bằng mọi cách, anh phải thoát khỏi cái không gian đặc quánh men hương lá nếp ấy. Để biết một điều chắc chắn rằng. Lá nếp không có gai. Nó thực sự đã không có gai.

Mà có gai hay không, với Vy bây giờ không quan trọng nữa. Không dừng lại cãi nhau chỉ vì cái gai lá dứa. Mà mẹ dặn nhiều rồi. Sự bướng bỉnh cũng phải có giới hạn. Rồi còn làm vợ nữa. Vy bần thần ý nghĩ. Lần này sẽ xuống nước. Để dịu dàng một câu nói. Em yêu anh. Được chưa.

BÙI QUANG THANH

Phù Đồng Thiên Vương

Ba năm không biết khóc cười
Ba năm không hé nửa lời, lạ chưa?
Ba năm biết mấy nắng mưa
Dấu chân mẹ ướm đồng trưa lớn dần.

Nếu không vì họa giặc Ân
Chắc chàng Gióng sẽ nông dân suốt đời
Dãi dầu nón lá áo tơ
Lưng trâu ngất ngưỡng với lời ca dao
Sẽ mê cô Mận, cô Đào
Mé sông đánh đậm, bờ ao buông chài
Bùi củ sắn, ngọt củ khoai
Chiều hôm hái củi sớm mai cuộc cày...

Sóc Sơn mây trắng còn bay
Nghìn năm chuyện cũ mà nay bồi hồi
Giặc tan, nước đã yên rồi
Sao không về tạ một lời mẹ yêu?
Quê hương khắc khoải sớm chiều
Đồng xưa, Gióng hỡi sáo diều vẫn reo
Đơn côi một mái tranh nghèo
Tre ngà lửa sém quần queo gió vờn.

Mẹ già, cánh vông cô đơn
Mắt mờ ngó đỉnh Sóc Sơn lệ nhòa.
"Trời ơi! Đứa trẻ lên ba
Phải roi phải giáp xông pha trận tiền
Con giờ hóa thánh, hóa tiên
Hay hồn tử sĩ gió thiêng cuốn rồi?"

Nếp đồng đợi thổi thành xôi
Mía ngon thành mật, nụ rồi thành hoa
Gạo cơm, khoai, sắn, dưa, cà
Gom nồi bảy, góp nồi ba đợi chờ
Cô Đào, cô Mận, cô Mơ
Nhớ mong trắng sĩ đến giờ còn mong
Tình quê như ngọn lửa hồng
Mà Người - đèn miếu, tượng đồng tro tro?

Gióng ơi! Cho đến bao giờ
Trở về quá khứ ấu thơ xóm làng
Nhớ mang về lại trần gian
Bao nhiêu trắng sĩ tuổi tràn sức xuân
Bỏ mình vì nước vì dân
Họ tên còn khuyết, mộ phần chưa xây
Quê hương nghĩa nặng tình dày
Trăm ngàn năm vẫn còn đây, đợi Người

Hình như ngựa hí lưng trời
Lửa bay - chớp giật
sáng ngời cõi xa...

THƠ

NGUYỄN NGỌC PHÚ

Trưa Tiên Điền

Mây trắng - tóc người bạc trắng
Nhìn về thăm thăm cỏ xanh
Mộ thi nhân ai rưới rượu
Tì tê hương khói vòng quanh.

Còn đây gốc cây buộc ngựa
Còn đây nệm rượu, la bàn
Ngõ chiếc sừng nai nhú lộc
Bản Kiều mực động chưa tan.

Người về theo câu phường vải
Người đi săn - núi Hồng xanh
Một khúc đoạn trường tê tái
Đau đớn thay - phận đã đành!

Lần giờ trang Kiều tan hợp
Thanh minh trong cõi người mong
Một dây đàn bao cung bậc
Khúc vui xin cứ để dành.

Ba trăm năm và sau nữa
Còn người, còn khóc Tố Như
Trưa nắng Tiên Điền ngói đỏ
Vọng nghe tiếng mẹ ru Kiều...

NGUYỄN ĐĂNG VIỆT

Nhớ cụ Nguyễn Tiên Điền

"Trăm năm trong cõi người ta"...

(Nguyễn Du)

Tà tà cỏ áy màu chiều
Cánh diều, cỏ trắng, đập diều đồng xanh.

Tôi về với gió mong manh
Với chim mê mãi trên cành sâu đông.

Tôi về dài rộng với sông
Cánh buồn nâu nhuộm non Hồng dặm khơi...

Tiên hoa trôi, nắng nắng trôi
Dao vàng mây tóc, buốt nơi tay người.

Thoi đưa chim én về trời
Đình ninh, cỏ vẫn xanh lời cỏ thoi.

Lấy Kiều ví giặm Cụ ơi!
Muôn năm một khúc đầy vơi, có vừa?

Màu, phơi canh trống sớm trưa
Màu, như nồng gió thu đưa tiếp mùa.

Màu, như dậy nắng xanh mưa
Màu, như nước mắt Nguyễn xưa... khóc Kiều.

NGỌC THÙY LÊ

Ghi ở đền Công*

Lối vào đền
 lá chuối hình tên
 cành cong dáng nở
 Mưa lông ngỗng từ áo người thiên cổ
 bay rợp trời đậu trắng những cành lau.

Xác dẫu vùi xuống đáy biển thăm sâu
 chút lằm lặt muôn đời khôn rửa được
 Trọng Thủy hỡi! Gieo mình chi xuống nước
 cho bận lòng sóng biếc giữa trùng khơi?

Thần Kim Quy thấp thoáng giữa triền đồi
 như trầm mặc
 như uy nghiêm đáng nghĩ
 như nhắc em: chỉ riêng lòng chung thủy
 sẽ có ngày sa cạm bẫy yêu tình.

Ngày mai đây giữa biển cả ái tình
 em sẽ gặp thiên thần hay ác quỷ?
 Bởi đời chẳng thiếu chi chàng Trọng Thủy
 vì mưu riêng bán đứng trái tim mình!

NGUYỄN TRƯỜNG THỌ

Khoảng trưa
ở thành cổ Quảng Trị

Mây gợn trắng, nắng gợn nhàu
 Cỏ xanh gợn biếc, đất màu máu thiêng.

Bao quê chung một nỗi niềm
 Trưa đi khe khẽ giấc thiền đang ngơi.

Phượng nghiêng nghiêng đỏ xuống ngời
 Đầu Hè mất phượng bên trời gọi nhau.

Câu thơ ghen, khói hương đau
 Bao dung hồn gió khe lau mất người.

* Tọa lạc trên núi Mộ Dạ thuộc Diễn Châu, Nghệ An,
 thờ An Dương Vương

HUỆ TRIỆU

Sự vừa phải

Cuộc hòa đàm bắt thành
Cái cau mảy đẩy nhân loại vào chiến tranh
Nhích một gót chân
Là thảm họa
Trời không nắng không mưa
Không tiếng gươm khua Côn Sơn oan trái
Trai ngọc khối xót lòng ôm giọt máu Mỹ Châu
Vọng Phu đâu cần hóa đá
Tiếng chim trong lồng khát trời rộng
Con người nhào về bóng râm, tầng lá vươn về ánh sáng
Có gì đáng sợ hơn một nụ hôn lọt lạt
Sông không thác ghềnh sao đáng một đời sông?
Có những đời cây cóm nắng
Có những mối tình chết trong thói quen
Có những đời người chìm trong bình yên
Có sự cân bằng hủy diệt cân bằng
Chẳng có thước đo nào cho sự vừa phải
Nhưng
Đừng bắt em vừa phải
Trong khát - nhớ - yêu anh!

HỒ THỊ LAN ANH

Ngang qua...

Ngang qua rặng cúc vàng
Thấy thanh xuân đang hát
Ngang qua màu nắng nhạt
Thấy cuộc đời nở hoa.

Ngang qua những phong ba
Thấy lòng như chiếc lá
Ngang qua những lời hứa
Thấy chỉ là hư vô.

Ngang qua làn sóng xô
Thấy bước chân mạnh mẽ
Ngang qua một lối rẽ
Thấy đủ đầy niềm tin.

Ngang qua một trái tim
Đếm nhịp yêu chân thật
Ngang qua ngàn quy luật
Hiếu cuộc đời nông sâu.

Ngang qua vạt bể dâu
Câu yêu thương còn mãi
Ngang qua ngàn bờ bãi
Là vùng trời bình yên!

CAO KHẮC TƯỜNG

Luật đời

Lên voi rồi xuống chó
 Luật đời là thế thôi.
 Vận đen xen vận đỏ
 Cứ như một cuộc chơi.
 Đừng mơ mãi nụ cười
 Rồi có ngày phải khóc.
 Dầu bể của cuộc đời
 Cho ta bao bài học.
 Khi ta leo lên dốc
 Khi ta xuống vực sâu.
 Ta giờ tay hái lộc
 Trăng vẫn sáng trên đầu.
 Luật đời là thế đó
 Lên xuống là lẽ thường.
 Cái không chồng cái có
 Ghét rồi để mà thương.

NGÔ ĐỨC HÀNH

Rót nắng

Nắng từ miền Trung giòn tươi sớm tối
 rộp nụ cười
 anh đi dọc miền Trung
 gặp đốm lửa trên mắt người không nói
 mẹ chăm áo tơ
 vết sẹo dưới chân cha mặt đường xưa bốc khói.

Muốn rót vào em
 tất cả những gì nóng hổi
 tưới ví giặt vào môi chưng cất lại cho ngày thêm tươi mới
 Sông Lam Ngàn Hồng mãi xanh.

Giờ này em ra đồng
 ruộng gần sông áo tơ chăm tiếng gọi
 cỏ mặt thơm thơm một mùi nông nổi
 rìt ràng từng giọt mồ hôi.

Thành phố làng quê chồm hồm trưa cười
 miền Trung thương thương
 nắng miền Trung môi the vị bưởi
 tháng Tám đông đưa
 dịu dịu nụ cười.

ĐINH THANH QUANG

Hương rừng

Vào rừng chẳng biết lối ra
Thấy cây núc nác tường là vàng tâm
(Ca dao)

Em chăm mầm quế, mầm cam
Xuân về lộc biếc nảy tràn vườn ươm
Quản gì một nắng hai sương
Nhìn rừng xơ xác mà thương cho rừng.

Xuân này lúa cây đầy thung
Nụ chè, nụ quế nở bừng đồi khô
Bao năm lạc giữa sương mờ
Phát rừng, đốt rẫy xác xơ núi đồi.

Bây giờ nắng hứng lên rồi
Lối ra đã mở cho người vùng cao
Hoa cam xen với hoa đào
"Vàng tâm" tỏa sáng cả vào trong mơ.

Người ơi, chín đợi mười chờ
Hương rừng em ủ, ngát vò rượu Xuân...

ĐINH TRỌNG THUẬT

Thăm nhà ngoại

Về thăm nhà ngoại chiều nay
Heo may hiu hắt chuỗi gầy xác xơ
Dừa buông nghiêng lá thẩn thờ
Cỏ lan rồi ngô rêu mờ quanh sân
Ấn hương dày lạnh bụi trần
Cửa ngoài khép kín mấy lần tơ vương
Bình vôi lẫn lóc góc tường
Giàn trâu giải nắng đầm sương hao dần.
Buồn trông con tào xoay vẫn
Nương dâu bãi biển kiếp trần vậy sao?
Mẹ giờ xa tận nơi nao?
Lòng con mẹ vẫn ra vào dâu đây
Mái nhà ẩm những tháng ngày
Một thời ôm ấp sum vầy bên nhau...
Con đi mỗi bước mỗi đau
Nhà xưa vẫn đó người đâu không về!!!.

TRẦN QUANG DIỆN

Cổng làng

Dưới từng lớp ngói rêu phong
Ghi bao kỷ niệm trong lòng người quê
Bâng khuâng mỗi bận đi về
Bước chân vấp phải lời thề năm xưa.
Trải bao nắng sáng chiều mưa
Trập trời sắp ngửa sớm trưa phổ phường
Loanh quanh trong cõi vô thường
Tình quê lắng lại vẫn vương suốt đời.
Đi xa mấy chục năm trời
Hồn luôn phấp phồng ở nơi cổng làng.

THANH HOÀNG

Mê cung nhớ

Lạc vào mê cung những nếp nhăn hằn sâu trên gương mẹ
con vấp tuổi thơ mình
nghe tiếng gàu khua giếng khuya cạn nước
tiếng thở dài ướt manh chiều mực
bụng đêm sôi
bếp sáng lạnh tanh.

Con như hạt mầm bò - chạy loanh quanh
rồi tách ra hướng mẹ nhìn theo lo lắng
cán cuốc còn ẩm dầu tay người đung đưa trên vách
bữa cơm chiều - nợ gạo - mẹ đang đong.

Khi tuổi con biết mơ mắt xanh môi hồng
bóng mẹ soi suốt khe da chùng tóc rối
con ước được che cho người con yêu tránh từng giọt nắng
mẹ áo tới mưa lạnh một mình.

Con biết từng lùm cây loài chim nào làm tổ
biết un khói phân trâu xua bù mắt chiều mưa
nhưng chưa bao giờ con ngồi thật lâu nắm bàn tay guộc gầy của mẹ
nên đâu biết hằng đêm mẹ bậm tươm môi giấu căn bệnh hiểm nghèo...

Con nhòe mắt lạc vào từng vết nhăn nheo
nghe mặt mình hai dòng gió lạnh
úp chặt ngực con di ảnh
vừa như có bóng mẹ về!

VÕ NGỌC SƠN

Tiếng làng xưa

Ơi ông sang uống chè xanh!
Ơi chị ăn thử bát canh cua đồng!
Ơi cháu, ông tặng quả hồng!
Ơi bà biếu lá trầu không vừa vàng!
Râm ran mấy nẻo đường làng,
Học trò ới bạn đến trường kéo trưa...
Trở về thăm lại làng xưa,
Mỏi trông tiếng gọi sao chưa lọt vào?
Nhà nhà cổng kín tường cao,
Bật tăm tiếng của ngọt ngào làng tôi.

THƠ

HUY LINH

Phố mưa bay

Em là phố
trong ta chiều Chúa nhật
những hàng cây xao xác lối hẻm hò
tình nhân hỡi...
giáo đường chuông tháp đổ
ta lạnh lòng đem đốt một vãn thơ.
Ngày hôm qua có bao giờ trở lại
khúc "Diễm xưa" lạc mất một phím đàn
nghe thăm thẳm
ta
linh hồn hóa đá
uống giọt buồn trên những cánh rêu tan.
Ôi có phải em về trong tiền kiếp
cứu rồi ta một kẻ đã lạc loài
hay em chỉ...
đến
và rồi ta thấy
mất em buồn như chiều phố mưa bay!

HOÀNG NHƯ PHÚC

Sen nở thêm trắng

Đêm thiên gió thoảng thêm trắng
Một cảnh sen nở bằng khuâng hiên chùa
Nhẹ nhàng thơm những nắng mưa
Hồ như sen đã bỏ bùa thế gian.

Đêm thanh uống giọt trắng vàng
Đằm trong sương gió miên man đất trời
Chuông chùa thoảng tiếng đầy vơi
Mà nghe sen rót vụn lời Tâm kinh.

Thế gian thoáng chốc vô tình
Sen tàn, sen nở giữa nghìn lãng quên
Thả hồn vào cõi vô biên
Nghe làn hương chảy bên hiên trắng đầy.

Phật thiền cùng với gió mây
Bỏ đề cũng thể trở đầy Từ bi!

PHAN THÚC ĐỊNH

Khúc chiều

Chiều ru bằng mấy la đà
Thiu thiu bờ dậu tiếng gà giục con!
Vào trong ráng muện như còn
Xa xa núi giấu lối mòn chân chim!
Có cô sơn nữ ngược tìm
Chùm ve chín xạp nằm im cận ngày!
Cầu vòng đậu phía chân mây
Chuồn kim khâu chỉ chẳng đầy lân tinh...
Và ta cứ ngẩn ngơ mình
Hoàng hôn vụt rụng lặng thình... khúc chiều!

NGUYỄN ĐỨC CƠ

Với cụ Nguyễn Công Trứ

Hết quan - hoàn dân cưới bỏ cái về làng
 Đầu đội mũ quan, ngang thân áo lính
 Gốc là dân - nên chân trần, khổ ngắn
 “Miệng thế gian” buộc mo che lại là xong!
 Tài giỏi là ông, khí dũng là ông
 Là quan văn mà cầm quân dẹp loạn
 Miền núi, đồng bằng đến đâu đều thắng trận
 Đánh cho giặc Xiêm tan tác hết đường về.
 Dinh điền sứ đi lặn biển, quai đề
 Khai khẩn đất hoang, mộ dân lập làng, xóm
 Tiền Hải, Kim Sơn... nên một vùng no ấm
 Tiền vua, sức dân không chút tơ hào.
 Tổng đốc, thượng thư đã quyền lực đỉnh cao
 Cũng có khi chỉ còn thằng lính thú
 “Xuống chó, lên voi” với ông là giấc ngủ
 Quan, tướng là chi, vẫn Ngộ Trai - Công Trứ ngang tàng.
 Tài giỏi là ông - ngắt ngưỡng là ông!
 Trong triều lỡm vua, ngoài đồng ghẹo gái
 Mặt tỉnh queo khi bị nàng hỏi tuổi
 “Năm chục năm trước đây hăm ba trọn thôi mà!”
 Quan, tướng là chi, cứ tom chất, thơ, ca
 Rủ đám trẻ làng chơi khăng, đánh đáo
 Cùng bạn già ngồi nhâm nhi rượu cỏ
 Ước làm cây thông vi vút giữa trời.
 Pháp xâm lăng khi ông tuổi tám mươi
 Vẫn xin vua cho cầm quân chống giặc
 Đã sạch bụi trần còn nặng lòng với nước
 Chút tàn sức hắt hiu có sá chi đời.
 Tay trắng tay ông trọn đạo làm người
 Tiền Hải, Kim Sơn khắp mọi nơi lập đình, đền, dựng tượng
 Khắc cốt ghi tâm dân muôn đời thờ phụng
 Chẳng cần tham lam lo xây trước cho mình.
 Đốt hương trầm bái vọng ông hiển linh
 Xin viết được câu thơ vẹn tình, trọn ý
 Thấu tình cháu con thì ông hãy chỉ
 Làm thông reo hay rèn đức, chí làm người?

LÊ HẠNH

Thơ tình ở biển

Chả biết víu vào đâu
 Nơi điệp trùng nắng cháy
 Dưới xanh thẳm, xôn xao
 Bao gập ghềnh - ai thấy?
 Nhận vào lòng hết thấy
 Những bọt bèo trường giang
 Biển hay là em vậy
 Chưa một lần thở than?
 Qua rộng thảng dài năm
 Nâng con thuyền nhẹ lướt
 Bao vất vả từ em
 Anh vô tư sóng nước
 Câu thơ tình cào xước
 Vay nắng gần, mây xa
 Vẩn vòng tay rượi mát
 Anh nghĩ về nét na.

Biển chỉ dài và rộng
 Em mới là bao la.

NHÀ THƠ CHỌN THƠ

“Bếp lửa” và “Giao mùa”
của tác giả Võ Văn Vinh

Bếp lửa

Ngày mai xa nhau rồi
Đêm nay mưa đầy trời
Nhà sàn hồng bếp lửa
Em lặng ngồi cùng tôi.

Mơ hồ chiếc lá rơi
Về tận miền hoang vắng
Than củi thì nồng nàn
Chúng mình thì im lặng.

Tôi bất chợt nhìn lên
Gặp mắt em thăm thẳm
Má em cũng đỏ bừng
Lung linh vàng lửa sáng.

Trên bếp cơm đang sôi
Bâng khuâng mùa lúa rẫy
Em tảo tần đến vậy
Chạm thỏi không ngơi tay.

Mai ngày xa núi sông
Biết bao điều nhắn gửi
Lời thương đau để nói
Nỗi nhớ đã menh mang.

Nhìn ra trời hừng nắng
Bếp lửa chẳng chịu tàn
Phút cầm tay tiễn biệt
Bời bời mây gió giăng...

Một bếp lửa. Hai người tình. Đêm chia biệt.

Lửa không nói gì. Hai người tình không nói gì. Bài thơ viết bằng sự im lặng. Ngỡ như chỉ có sự im lặng của bóng đêm, của ngọn lửa, sự im lặng của hai người yêu nhau trong đêm chia tay ấy là đã cất nên lời ở trong bài thơ này.

Đọc bài thơ này là chúng ta đọc sự im lặng ở trong bài thơ đó.

Nhà sàn hồng bếp lửa
Em lặng ngồi cùng tôi...

Gặp mắt em thăm thẳm
Má em cũng đỏ bừng
Lung linh vàng lửa sáng...

Lời thương đâu dễ nói
 Nỗi nhớ đã mệnh mang
 Phút cầm tay tiễn biệt
 Bời bời mây gió giăng...

Nhà thơ không nói gì. Hai người tình cũng không thổ lộ, không bày tỏ tình cảm của mình ra lời nói. Duy nhất chỉ có một hành động, một cử chỉ là họ “cầm tay” nhau trong phút giây cuối cùng của cuộc chia tay, tiễn biệt. Cả không gian, cả thời gian, cả bếp lửa, cả con người đều giành riêng cho sự im lặng - sự im lặng thiêng liêng sẽ tự nói nên lời.

Thơ là mỹ cảm, là vẻ đẹp của ngôn từ. Đôi khi, chính sự im lặng lại là thứ ngôn từ đặc địa nhất, gợi cảm nhất, và nói nhiều nhất ở trong thơ vậy.

Giao mùa

Đã nghe sầm sập mưa rơi
 Gõ vang trên mái, bồi hồi trong cây
 Âm âm núi thẳm sông dài
 Xôn xao đồng bãi dịu ngày nắng trơ
 Mệnh mang trời đất giao mùa
 Gió dưng dăng gió, mây vừa xanh mây
 Lặng im nào nhớ mong ai
 Nghe mưa thấm cả nỗi ngày rỗng rênh...

Bài thơ có 8 câu. 6 câu đầu liên kết với nhau trong cùng một cảm quan, một cấp độ cảm xúc tương đồng. 6 câu thơ ấy cùng biểu hiện cái không khí “âm âm”, “sầm sập”, “gõ vang”, “xôn xao”, “dưng dăng”... rất đẹp, rất mãnh liệt, rất hùng tráng, rất gợi cảm ở những giây phút trời đất giao mùa. Đọc xong 6 câu thơ này, người đọc hy vọng là tác giả sẽ viết thêm 2 câu cuối cùng cảm quan ấy, cùng vẻ đẹp ấy nhưng được nâng lên một cấp độ cảm xúc cao hơn, mới lạ hơn thì có thể chúng ta đã gặp một bài thơ hay, trọn vẹn. Tuy nhiên, có vẻ như hai câu cuối đã không còn nằm trong cái mạch thơ ấy nữa!

Lặng im nào nhớ mong ai
 Nghe mưa thấm cả nỗi ngày rỗng rênh...

2 câu thơ này không phải là không hay nhưng 2 câu này viết về chuyện “nghe mưa” chứ không nhất quán với chuyện “giao mùa” trong bài thơ có 6 câu thơ trên ấy nữa.

Có chút đáng tiếc. Tuy nhiên bài thơ “Giao mùa” vẫn là bài thơ có chất thơ, có dấu ấn tâm hồn tác giả, Tạp chí Sông Lam xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Nhà thơ THẠCH QUỲ (chọn và giới thiệu)

NGA VŨ

Không đề

Đêm rơi xuống trũng của ngày
trăng rơi xuống đáy sông đầy mênh mông
sao rơi vào chốn thình không
em rơi vào tận phiêu bồng nhớ thương.
Thầm thì ngọn gió ngậm sương
lạnh không ở cõi vô thường mà đau
trần gian rất dễ lạc nhau
quay đi là mãi - biết đâu tương phùng.
Câu thơ nghiêng nửa mịt mùng
nửa còn nín lại để cùng nhớ nhau
cuộc người cười khóc bể dâu
chỉ mong giữ những vàng thau chúng mình.
Một lần tao ngộ đỉnh ninh
mà ru bằng những phiêu linh tháng ngày
cầm tay nghe nặng dấu giày
hỏi còn đâu nhỉ - hương bay nhớ người?

NGÔ MẬU TÌNH

Chuông chiều

(Tặng bạn H.T.A)

giọt nước Cam lồ từ trái tim anh
nhỏ xuống vết thương ngày tháng
cành dương liễu bàn tay vẫy gió
em có còn đơn độc
đón đau

anh muốn em khoác chiếc áo mưa không sờn vai
che bờ mộng mị
dấu cây bồ đề trầm ngâm thình lặng
em hãy hóa vàng cho những lãng quên

có thể anh chưa từng ngồi nguyện cầu kinh
nhưng anh nghe tiếng mõ vang vang trong lòng ngực
tiếng mõ làm anh ngộ thức
chợt biết mình là ai

em quét những chiếc lá đa trước mặt
quá khứ vàng vọt trên chiếc chổi tre
em lần tay tìm tràng hạt
anh ngân lên trong tiếng chuông chiều.

NGUYỄN ĐÌNH TÂM

Vinh và em

Ta chọn dừng một khúc sông Lam
nơi ta tan hoang cùng Vinh sau những mùa hỏa hoạn
nơi ta lớn cùng Vinh sau bao nhiêu bom đạn
đường sinh thái em về đón ta dọc bờ vui

Ta chọn dừng một khoảnh khắc triền đề
thả hồn theo đàn bò gặm cỏ
bao kỉ niệm tuổi thơ còn bỏ ngỏ
em gọi về hào phóng giữa mệnh mang

Ta ngửa tay hành khất chiếc lá vàng
xin mùa Thu đưa em về nơi ấy
có giọt buồn thấm trên trang giấy
ướt hết chiều thu xa
Vinh - và em - là cả hồn ta.

PHAN XUÂN THU

Miền Trung

Mượn thêm chút gió láng giềng
Để thành chảo lửa cho riêng đất này
Miền Trung ơi, lắm đắng cay
Người quen chống chịu, thương cây cỏ mềm.

Lửa trời hầm hập giấc đêm
Đất khô oằn tấm lưng mềm thành chai
Gió với cát bụi trần ai
Rát bàn chân mẹ, chuây hai vai thầy.

Miền Trung ơi, nắng lắm thay
Đất vất từng giọt nuôi cây thành rừng.

PHẠM VIỆT THẮNG

Con về với mẹ chiều nay

Con về với mẹ chiều nay
Tìm trong muôn nẻo khói cay cửa lòng
Lúa non trắng muốt đồng đồng
Xa xa bóng mẹ cuối đồng thấp cao.
Mẹ về từ giữa nghìn sao
Trong cơn gió thoảng lao xao đầu hè
Mẹ ơi chất nước xanh chè
Gạo chiêm mẹ nấu củi tre lửa hồng.
Cái thời buổi dạy, buổi đồng
Mẹ ta tay bế tay bồng ngược xuôi
Cạn lời hát, mẹ đàn môi
Võng gai kéo kẹt đơn côi cánh cò.
Giấc con đến tự câu hò
Lời ca còn đó chuyển đồ đã xa
Nhìn lên thăm thăm mẹ ta
Xe tiên, giá hạc, ngân hà dạo chơi.
Nghìn năm cho mẹ thành thơ
Cho thôi tất bật cả đời mẹ xưa
Giã từ tháng nắng ngày mưa
Mẹ ta có giấc ban trưa ngọt lành.
Mẹ về xa thăm gặp anh
Hai vì sao giữa trời xanh sáng loà
Chiều nay khói mỏng, lệ nhòa
Gửi vào thăm thăm mẹ ta ấm lòng!

THƠ

HỮU VI

Cảm giác sông

Nhớ tiếng chim trong khu rừng ngày hạ
Lạnh lớt lớt
Mi gieo chi nỗi nhớ trong ta?

Mi là con sông chảy
Nỗi nhớ như rêu đã mọc ngàn đời.

Nỗi nhớ là bông hoa trắng xóa cánh
Là tiếng cú đêm
Là đám gai mọc đầy ngón tay ta
Vào mỗi sáng.

Là gì thì mi vẫn sống trong ta

Sau ngàn ngày ngồi nhớ dòng sông
Ta chợt hóa nguồn cơn của nó.

NGUYỄN VIỆT LỢI

Sông con

(Tặng bạn tôi thừa chấn trâu)

Ta về! Sông vẫn sông Con
Vẫn xanh bờ bãi, căng tròn ước mơ.
Lũ học trò vẫn tuổi thơ
Nhờn như cá lội ven bờ đớp trăng.

Bãi Soi ghé ọ tung tăng
Bờ tre vẫn đó, mùa măng không già
Nương dâu, bãi mía mượt mà
Bình minh thức gọi tiếng gà ban mai.

Rừng già, sông vẫn liêu trai
Trẻ trung chảy giữa rộng dài nước non
Vực sâu, thác bạc, đá mòn
Ta già, sông vẫn sông Con không già.

NGUYỄN TIẾN CƯỜNG

Không đề

Úp tay xuống thì là đêm
Úp trang sách cũ để thêm giấc dài
Úp chiều muộn đợi sớm mai
Úp ly rượu cạn cho ai trở về.

Mở lòng chờ một cơn mê
Mở khung cửa sổ bốn bề lặng tanh
Mở lời chợt sợ phong thanh
Mở đường lại sợ đường thành lối đi.

Khép mi buông bỏ xuân thì
Khép môi son phấn tình chi hững hờ
Khép lời ru nhỏ ầu ơ
Khép tay bởi ánh trăng mờ cuối sông.

Lật vạt áo thấy trống không
Lật giấy để thấy cánh đồng vừa qua
Lật giấy bóc một món quà
Lật thuyền để mãi không qua chuyến đò...

ĐẶNG THIÊN SƠN

Buổi sáng biến mất

Buổi sáng đang chết dần vì ngộ độc gió
thương cho những người ngồi đón buổi trưa
không biết rằng thời gian đã biến mất.

Buổi sáng chết rồi là có thật
người ta chờ nỗi buồn trắng muốt khoang xe
băng qua những năm đất sè sè
chẳng còn ai nghe buổi sáng nói gì
dù là một câu rất khế.

Ơ kìa đàn chim se sẻ
mổ ngày rách toác thể kia...

Buổi sáng không còn như ngày xưa cũ!

DƯƠNG TIẾN NGỌC

Sao lạc

Dưới trăng mờ tỏ xóm đình
Đi tìm một nửa của mình ngày xa

Giật mình năm tháng đã qua
Sông kia, núi nọ
Vẫn là mền thân.
Thời gian
Lắng những tri âm
Khối tình xưa cứ âm thầm lớn lên.
Thế rồi
Đêm lại vào đêm
Thế rồi
Ngày ấy xa thêm tháng ngày...

Riêng chung chất một gánh đầy
Anh như sao lạc, rạng ngày còn mờ.

ĐỒNG VĂN BÌNH

Soi

1.
Soi xuống mặt sông
Cây xanh hơn cây thực...

Soi xuống mặt sông
Ngôi nhà mới hơn ngôi nhà thực...

Và vàng trăng
Lung linh đóa ngọc...

2.
Soi xuống mặt sông
Người đàn bà thần thờ ôm bóng khóc...

Thảng thốt tuổi xuân trôi
Qua hao gầy con nước...

Gió đổ dành
Sông thức thưở ngày xanh...

TRẦN MAI HƯỜNG

Không phải tình nhân

Lại một đêm chậm trôi
Nhà em bàn phím nhớ
Đèn nhà ai thôi xanh
Ký tự buồn đợi gõ
Tơi bời trong em gió
Buốt từ ngày gặp nhau
Đường chân trời lằng lắt.

Thấu đến cùng mà đau
Em cất thì con gái
Thương anh mùa đàn ông
Giấu trong lòng thác đổ
Giấc mơ nào mê cung.

Sợi mây em màu nắng
Không trối nổi mặt trời
Đành buông tay thả - với
Một trăm tầng em rơi.

Bài thơ chất từ tim
Run em từng chữ đại
Ừ thôi lại đổ mình
Buốt ơi đừng gió mãi
Em - không phải tình nhân
Tình nhân - anh - không phải.

YẾN THANH

Mẹ tôi

Dạy con ôn khổ nhớ nghèo
Nên, hư - mẹ mượn tích Kiều mẹ răn...
Cả khi đánh giặc khó khăn
Mẹ rằng "xưng suất tại thằng bán tơ"^(*)
Trẻ trung ví giặm đồ đưa
Già giang nằm vông ngâm thơ, lấy Kiều
"Nghĩ mình mặt nước cánh bèo"^(*)
"Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân"^(*)
Thương Kiều, thương cả Thúy Vân
Ghét phường ưng khuyếnbắt nhân, Tú Bà...
"Thiện căn cốt ở lòng ta"^(*)
"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"^(*)
Con đi thảng rộng năm dài
Chỉ mong học mẹ chữ tài, chữ tâm
Mẹ tôi người cổ, nông dân
Áo tơi với mấn nu bằm^(**) nuôi tôi
Truyện Kiều mẹ mượn thay roi
Con hư mẹ giận lại lời giảng Kiều.

(*) Trích Truyện Kiều (Nguyễn Du)

(**) váy nâu

LÊ MINH THẮNG

Chỉ biết lúc này

Trong đám mờ sương
đôi bờ nhấp nhô lau lách hiện lên
dòng ảo giác & rêu xanh quay quắt rãnh sông
mặt nước ngan ngác
những mối tình
ngược xuôi.

Lời người xanh lên tầng mây
chiếc áo tơ duyên bạc màu đầm ướt
hong lại đôi mùa
& hồi xuân.

Những cơn mưa sinh thời
lũ chuồn gió quay quắt mặt đất
hơi nước long lanh lẫn lộn màu sương
giọt gian truân khác xa hàng mi tơ lụa.

Hàng dương khép cánh bên rừng
thơ ngây quàng mây làm hơi ẩm
ngơ ngác đợi hoài
những bình minh.

Ngã ba sáng tối dùng dằng
trời & đất không phân nổi
ngọn đèn khô tâm mai hoa tiêu
cánh sấm hồi mộng lung dưới bóng
chiếc bánh thời gian cận kề
không còn cơ hội & dịch nổi
bát ngát trời mây.

Anh & em nuôi tiếc điều gì
đôi bờ vui còn xanh ký ức
cánh buồm xa vời chân bể
tạ từ bến xưa
cây cầu duyên trở về tâm thức
chạm vào mặt sóng
hạt nắng nhẹ nhàng qua sông thanh bạch.

Chiếc lá cuối lối đương bay
sợ Thu này trôi mất
đôi mắt thấu điều linh niệm
ta giang tay vẫy gió
chỉ biết lúc này đang ở bên nhau.

BÁ CANH

Không để

Thôi thì cứ thế lặng yên
So đo chi những sang hèn, thấp cao
Mong chi sáng giữa trời sao
Để bao đêm phải gầy hao đợi chờ.

Thôi mình khép lại mộng mơ
Chỉ mong neo đậu bến bờ bình an
Nguyện như cây mọc trên ngàn
Cứ xanh xanh để ngập tràn tiếng chim.

Xô viết Nghệ Tĩnh, 90 năm nhìn lại

CHU TRỌNG HUYẾN

Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) kết thúc, Pháp tuy thuộc phía thắng trận nhưng cũng là nước bị tàn phá, mất mát nặng nề. Tiếp đến lại diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu (1919- 1933), bất lợi cho cả phe tư bản. Để bù vào sự “thua thiệt” ấy, thực dân Pháp tăng cường bóc lột các thuộc địa mà Việt Nam được coi là nơi trọng yếu.

Ở đây, thiên nhiên phần nào khắc bạc vì lăm hạn hán, bão lụt nhưng cũng có nhiều nguồn lợi: soi bãi phần lớn là đất phù sa, trên đó được người cày cấy bón cần mẫn nên mùa màng luôn tươi tốt. Sông biển có nhiều cá tôm, ngư dân siêng năng chài lưới. Rừng núi đủ loại, mọc nhiều gỗ quý. Tại vùng cao và dọc các khe suối có nhiều quặng mỏ như sắt, thiếc, chì, vàng... Nhưng trải bao đời, chính quyền phong kiến thống trị đất nước ta trong sự trì trệ, khổ nghèo. Từ cuối thế kỷ XIX thì cả Đông Dương lại bị thực dân Pháp xâm chiếm rồi đặt ách đô hộ. Chúng khai thác, bóc lột nhân dân thuộc địa một cách tàn nhẫn, chôn hết các tài nguyên quý giá về bên chính quốc. Rồi đến lúc, để bù vào những thiệt hại bởi cuộc chiến và sự cạnh tranh quyết liệt do chính phe đế quốc, tư bản gây ra nói trên, ở nơi đây, thực dân Pháp ra sức đào mỏ, thu mua rẻ nông, lâm, hải sản và đánh nặng thêm các thứ thuế. Thuế ruộng hạng nhất, năm 1898, mỗi mẫu (0,5 ha) là 1,5 đồng bạc Đông Dương (đ) thì năm 1929 phải đóng 1,95đ. Thuế thân (đánh theo từng người đàn ông, từ 18 đến 60 tuổi) mỗi năm là 2,5 đ thì từ năm 1928 tăng lên thành 3 đ⁽¹⁾. Cứ theo cái đà ấy, sự khai thác, bóc lột của họ đối với đất nước ta còn mỗi ngày thêm một nặng nề.

Riêng vùng Nghệ - Tĩnh (Nghệ An và Hà Tĩnh), đây cũng là nơi con người cần mẫn, khéo tay, sống chịu thương, chịu khó, ham học và trọng nghĩa khí. Trong con mắt của tư bản thực dân Pháp, Vinh - Bến Thủy, chỗ sông Lam tuôn ra bể, cửa ngõ của cả vùng Khăm-muộn-Trần Ninh (đất Trung-Thượng Lào) là nơi dễ trở thành một khu kỹ nghệ sầm uất mà nguồn nhân công lại dồi dào, giàu năng khiếu. Trên cơ sở ấy, họ dễ thực hiện việc đem nhiều của cải ở đây về làm giàu thêm cho chính quốc.

Tuy nhiên, có một mạch ngầm khác ở vùng đất này mà phía thực dân không nhìn thấy hết. Đó là bao nhiêu năm trời, từ khi họ đặt chân đến, nơi đây, từ Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhã, Phan Bội Châu đến Nguyễn Ái Quốc... những con người tiêu biểu ở từng thời kỳ ấy đã kế tục việc uơm mầm cho xứ sở mình chất nhuệ khí, chí hy sinh vì nghĩa lớn, thể hiện trước tiên ở lớp thanh niên tân học và lao động giải tay nghề. Họ là “dầu gạch nổi” giữa tầng lớp sĩ phu với giai cấp vô sản trên đất này ở các thập niên thứ ba, thứ tư của thế kỷ trước. Mà, đại diện là: Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Sỹ Sách, Lê Mao, Lê Việt Thuật...

Bấy giờ, Vinh - Bến Thủy, trung tâm công nghiệp của vùng Bắc Trung Kỳ đứng trước những thử thách mới của thời đại. Tất cả đã tích tụ thành Phong trào đấu tranh Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930-1931).

Quá trình để đi đến sự kiện đó là, khi trong cả nước đã hình thành ba tổ chức cộng sản và cùng đấu tranh vì một mục đích chung là giành độc lập dân tộc, thực sự giải phóng cho đồng bào, gồm: Bắc Kỳ: Đông Dương cộng sản Đảng, Nam Kỳ: An Nam Cộng sản Đảng và Trung Kỳ: Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Rồi đến lúc, tình thế đòi hỏi ba tổ chức đó phải tập hợp nhau lại trong một Đảng duy nhất để tiện chỉ huy phong trào thì vào ngày 3-2-1930, tại Hồng Kông (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh trách nhiệm cao cả ấy.

Đó cũng là khi, trong cả nước, nhất là tại hai tỉnh Nghệ - Tĩnh, nơi vốn gom góp công sức và gắng gổ gây dựng các đoàn thể làm nền móng chính trị cho từng phong trào đã sẵn sàng những điều kiện để làm nổ ra các cuộc biểu tình, tranh đấu vì những yêu cầu thiết thực, đòi: tăng tiền lương, giảm giờ làm cho thợ thuyền và giảm sưu thuế, địa tô cho dân cày. Từ đó, và nhất là sau khi Đảng ra đời (3-2-1930), các cuộc biểu tình tranh đấu của quần chúng công- nông Nghệ- Tĩnh đều có thêm các khẩu hiệu:

- Ủng hộ Liên bang Xô viết,
- Ủng hộ Quảng Châu Công xã,
- Công-nông-binh liên hiệp lại, làm theo Cách mạng Tháng Mười Nga.

Ngày 1-5-1930 thì các cuộc biểu tình hòa bình đòi các quyền lợi thiết thân cho công-nông diễn ra tại Vinh - Bến Thủy và huyện Thanh Chương. Bọn tư bản, thực dân Pháp đã không đáp ứng những yêu cầu đó của dân ta mà lại sai lính

bắn vào từng đoàn người tay không đi tranh đấu ấy, khiến cho ở Bến Thủy có 6 người chết, 18 người bị thương. Tại Thanh Chương, ngày hôm 1-5 ấy đã diễn ra cuộc biểu tình của học sinh trường Pháp -Việt ở chợ Rộ. Rồi sáng ngày 3-5, tại một đồn điền ở Hạnh Lâm, thực dân Pháp đã bắn vào đoàn người đi tranh đấu làm 17 người chết và bị thương khi bà con nhóm họp lại, đòi tên chủ là Ký Viện phải trả ruộng đất của dân bị nó chiếm và để cho bà con có đường đi vào rừng làm ăn.

Bọn thực dân Pháp và quan lại Nam triều đã đáp lại những cuộc biểu tình hòa bình như vậy bằng súng đạn! Thế nhưng công nông Nghệ - Tĩnh không lùi bước. Các cuộc đấu tranh như thế vẫn tiếp tục và mở ra ở nhiều tại nhiều phủ, huyện. Mà đỉnh cao là cuộc biểu tình của nông dân thuộc Hưng Nguyên, Nam Đàn vào chiều ngày 12-9-1930. Khi bà con đang trên đường đi xuống phủ lỵ Hưng Nguyên (tại Cầu Đước) để rồi sẽ kéo xuống Tòa sứ Vinh đưa yêu sách một cách hòa bình. Nhưng khi đoàn vừa đến Thái Lão, nơi cách trung tâm Vinh 5 km thì thực dân Pháp cho máy bay đến ném bom, làm 217 người chết và 125 người bị thương. Ở Hà Tĩnh, các vùng Lai Thạch, Đình Lữ (Can Lộc), Phố Châu (Hương Sơn) đều diễn ra các cuộc biểu tình quyết liệt.

Thế là, với khẩu hiệu mang nội dung trả thù cho công nông Vinh - Bến Thủy, Hạnh Lâm và Thái Lão, một phong trào đấu tranh biểu tình diễn ra ở nhiều nơi khắp các phủ huyện thuộc hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Và, ở nhiều làng xã như thế đã thành lập chính quyền Xô-viết thay cho bộ máy cai trị của thực dân - phong kiến⁽²⁾ mà Thanh Chương là nơi tình thế đó diễn ra một cách mạnh mẽ, quyết liệt nhất. Huyện này có 76 trên 86 làng thành lập được hình thức chính quyền như vậy. Lịch sử gọi đó là Xô - viết nông dân⁽³⁾. Tiếng gọi Xô - viết (Soviétique) là lấy theo hình thức chính quyền cách mạng của nước Nga cũng như ở Hung-ga-ri trước đó. Rồi tình thế ấy lan tỏa ra tại các phủ, huyện của toàn tỉnh Hà Tĩnh, có 170 làng xã chính quyền do Xã bộ nông (tức chi bộ đảng và nông hội) nắm giữ. Bấy giờ, vùng đất này được tôn xưng là “Nghệ-Tĩnh đỏ”. Trong thư gửi Quốc tế Nông dân ngày 5-11-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nói rõ: “Hiện nay ở một số làng đỏ, xô-viết nông dân đã được thành lập”. Thế là, phong trào đấu tranh cách mạng đòi độc lập, tự do- dân chủ cho nhân dân Việt Nam đã được nhiều nơi trên thế giới biết đến và lên tiếng ủng hộ.

Phong trào Xô viết Nghệ -Tĩnh diễn ra khi tình hình thế giới chưa đủ thuận lợi cho công cuộc đấu tranh chống đế quốc thực dân giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Nhưng sự kiện cách mạng long trời lở đất ấy cũng đã làm rung chuyển cả hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp và đe dọa đến toàn bộ cơ đồ của chủ nghĩa thực dân trên khắp hành tinh. Nhất là, trong chiến công vang dội thành lập Xô - viết nông dân của quần chúng Nghệ - Tĩnh có sự nêu gương và cổ vũ của cách mạng Tháng Mười Nga. Và bấy giờ, ở Đông Dương với những sự tích tranh đấu của quần chúng lao khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản theo chủ nghĩa Mác - Lê nin, công nông và trí thức đã nêu một tấm gương cho giới lao khổ trên khắp địa cầu.

Tất nhiên, do chưa có nhận thức đầy đủ và còn ít kinh nghiệm đấu tranh cách mạng nên những người đứng ra lãnh đạo phong trào ở từng cơ sở tại Nghệ - Tĩnh bấy giờ không tránh hết các biểu hiện ấu trĩ, tả khuynh, thiếu những chủ trương đúng trong xây dựng tổ chức, duy trì cơ sở Đảng và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết mọi thành phần huy động và củng cố, gìn giữ tốt các tổ chức quần chúng, nhất là khi phong trào bị chính quyền thực dân và phong kiến đàn áp một cách tàn bạo, đẫm máu. Những nguyên nhân đó, nhất là khi cả nước chưa có tình thế cách mạng, đã khiến cho phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh lúc bấy giờ bị tạm lắng!

Tuy vậy, những thành quả, kinh nghiệm do do công cuộc đấu tranh nói trên đem lại là pho sử vàng vô giá cho Cách mạng Việt Nam. Trong đó có phần di sản quý báu là xuất hiện nguồn “Thơ văn Xô viết Nghệ - Tĩnh” mà nhà nghiên cứu Tôn Gia Ngân đã phát biểu: “Nếu như Thơ văn Xô viết Nghệ - Tĩnh chưa sản sinh được những nghệ sĩ lớn thì chính nó đã đặt nền móng cho một nền nghệ thuật mới, nền nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa”⁽⁴⁾ của Việt Nam.

1. Ở Nghệ An, vào năm 1930, mỗi tạ gạo giá 14 đ.

2. Hệ thống này từ tổng trở xuống gồm: chánh, phó tổng; Ở mỗi làng thì có: chánh, phó lý trưởng, giúp việc cho họ là ngũ hương: hương kiểm, hương bản, hương mục, hương dịch, hương hào.

3. Lịch sử cũng đã ghi theo tên gọi như vậy. Sách của chính quyền Pháp cũng viết là “Xô- viết nông dân” (Les Soviets paysans).

4. Báo “Nghệ An” số ra ngày 30-1-2005.

Nhớ mãi sáng mùa Thu năm ấy...

NGUYỄN TRỌNG TUẤT

Nhà tôi ở sát biển Cẩm Nhượng. Một đêm tôi đang ngủ thì bố tôi thức tôi dậy: “Này con, cầm cái lá cờ đỏ này đi. Hãy đi theo bố nhanh lên!”. Tôi không đầu đuôi ra sao thì bố tôi lại bảo: “Con hãy lên đồn Tây, Nhật mà xem”

Tôi tò mò hỏi bố tôi: “Xem gì hả bố?”

Bố tôi nói gọn mấy tiếng: Xem ta cướp chính quyền... nào chạy nhanh lên!

Tôi sợ quá vừa co chân băng qua những đụn cát lún vừa reo to: Cướp chính quyền!

Nhìn thấy cờ đỏ sao vàng bay phấp phật khắp nơi, tôi lại hỏi bố tôi: Bố ơi sao cờ nhiều đến thế?

Bố tôi vừa phát cờ vừa bảo: Đánh đuổi bọn giặc cướp mà!

Một lúc sau hàng nghìn người rầm rập cầm đao, cầm mác, gậy gộc,... vây lấy đồn giặc. Một số dân quân cầm súng kíp lăm lăm vượt qua những bức tường tua tủa dây thép ủa vào cổng chính.

Đột nhiên có mấy tiếng súng nổ đanh và tiếng thét rít qua gió: Bắn! Bắn!

Bọn giặc hốt hoảng. Tiếng trống đổ thùng thùng, tiếng thanh la ầm ầm như sóng biển. Hàng trăm, hàng nghìn người cuộn cuộn từ những bãi chong chóng băng qua những gò phi lao dày đặc xông thẳng đến nhiều góc gác của bọn Tây và Nhật.

Có tiếng hô chéo lên: A-ba, A-ba! Đả đảo! Đả đảo!

Một tên quan to béo từ hậu sảnh bước ra. Hắn nhăn nhó; bụng phệ, đeo kính đen, nói một tràng tiếng Pháp. Tên này nói giọng Mác-xây nghe lơ lớ. Một tên

phiên dịch nói lại: “Các người bình tĩnh. Không bắn! không bắn! Chúng tôi đầu hàng Việt Minh!”.

Thế là lá cờ tam tài của Pháp trên cột sắt từ từ hạ xuống bãi cát. Nó vò nhàu lấy rồi vội vàng ném vào thùng gỗ. Mấy cụ già cầm gậy chạy đến chỗ bố tôi tung hô lên: Khởi nghĩa rồi! Tây hàng rồi! Đuổi Nhật đi. A-ba. A-ba.

Hàng nghìn lá cờ bằng vải điều, bằng giấy đỏ kết với năm cánh sao vàng bay phần phật...

Tôi thấy mãi một sáng mùa Thu dậy đất ấy, nhìn lên trời cuộn cuộn mây trắng bay ra biển cả.

...10 năm sau, tháng 8 năm 1955, nhớ lại ngày khởi nghĩa sục sôi khí thế ấy, một nhóm tuyên truyền cổ động gồm những người đầy nhiệt huyết, tay cầm cờ đỏ sao vàng, băng rôn, biểu ngữ, cùng hàng nghìn dân chúng tập trung tại một bãi cỏ lớn của xã, giương cao búa liềm hát vang bài “Quốc tế ca”.

Tôi đã sáng tác bài thơ “Cờ bay tháng Tám” được in bằng rô-nê-ô mực Tàu và tung ra hàng trăm bản để cổ động cho ngày Cách mạng tháng Tám.

*Đất trời một thuở mịt mờ
Kiếp người nô lệ vật vờ ngựa trâu
Nỗi đau chẳng chịu cúi đầu
Đói cơm, rách áo, còn đâu đứng nhìn?
Lưỡi gươm với gót giày đình
Gông cùm, xiềng xích, đao binh hận trời.
Tám mươi năm sống cầm hơi
Lúa, ngô giặc vét, xác người đói tro.
Máu tràn loang lổ mây mưa
Nhìn trời bỗng dậy sắc cờ vàng sao.
Quân đi thác đổ ào ào
Nào gươm, nào giáo, quốc cào tầm vong...
Đứng lên lột hết xiềng gông
Phá tan tù ngục, cởi vòng ngựa trâu.
Mặt trời đã sáng trên đầu
Biển xanh nổi sóng, rừng sâu thác tràn.
Việt Nam - năm cánh sao vàng
Cờ bay tháng Tám âm vang quân hành.*

Tiếc nhớ học giả Phan Ngọc - bậc hiền tài quê Nghệ



Ảnh: TL

Học giả Phan Ngọc, nhà văn hóa lớn, bộ bách khoa thư, một trong những trí thức được đào tạo trong thời Pháp thuộc đã qua đời vào ngày 26/8/2020, hưởng thọ 96 tuổi.

Ông quê làng Yên Nhân xã Nhân Thành huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình khoa bảng, tốt nghiệp tú tài Tây, ông vào học trường Y. Đang học dở dang thì cách mạng tháng Tám bùng nổ, ông về quê tham gia kháng chiến, làm giáo viên rồi làm Hiệu trưởng Trường Trung học tư thục Lê Doãn Nhã. Năm 1950, Phan Ngọc vào bộ đội ở đại đoàn 304 rồi về Ban liên hiệp đình chiến của Bộ Quốc phòng.

Cuối năm 1954 được sự giới thiệu của Giáo sư Trần Đức Thảo, ông về giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm Văn khoa, sau về làm chủ nhiệm bộ môn Ngôn ngữ học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Cùng với các nhà trí thức lớn của dân tộc, ông là người có đóng góp lớn cho khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Nếu như trong sử học người ta xếp tứ trụ: Lâm - Lê - Tấn - Vượng (Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn) thì trong giới ngôn ngữ học người ta xếp tam kiệt: Cẩn - Ngọc - Hạo (Nguyễn Tài Cẩn, Phan Ngọc, Cao Xuân Hạo)

Năm 1958, xảy ra vụ nhân văn giai phẩm, Phan Ngọc bị liên lụy. Ông không được giảng dạy, mà làm nhân viên dịch sách. Trong hoàn cảnh đối rách cơ hàn, được sự động viên của thân phụ và Giáo sư Đào Duy Anh, lấy cái bất biến của lòng yêu nước và tình yêu khoa học, ông đã chuyên tâm vào việc học ngôn ngữ và nghiên cứu văn hóa các dân tộc trên thế giới. Với vốn kiến thức ban đầu là tấm bằng tú tài, ông đã say sưa tự học và chỉ có tự học vươn lên trở thành người Việt Nam hiểu biết sâu sắc văn hóa các nước trên thế giới trong thế kỷ XX, sau học giả Trương Vĩnh Ký thế kỷ XIX. Bạn đọc yêu Văn học, Sử học, Triết học, Dân tộc học từng say mê đọc “Chiến tranh và hòa bình”, “Thần thoại Hy Lạp”, “Sử ký Tư Mã Thiên”, “Thơ Đỗ Phủ”, “Chuyện làng nho”... ít ai nhớ tên người dịch Nhữ Thành, bút danh của Phan Ngọc suốt 20 năm từ 1957 đến năm 1980. Năm 1976, để phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 4, ông dịch trọn bộ Triết học Hêghen từ nguyên bản tiếng Đức.

Từ năm 1980, ông về làm chuyên viên bậc cao Viện nghiên cứu Đông Nam Á. Ông là vị giảng sư có uy tín, thầy của những người thầy. Ông còn là nhà ngôn ngữ học, nhà dân tộc học, nhà văn hóa để lại nhiều tác phẩm độc đáo như: Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều, Văn hóa Việt Nam một cách tiếp cận mới, Bản sắc văn hóa Việt Nam, Văn hóa Việt Nam tiếp xúc với Pháp, Thức nhận về Văn hóa Việt Nam, Giải thích văn học bằng ngôn ngữ học, Thi thánh Đỗ Phủ và một nghìn bài thơ...

Ông thường tâm niệm: “Mục đích của đời tôi là chỉ tìm phương pháp làm việc có lợi ích cho nhân dân nước tôi”

Ông là con người uyên bác, lịch lãm nhưng rất giản dị. Ông thường về quê Nghệ, khi thì nói chuyện với bà con Nhân Thành, khi thì với các thầy giáo và học sinh trường huyện. Ông viết văn bìa bằng 2 ngôn ngữ Việt - Lào ở nghĩa trang Quốc tế Việt - Lào ở Anh Sơn. Bà con thường gọi ông là “ông đồ Nghệ thời mới”. Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật cho 2 công trình “Văn hóa Việt Nam, cách tiếp cận mới” và “Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều”

NGÔ ĐỨC TIẾN

Người của thao tác luận

Cho đến bây giờ tôi không nhớ rõ Phan Ngọc “mang” học hàm gì - Giáo sư hay Phó Giáo sư?, tôi chỉ biết ông không học vị Tiến sĩ. Đối với Phan Ngọc, không bao giờ ông lấy cái danh làm trọng. Với tôi, ông giản dị là **Học giả Phan Ngọc!**

Tôi không phải học sinh của ông, theo nghĩa ngồi trên ghế giảng đường. Song, tôi là học trò nhỏ của ông, cũng không theo kiểu học từng bài ông giảng, mà qua những lần tiếp xúc, đặc biệt là qua những tác phẩm văn học dịch với bút danh Nhữ Thành trước đây và sau này là những công trình nghiên cứu in thành sách ghi rõ họ tên tác giả - Phan Ngọc. Tôi mến mộ ông từ khi chưa có cơ hội gặp ông. Khi đã gặp, tôi càng trân quý ông. Tôi học được từ ông nhiều điều bổ ích.

Phan Ngọc quê gốc ở xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An trong một gia đình khoa bảng có truyền thống Nho học, cha ông là Thượng thư Phan Võ. Ông sinh năm 1925 tại Tĩnh Gia, Thanh Hóa năm 1925, nơi cha ông khi đó đang làm Tri phủ. Cuộc đời của Phan Ngọc gặp nhiều gian truân. Bản thân ông suốt đời chỉ chí thú học và học, nên ông không chịu chùn bước trước sóng gió cuộc đời. Ngược lại, mọi ngăn trở càng tôi rèn, càng hồi thúc ông tự học và tự tạo con đường học thuật riêng, để rồi chú tâm giải quyết nhiều vấn đề quan thiết, cả lý thuyết lẫn thực tiễn, với sự phong phú và đa dạng về đề tài, trên cơ sở của phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học độc đáo, ít ai sánh kịp.

Phan Ngọc học từ cha, học ở những người thầy (như Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn), học từ đồng nghiệp (như Trần Đức Thảo, Trần Đình Hượu). Ông sớm có vốn chữ Hán và chữ Pháp đủ để đắm mình trong bể sách đông tây, kim cổ. Trong thời gian không được giảng dạy trên giảng đường, ông say sưa dịch sách và học ngoại ngữ. Ông tự học các ngôn ngữ Nga, Anh, Đức, Hy Lạp, La-tinh, Thụy Điển, Ấn Độ và một số ngôn ngữ Đông Nam Á, đến mức đọc thông, viết thạo và tiếp thu tinh hoa ngôn ngữ, văn hóa của các dân tộc khác nhau đến độ uyên bác. Ông trải rộng công việc dịch thuật đến các tác phẩm kinh điển của các tác giả lớn, như Ngô Kinh Tử, Lão Tử, Tư Mã Thiên, Đỗ Phủ, Sécxpia, Hêghen... Chính công việc đó đưa ông đến những nghiên cứu độc lập về văn hóa học, ngôn ngữ học để soi chiếu vào văn học, vào tiếng Việt, vào các lĩnh vực khác, kể cả chính trị học và kinh tế học, với những kiến giải thỏa đáng.

Phan Ngọc thường sử dụng *công cụ thao tác* - sự tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của nhiều khoa học, mà khởi điểm là “*sự lựa chọn*”, cũng là một “*cử chỉ chỉ trở riêng cho một tộc người*”. Có được thao tác “*cử chỉ chỉ trở*”, như ông tâm sự, ông chịu ơn Giáo sư Trần Đức Thảo, mà thuật ngữ “*tế bào của ý thức*” nêu lên trong tác phẩm *Những tìm hiểu về nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức* (của GS. T.Đ.T.), dẫn ông đến công việc “*phân xuất kiểu lựa chọn để tìm bản sắc văn hóa*”; và, tiến xa hơn, ông tiếp cận “*kiểu chọn*” của Hồ Chí Minh trong công trình *Học thuyết Hồ Chí Minh với*

tính cách kiểu chọn của văn hóa Việt Nam trong một thế giới bị chi phối bởi học thuyết của Mác-Lênin” (dẫn theo Phan Ngọc - Truyền thống văn hóa và cách xây dựng văn hóa dân tộc; Nxb. Văn hóa-Thông tin, H-2013).

Trong những công trình nghiên cứu về văn hóa, chẳng hạn như công trình dẫn ở trên, Phan Ngọc nêu lên hai thuật ngữ “*cá nhân luận*” và “*nhân cách luận*” như hai cách lựa chọn đối lập, tạo nên bản sắc khác nhau ở hai nền văn hóa: phương Tây - nơi chủ nghĩa tư bản chiếm vị trí độc tôn, và Việt Nam (chứ không phải nền văn hóa phương Đông nói chung). Ông nhận xét: “*Cá nhân luận của Mác và nhân cách luận của Hồ Chí Minh là rất gần nhau*”. Bằng “*thao tác luận*” (*prise de la conscience*), ông xác định văn hóa Việt Nam là do “*bốn thành tố quyết định*”, đó là *Tổ quốc* (Fatherland), *Gia đình* (Family), *Thân phận* (Fate), và *Diện mạo* (Face)” (gọi tắt là *văn hóa 4F*). Theo ông, sự lựa chọn rất tiêu biểu của văn hóa Việt Nam bắt nguồn từ sự không thay đổi trong quan hệ hai chiều giữa cá nhân với cộng đồng là bản chất, chứ không ở hiện tượng; và, bốn thành tố này có thể gặp ở nhiều nước phương Đông, nhưng phải xét từng thành tố ở ba mặt: cơ sở xã hội và vật chất, quá trình diễn biến lịch sử và cách giải quyết nó trong hoàn cảnh hiện nay. Ông chỉ ra rằng: “*Theo cách nhìn thao tác luận... xét văn học trong quan hệ với văn hóa ở từng giai đoạn là xét xem cách văn học nêu lên và giải quyết bốn vấn đề Tổ quốc, Gia đình, Thân phận và Diện mạo như thế nào để cá nhân biểu hiện thích hợp nhân cách mình*” (sách đã dẫn; Chương I). Đây là một chỉ dẫn hết sức căn bản, rất cần thiết đối với phê bình văn học, mà hiện nay ít được chú ý.

Với quan điểm đó và bằng *thao tác luận*, Phan Ngọc lần lượt “*thức nhận*” các vấn đề bằng sự tiếp cận nhiều đề tài được cho là “*xương xẩu*”, với tinh thần khoa học triệt để, nhằm nhận diện cho được cái mấu chốt, cái bản chất nhất nằm ẩn sâu giữa muôn vàn hình thức biểu hiện của hiện tượng và sự vật. Ông coi sự khác biệt là quy luật của sự thay đổi trên nền tảng chung, mang tính thế giới, tính nhân loại, phổ biến ở một giai đoạn lịch sử, mà với mỗi dân tộc có cách sàng lọc, lựa chọn riêng để từ đó cấu thành bản sắc, định hình phong cách. Khi lịch sử chuyển sang giai đoạn, thời kỳ phát triển khác, thì sự lựa chọn cũng thay đổi tương ứng, bản sắc văn hóa, kể cả phong cách, cần phải có sự điều chỉnh phù hợp để loại bỏ những cái lỗi thời, phát huy những giá trị cốt lõi, tiếp thu cái mới để củng cố cho bền vững và nâng tầm cao hơn về giá trị.

Chẳng hạn, nghiên cứu về huyền thoại Việt Mường (sách đã dẫn; Chương II), Phan Ngọc chỉ ra rằng: “*muốn phục hồi hệ thống thần thoại nguyên thủy bao giờ cũng phải tiến hành một sự đối chiếu công phu*”. Và, ông cho thấy, nếu không có sự đối chiếu công phu như vậy sẽ khó lý giải vì sao khái niệm “*mẹ tiên*” lại nằm trong hệ thống huyền thoại Việt Mường đậm và bền như vậy, mà lại vắng ở các truyền thuyết Đông Nam Á (trong khi khái niệm “*cha rồng*” hoàn toàn khác). Nghiên cứu của ông cho thấy, hệ thống huyền thoại Việt Mường có cùng nền tảng với đa số huyền thoại trong khu vực, song do có cách lựa chọn độc lập nên đã tạo được những dấu hiệu khác biệt căn bản. Sau khi lý giải vì sao “*hai con vật tổ chìm và rắn*” không cùng có mặt rõ ràng trong cùng một truyền thuyết, dù của người

Việt, người Mường hay người Thái, ông đưa ra nhận định: “không làm gì có một tác phẩm chứa đựng nguyên vẹn hệ thần thoại. Hệ thần thoại thường bị tan vụn thành từng mảnh”. Đó là lý do vì sao “phải tiến hành một sự đối chiếu công phu” và chính ông là người thực hành nghiêm cẩn một cách nghiêm ngặt.

Tìm hiểu phong cách nhà báo Nguyễn Ái Quốc (sách đã dẫn; Chương III), Phan Ngọc khẳng định: “Nguyễn là nhà báo Việt Nam có sự đào luyện công phu nhất và thực tế là có thành tích cao nhất trong nghề báo chí của Việt Nam”. Viết báo bằng chữ Pháp tại nước Pháp và được người Pháp tiếp nhận, bởi Người rất hiểu văn hóa Pháp, tâm lý người Pháp, do đó lựa chọn và sử dụng nhuần nhuyễn cái *humour* (hóm hình, dí dỏm), “một biện pháp của những đầu óc Tây phương hóa rất cao mới viết được”. Sự nghiệp báo chí của Nguyễn Ái Quốc là con đường mà Người “thực hiện được ở bản thân mình sự vượt trội”. Người là “nhà báo quốc tế của thế giới”, có tiếng nói ở bất cứ nơi nào có áp bức bóc lột. “Hiện tượng này chứng tỏ tư tưởng giải phóng nhân loại bị áp bức đã có sẵn trong tâm thức người Việt Nam cho nên đất nước của Nguyễn Ái Quốc mới có thể đi đầu trong phong trào giải phóng các nước thuộc địa” - Phan Ngọc thức nhận cái bản chất nhất và giá trị nhất của phong cách nhà báo Nguyễn Ái Quốc trong chặng đầu tìm đường cứu nước và chỉ ra phong cách ấy có sức ảnh hưởng rộng rãi và lâu dài không chỉ trong thế kỷ XX.

Chính cuộc đời và sự tìm tòi không mệt mỏi đã cho Phan Ngọc hiểu khái niệm mà ông gọi là “khúc xạ”, “tức là muốn cho một lý luận mới chưa quen thuộc trở thành quen thuộc phải tính đến độ khúc xạ qua tâm thức dân tộc”, ông giải thích. Trong hành trình nghiên cứu của mình, Phan Ngọc đặt nhiệm vụ “sử dụng hình thức để giải thích nội dung” và bước tiếp theo là “đi tìm nội dung của hình thức”. Ở bước đầu, ông viết những công trình về phong cách, chẳng hạn phong cách Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, hay phong cách *Tuồng đồ*. Ở bước tiếp, hai bài khảo luận về Nguyễn Tuân và thơ song thất lục bát chiếm rất nhiều công sức của ông.

Tìm hiểu nội dung của hình thức thơ song thất lục bát (sách đã dẫn; Chương VII), Phan Ngọc đã thống kê và khảo cứu 35 tác phẩm, từ *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn (viết vào khoảng năm 1740) đến *Ba mươi năm đời ta có Đảng* của Tố Hữu (1960), là những tác phẩm tiêu biểu của song thất lục bát với tư cách là một thể loại thơ độc lập, đã được lưu hành rộng rãi và có giá trị nghệ thuật, “bởi vì khi nghiên cứu nội dung (của) hình thức thì chỉ có cái gì có giá trị nghệ thuật mới thuộc phạm vi nghiên cứu”, ông làm rõ thêm. Điều này có nghĩa, ngoài 35 tác phẩm đưa vào khảo cứu, ông đã phải loại trừ vô số bài thơ trước khi song thất lục bát định hình và nở rộ cũng như những bài nằm ngoài phạm vi nghiên cứu, cũng tức là chưa hội tụ đủ các đặc điểm mà ông đúc rút sau đây: a) *bộc lộ tâm sự* (nội tâm) - đặc điểm này có tính khu biệt với các thể thơ khác, có trước hay cùng tồn tại (với lục bát là tự sự, với thơ Đường là ngâm-vịnh, với ca trù là ca ngợi-tán dương...), và sự chống đối phải là thái độ tích cực để tìm cái mình mơ ước. Theo ông, không có nhà thơ mới nào làm được một bài thơ song thất lục bát đáp ứng được đặc điểm này; b) *thể hiện một sự đối lập* - tức là phải lựa chọn dứt khoát: đối lập hiện tại chỉ với quá khứ hoặc chỉ với tương lai, không thể với cả hai, bởi thể thơ song thất lục bát “trước sau tập trung vào một vấn đề

duy nhất: Hạnh phúc ở đâu? Nó là bài ca của những con người đi tìm hạnh phúc”; c) tính chất kêu gọi, có thể xem là kết quả của hai tính chất trên, “nên nó thôi thúc con người ngay trong tâm tư, gây được sự thông cảm giữa tâm hồn với tâm hồn, điều mà thơ bát cú, thơ lục bát, ngũ ngôn không làm được”; d) tác giả đóng vai một người lữ khách, “Nhưng tuyệt đối đây không phải là thơ thù tạc”, ông cảnh báo. Trong bài khảo luận này, Phan Ngọc phát hiện nhiều điều lý thú, chỉ cho người sau thấy được cái đẹp trong cấu trúc của song thất lục bát, chẳng hạn sự ngắt nhịp ở cặp song thất hay cặp lục bát khác hẳn với cách ngắt nhịp ở thể thất ngôn hay thể lục bát độc lập, từ đó làm thay đổi vị trí vần trong câu thơ, tạo nên một thể thống nhất từ nhịp điệu, đến hình thức thể hiện, tạo nên một tác phẩm chứa đựng trọn vẹn nội dung biểu cảm mà tác giả mong muốn đạt tới. Vì vậy “song thất lục bát không phải thất ngôn cộng với lục bát. Trái lại, đây là thất ngôn của song thất lục bát cộng với lục bát cũng của song thất lục bát” - một kết luận cho thấy lý do vì sao thể thơ song thất lục bát một thời đạt thành tựu rực rỡ, ngày nay chứng lại.

Theo Phan Ngọc, “thức nhận không phải là nhận thức” mà là sự truy tìm từ triết học, khoa học để biết tại sao người ta lại nhận thức như vậy; rõ ràng “thức nhận” không phải là việc đảo chữ từ “nhận thức”, nó mang nội hàm của một thuật ngữ. Điều quan trọng, cũng theo Phan Ngọc, sau khi đã thức nhận người nghiên cứu phải tiến hành “quy đổi tượng ra thành một chùm quan hệ”, để có thể tìm ra cái khâu, cái quan hệ quyết định thay đổi được toàn bộ chùm quan hệ ấy bằng biện pháp đối lập. Đi từ thức nhận đến đối lập để tìm và lý giải các quan hệ - đó là cốt lõi của thao tác luận. Cách làm này của Phan Ngọc khi ông khảo sát sự chuyển biến phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân (sách đã dẫn; Chương VI) đã đem lại những thú vị cho người đọc, trong đó cái thú vị nhất ở chỗ Phan Ngọc khẳng định Nguyễn Tuân là một tác giả lớn, bởi Nguyễn Tuân có công đầu mở đường cho nghệ thuật tạo nên những thói quen mới - thói quen làm khoa học. “Con đường này, cách mạng đã đưa anh (Nguyễn Tuân) đến, chứ không phải tự anh tìm ra”, Phan Ngọc khẳng định như vậy là do ông đã triệt để đối lập hai giai đoạn sáng tác của Nguyễn Tuân (trước và sau cách mạng tháng Tám 1945), dùng giai đoạn sau để cắt nghĩa giai đoạn trước. Ông thức nhận về quá trình chuyển mình của Nguyễn Tuân, dưới tác động mạnh mẽ và có sức hút khác thường của cuộc cách mạng, đã thay đổi từ cách nhìn và thái độ đối với cuộc sống, để đi đến đổi mới hình thức biểu hiện các tác phẩm với nội dung tích cực và sâu sắc, nâng tầm giá trị nghệ thuật. Sự chuyển biến phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, từ cái đẹp trong *Vang bóng một thời*, thuộc về quá khứ, đến nghệ thuật của *Sông Đà*, *Tình rừng*, là hiện đại. Một Nguyễn Tuân gây nhiều tranh cãi, nay được Phan Ngọc định vị là một tác giả tầm cỡ của thế kỷ XX, không chỉ ở Việt Nam, tựu chung ở các tác phẩm sau cách mạng. Nguyễn Tuân, người đạt thành tựu đặc sắc duy nhất “viết tùy bút như một công trình khoa học”. Phan Ngọc đánh giá sự nghiệp văn học của Nguyễn Tuân là bất tử, bởi Nguyễn Tuân là “người thấy được cái đẹp trong cố gắng bình dị xuất phát từ ham muốn cũng rất bình dị”. Các nhà văn Liên xô (cũ) cũng nhất trí tôn vinh Nguyễn Tuân là “bậc thầy của ngôn ngữ nghệ thuật”.

Một thú vị nữa trong nghiên cứu của Phan Ngọc là ông thường tìm ra và cấp cho người đọc những cái gọi là “mẹo”, chẳng hạn mẹo viết chính tả cho đúng, mẹo dùng ngữ pháp cho chuẩn, mẹo sử dụng từ láy... Tất nhiên, những mẹo này dành cho người Việt Nam, nhưng Phan Ngọc đã phải đối chiếu rất nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhiều văn hóa khác nhau, để rút ra những điều cần thiết cho việc vận dụng vào nghiên cứu hoặc sáng tác. Và, chắc chắn rằng, bao trùm toàn bộ nghiên cứu của Phan Ngọc chính là mẹo lựa chọn để tiến hành đối lập các hiện tượng trong thao tác luận, đưa thức nhận lên cấp độ cao hơn và tiến tới vượt gộp. Trước khi tặng các nhà tiểu thuyết trẻ “Vài mẹo về tiểu thuyết dài” (sách đã dẫn; Chương III), ông đưa ra nhận định: “tôi có thể khẳng định rằng truyện ngắn Việt Nam ngang tầm thế giới”, chỉ “thiếu đội ngũ dịch thuật cự phách, thiếu những nhà phê bình biết giới thiệu tầm vóc thế giới của tác phẩm, (và) đặc biệt thiếu quảng cáo...”. Ông đặt câu hỏi: vì sao tiểu thuyết Việt Nam lại yếu? Ông trả lời: vì tiểu thuyết Việt Nam thiếu “chiêu thức” trong khi “công lực” thì mạnh. Ông cấp cho các nhà tiểu thuyết trẻ tám mẹo, cũng là tám chiêu thức, để xây dựng tác phẩm đạt tiêu chuẩn vượt ra khỏi biên giới quốc gia (theo tôi nhớ, tám mẹo này ông rút ra từ nghiên cứu, cũng của ông, mười chín mẹo tiểu thuyết dài của Trung Quốc). Ông nhắc nhở người viết tiểu thuyết: “cái sâu chỉ xuất hiện trong cơ sở cái rộng, và cái rộng bộc lộ giá trị của nó chính nhờ cái sâu đào đến tận đáy”; và, với người làm công tác phê bình: “không coi thường bất kỳ tác phẩm nào bán chạy, mà phải tìm lý do”.

Dường như Phan Ngọc tiến hành nghiên cứu đồng thời các vấn đề, các đề tài. Việc công bố công trình này trước hay sau công trình kia không quan trọng. Chẳng hạn, những kết quả nghiên cứu về *Hình thái học trong từ láy tiếng Việt* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013), thì đã được ông sử dụng ở nhiều công trình trước đó (*Một cách tiếp cận văn hóa Việt Nam và Thử tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* - hai công trình được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật năm 2000). Tác phẩm này dày chưa đầy 130 trang khổ 16x24 cm (bao gồm phần lý thuyết hơn 50 trang và phần dẫn chứng), nhưng giải quyết nhiều vấn đề cơ bản của ngôn ngữ học, như chính ông nói: thực chất của công trình là “chứng minh tiếng Việt là một ngôn ngữ có chính tố, phụ tố như mọi ngôn ngữ”. Để đạt mục đích, ông phải tìm ra cái bất biến là sự tồn tại của chính tố và phụ tố trong tiếng Việt. Phần dẫn chứng, ông khảo sát ngữ nghĩa chỉ quan hệ của chín âm tiết láy làm phụ tố với 256 dẫn chứng, cấp cho người nghiên cứu, đặc biệt là người sáng tác văn học cách nhìn và sử dụng tiếng Việt trong sáng và đẹp. Còn mười ba nhóm vần nữa với gấp mười lần số dẫn chứng đã nêu, vì điều kiện sức khỏe ông không thể tiếp tục công việc, nhưng trong thâm tâm ông vẫn “sợ cách lý giải của ta về tiếng Việt còn quá gắn chặt vào lý luận của các ngôn ngữ đa tiết, biến hình”. Ông tâm niệm: “Người mở đầu chỉ có thể giới thiệu cách làm và một số dẫn chứng bênh vực lý thuyết của mình”, và hy vọng “Phần còn lại dành cho các nhà khoa học trẻ hơn”. Tâm niệm ấy được ông thể hiện ở tất cả các công trình đã in ấn.

Truyện Kiều trong văn hóa Việt Nam (NXB Thanh niên, 2013; thực ra đã cơ bản hoàn thành vào năm 1965 và năm 1985 xuất bản lần đầu), là công trình Phan Ngọc dốc

nhiều trí và lực để chứng minh *Truyện Kiều* có sức sống bất tử của một tác phẩm bất hủ, một cách đầy đủ, khúc chiết và sáng tạo. Ông cho rằng, ngày nay phong cách học (bộ môn của ngôn ngữ học) “chưa xây dựng cho mình một hệ thống thao tác có hiệu lực để khảo sát phong cách tác giả một cách khách quan” và “Phong cách học đang thiếu một lý luận nhất quán để có thể khẳng định nó như là một khoa học thực sự”. Chính vì vậy, nghiên cứu *Truyện Kiều* ông tự đặt ra ba nhiệm vụ: xây dựng lại các khái niệm của môn phong cách học; phải tìm ra được những đặc điểm tiêu biểu của thiên tài Nguyễn Du về mặt nội dung không lặp lại ở người khác; chứng minh chính hình thức tác giả lựa chọn là thích hợp nhất để diễn đạt nội dung này. Để hoàn thành những nhiệm vụ đó, Phan Ngọc đã tiến hành khảo sát tư tưởng, nhận thức luận chung quanh *Truyện Kiều*, câu thơ, ngôn ngữ *Truyện Kiều*, phương pháp tự sự, ngữ pháp của Nguyễn Du, *Truyện Kiều* - tiểu thuyết phân tích tâm lý và các bộ cục *Truyện Kiều* theo yêu cầu của kịch. Trước Phan Ngọc, những khảo sát này chưa được kỹ, hoặc chưa được tiến hành, vì thế chưa thể tìm thấy những cống hiến nghệ thuật của thiên tài Nguyễn Du một cách khách quan. Nghiên cứu độc lập của Phan Ngọc đã đem đến kết quả là, ông đưa ra những nhận định, những kết luận, những chỉ dẫn, để khẳng định những thành tựu “vô tiền khoáng hậu” của Nguyễn Du, *Truyện Kiều* xứng là “một khúc Nam Âm tuyệt xướng”. Bởi, Nguyễn Du: “Là một trong những nhà bác học nhất nước, ông bỏ con đường bác học, đi vào biện pháp của nhân dân. Đồng thời ông bỏ luôn cả lối chơi chữ, lối dùng chữ thực chặt, thực chắc để đi vào ngôn ngữ của sự trùng điệp”. Nhưng, cũng theo Phan Ngọc, không ít người cho rằng thơ của Nguyễn Du nhiều chữ thừa, loại chữ “nước”, ông đồng ý với ý kiến của Nguyễn Khuyên cho rằng đó là “hành động nhà ngọc để thành rồng”. Ông cho biết, Nguyễn Du mới sử dụng hai trong bốn mã của nghệ thuật ngôn ngữ là mã ngữ pháp và mã từ vựng, hai mã còn lại là mã âm thanh, mã các hình tượng ngôn ngữ thì chưa rõ rệt hoặc vắng bóng; nếu coi nhịp điệu là một mã, thì cho đến nay cũng chỉ một mình Nguyễn Du làm được. Tuy nhiên, bằng thao tác luận, Phan Ngọc đã thức nhận mình và thức nhận mọi người nhận thức đích thực về phong cách của một Nguyễn Du xuất chúng và *Truyện Kiều* là bất hủ.

Nghiên cứu phong cách Nguyễn Du, cũng như phong cách các tác giả khác, Phan Ngọc đã “bộc lộ” phong cách nghiên cứu của chính mình. Bởi, cách làm của ông là nhất quán trong toàn bộ các công trình, trong toàn bộ sự nghiệp nghiên cứu. Cách làm ấy ông học được từ các nhà khoa học khác trước đó và vạch ra con đường riêng cho mình với những kiến giải được khu biệt trong ngôn ngữ học hiện đại. Cách làm của ông có những đóng góp quan trọng, lan tỏa tới các lĩnh vực liên quan với ngôn ngữ học. Các công trình được ông thể hiện như những tác phẩm văn học, mang tính thẩm mỹ, thu hút sự quan tâm của người đọc ngoài giới ngôn ngữ học. Mặc dù, như ông tự nhận, cách nói của ông đôi lúc cực đoan, thậm chí khó nghe, điều khó tránh khi cách làm của ông chưa quen thuộc trong giới nghiên cứu.

Phan Ngọc là người của thao tác luận, là người nghiên cứu phong cách học bằng chính phong cách cá nhân mình...

CAO NGỌC THẮNG



Có hai chiếc nón bài thơ

MINH TỰ

■ Lên mạng tìm kiếm “nón bài thơ” sẽ cho thấy có hai chiếc nón bài thơ, một của xứ Nghệ, một của xứ Huế. Mỗi chiếc nón bài thơ đều có xuất xứ riêng, mang tâm tình của xứ sở mình, cùng dải nắng dầm mưa suốt chiều dài lịch sử để làm đẹp giàu thêm cho văn hóa Việt.

“**A**nh gửi cho em chiếc nón bài thơ xứ Nghệ/ Mang hình bóng quê hương/ Lợp vào đây trăm nhớ ngàn thương...”. Đó là câu mở đầu bài hát “Gửi em chiếc nón bài thơ” của nhạc sĩ Lê Việt Hoà, phổ bài thơ cùng tên của nhà văn Sơn Tùng. Bài hát ra đời ngay sau ngày đất nước thống nhất và phát trên sóng đài Tiếng nói Việt Nam, Truyền hình Việt Nam, cho đến tận bây giờ. Ngay từ khi mới ra đời, bài hát đã gây ấn tượng cho nhiều người nghe bởi giai điệu mượt mà, lời ca thiết tha, và đặc biệt là chi tiết “nón bài thơ xứ Nghệ”. Nhiều người thắc mắc, sao “nón bài thơ” mà lại của xứ Nghệ. Có người nói xứ Nghệ chỉ có nón Nghệ thôi, còn “nón bài thơ” là của xứ Huế. Lời phản đối còn gửi đến cho cả Hội Nhạc sỹ Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam, tạo nên một vụ “tranh chấp chiếc nón bài thơ” khá căng thẳng mà rất thú vị. Nhà văn Sơn Tùng, tác giả bài thơ, cũng là người con xứ Nghệ, phải lên tiếng giải thích.

Theo nhà văn Sơn Tùng, chiếc nón Nghệ đã nổi tiếng từ xưa, trong bài ca dao “Em là con gái nhà giàu” đã cho thấy “nón Nghệ” là một thứ lễ vật giá trị mà cô gái đưa ra để thách cưới: “... *Sắm xe tứ mã đưa sang/ Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu/ Ba trăm nón Nghệ đội đầu/ Mỗi người một cái quạt Tàu thật xinh*”. Từ xứ Nghệ, chiếc nón được đưa vào kinh đô để tiến vua, dần dà trở thành phổ biến ở Huế. Nên ai đó nói chỉ có Huế mới có nón bài thơ là chưa hẳn đúng. Những thông tin này được đăng trên báo Nghệ An ngày 05/06/2009 “Xứ Nghệ có nón bài thơ không?”, và 10 năm sau đó (ngày 13/02/2019) cũng trên báo Nghệ An đã đăng lại bài có nội dung tương tự: “*Đi tìm nguồn gốc chiếc “nón lá xứ Nghệ” nức danh một thời*”.

Theo cách giải thích của nhà văn Sơn Tùng và lập luận của tác giả hai bài báo, có thể hiểu rằng, chiếc nón xứ Nghệ ra đời trước, rồi theo người Nghệ vào kinh đô Huế. Người xứ Huế đón nhận chiếc nón Nghệ và nâng cấp lên thành nón Huế. Điều đó phù hợp với tiến trình lịch sử. Khi chúa tiên Nguyễn Hoàng vào mở cõi, lập xứ Đàng Trong, đặt thủ phủ tại Thuận Hóa, binh lính và lưu dân theo chúa vào xứ này phần đông là người xứ Thanh, Nghệ. Hành trang họ mang theo ngoài cây gươm, cái rựa, cái cuốc, còn có tay nghề thủ công để tạo ra những vật dụng hằng ngày, trong đó có cái nón đội đầu che mưa nắng. Vì vậy, nếu nói nón Huế có nguồn gốc từ nón Nghệ cũng không sai, nhưng không chỉ nón Nghệ mà còn có cả nón Thanh. Và đó là “nón Nghệ”, chứ không phải là “nón bài thơ xứ Nghệ”.

Bài ca dao mà nhà văn Sơn Tùng dẫn ra chỉ nhắc đến lễ vật thách cưới là “nón Nghệ” chứ không phải là “nón bài thơ xứ Nghệ”. Quả thật, trước khi bài hát “Gửi em chiếc nón bài thơ” ra đời, hầu như người cả nước, kể cả người xứ Nghệ hầu như không nghe ai nói đến “nón bài thơ xứ Nghệ”. Cũng không thấy chiếc “nón bài thơ xứ Nghệ” là như thế nào. Đó chính là nguyên nhân khiến nhiều người, ngay cả người xứ Nghệ, thắc mắc và cho rằng bài hát đã “nhận vợ chiếc nón bài thơ”.

Sách “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn ghi chép địa chí của xứ Đàng Trong trong gần 200 năm từ cuối thế kỷ 16 đến khoảng năm 1776, có ghi rằng: “*Thế cách làm nón ở xứ Thuận Hóa có phần khác với nón các nơi. Tại làng Triều Sơn và làng Tam Giáp thuộc huyện Phú Vang, có những thợ làm nón rất tinh tế và mỏng manh*”. Như vậy, nghề nón của Huế đã ra đời muộn nhất cũng vào cuối thế kỷ 16, và từ lúc đó tay nghề thợ cũng đã “rất tinh tế”. Tuy nhiên, tại Huế, từ cuối thập niên 1950 trở về trước, không hề nghe nói đến “nón bài thơ”, mà chỉ nghe nón dẫu (của binh lính triều đình), nón găng (của phụ nữ quý tộc), nón hai lớp (mỏng mảnh dành cho thiếu nữ, học sinh), nón ba lớp (nón dày, dành cho người lao động), nón đặt (nón làm theo đặt hàng, rất đẹp), nón chợ (hàng phổ thông, bán chợ)...

Theo tài liệu của UBND huyện Phú Vang (Thừa Thiên Huế), chiếc nón bài thơ ra đời vào khoảng năm 1959 - 1960, khi ông Bùi Quang Bặc - một nghệ nhân chăm nón lá ở làng nón Tây Hồ (xã Phú Hồ, huyện Phú Vang) - đã có sáng kiến làm nên nón bài thơ bằng cách ép những câu thơ vào giữa hai lớp lá, để tạo thêm vẻ đẹp của chiếc nón lá. Ông Bặc đã ép vào chiếc nón câu thơ lục bát: “*Ai ra xứ Huế*”

mộng mơ/ Mua về chiếc nón bài thơ làm quà". Không chỉ ép thơ, mà các nghệ nhân Huế còn ép vào nón hình ảnh cầu Trường Tiền, chùa Thiên Mụ, núi Ngự Bình, cửa Ngọ Môn...

"Chiếc nón bài thơ xứ Huế" ra đời từ đó và lưu truyền đến hôm nay. Nó nổi tiếng đến mức, cứ nghe "nón bài thơ" là người ta mặc định "của xứ Huế". Đó cũng là nguyên nhân khiến nhiều người cho rằng chỉ có "nón bài thơ xứ Huế". Nhưng "nón bài thơ xứ Huế" ra đời vào năm 1959-1960. Trong khi bài thơ "Gửi em chiếc nón bài thơ" của Sơn Tùng sáng tác vào năm 1955, in lần đầu tiên trên một tờ báo của sinh viên, đến năm 1960 được in lại trên báo Thống Nhất, rồi được đưa vào tập thơ chọn lọc "Bàn tay yêu thương" của Nhà xuất bản Lao Động. Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1975, nhạc sĩ Lê Việt Hòa phổ nhạc và bài thơ này mới được nhiều người biết đến.

Từ những thông tin trên đây, cho thấy có một "chiếc nón bài thơ xứ Nghệ" ra đời từ bài thơ của Sơn Tùng, nhưng đó là "chiếc nón bài thơ" trong thi ca, và sau đó là âm nhạc, chứ trên thật tế không có chiếc nón nào là "nón bài thơ xứ Nghệ". Còn chiếc nón bài thơ xứ Huế là chiếc nón của nghệ nhân, nó được tạo thành bởi những chiếc lá hái từ rừng, từ những thân tre vót nên chiếc vành, từ bàn tay người nghệ nhân tài hoa biết ép vào đó câu thơ để làm nên chiếc nón "rất tinh tế và mỏng manh" như tâm hồn Huế.

Có hai chiếc nón bài thơ, và chiếc nón nào cũng rất đáng nâng niu, trân trọng. Mỗi chiếc nón bài thơ đều có xuất xứ riêng, mang tâm tình của xứ sở mình, cùng dải nắng dầm mưa suốt chiều dài lịch sử để làm đẹp giàu thêm cho văn hóa Việt.

Bài ca tôi vẫn hát

Nhạc & lời: LÊ HÀM

Andantino Contenerezza

Với cả niềm tin bài ca tôi hát năm tháng bên
(Vẫn một bài) ca mà tôi đang hát như khúc dân
tôi suốt cả cuộc đời là bài ca Hồ Chí Minh, là bài
ca thấm đượm tình người là niềm vui của chúng tôi là tình
ca Hồ Chí Minh. Bài ca trong trái tim
yêu của nước non. Bài ca trong khúc quân
tôi. Một bài ca sáng đường cách mạng soi bước tôi
ca. Một bài ca đã thành bất tử như tiếng cây
đi trăm miền đất nước nâng bước tôi đi tới ánh mặt trời một bài
xanh ru đồng lúa chín trong tiếng em thở ấm áp ngọt ngào lòng trời
ca sáng ngời chân lý là niềm tin trước súng quân
cao những lời nhân ái thành bài ca tha thiết muốn
thù là một bài ca hơn vạn bài ca là bài ca Hồ Chí
nhà cả cuộc đời ta theo trọn bài ca là bài ca Hồ Chí
Minh. Vẫn một bài Minh.

Nghe chị hát ru

Nhạc: NGUYỄN HỮU ĐÀO - Thơ: VŨ TOÀN

Chất dân gian trữ tình

Alibitium

The musical score is written on ten staves. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 2/4 time signature. The melody is simple and melodic, with lyrics written below the notes. The second staff continues the melody and includes a triplet of eighth notes. The third staff features a tempo change marked with a double bar line and the word 'Tempo' in italics, with the time signature changing to 6/8. The fourth staff continues the melody. The fifth staff includes a measure with a whole rest. The sixth staff continues the melody. The seventh staff includes a measure with a whole rest. The eighth staff continues the melody. The ninth staff includes a measure with a whole rest. The tenth staff concludes the piece.

Chị hát lên những gọi nhớ, chị hát bên lửa gửi tình, chị hát trên
đồng gửi hồn cho nắng, chị hát bên sông gửi hồn theo sóng, mỗi chiều
về chị hát lời yêu thương. Chị hát ngày xưa tình yêu rụng
chín, chị hát chiều mưa người yêu đi lính, thư về vội
lắm thay lời kết hôn, thư về thương lắm nhớ người đi
xa. Chị vàng trăng khuyết hai mươi chưa tròn, chị hát ru
con trong chồi trúc chiến, chị hát ru mình trong đêm quạnh
vắng, lời ru theo gió lay rừng Trường Sơn. Chị hát ru

con giờ con đã lớn, chị hát nhớ người giờ người đã
xa, chị hát thương mình giờ mình đã già, chị hát mái
nhà gió lùa tre nứa, chị hát khoai lúa đồng Lòi cát
pha. Chị ơi hạt cát nở hoa, lời ru mặn chát thấm qua cuộc
đời, mấy người như chị chị ơi. Mà nghe chị
hát ru lời yêu thương. Mà nghe chị
hát ru lời yêu thương.

HOÀI LINH

Mèo con

Sau chiều tha thẩn dạo chơi
Mèo con ngồi ngắm trăng rơi ao nhà
Giật mình, ai đó giống ta
Nhảy ào xuống, chột nhận ra nguy rồi.

Trăng không còn nữa trăng ơi
Còn mèo lông ướt tìm nơi bếp lò.

DƯƠNG THẾ VÕ

Họp xóm bờ ao

Cô Cào Cào nói trước
Thưa đồng chí trưởng thôn
Em là em ức lắm
Anh Dế Trũi cuối vườn!

Dế gơ tay xin nói:
“Dạ thưa, chuyện thế này
Những lúc vui em hát
Cô Cào bảo em say”.

Giun góc đầu nói với:
“Ồi chao! Hát với hò
Không làm ăn tích góp
Đói ngựa tay ai cho”.

Nhái bậm môi đỏ mặt:
“Thật đúng chẳng ra gì
Đời mà không văn nghệ
Thì chi có mà vất đi”.

“Cũng khuya rồi đấy nhỉ
Tưởng họp là để bình bầu”
Chuột xem đồng hồ nói
“Thế này chắc còn lâu!”

Trời bỗng nổi cơn sấm
Cóc mím cười vỗ tay:
“Mai ta bàn bạc tiếp
Tôi còn lo việc này”.

PHẠM VĂN HỮU

Lời máy xúc

Tớ là máy xúc
Cả ngày gật gù
Đi không chậm chạp
Như anh máy lu.

Thức ăn của tớ
Là thùng dầu đầy
Uống xô nước lã
Mát ruột cả ngày.

Ở đâu lũ quết
Đất đá lấp đầy
Tớ nâng cần xúc
Đất đá như bay!

San đồi bạt núi
Mở đường giao thông
Khơi dòng nước ngọt
Ngô lúa xanh đồng...

Tớ cứ gật gù
Thế mà sành điệu!

PHẠM VĂN KHIÊM

*(Lớp 7B, trường THCS thị trấn Mường Xén,
Kỳ Sơn, Nghệ An)*

Làng chài sông Lam

Làng chài dọc sông Lam
Nhấp nhô từng mái rạ
Cha xuôi ngược đêm ngày
Chở đầy thuyền tôm cá.

Đây dầm xanh, anh vũ
Đặc sản xưa tiến vua
Này con rô, con chép
Này con ốc, con cua.

Mẹ đem ra chợ phiên
Bán thành từng mớ nhỏ
Mua áo mới cho em
Giày dép và sách vở.

Thương mẹ ngồi vá lưới
Cha sửa lại con thuyền
Mong ngày mai nhiều cá
No tròn vàng trắng lên.

Rủ con

Tạp bút của **TUẤN PHẠM**

Các con yêu quý của bố, thực sự là bố không biết mình nên vui hay buồn? Khi bố hỏi các con có muốn quà gì vào dịp Trung thu hay không? Cái bố nhận được từ các con, là cái lắc đầu thờ ơ, hờ hững kiểu chả liên quan, chả cần gì cả. Vậy là nếu hiểu theo nghĩa tích cực, cuộc sống của các con khá đầy đủ, nhu cầu về quà bánh, đồ chơi dịp trung thu không còn cần thiết. Nếu hiểu theo cách khác thì đó là một việc đáng buồn. Các con không còn sự háo hức, hứng thú, ham thích với các hoạt động của dịp Trung thu, dịp tết trông trăng, tết của thiếu nhi... Tuổi thơ của các con giờ không còn có những cảm xúc như tuổi thơ của bố. Đói khổ, thiếu thốn hơn bây giờ nhiều, mà sao vẫn có bao niềm vui còn đọng mãi, hằn sâu trong ký ức, chỉ cần có một tác nhân làm chìa khóa gợi lại, là mở bung ra cho kỉ niệm tràn về, cho tâm hồn chợt trong sáng, dịu dàng, như được chan đầy ánh trăng rằm vàng tươi, trong vắt của ngày xưa.

Thời của bố trăng sáng lắm, thời chưa có điện, trăng là ngọn đèn trời, là thứ ánh sáng tự nhiên của trời ban, sáng trong mà mát mẻ, sạch sẽ đến đáng yêu. Có làm việc dưới ánh trăng, thì việc làm vất vả cũng như nhẹ bớt mà lại có phần thi vị: *"Hỡi cô tát nước bên đàng/ Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?"*

Những gì tươi sáng, đẹp đẽ hay được các cụ ví với ánh trăng rằm. Trăng gắn với cuộc sống, gắn với lịch con nước để trồng, cấy, tưới, bừa của nhà nông. Trông trăng để dự báo thời tiết *"trăng quang trời hạn, trăng tán trời mưa"*. Ngày xưa trăng và con người thân nhau hơn bây giờ. Người ta thuộc cả ánh trăng, cả hình dạng của trăng để đặt thành những bài đồng dao;



Minh họa: TRƯỜNG HUNG (14 tuổi)

*"Mông một lưì trai,
Mông hai lá lúa.
Mông ba câu liêm,
Mông bốn lưì liêm.
Mông năm liêm giật,
Mông sáu thật trắng.
Mười rằm trăng nấu,
Mười sáu trăng treo,
Mười bảy sảy giường chiếu,
Mười tám rằm trầu.
Mười chín đụn dịn,*

*Hăm mươi giắc tốt,
Hăm mốt nửa đêm.
Hăm hai bằng tay,
Hăm ba bằng đầu.
Hăm bốn ở đâu,
Hăm nhăm ở đấy.
Hăm sáu đã vậy,
Hăm bảy làm sao.
Hăm tám thế nào,
Hăm chín thế ấy.
Ba mươi không trăng."*

Bây giờ bố biết giải thích cho các con như thế nào để con hiểu nào là “*rám trầu*”, là “*đụn đụn*”, là “*có đèn thì lại phụ trắng*”? Chỉ có thể nói bố từng có những tết Trung thu sung sướng, háo hức, từng có những đêm dưới ánh trăng vàng tươi trong vắt, được thả sức nô đùa hò hét với bè bạn. Chạy nhảy, trốn tìm dưới ánh trăng vàng vạc đơm vàng, dát bạc lên tán lá, lùm cây, trời xanh xanh không có một gợn mây, thả sức để dòng trăng vàng chảy khắp...

Rằm tháng Tám cũng là hoạt động cuối cùng trong chuỗi những hoạt động hè của bọn trẻ ở quê ngày trước, sau dịp hội trại thi đội hình, đội ngũ, thể dục, thể thao, văn nghệ thì tết Trung thu là dịp cuối dành cho con trẻ trong năm. Háo hức lắm các con ạ, đồ chơi ở quê nghèo, đứa nào có cái đèn ông sao năm cánh, bọc giấy bóng xanh đỏ, quanh viền lơ phơ tí giấy màu là oai phong lắm rồi, làm gì có đầu lân, trống lớn mà có cái trống ếch con con gõ chi bung bung là đủ rộn rã xóm làng. Đầu lân làm bằng cái thúng hồng, vẽ nhằng vẽ nhịt, lấy khúc màn rách làm đuôi. Mà vui đáo để, đứa nào cũng tranh nhau chui vào múa may, ngộ nguậy, uốn éo cho vã đầm đìa mồ hôi ra thì mới chịu thôi. Ông phổng thì lấy áo của mẹ, độn cái gối vào, lấy vôi quệt trắng vào mặt, thế mà cả lũ cũng dất dúi nhau toong toong gõ trống, múa chân chệ ở sân kho hợp tác thì vào mấy nhà trong xóm xin quà. Tiền chả có đâu nhưng hay được trái bưởi, mấy quả hồng, nải chuối...

Thế là cả bọn tụ lại bày cỗ trông trăng, lại chí chèo tranh nhau nhìn lên mặt trăng tròn vạnh, sáng như ánh đèn măng-sông, mà thi nhau chỉ đầu hình chú Cuội, đầu hình gốc đa? Cỗ trông trăng bày trên lá chuối, đứa chạy về nhà lấy thêm miếng bánh nướng, bánh dẻo thế là thành cỗ to. Miếng bánh nướng ngày xưa bột vừa cứng vừa thô lại nướng hơi quá lửa, cháy đen đen, bánh dẻo bột khô với nhân là mút bí, mỗi đứa một miếng tí teo, mà vị ngọt đơn sơ, ngọt ám ảnh đến tận bây giờ.

Đồ chơi tự làm có linh hồn riêng, niềm vui riêng: chuỗi đèn hạt bưởi khô, xâu lại bằng tăm tre, cháy lách tách tỏa mùi thơm dịu dịu, thấp lên sáng rung rinh cả một thời con trẻ. Cắm đèn hạt bưởi vào đèn ông sao, ánh sáng khi mờ khi tỏ. Hình ảnh ấy chẳng bao giờ phai mờ trong tâm trí bố các con ạ.

Bây giờ cuộc sống đủ đầy nên niềm vui uể oải, các con chẳng có gì mà háo hức chờ mong, khi mọi thứ đều như lập trình, nên mờ mờ, nhạt nhạt thì làm sao có niềm vui tròn vẹn như ánh trăng rằm. Việc học hành giờ đây sao nặng nề, tuổi thơ các con bị trôi cuốn nơi nào? Tự dưng bố lại thấy lòng mình ân hận, phải chăng các con mình bị đánh cắp mất tuổi thơ !!!

Có tắm dưới sông trăng, thì lòng sẽ biết mộng mơ, yêu hoa lá cỏ cây sẽ yêu người rất thật. Biết chụp đầu lân múa cho mọi người vui thích, sẽ biết sống vì người hơn chỉ biết riêng ta. Bố cứ lẩn thẩn nghĩ vậy đó.

Trung thu này bố con mình sẽ đi chơi, không khách sạn, nhà hàng với chương trình xếp sẵn. Sẽ cùng đi đến một vùng thật vắng, ngắm trăng rằm với trăng thật

thà trắng. Mời bạn bè con đi nếu có thấy cần, hãy chuẩn bị tự mình cắm trại. Cái gì mới làm cũng sẽ còn vụng dại, đừng lo gì khi có bố ở bên.

Cổ trông trắng sẽ tự chỉnh các con làm, bố sẽ chỉ đâu chị Hằng, chú Cuội, sẽ đọc đồng dao như ngày còn rong ruổi khắp làng. Bỏ đi con những câu nói làng nhàng “mỹ nữ vò xôi cùng thiên lôi bắt bướm” chả ra gì mà cũng chẳng hề hài hước. Cùng với trắng, bố con mình sai bước, cùng đi về với câu hát ngày xưa;

*“Ông giăng ông giăng
Ông giăng búi tóc
Ông khóc, ông cười
Mười ông một cổ
Đánh nhau lỗ đầu
Đi cầu nhà huyện
Đi kiện nhà quan
Đi bàn nhà
Một lũ ông già
Mười ba ông điếc
Con điếc hai chân
Đưa giăng về trời.”*

Xem người ta kìa!

LẠC THANH

■ Ở sảnh lớn của một số cơ quan văn hóa hay ngay dưới tên của một số website, blog cá nhân, ta thường thấy mệnh đề “Tôn trọng khác biệt” được trương lên như một slogan, thể hiện định hướng hành động và giao tiếp mang tính thời đại. Quả thật, “tôn trọng khác biệt” là vấn đề cần được quan tâm giáo dục trong nhà trường, ngay từ những cấp học đầu tiên. Theo đó, nhiều lời răn quen thuộc đối với trẻ em cũng cần được xem xét lại theo cách nhìn mới...

“**X**em người ta kìa!” - đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”, “Có ai như thế không?”, “Có ai làm vậy không?”, “Ai đời lại thế?”... Tôi là đứa trẻ được dạy nhiều về hiếu thuận, tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, tôi luôn phải dằn lòng nuốt một cục ầm ứ.

Mẹ tôi giờ đã khuất và tôi cũng đã lớn. Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa!” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì. Mà có lẽ không riêng gì mẹ tôi. Có người mẹ nào trên đời không ước mong điều đó?

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn

thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phần vẹn mười.

Tuy vậy, thú thật, trong thâm tâm, tôi cũng không quên cảm giác bất mãn của mình mỗi lần nghe mẹ trách cứ.

Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận, và chính điều đó khiến thế giới trở nên hấp dẫn lạ lùng. Chim thú trên rừng, cá tôm dưới biển cũng thế mà xã hội con người cũng thế. Kia, lớp học của chúng tôi sinh động biết bao vì mỗi người một vẻ. Bạn tôi đây, cao thấp, béo gầy, đen trắng khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Từng thích vẽ vời, Nhung ưa ca hát, nhảy múa. Hoài thì sôi nổi, nhí nhảnh, Thơ lúc nào cũng kín đáo, trầm tư. Trần Long nổi tiếng là một “danh hài”, Minh Diệu thì hơn người ở trí nhớ siêu việt... Người ta thường nói học trò “nghịch như quỷ”, ai ngờ “quỷ” cũng là cả một thế giới, chẳng “quỷ” nào giống “quỷ” nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả”. Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.

Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Nói chung, sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu đích nhắm tới cao nhất của ta chỉ là giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ những dấu ấn riêng của từng người. Ta hạnh phúc trong hoà nhập vì ta có được cảm giác bình đẳng, sau những nỗ lực vượt lên mình, muốn đưa một “chút mình” vào góp mặt với thiên hạ. Dĩ nhiên, để có được cảm giác hài lòng vì sự hoà nhập ấy, ta phải biết thường xuyên điều chỉnh mình và học cách chung sống, học cách đối thoại. Đòi hỏi người ta tôn trọng mình thì mình cũng phải biết tôn trọng người khác. Sự khác biệt không là nhu cầu của riêng ai.

Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Mẹ có mong muốn gì khác ngoài chuyện thấy con mình sớm trưởng thành, tiến bộ. Tôi không còn cái cảm giác ám ức nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói “Xem người ta kìa!” thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay, theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?



Nhà thơ, TS Lâm Quang Mỹ

Lâm Quang Mỹ - Nhà thơ triết lý, tình yêu

HOÀNG XUÂN THƯỜNG

■ Nhà thơ, Tiến sĩ Lâm Quang Mỹ tên khai sinh là Nguyễn Đình Dũng, sinh năm 1944 tại xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Anh là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Nhà văn Ba Lan, thành viên Ban Chung khảo các cuộc thi thơ trẻ Ba Lan; Công dân Danh dự vùng Krasne, quê hương Đại thi hào Ba Lan Zygmunt Krasinski; Tiến sĩ Vật lý Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan. Hiện nay Nhà thơ TS Lâm Quang Mỹ sống và làm việc tại Warszawa, Ba Lan.

Nguyễn Đình Dũng là học sinh khóa 1959-1962 Trường cấp 3 Huỳnh Thúc Kháng, TP Vinh. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, anh Nguyễn Đình Dũng học Trường Hàng hải ở Hải Phòng. Năm 1965 anh được cử sang Ba Lan học tập. Nguyên vọng của anh là ngành Văn học nhưng Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan thông báo theo yêu cầu xây dựng đất nước, anh được phân công học ngành Điện tử viễn thông. Năm 1971, tốt nghiệp đại học xong anh về công tác tại Viện Vật lý, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam. Năm 1989 Nguyễn Đình Dũng trở lại Ba Lan, vừa học nghiên cứu sinh vừa làm việc tại Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan. Năm 2002 anh bảo vệ luận án Tiến sĩ Vật lý rồi làm Cộng tác viên Viện Hàn lâm khoa học Ba Lan một thời gian.

Nguyễn Đình Dũng vốn có năng khiếu thơ từ nhỏ. Năm học lớp 6 ở Trường cấp 2 Nghi Phong (Nghi Lộc, Nghệ An), Nguyễn Đình Dũng đã đạt giải Nhất cuộc thi thơ do báo Thiếu niên Tiền phong tổ chức. Sau khi nghỉ công tác khoa học, anh tập trung vào hoạt động văn học.

Một phong cách thơ riêng

Mở đầu tập thơ “Chiều rơi trên sóng”, nhà thơ Lâm Quang Mỹ trích hai câu: “Nhiều khi ta là lá cỏ/ Nổi chìm bao đợt sóng xô” từ bài thơ “Lá cỏ”. Nhà thơ coi mình như lá cỏ, đơn giản, gần gũi với con người và thế giới tự nhiên. Cuộc đời đã trải qua những thăng trầm, nhưng như lời tiên đoán của một người làng về anh rằng anh sẽ vượt qua mọi thử thách, làm nên chuyện khác người.

Có thể nói chủ đề chính của thơ Lâm Quang Mỹ là suy nghĩ về con người, trách nhiệm xã hội, mong một thế giới hài hòa, về cảnh đẹp thiên nhiên về tình yêu, nỗi nhớ quê nhà... Các bài thơ của anh thường ngắn, ít có bài dài. Mỗi bài thơ đều được thể hiện bằng ngôn ngữ trong sáng, là một câu chuyện thấm đẫm tình người, mang một thông điệp đầy triết lý.

Bài thơ “Lá cỏ” là một trong những bài được nhiều người ưa thích nhất.

“Nhiều khi ta là lá cỏ/ Dập dờn xanh mặt nước hồ/ Nhiều khi ta là lá cỏ/ Nổi chìm bao đợt sóng xô/ Nhiều khi ta là lá cỏ/ Uống mưa suốt cả đêm dài/ Nhiều khi ta là lá cỏ/ Khát khô chờ giọt sương mai/ Nhiều khi ta là lá cỏ/ Đung đưa dưới ngọn gió trời/ Nhiều khi ta là lá cỏ/ Nát nhàu dưới dấu chân người!”.

Nhà thơ quan tâm đến số phận, những xung đột, những bi kịch và sự thăng hoa trong đời sống. Thơ anh giàu tính âm nhạc. Nhiều bài thơ của anh có âm hưởng như bài hát. Và vì vậy anh đã biểu diễn hàng ngàn buổi hát thơ, rất được công chúng mến mộ. Anh cho biết có khi thơ phản ánh hiện thực, có khi thơ hồn nhiên không hề ham muốn vật chất và tâm trạng bản thân thật khó diễn tả rạch ròi:

“Đôi khi thơ tôi/ như những sợi gió mong manh/ còn sót lại sau từng cơn bão/ vẫn gọi lên cảnh hoang tàn đổ nát/ Đôi khi thơ tôi/ như đứa trẻ thơ/ hồn nhiên vừa đi vừa hát/ thấy của rơi bên đường không dám nhặt./ Còn tôi như chiếc lá cuối thu/ gió đưa lạc về lối cũ/ không biết buồn hay vui...” (Tôi và Thơ tôi).

Lâm Quang Mỹ là nhà thơ có suy tư đặc biệt. Trước những điều không may có thể trong cuộc sống, anh bình tĩnh xem xét, chấp nhận sự tồn tại của chúng bên cạnh những niềm vui bởi cuộc sống thực tế không chỉ có màu hồng: “...Cũng có khi niềm vui dần dựa trên khóe mắt/ và nỗi buồn chua chát nở trên môi...” (Ít nhiều nghịch lý).

Ở Việt Nam ta có câu: “Miếng trâu mở đầu câu chuyện”. Ở phương Tây người ta thường bắt đầu câu chuyện bằng những câu trao đổi về thời tiết trong ngày. Hầu hết những bài thơ của Lâm Quang Mỹ mô tả khung cảnh bên ngoài rồi dẫn đến suy luận về tư duy, tình cảm của người. Nghĩa là “đi từ hiện thực đời sống đến hiện thực tâm hồn” (lời Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều). Có khi anh diễn tả cảnh và người xen nhau một cách thật hữu cơ: “Vết nắng chiều vương vương bờ cỏ/ Cảm xúc chiều vương vương ý thơ/ Trăng vương mây bạc. Điều vương gió/ Tình treo như một khối bơ vơ” (Khối Tình)

Lâm Quang Mỹ nói về thân phận khi tuổi già đến vừa đẹp đẽ vừa đau buồn một cách chân thực: “Ngày đi trong thanh bình/ Đêm ngược chiều bão tố/ Ngày như đứa trẻ nhỏ/ Đêm đã ngoài sáu mươi!!!” (Già).

Sống và làm việc thời gian dài ở châu Âu, nhà thơ luôn quan tâm đến tình hình đất nước. Thời đó (năm 1990) sự kiện Trung Quốc đánh chiếm đảo Gạc Ma không được công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, trên bờ biển Ban-tích, nhưng nhà thơ đã viết: “Êm ả một vùng Ban-tích/ Ầm ầm sóng dậy biển Đông/ Mắt thấy màu xanh ngọc bích/ Lòng hun ngàn ngọn lửa hồng...” (Độc thoại trên biển).

Có nhà phê bình văn học đã nhận định: “Lâm Quang Mỹ là nhà thơ Tình yêu”. Nhà thơ đã ghi lại điều này như sau: “Tôi đã sống trong không gian ba chiều/ Sao vẫn thấy đời mình quá chật/ Rồi một ngày bỗng lòng mình bất ngát/ Thêm một chiều thăm thẳm của Tình Yêu” (Bốn chiều).

Tình yêu trong thơ Lâm Quang Mỹ trước hết là tình yêu của người con đối với mẹ. Lớn lên, trưởng thành, đi xa, nhưng trong lòng mình anh luôn nghĩ về mẹ kính yêu: “Mẹ đi bạc ánh sao Mai trên tóc/ Mẹ về, gánh trĩu nặng sương khuya/ Con đã đi quá nửa vòng trái đất/ Vẫn chưa bằng bước chân mẹ đi về” (Bước chân mẹ).

Trong cảnh gió Lào làm nóng cả bầu không khí, đến mức tắm phản gỗ dày vẫn quần lên, mẹ đã dành cho con phần nước trong: “Cái- cháo-quê rang bằng lửa gió Lào/ Tắm phản gỗ nóng quần vỏ đồ./ Đòn gánh bóng vai tan buổi chợ, / Mồ hôi lưng mẹ áo khô gòn./ Giếng làng chất một nửa gầu là cát./ Phần đục Mẹ uống rồi phần trong để cho con!” (Mẹ và quê).

Trong cảnh lũ lụt tàn phá quê hương, hình ảnh người mẹ đau lòng, muốn cứu vớt những quan tài trôi đã hiện lên như bức tượng: “Đã bốn ngày trên mỏm quả đồi,/ Mẹ ngồi đó, cháu trong tay đôi lá./ Nước vẫn cuốn. Trời vẫn mưa xối xả/ Nghĩ tới xóm làng, lòng mẹ quặn đau/ Nước trắng trời và tóc mẹ trắng đầu!/ Bỗng mắt mẹ hoa lên khi vừa nhìn thấy/ những cỗ quan tài trôi!/ Mẹ run lên. Không đứng vững nữa rồi/ Muốn nhảy xuống mà lôi chúng lại” (Người sống và người chết).

Trong một bài thơ với lời dẫn “Kính gửi những người mẹ miền Trung”, anh đã

viết: “*Nắng cất đất quê thành triệu mảnh/ Lũ xoay lòng con ngàn trái bom/ Hận hán đốt cháy khô mắt mẹ/ Lũ lụt tràn trào nước mắt con!*” (Lũ lụt và hận hán).

Thiên nhiên vận động nhưng chàng trai chẳng còn bụng dạ nào để ý: “*Những ngọn gió trèo lên đồi cao/ Rồi sà xuống vuốt ve từng lá cỏ/ Ta chẳng có lòng nào để đùa với gió/ Trái tim ta đang phấp phồng chờ em.*” (Chờ).

Tình yêu lứa đôi được Lâm Quang Mỹ ghi lại trong nhiều bài thơ: “*Nếu anh là tờ giấy trắng/ Mong em là những vần thơ...*” (Em và anh).

Có người cho rằng đôi mới thơ không phải vận cái quen cho thành lạ, mà phải tìm cái lạ đang lặn sâu giữa cái quen khi đọc bài thơ tứ tuyệt sau: “*Có phải vì mây, trắng ngậm ngùi/ Có phải vì buồn, gió ra khơi/ Có phải vì sông, cầu đắm đuối. Có phải vì em, anh quên tuổi?!*” (Có phải).

Nhà phê bình văn học Dariusz Tomasz Lebioda nhận xét thơ Lâm Quang Mỹ “là sự pha trộn đầy tính sáng tạo những biến thái thiên nhiên khách quan và sự quan sát về phương diện vật lý học của các hiện tượng với sự nhạy cảm thường xuyên đầy tính trữ tình”, (Nhà thơ nước Nam, Nguyễn Chí Thuật dịch).

Nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình văn học Aleksander Nawrocki viết: “Trong những buổi gặp gỡ với độc giả, Lâm Quang Mỹ đã diễn đạt thơ ông thật tuyệt vời, những vần thơ tinh tế và thông minh, mang những câu hỏi về những vấn đề cốt lõi của cuộc sống, tình yêu và cái chết, mà ông đã đặt ra cho bản thân mình và người đọc. Ở Ba Lan ông có được đồng đạo độc giả hâm mộ”.

Wiesław Sokolowski, nhà thơ, chủ tịch Hiệp hội nghệ sĩ “ZA”, biên tập viên tạp chí văn học “TRWANIE” nhận xét: “Có một điều gì đó tốt đẹp trong những bài thơ này - vì chúng thể hiện một cách đầy đủ hơn, phong phú hơn, thú vị hơn cuộc sống bị giới hạn đang tồn tại quanh ta. Bởi vì những điều được viết ra ở đây một cách tài tình để người đọc có cảm giác được bay lên trên cảnh vật vừa quen biết gần gũi lại vừa xa lạ, và có lúc hầu như cảnh vật này bị lãng quên. Những bài thơ cho tôi nhiều ấn tượng”.

Marek Wawrzkiwicz, nhà thơ, nhà phê bình văn học, Chủ tịch Hội Nhà văn Ba Lan có lời bình về thơ Lâm Quang Mỹ: “Khi đọc những bài thơ của một nhà thơ từ đất nước châu Á xa xôi, chúng ta sẽ bắt gặp những điều lạ lùng và khác biệt không thể tìm thấy trong thơ Ba Lan và của châu Âu nói chung, nhưng đồng thời chúng ta cũng muốn tìm kiếm những sự tương đồng trong ngôn ngữ thơ ca. Những điều đó dễ nhận ra trong thơ Lâm Quang Mỹ, một nhà thơ đã nhiều năm sống tại Ba Lan, nhưng vẫn gắn chặt với nền văn hóa của dân tộc mình. Ông không chỉ dịch và có công phổ biến văn học Ba Lan, mà còn là một nhà thơ có phong cách riêng. Thơ ông đặc biệt mang tính nhạy cảm với cái đẹp của thiên nhiên - nhưng không phải chỉ phong cảnh mà là một yếu tố của sự tồn tại, tính hoàn thiện và là điều kiện nhất thiết phải có của sự hài hòa, điều mà chúng ta luôn hướng tới, và khi không đạt được sẽ cảm thấy bơ vơ và trống rỗng. Nhưng đồng thời cũng dễ dàng nhận thấy rằng là nhà thơ hàng ngày tiếp xúc với thơ Ba Lan, qua đó với thơ châu Âu,

và ông đã áp dụng những kinh nghiệm ấy trong thơ của mình. Thật đáng mừng là thơ của một nhà thơ Việt Nam được chào đón trong các gia đình bạn đọc Ba Lan”.

Đây là ý kiến của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều; ‘Ông đã dựng lên trong thơ mình những hình ảnh và biểu tượng của mỹ học từ những hiện thực quá xác thực của cuộc sống...Thơ ca, với số lượng ngôn từ vô cùng ít ỏi đã khái quát toàn bộ số phận của con người: đói rét, bệnh tật, chiến tranh, nỗi sợ hãi và nỗi cô đơn. Lâm Quang Mỹ, với khả năng hàm súc hóa cao ngôn ngữ và sự trải nghiệm sống sâu rộng, đã làm được điều không dễ dàng ấy”.

Ở đây xin trích lời bình của cố thi sĩ Nguyễn Trọng Tạo: “Thơ Lâm Quang Mỹ giống như rượu gạo chốn quê nhà, dù anh sống ở xứ “rượu Tây” ngót nửa cuộc đời. Những tình, những cảnh, những thực, những mơ,... đều xoáy vào nỗi buồn day dứt khôn nguôi về mình, về người, về thương, về nhớ... Người đọc không thể bỏ qua những câu thơ gan ruột của anh: “Chiếc xe đạp lớp mòn dây chun buộc/ Lai con đi đạp vội trước hàng quai”, “Hạn hán đốt cháy khô mắt mẹ/ Lũ lụt tuôn trào nước mắt con”, hoặc những câu thơ thẳng thốt sau tiếng thở dài chiêm nghiệm: “Ngày như đứa trẻ nhỏ/ Đêm đã ngoài sáu mươi”... Những câu thơ như vậy, khiến ta phải dừng lại thật lâu để rơi lệ cùng tác giả, để suy nghĩ cùng tác giả, và để yêu thương cùng tác giả. Thơ như thế là thơ của kẻ giàu tính nhân văn bẩm sinh. Nếu nói Thơ là Người, thì cũng cần nói thêm Thơ là biểu hiện cái thăm thẳm của Người, cái bản ngã riêng lẻ của Người giữa xã hội Người. Có lẽ nhờ thế mà Lâm Quang Mỹ đã hiện ra trong đời với tư cách là một Người Thơ, một Người Thơ luôn thu nhỏ thế giới vào trái tim đa cảm, vào bộ não giàu suy nghĩ thông minh, để rồi lại biến hóa nó trở thành những bài thơ dâng tặng chính mình và những tâm hồn đồng điệu”.

Tác phẩm văn học chính

Tiếng vọng (thơ, in song ngữ Việt Nam - Ba Lan, nhà xuất bản Oficyna, Warszawa, Ba Lan, 2004). **Đợi** (thơ, nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005). **Zatoulana Pisen** (thơ tiếng Tiệp do nhà thơ, dịch giả Vera Kopecka nhà xuất bản Bromov, Czech, 2008). **Chiều rơi trên sóng - Evening falling on waves** (thơ, in song ngữ Việt - Anh, do các nhà thơ, dịch giả Thiếu Khanh, Anita và Andrew Fincham dịch, nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012). **Tháng ngày... Przemija życie... Life passes on...** (thơ, in song ngữ Ba Lan - Anh, nhà xuất bản Temat, Ba Lan, 2010). **Tháng ngày... - Et la Vie S'en va...** (Thơ, song ngữ Việt - Pháp, do nhà thơ, dịch giả, Chủ tịch Hội Các Nhà Thơ Pháp Athanase Vantchev de Thracy dịch, nhà xuất bản Institut Culturel de Solenzara Paris Pháp, 2016). **Fourth Dimension (Chiều thứ bốn)**, nhà xuất bản Xlibris (Hoa Kỳ), 2017. Thơ Lâm Quang Mỹ song ngữ Việt - Đức xuất bản tại Đức tháng 8/ 2019. Thơ Lâm Quang Mỹ đã được dịch ra tiếng Ấn Độ và xuất bản tại Ấn độ (Kalkuta) tháng 11/2019; đã được in rất nhiều trên các báo, các tạp chí văn học và các Tuyển tập Thơ của nhiều nước trên thế giới.

Đặc biệt để đưa văn học Việt Nam đến với công chúng Ba Lan, vào năm 2010 nhà thơ Lâm Quang Mỹ dịch và nhà thơ Ba Lan Pawel Kubiak hiệu đính đã cho xuất

bản **Tuyển tập thơ Việt Nam từ thế kỉ thứ XI đến thế kỉ IXX** (nhà xuất bản IBIS, Warszawa, Ba Lan). “Đây thực sự là một kho báu được lồng trong cái khung bắt đầu bằng Lý Thường Kiệt (1019-1105) và kết thúc bằng Tú Xương (1870-1907)” (lời nhận xét của D. T. Lebioda, Nhà thơ, GS TS và nhà phê bình văn học, Tổng biên tập Tạp chí triết học và văn nghệ “Temat”, Giám đốc Nhà xuất bản văn học “Temat”). Anh cũng đã dịch sang tiếng Ba Lan tập: **“Thơ Mới Việt Nam giai đoạn 1932 -1941”** gồm 43 nhà thơ và xuất bản năm 2015 tại Ba Lan.

Giải thưởng Văn học

Nhà thơ Lâm Quang Mỹ đã được tặng nhiều giải thưởng về thơ. Giải thưởng Thơ hay về mùa Thu do Hội Nhà văn Ba Lan trao năm 2004, 2 giải thưởng về Thơ và những hoạt động văn học của Những ngày thơ Quốc tế do UNESCO Ba Lan trao tặng (năm 2006 và năm 2016); 2 giải nhất (của ban Giám khảo và của công chúng) cuộc thi Marathon Thơ trong “Liên hoan thơ lần thứ 5 Các nước có chung biên giới với Ba Lan” tại thành phố Rzeszow tháng 06/2008; 2 “Cành nguyệt lớn” về thơ và dịch thơ tại Liên hoan văn học quốc tế Galicja, Ba Lan năm 2009 và 2011.

Ông cũng đã được tặng Kỷ niệm chương “Vì Sự nghiệp văn học nghệ thuật Việt Nam” do Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao vào tháng 02/2010.

Các giải thưởng khác gồm: Giải thưởng Văn học mang tên Kliemens Janicki về toàn bộ sáng tác văn học và sự đóng góp vào nền văn hóa châu Âu, năm 2003; Huân chương ông trạng về sự đóng góp cho nền văn hóa Ba Lan do Bộ Văn hóa và Di sản quốc gia Ba Lan trao tặng năm 2003; huy chương Hy vọng (Medal SPES) do Quỹ phát triển văn hóa xã hội Ba Lan trao tặng năm 2016; phần thưởng Chiếc nhẫn vàng về thơ và những hoạt động văn hóa của những ngày thơ UNESCO Ba Lan trao tặng năm 2016; giải thưởng đặc biệt Danh dự do chi hội nhà văn Ba Lan thành phố Kielce trao tặng, tháng 10/2019.

Thay lời kết luận

Xuất thân là một nhà khoa học nhưng sự nghiệp thơ ca của nhà thơ, tiến sĩ Lâm Quang Mỹ đã mang lại nhiều thành tựu rất đáng nể. Ông là nhà thơ sáng tác bằng tiếng Việt và tiếng Ba Lan, là dịch giả trong vai trò cầu nối giữa văn học Việt Nam và bạn đọc Ba Lan, là thành viên Ban Chung khảo thơ trẻ Ba Lan (dành cho người dưới 40 tuổi), là người nồng nhiệt phổ biến thơ ca đến công chúng. Có tài năng về thơ, được nuôi dưỡng trong môi trường có truyền văn học phong phú (Ba Lan đã có 6 giải Nobel về văn học), cộng với sự đam mê cháy bỏng, lao động cật lực, Lâm Quang Mỹ đã đạt được điều mà nhiều nhà thơ cũng mơ ước: tác phẩm được xuất bản ở nhiều nước (Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Tiệp, Ấn Độ...), được trao tặng các giải thưởng cao quý về thơ, được mời tham dự các liên hoan quốc tế về thơ, được bạn đọc yêu thơ ở Ba Lan và các tổ chức văn học nước ngoài nồng nhiệt chào đón.

Tính luận lý - một đặc điểm tư duy thơ Hồ Chí Minh (Qua *Ngục trung nhật ký*)

ĐẶNG LƯU

1. Những người đọc và nghiên cứu *Ngục trung nhật ký* của Hồ Chí Minh một cách cẩn trọng chắc không thỏa mãn với những nhận xét chung chung, chẳng hạn cái gọi là phong vị thơ Đường, thơ Tống của tập thơ - nhật ký này. Đã có những kiến giải sâu sắc đầy sức thuyết phục về “sự kết hợp lưỡng tính của thể loại”⁽¹⁾, về “phản mã Đường thi”⁽²⁾, về tính hiện đại trong hình thức cổ điển, về cái mới trong tư duy nghệ thuật⁽³⁾, về chất văn xuôi của *Ngục trung nhật ký*... Dù có thể chứng minh được âm vang thơ Đường có phảng phất ít nhiều, nhưng chính những nét mới mẻ, khác biệt như kết quả các hướng tìm tòi trên đây mới nêu được những chỗ đặc sắc đích thực của tác phẩm. Trên hướng suy nghĩ ấy, có thể xem màu sắc luận lý cũng là một nét rất đáng chú ý của tập thơ.

2. Bề nổi, tính chất luận lý dễ nhận thấy nhất ở những bài thơ sử dụng các quan hệ từ, các hư từ - điều bị xem là tối kỵ trong thơ cổ điển. Đó là những từ: “*nhưng*” (7 lần), “*nhân vị*” (6 lần), “*sở dĩ*” (3 lần), “*tuy nhiên*” (3 lần), “*thẳng năng*” (2 lần), “*tất*” (2 lần), “*đương nhiên*” (2 lần), “*giả như*” (2 lần), “*do*”, “*hạnh nhi*”, “*chỉ vì*”, “*huống*” (mỗi từ một lần), tổng cộng 31 bài trên tổng số 133 bài của tập thơ có sử dụng quan hệ từ - một tỉ lệ không nhỏ. Mật độ xuất hiện khá cao của quan hệ từ đã khiến tính chất lập luận của các bài thơ trở nên nổi bật. Dường như các kiểu lập luận trong tư duy suy lý và mối quan hệ giữa các phạm trù đều được thể hiện: quan hệ nguyên nhân / điều kiện - kết quả, quan hệ tương đồng, quan hệ tương

phản... Các thao tác lập luận quen thuộc như diễn dịch, quy nạp, loại suy... đều có mặt. Giá trị của các quan hệ từ dĩ nhiên không phải tạo màu sắc thuần lý cho các bài thơ (vốn là điều ít được chấp nhận ở tác phẩm trữ tình), mà là một cách tiếp cận hiện thực, hoán cải chất liệu đời sống dưới áp lực của một quan niệm, một cách nhìn. Cảm hứng phân tích, lý giải thấu triệt bản chất của sự vật như những câu thơ sau đây khá phổ biến trong *Ngục trung nhật ký*:

- *Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền.*

(Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền).

(*Cảnh binh đảm trư đồng hành*)

- *Thế gian cách hữu li kỳ sự,
Nhân miễn tranh tiên thượng cước kiềm;
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụ,
Vô kiềm một xứ khả an miên.*

(Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu).

(*Cước áp*)

- *Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiếm thả cần.*

(Vùng đây tuy rộng, đất khô cần,
Vì thế nhân dân kiếm lại cần).

(*Long An - Đồng Chính*)

Quan hệ từ trong *Ngục trung nhật ký* được sử dụng khá đa dạng, với nhiều dụng ý. Có khi thể hiện mối quan hệ giữa hai vế trong một câu thơ. Có khi tạo lập quan hệ giữa hai câu thơ kề nhau trong bài, hoặc nối hai câu trên với hai câu dưới của một bài tứ tuyệt. Trường hợp như bài *Tứ cá nguyệt liễu*, quan hệ từ được sử dụng để liên kết các khổ thơ trong bài tạo nên một chỉnh thể. Khổ thứ nhất nêu lên một định đề nghiệt ngã: từ sự đúc kết của cỗ nhân về kiếp sống tù đầy, tác giả liên hệ đến bản thân mình trong bốn tháng bị giam giữ. Sau từ "*nhân vị*" (bởi vì), bốn câu tiếp lý giải cụ thể nguyên do khiến cho thân tù tiều tụy. Bốn câu này liên kết với bốn câu tiếp đó bằng từ "*sở dĩ*" (cho nên), xác lập quan hệ nhân - quả. Sau từ "*hạnh nhi*" (may sao), bài thơ kết lại bằng bốn câu thể hiện tinh thần kiên định của người tù. Bốn khổ thơ quan hệ với nhau chặt chẽ, lô gic, không thể đảo trật tự, rất khác với những khổ thơ có tính độc lập cao về ý nghĩa như trong một bài thơ

hiện đại. Tương ứng với điều đó, các quan hệ từ buộc phải có mặt đúng vị trí để đảm trách nhiệm vụ tổ chức bài thơ theo chiều hướng lập luận đậm màu suy lý. Vì thế, nếu tính lược các quan hệ từ nêu trên, ý nghĩa của bài thơ sẽ trở nên thiếu sáng sủa, mạch lạc; đặc biệt, độ căng và sức thuyết phục của lập luận sẽ không còn. Đây là một trong những trường hợp tiêu biểu chứng minh tính tất yếu của sự xuất hiện các quan hệ từ trong *Ngục trung nhật ký*. Một khi được sử dụng, các từ đó đều đảm nhiệm vai trò quan trọng trong thao tác lập luận của tác giả.

3. Một điều khá lạ ở tập thơ - nhật ký này là, ngay cả những trường hợp không có quan hệ từ, thì màu sắc luận lý vẫn thể hiện rõ. Nghiên cứu sức hấp dẫn của thơ Đường, Phan Ngọc đã nêu một luận điểm rất đáng chú ý: “Đọc thơ Đường không phải đọc bằng mắt mà đọc bằng quan hệ”⁽⁴⁾. Ấy là bởi ở bài thơ Đường, có sự tồn tại những “khoảng trống”, những hiện tượng “đứt mạch” nếu xét trên bề mặt văn bản. Người đọc thơ phải tham gia tích cực vào quá trình tạo nghĩa, bằng cách phát hiện những quan hệ bất ngờ, lý thú giữa những yếu tố thoát nhìn bề ngoài tưởng chẳng có liên hệ gì với nhau. Tìm hiểu *Ngục trung nhật ký*, dễ thấy, phần lớn, các bài thơ có sự liên mạch xét về phương diện liên kết văn bản. Khác với tính độc lập cú pháp của các câu thơ trong thơ cổ điển, hiện tượng cú pháp liên dòng là khá phổ biến trong tập thơ này:

- *Tình kỳ đại đích cổ tu hữu,*

Tiểu đích tình kỳ bất khả vô.

(Cờ to đã hẳn là nên có,

Cờ nhỏ dù sao thiếu được đâu).

(*Song thập nhất*)

- *Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,*

Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.

(Cho hay bọn giải tù nhân này,

Cách sống đôi khi cũng sành điệu).

(*Bào Hương cầu nhục*)

- *Thế thượng thiên tâm hòa vạn khổ,*

Mạc như thất khước tự do quyền.

(Trên đời ngàn vạn đời cay đắng,

Cay đắng chi bằng mất tự do).

(*Cảnh bình đàm trư đồng hành*)

Theo khảo sát của chúng tôi, hiện tượng cú pháp liên dòng tạo nên mối quan hệ phối thuộc giữa các câu thơ chiếm khoảng 70% số bài trong *Ngục trung nhật ký*. Đây là một tỉ lệ khá cao nếu so sánh với thơ trung đại. Đặc điểm này bị quy định trước hết bởi yêu cầu lập luận của các bài thơ.

Lập luận bao giờ cũng là biểu hiện phẩm chất trí tuệ, kiểu tư duy của một cá thể. Vì thế, tiếng nói siêu cá thể vốn rất phổ biến trong thơ cổ điển lại là điều ít thấy trong *Ngục trung nhật ký*. Ở tác phẩm thơ - nhật ký này, chủ ngôn có vai trò rất rõ. Vai chủ ngôn không chỉ gắn với những đại từ nhân xưng được dùng nhiều lần như “ngã”, “lão phu”, mà nổi bật hơn là ở ngữ điệu của tập thơ. Ta bắt gặp ở đây có khi giọng tự trào hài hước, có khi là những nhận xét sắc sảo, sự đánh giá tinh nhạy, một nụ cười hóm hỉnh, một tiếng nói bất bình... Cũng là kết cấu nghị vấn, nhưng hầu như rất ít câu hỏi tu từ, mà phần lớn là những lời chất vấn gay gắt:

- Trưởng quan bộ chỉ cách lý hử,

Hà cổ trường lưu ngã thử gian?

(Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,

Sao mãi giam ta ở chốn này?)

(Cửu bất đệ giải)

- Thí vấn sở dư phạm hà tội,

Tội tại vị dân tộc tận trung?

(Phạm tội gì đây ta thử hỏi,

Tội trung với nước với dân à?)

(Đáo đệ tứ chiến khu chính trị bộ)

Giọng đối thoại, vặn hỏi, tranh biện trực tiếp như vậy thể hiện thái độ không khoan nhượng của chủ thể phát ngôn. Nó đòi hỏi phải được trả lời để công lý được sáng tỏ. Nó tác động mạnh vào lý trí, buộc người ta phải bộc lộ một thái độ cụ thể, một chủ kiến rõ ràng. Hiệu quả nghệ thuật của tính luận lý trong *Ngục trung nhật ký* trước hết là ở chỗ đó.

4. Có thể quy 133 bài của tập *Ngục trung nhật ký* vào các mảng: ký sự, trần tình, thiên nhiên, triết lý, trong đó, mảng thơ triết lý chiếm một tỉ lệ khiêm tốn (8 bài). Thơ triết lý dĩ nhiên rất đậm tính luận lý. Triết lý được nêu thường nhẹ nhàng, không đại ngôn mà vẫn thâm thúy, sâu sắc. Chủ yếu, đó là những bài học về nhân sinh, về xử thế mang tính tự nghiệm. Chỉ có *Khán thiên gia thi hữu cảm* là bài duy nhất nêu quan niệm về người nghệ sĩ kiểu mới và quan niệm mới về thơ. Chúng tôi đã khảo sát, trong tổng số 133 bài của tập thơ, có hơn 50 bài mang tính chất luận lý, được phân bố ở tất cả các mảng, trong đó mảng ký sự có 22 bài, mảng trần tình có 15 bài, mảng thơ về thiên nhiên có 5 bài.

Mảng thơ ký sự và trần tình chiếm tỉ lệ cao trong bộ phận thơ có tính chất luận lý là điều dễ hiểu. Với một tập thơ - nhật ký của một tù nhân, việc ghi chép những điều mắt thấy tai nghe và tự họa chân dung tinh thần đương nhiên là chuyện cốt yếu. Ghi chép không phải với thái độ dửng dưng, lạnh lùng, ngược lại, thể hiện cái nhìn phân tích, lý giải “muốn khám phá cái nghĩa đích thực của sự vật, giải phóng nó khỏi những ý niệm có trước hay liên tưởng truyền thống che phủ nó đi”⁽⁵⁾. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến tập thơ này rất đậm màu sắc luận lý.

5. Tại thời điểm viết tác phẩm này, Hồ Chí Minh đã thấm gộp được trong mình tinh hoa của nhiều nền văn hóa, đã trải nghiệm nhiều kiểu tư duy gắn với những ngôn ngữ khác nhau mà Người từng sử dụng. Đó là cơ sở của sự “giao hòa nhiều tiếng nói” trong một tập thơ. Màu sắc luận lý trong *Ngục trung nhật ký* có thể là kết quả của sự giao hòa đó. Ta bắt gặp trong tập thơ cái nhìn đậm tính duy lý theo kiểu tư duy hiện đại châu Âu, những nhận xét về thể sự đầy tính triết lý kiểu Nguyễn Bình Khiêm, cái hùng tâm tráng chí trong thơ của các chí sĩ cách mạng những năm đầu thế kỷ XX, âm hưởng của văn xuôi bạch thoại Trung Hoa, tiếng nói của một nhà chính luận xuất sắc... Những yếu tố đó có biểu hiện đậm nhạt khác nhau, nhưng đều góp phần tạo nên tính luận lý của tập thơ. Cuối cùng, không thể không nói tới ý thức của người cầm bút. Thông thường, nhật ký là những ghi chép mang tính riêng tư, nhưng, cũng như những tác phẩm khác của Hồ Chí Minh, *Ngục trung nhật ký* chịu sự chi phối của một quan niệm thường trực, nhất quán: mỗi chữ, mỗi dòng viết ra bao giờ cũng hướng tới một mục đích tối thượng nằm ngoài văn chương.

1 Đặng Anh Đào, *Tài năng và người thường thức*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1994, tr.37.

2 Sách trên, tr.38.

3 Trần Đình Sử, *Cái mới trong tư duy nghệ thuật*, in trong sách *Suy nghĩ mới về Nhật kí trong tù*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997, tr.159.

4 Phan Ngọc, *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ Tp Hồ Chí Minh, 1995, tr.119.

5 Đặng Anh Đào, *Tài năng và người thường thức*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1994, tr.38.

Linh cảm trong *Truyện Kiều*

LÊ ĐÌNH CÚC

Một trong những lý do *Truyện Kiều* nổi tiếng là các phương pháp nghệ thuật. Trong đó có nhiều phương pháp của Nguyễn Du đã là tín hiệu của nghệ thuật Hiện đại và Hậu hiện đại ở thế kỷ XX. Một trong những phương pháp nghệ thuật đó là linh cảm trong tác phẩm. Ở đây là linh cảm của Thúy Kiều được thể hiện qua Lời thoại và qua Giấc mơ. Bài viết này xin được đề cập đến việc tiên tri và linh cảm qua lời thoại

Ngày buổi sáng Thanh minh, đi chơi hội đạp thanh, khi Thúy Kiều rút trâm cài tóc, vạch vò cây làm thơ bên mộ Đạm Tiên thì nàng đã “*Lại càng mê mẩn tâm thần*”. Tư duy, thần kinh của nàng đã biến chuyển và thay đổi, không làm chủ được nữa: “*Lại càng ử dột nét hoa/ Sầu tuôn dứt nỗi châu sa vẫn dài*”.

Không chỉ mê mẩn tâm thần mà đã biểu hiện ra hành động. Nàng “*đứng lặng, tần ngần*”, rồi sầu muộn thể hiện ra trên nét mặt liên tục: “*Lại càng ử dột nét hoa*”, và nàng khóc (châu sa) sụt sùi (vẫn dài).

Thấy Thúy Kiều như vậy, Thúy Vân coi đó là chuyện “*nực cười*”, lại còn chê chị là “*Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa*”. Với tầm hiểu biết và trí thông minh của mình có được, Thúy Kiều đã biết: “*Rằng hồng nhan tự nghìn xưa. Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu*”. Linh cảm đã xuất hiện ở Thúy Kiều bằng sự nghi ngờ: “*Thấy người nằm đó biết sau thế nào?*”

Thúy Kiều đang *đổi thoại* với Thúy Vân nhưng lời thoại này cũng như là *độc thoại*. Tự hỏi mình và đó là linh cảm những gì không hay sẽ xảy ra với nàng.

Cái lo âu, phập phồng và hoài nghi cho tình yêu và hạnh phúc của mình đã ám ảnh Thúy Kiều ngay cả khi mới gặp Kim Trọng sau mấy tháng xa cách, kể từ hội đạp thanh. Nay dịp may hiếm có, hai người mới gặp lại. Nàng đã *"xăm xăm băng lối vườn khuya một mình"* để gặp người yêu. Hai người đang được sống trong hạnh phúc dạt dào thì nàng lại thảng thốt: *"Bây giờ rõ mặt đôi ta/ Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao."*

Và nàng lại nghĩ đến Đạm Tiên và nghĩ tới mình với màn *độc thoại*: *"Trông người lại ngẫm đến ta/ Một dây một mộng biết là có nên?"*

Chẳng biết rồi mình và Kim Trọng có nên duyên nên phận hay không, Thúy Kiều nghĩ tới Đạm Tiên bởi *"cùng hội cùng thuyền"* với mình. Cùng là những bậc tài hoa *"Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"*, rằng *"Hồng nhan tự nghìn xưa/ Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu"*. Nàng nghĩ đến Kim Trọng (một dây) đẹp trai (dung quang) lại tài giỏi, giàu sang *"Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn"*, còn mình thì (một mộng) *"phận mộng cánh chuồn"*.

Lại một câu hỏi. Hỏi Kim Trọng nhưng chính là tự hỏi mình. Một *độc thoại* trong *đổi thoại* và lại xuất hiện một linh cảm của Thúy Kiều trong tình yêu với Kim Trọng. Mà rồi đúng như linh cảm của Thúy Kiều. Kim Trọng nhận được thư nhà báo tin chú từ trần ở Liêu Dương. Chàng phải về chịu tang và rồi vĩnh viễn mất Thúy Kiều (dù sau 15 năm có gặp lại thì đã *"Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ"*).

Kim Trọng vừa chia tay Thúy Kiều về Liêu Dương thì gia đình Thúy Kiều gặp nạn. Thúy Kiều phải bán mình chuộc cha để *"đền ơn sinh thành"*. Nàng biết thế là phải hy sinh tình yêu với Kim Trọng.

Đêm trước bán mình chuộc cha, nàng vật vã, khóc thương cho mình, cho Kim Trọng. Thúy Vân - em nàng tỉnh giấc hỏi cơn có làm sao. Thúy Kiều nói cho em biết về mối tình của mình với Kim Trọng. Nàng nhờ em gái nối tiếp tình duyên. Cuộc *đổi thoại* giữa hai chị em gái thật chua xót: *"Mai sau dù có bao giờ/ Đốt lò hương ấy, so tơ phím này/ Trông ra ngọn cỏ lá cây/ Thấy hiu hiu gió thì hay chị về."*

Ấy là Thúy Kiều lại có thêm một linh cảm nữa về cuộc đời mình rồi sẽ chẳng ra gì. Và rồi ngay đó nàng đã lại ghen ngào *độc thoại* với Kim Trọng: *"Ôi Kim lang hỡi Kim lang/ Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây."*

Trong cuộc thoại này có đến 5 người tham gia. Thúy Kiều và Thúy Vân *đổi thoại*. Kim Trọng không có mặt ở đây mà chỉ có Thúy Kiều nói to lên: *"Ôi Kim lang hỡi Kim lang"*. Thúy Kiều *độc thoại*, tự nói với mình, nhưng nàng cũng muốn nói cho Kim Trọng nghe dù vắng mặt Kim Trọng, chỉ có Thúy Vân nghe. Tiếp đó Thúy Kiều vừa tham gia *đổi thoại* vừa tham gia *độc thoại*. Một mình, lẩm bẩm nhưng lại *đổi thoại* với nhiều người (kỹ thuật này thường thấy trong tác phẩm của Hemingway): *Vĩnh biệt vũ khí* (A Farewell to Arms), *Ông già và biển cả* (The Old Man and the Sea). Đó là trường hợp ông già Santiago trong *Ông già và biển cả*, một mình trên biển đêm

độc thoại, thỉnh thoảng lại gào to để chứng tỏ mình không cô đơn. Ấy là ông đang đối thoại với ai? Với trời, với biển, với con chim đậu trên cột buồm và đàn cá chuồn, cá trích đang bơi dưới nước dưới thuyền ông...

Linh cảm xuất hiện qua lời thoại (đối thoại, độc thoại và *độc thoại nội tâm*) của nhân vật Thúy Kiều hoặc của Nguyễn Du nhân danh nhân vật Thúy Kiều mà nói, có thể mượn từ vựng và giọng điệu của nhân vật. Trong đó có độc thoại và độc thoại nội tâm, giọng nói của nhân vật bị chia làm hai, thành hai giọng nói riêng biệt, có khi đối nghịch để tranh luận. Có khi logic, có khi mơ hồ, hỗn loạn, phi logic (như trường hợp Thúy Kiều (đối) độc thoại trên đây).

Đây cũng là một đặc sắc trong hội thoại của Nguyễn Du.

Sau đó bố mẹ Thúy Kiều thức giấc "*Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng*", cùng tham gia hội thoại. Thúy Kiều nói với cha mẹ chuyện tình duyên của mình và hoàn cảnh hiện nay đang và sẽ chịu đựng. Nàng đối thoại: "*Sá chi thân phận tôi đòi/ Dẫu rằng xương trắng quê người quán đâu.*"

Buổi chiều, trong cảnh ra đi của Thúy Kiều: "*Trời hôm mây kéo tối rằm/ Dầu dầu ngọn cỏ đầm đầm canh sương*" thì câu thoại của Thúy Kiều, cũng là một linh cảm về cuộc đời sắp tới của nàng.

Thúy Kiều đã phải bán mình nhưng mọi người vẫn tưởng là nàng được gả chồng vì có đủ lễ lạt, nạp thái, sính nghi, nghinh hôn, đón dâu... thì ai mà chẳng nhầm. Nhưng trên đường đến Trú Phường về Bắc Kinh nàng mới dần dần nhận ra sự thật là chẳng có duyên phận, cưới xin nào cả mà là đã mắc mưu lừa gạt của lũ buôn người. Rồi khi "*Tiếc cho một đóa trà mi/ Con ong đã tỏ đường đi lối về*" với Mã Giám Sinh, nàng đã chửi rủa hắn: "*Tuồng chi là giống hôi tanh/ Đời người thôi thế là xong một đời.*"

Đây là những câu độc thoại của Thúy Kiều, nàng linh cảm về cuộc đời mình. Cũng vì Thúy Kiều là người thông minh và nhạy cảm. Qua hành động của Mã Giám Sinh "*Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ*" và "*Khi ăn, khi nói lơ lửng*" nàng đã đặt câu hỏi từ nghi ngờ đến khẳng định, Mã Giám Sinh là người: "*Xem gương trong bấy nhiêu ngày/ Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già.*" "*Khác màu kẻ quý người thanh/ Ngấm ra cho kỹ như hình con buôn.*"

Từ những dữ kiện đó, những thông tin đó, Thúy Kiều đã nói với cha mẹ trước lúc đi vào nơi gió bụi một câu vừa than vãn, vừa hối tiếc và cũng là một linh cảm quan trọng: "*Thôi con còn nói chi con/ Sống nhờ đất khách thác chôn quê người!*"

Đối thoại của Thúy Kiều vừa hướng tới những người đối thoại. Đó là cha mẹ và những người đưa tiễn nàng "về nhà chồng" nhưng cũng tự hướng vào thế giới nội tâm của mình thốt lên câu trên kia. Đây là tiếng nói của ý thức (đang đối thoại với nhiều người) xen với tiếng nói từ vô thức nên tạo nên tính đa âm, đa thanh của lời thoại. Cả những lần tiên tri và linh cảm khác trong *Truyện Kiều* (4 lần nhớ nhà, 3 giấc mộng, 4 lần gảy đàn, 3 lần tự tử). Có nhiều độc thoại nội tâm của Thúy

Kiều không hiện ra trên bề mặt câu chữ của lời thoại. Người đọc phải đặt mình vào hoàn cảnh của Thúy Kiều mới hiểu.

Đó là những câu thoại của Thúy Kiều khi đang đối thoại. “Thôi con còn nói chi con. Sống nhờ đất khách thác chôn quê người”. “*Thôi con còn có ra gì mai sau*”... là độc thoại nằm trong mạch nguồn vô thức, cảm xúc, suy nghĩ đang tuôn chảy trong lòng Thúy Kiều bỗng đến, bật ra khi nàng đang đối thoại. Mặc dù nàng đang hướng tới người đối thoại bằng ý thức. Đó là lời phát ngôn của Thúy Kiều nói với chính mình, thể hiện quá trình tâm lý nội tâm mô phỏng hoạt động cảm xúc suy nghĩ của mình trong dòng chảy trực tiếp của ý thức, tức là thể hiện trạng thái tâm lý của nàng. Rõ ràng với linh cảm, lời thoại không chỉ là đối nhau, thông báo thông tin trên bề mặt câu chữ mà còn là ở dưới tầng ngầm, ở ngoài câu chữ, ở giữa những hàng chữ mà người đọc phải cùng tham gia khám phá mới hiểu hết.

Nhiều khi Thúy Kiều băn khoăn về những điều mà mình linh cảm, những điều nàng tin sẽ xảy ra mà không cần lý do xác đáng nào cả. Sự băn khoăn đó hình thành các câu hỏi mà nàng phải tự trả lời. Ví dụ khi thắp hương cho Đạm Tiên: “Thấy người nằm đó biết sau thế nào?”, “Trông người lại ngẫm đến ta/ Một dầy một mỏng biết là có nên”, “Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm hỏi có duyên gì hay không?”

Thúy Kiều có 5 lần độc thoại và độc thoại nội tâm và 5 lần độc thoại đó đều xuất hiện linh cảm. Lần thứ 4 nàng độc thoại khi đang là vợ của Thúc Sinh. Thúc Sinh về Vô Tích thăm vợ cả là Hoạn Thư. Thúy Kiều ở Lâm Tri nhớ chồng và nghĩ về mình: “*Bóng dâu đã xế ngang đầu/ Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi/ Tóc thề đã chấm ngang vai/ Nào lời non nước nào lời sắt son/ Sấn bìm chút phận con con/ Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?*”, “*Thân bao nhiêu nổi bất bằng/ Liều như cung Quảng ở Hằng nghĩ nao?*”.

Mình đã có tuổi, lúc này xa nhà đã gần 10 năm. Không biết đời mình sẽ ra sao. Chồng mình đã hứa bao nhiêu điều “*Nào lời non nước nào lời sắt son*”. Mình và Thúc Sinh duyên phận chỉ là sấn bìm (vợ lẽ) cho nên rồi sẽ đến đâu. Đời mình chịu bao nhiêu “nổi bất bằng” rồi. Cứ sống độc thân như Hằng Nga có khi lại hay hơn. Với những băn khoăn, lo lắng ấy Thúy Kiều linh cảm thấy tai họa và bi đát đang chờ mình. Và rồi sau này đã xảy ra đúng như vậy khi Hoạn Thư bắt nàng về đánh ghen.

Là người sắc sảo, thông minh nhưng như đạo cô Tam Hợp nói với vãi Giác Duyên về cuộc đời của Thúy Kiều vì “Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan” nhưng lại vì nặng nghĩa nặng tình, ăn ở chu toàn, vì tình, vì hiếu, vì thương người nên cái sắc sảo thông minh nhiều khi lại làm hại nàng, cho nên: “*Ma đưa lối, quỷ đưa đường/ Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi*” như đạo cô Tam Hợp đã nhận xét.

Bởi vậy nàng bị Hồ Tô Hiến mua chuộc, dụ dỗ đánh lừa Từ Hải, khuyên Từ Hải hàng vì quyền cao chức trọng. Hơn nữa bản thân mình cũng đã trải qua mười lăm năm gian khổ, nàng muốn về nhà với cha mẹ. Thúy Kiều linh cảm qua độc

thoại của mình: *"Bằng nay chịu tiếng vương thân/ Thên thên đường cái thanh vân hẹp gì", "Cũng ngôi mệnh phụ đường đường/ Mở mang mày mặt rõ ràng mẹ cha"*.

Đối thoại và độc thoại của Thúy Kiều ở đây không thông báo cho ta sự kiện mà thông báo ý nghĩ của nàng giữa lúc ý nghĩ đó đang hình thành trong dòng chảy ý thức. Các lời thoại tập trung xung quanh chủ đề khuyên Từ Hải ra hàng theo một trật tự logic và trở thành độc thoại nội tâm của Thúy Kiều, bộc lộ hoàn cảnh và tâm trạng, suy nghĩ, tính toán của nàng. Nghĩ đến đầu hàng Hồ Tôn Hiến là sẽ thoát khỏi cảnh *"đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân"* rồi sẽ *"liệu về cố hương"*, sẽ được *"cũng ngôi mệnh phụ đường đường"* làm *"rõ ràng mẹ cha"* và quan trọng hơn cả là *"Trên vì nước dưới vì nhà"*. Nhưng đây chỉ là mong ước, là linh cảm sai lạc của Thúy Kiều, đã vô tình đẩy chồng mình là Từ Hải vào chỗ chết. Hồ Tôn Hiến đánh bại Từ Hải nhờ lừa gạt Thúy Kiều. Hắn bắt Thúy Kiều đánh đàn hầu rượu ở lễ hạ công. Hắn lại còn tán tỉnh nàng, không được, để tránh tiếng hắn ép gả nàng cho viên thổ quan. Thúy Kiều không biết là sẽ bị đưa đi đâu, đây là đâu vì đang đêm tối. Khi nghe *"Triều đầu nổi tiếng ùng ùng/ Hời ra mới biết rằng sông Tiền Đường"*, nàng sực nhớ đến *"lời thần mộng"* mà Đạm Tiên báo cho nàng năm xưa, ở giấc mộng thứ hai: *"Sông Tiền Đường sẽ hện hò về sau."*

Lúc hấp hối ở đáy sông Thúy Kiều đã gặp lại ma Đạm Tiên trong cơn mê đúng như linh cảm của Thúy Kiều đã có 10 năm về trước.

Giải thích một số câu tục ngữ khó hiểu

PHAN BÁ HÀM

Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có vần, có nhịp, đúc kết kinh nghiệm mọi mặt của con người. Vì ngắn gọn nên có nhiều câu tục ngữ rất khó hiểu, dẫn đến những cách giải thích khác nhau. Dưới đây chúng tôi giới thiệu một số câu:

Tháng Tám vành đai, tháng Hai chớp mũ

Đây là câu tục ngữ nói kinh nghiệm thời tiết khi quan sát rú Gám (núi Gám) ở huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Trên báo “Lao động Nghệ An” số tết 2009, ông Hoàng Đình Độ đã giải thích như sau: “Từ xa xưa, khi chưa có các phương tiện nghe nhìn, để biết thông tin dự báo thời tiết, người dân làng kẻ Gám hay nói đúng hơn là nhân dân huyện Yên Thành, Diễn Châu và Đô Lương muốn biết thời tiết trong ngày thì nhìn về rú Gám xem độ che phủ của mây mù để đoán biết chính xác nắng mưa. Đến nay mặc dù đã có đài báo thông tin dự báo thời tiết hàng ngày nhưng người dân quê tôi không quên kinh nghiệm quý báu đó của ông cha để lại.

Đến nay tuy đã trên 60 tuổi nhưng những lúc có công việc hệ trọng liên quan đến thời tiết tôi vẫn nhìn về rú Gám vì đây là đài khí tượng thiên nhiên nơi tôi sinh sống, là quà tặng của tạo hóa ban cho người dân quê mùa, là niềm tự hào của dân làng Kẻ Gám. Tuy nhiên mỗi mùa có cách quan sát khác nhau:

Tháng Hai chớp mũ

Khoảng hạ tuần tháng Giêng đến cuối tháng Hai âm lịch, nhìn lên rú Gám nếu thấy mây mù che phủ đỉnh núi tựa như chiếc mũ trắng của ông già Nô-en thì ngày đó có mưa trong vùng phụ cận. Nếu mây tà tà xuống hơi thấp sẽ có mưa nặng hạt hoặc kéo dài trong ngày. Nhưng trời đã có đầy mây và đỉnh núi rú Gám vẫn quang đãng thấy rõ màu xanh của cây thì trời không mưa trong vùng phụ cận.

Từ thượng tuần tháng Tám đến trung tuần tháng Chín âm lịch, hàng năm nhìn về rú Gám, nếu thấy một dải mây chạy ngang hông núi, kéo mây bông bành trôi nhẹ, trông rất thơ mộng thì hôm đó trời có mưa giông hay mưa to.

Hiện tượng thiên nhiên kỳ thú này được nhân dân quê tôi và các vùng lân cận vận dụng trong cuộc sống và sản xuất. Người dân huyện Đô Lương có kinh nghiệm: “Mây rú Gám không dám đi cày”. Còn người dân đi biển Diễn Châu, Nghi Lộc lại nhắc nhau: “Mù rú Gám không dám ra khơi”.

Bớt đồng thì bớt cù lao

Bớt ăn bớt uống thì tao bớt làm

Sách “Thơ ca dân gian Việt Nam” (Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường) của Nhà xuất bản Giáo dục (1976) ở trang 13 có tuyển câu này. Các soạn giả chú thích: đồng: đồng tiền; cù lao: sự khó nhọc, nói sức lao động.

Như vậy theo các soạn giả sách này thì cách hiểu câu 1 là:

Nếu chủ bớt đồng tiền thì sẽ bớt lao động. Và nếu diễn nôm cả hai vế của câu tục ngữ thì sẽ là: Nếu chủ bớt đồng tiền trả công thì người làm thuê bớt sức lao động, nếu chủ bớt ăn uống thì người làm thuê bớt làm việc.

Trên tạp chí “Sông Dinh” số 3 của Chi hội văn nghệ Yên Thành, Nghệ An Xuân Đinh Hợi, ở trang 62 nhà giáo Lam Kiều có đưa ra một cách hiểu khác:

“Khi đọc cuốn Từ điển Việt Nam các vần A, B, C (nhà xuất bản Khoa học xã hội 1975) đến từ “cù lao” tôi mới biết có 3 nghĩa:

- + Cù lao: Bãi nổi giữa sông biển (như cù lao Tràm)
- + Cù lao: Công khó nhọc (như đức cù lao lấy lượng nào đong - thơ ca cổ)
- + Cù lao: Quai treo của cái chuông, do biến âm của chữ “bồ lao” mà ra. Ở nghĩa này, từ điển có dẫn thêm câu:

Bây giờ tính nghĩa làm sao

Cho chuông âm tiếng, cù lao vững bền

... Thì ra cái thâm thúy, cái sâu sắc, cái tài tình của người nghệ sĩ dân gian (ở câu tục ngữ trên) là ở chỗ này: Đồng ở đây là đồng bằng kim loại (ký hiệu hóa học là Cu) còn cù lao là quai chuông. Nghệ sĩ đã dùng lối “tỷ” (so sánh) để mách nước cho người lao động làm công nghệ thuật chống lại kẻ áp bức, bóc lột (ông chủ). Người thợ đúc đồng (đúc chuông) muốn ăn bớt thì hãy bớt ở quai chuông (cù lao), có như thế chuông vẫn đảm bảo kích thước, vẫn âm tiếng, chủ không biết (bớt đồng thì bớt cù lao). Tỷ như người làm thuê (lối công nhật chẳng hạn) nếu thấy chủ bớt khẩu phần (ăn, uống) thì cứ lẳng lặng mà bớt làm đi (bớt ăn uống thì tao bớt làm)”.

Tôi xin nói thêm: Đây là kiểu lân công cùng nhau cố tình làm việc chây lười (một hình thức đấu tranh đòi quyền lợi của người công nhân)⁽¹⁾. Cách hiểu của nhà giáo Lam Kiều đúng hơn, hay hơn cách hiểu của các soạn giả sách “Thơ ca dân

gian Việt Nam”. Hiểu theo các soạn giả thì câu lục và câu bát ý sẽ trùng nhau (như đã diễn nôm ở trên).

Trăm hay không bằng tay quen

Có 2 cách giải thích:

Cách 1: “Trăm hay” là hiểu nhiều, “tay quen” là thành thạo công việc. Vậy ý nghĩa của cả câu là giỏi lý thuyết không bằng thực hành nhiều. Lý luận (trăm hay) quan trọng nhưng kinh nghiệm thực hành (tay quen) cũng quan trọng không kém. Cách diễn đạt “*Trăm hay không bằng tay quen*” nên hiểu không phải kinh nghiệm thì hơn lý thuyết mà đây chỉ là cách nói phóng đại tầm quan trọng của kinh nghiệm để gây ấn tượng mà thôi. Trong tục ngữ có nhiều câu phóng đại kiểu như thế. Ví dụ: *Vợ đại không hại bằng đũa vênh*.

Cách 2: “Trăm hay” không phải là hiểu biết, là lý luận mà “trăm” chỉ là một từ cổ chỉ cách nói nhanh, nói nhiều. “Tay quen” là làm nhiều, ý nói siêng năng. Ý nghĩa của cả câu là: Nói nhiều không bằng làm nhiều (Vì ở đời có những kẻ nói rất nhiều nhưng lại lười nhác chẳng chịu làm gì cả).

Chớ ra, ma vào

Có 2 cách hiểu:

- Cách 1: Nếu vào nhà ai gặp chó dữ thì phải ra ngay kẻo bị cắn, còn nếu vào nhà ai gặp đám ma thì nên vào để chia buồn cùng gia quyến.

- Cách 2: Nhà báo Hoàng Sơn có kể lại: PGS Ninh Viết Giao đã giải thích cho ông rằng: “câu này chẳng nói gì chó mèo hay sự xúi quẩy gì gì đâu mà là kinh nghiệm... tán gái của dân gian. Đi “tìm hiểu” mà bị con gái rửa là chó thì rút cho mau, còn khi được so với ma thì cứ việc “nhào vô”. Không phải tôi nghĩ ra đâu, dân gian đấy!”

Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Câu tục ngữ này khá phổ biến. Trong nhiều năm qua, đã có nhiều cách hiểu khác nhau.

Trên tạp chí “Nguồn sáng dân gian” số 18, trong bài *Yêu lấy thầy hay yêu kính thầy* ông Lê Tuyên có giới thiệu cách hiểu của một số người. Họ dựa theo dị bản:

“Muốn sang thì bắc cầu kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”

“Sang” ở đây là sang trọng, cầu là quả cầu, kiều là cô gái đẹp. Ý cả câu: Muốn sang trọng thì phải bắt lấy trái cầu kiều của cô con gái đẹp con nhà giàu liệng ra khi kén chồng (tích gieo cầu). Cũng giống như vậy, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy. Ông Lê Tuyên phản bác: Cách hiểu này không ổn, vì ngày xưa, nhân dân ta không hề dạy con đi kiếm vợ giàu sang để mà nhờ cậy và được sang trọng.

Cũng bài đó, ông còn giới thiệu một cách hiểu thứ hai: “sang” là đi qua cầu; cầu:

cầu mong; kiêu: vật bắc ngang gác lên hai đầu; cầu kiêu: cây cầu bắc ngang nối tới chỗ mà mình cầu mong ước muốn để cho mình nhờ đó mà tới nơi được. Ý cả câu:

Muốn sang thì phải bắc ngang một cái cầu như mình mong muốn. Cũng như vậy, muốn con hay chữ thì phải yêu lấy thầy. Cách hiểu này theo tôi cũng không ổn vì hiểu cầu Kiêu là cầu mong muốn rất khiến cưỡng, gò bó, không tự nhiên.

Trên tạp chí “Văn hóa dân gian” 1/1996, hai ông Trương Xuân Tiểu và Đức Nguyên có nêu một cách hiểu khác lạ: Sang là qua, cầu kiêu là cầu bằng tre bắc qua sông nhỏ trên những trụ cầu bằng hai cây tre buộc chéo lại với nhau như cái kèo cho nên còn gọi là cầu kèo. Kiểu cầu này có ở Hà Tĩnh, từ cầu kèo mà người ta đọc biến âm ra cầu kiêu. Cách hiểu này có lý hơn nhưng những nơi không có cầu kèo như Hà Tĩnh người ta vẫn đọc là cầu kiêu, thì giải thích như thế nào?

Trên tạp chí “Văn hóa dân gian” số 3/1997, trong bài *Muốn sang thì bắc cầu kiều*, ông Nguyễn Xuân Lạc nêu một cách hiểu khác. Sang là sang trọng. Cầu kiều là cầu đẹp (kiêu ở đây có nghĩa là đẹp). Ý cả câu: Muốn sang thì phải bắc cái cầu đẹp, cái cầu đẹp ấy sẽ làm cho nơi ở, cho cuộc sống con người sang trọng hơn. Kết cấu “muốn, thì” ở hai câu có ý nghĩa tương ứng “sang trọng” ở câu trên và “hay chữ” ở câu dưới đều nằm trong một trường nghĩa.

Cách hiểu này cũng có lý, tuy vậy vẫn có người phản bác: Ai bắc được cầu đẹp? Chỉ có nhà giàu thôi. Chẳng lẽ câu tục ngữ lại chỉ khuyên những nhà giàu có thôi ư? Còn nhà nghèo thì sao?

Trên tạp chí “Văn hóa dân gian” số 3/1997, ông Nguyễn Cảnh Phúc tán thành cách hiểu thông thường lâu nay của nhiều người “sang” là qua, “cầu kiều” là cái cầu. Muốn đi qua một dòng nước, thì người ta phải bắc cầu. Từ chân lý hiển nhiên đó, người xưa khuyên các bậc cha mẹ cần nhớ rằng: Muốn con học giỏi thì phải yêu lấy thầy. Chỗ vướng mắc trong cách hiểu này là: kiêu tiếng Hán là cầu. Vậy chẳng lẽ người xưa lại dùng từ trùng lặp hay sao? (Cầu kiêu là cầu cầu!). Để đảm bảo cho cách hiểu này, ông cho rằng: trong Tiếng Việt ta có rất nhiều từ ghép đẳng lập nửa Hán, nửa Việt như kiểu cầu kiêu. Trong đó nghĩa của từng từ tương đương với nhau, ví dụ: tưởng nhớ, tăng thêm, giảm bớt, sinh động.

Chúng tôi tán thành cách hiểu của ông Nguyễn Cảnh Phúc.

Gái thương chồng đang đông buổi chợ

Trai thương vợ nắng quai chiều hôm

Trên báo Giáo dục và thời đại số 157 (ngày 30/12/2004), ông Phạm Hoài Kế có viết bài: “Tâm lý vợ chồng qua một câu ca dao cổ” bàn về cách hiểu câu “*Gái thương chồng đang đông buổi chợ/ Trai thương vợ nắng quai chiều hôm*”. Chúng tôi không tán thành cách lý giải của tác giả và xin trao đổi như sau:

Ông cho rằng đây là một câu “ca dao Việt”. Không đúng. Đây là câu tục ngữ. Tiêu chí để phân biệt ca dao và tục ngữ là: Ca dao thiên về tình cảm, còn tục ngữ thiên về lý trí. Câu trên rõ ràng thiên về lý trí

Cách lý giải của ông có sự mâu thuẫn. Ở về một “*Gái thương chồng đang đông buổi*

chợ", tác giả cho rằng "Tình thương của người vợ dành cho chồng được đánh giá đúng nhất vào buổi chợ đông" ... Buổi chợ đông biết bao kẻ mua, người bán... có thể nhận định một người phụ nữ nội trợ giỏi giang thông qua cách mua bán của chị".

Vậy là ông hiểu về này theo nghĩa đen (tức chỉ hiểu được tình thương người vợ vào một buổi chợ đông).

Ở vế hai: "Trai thương vợ nằng quái chiều hôm" ông cho rằng "Tình yêu của phái mạnh mang sắc thái khác, thường lặng lẽ: "Đàn ông nông nổi giéng khơi". Chẳng nhiều lời, như chút nắng cuối ngày lóe lên mãnh liệt, cháy hết mình trước khi chiều buông xuống"

Vậy ông hiểu về này theo nghĩa bóng.

Không bao giờ có thể hiểu được một câu tục ngữ một vế theo nghĩa đen, một vế theo nghĩa bóng, mà phải hiểu theo một nghĩa thống nhất mới chính xác.

Về ý nghĩa của câu tục ngữ, ông cho rằng: "Gái thương chồng đối với trai thương vợ, cùng là thương nhưng thể hiện 2 màu sắc tâm lý khác nhau bởi vợ và chồng tuy là hai mà một; như âm, dương giao hòa; như nhật nguyệt tìm nhau để tạo ra bình minh - hoàng hôn; như 2 nửa vầng trăng tìm nhau để tình yêu đến độ trăng tròn, viên mãn. Nhưng vợ chồng tuy 1 mà là 2, bởi họ là 2 thực thể khác nhau; 2 giới tính khác nhau; bổ sung cho nhau như điện tử âm quay quanh điện tử dương để tạo ra nguyên tử". Nghĩa là theo ông Phạm Hoài Kế, ở câu này, người xưa cho vợ rất thương chồng và chồng cũng rất thương vợ (vậy mới có "sự viên mãn" theo cách diễn đạt của tác giả).

Chúng tôi hiểu khác:

Vế 1 phải hiểu theo nghĩa bóng (tức là sự so sánh): *Gái thương chồng (như) đang đông buổi chợ*. Đang đông buổi chợ là lúc nhiều người nhất, hàng hóa nhiều nhất, mua bán sôi nổi nhất. Vậy người xưa đánh giá: Gái rất thương chồng.

Vế 2 cũng phải hiểu theo nghĩa bóng: *Trai thương vợ (như) nằng quái chiều hôm*. Nằng quái - có nơi còn gọi là nằng ma, là cái nắng cuối ngày nhạt nhẽo, yếu ớt. Vậy người xưa đánh giá: Trai thương vợ ít, không sôi nổi, trầm thiết như gái thương chồng. 2 vế câu tục ngữ này rõ ràng nêu 2 ý tương phản

Qua đây, người xưa muốn khái quát cách thương của 2 phái trong xã hội cũ, hàm ý khen gái và chê trai. Tất nhiên đây là sự khái quát trên nét lớn, trong thực tế có thể có gái ít thương trai và có trai rất thương gái nhưng đó không phải sự phổ biến. Câu tục ngữ có dụng ý khuyên trai nên thương vợ như gái thương chồng, có thể mới hợp đạo lý, mới đem đến hạnh phúc trọn vẹn.

1. Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê.



Minh họa: DIỆP THANH

Câu đố về trái tim phụ nữ

YPENDRANATKH ASK

■ Nhà văn Ypendranatkh sinh ra trong một gia đình viên chức đường sắt nên từ bé ông theo gia đình sống ở nhiều nơi trên đất nước Ấn Độ, được tiếp xúc với cuộc sống của nhiều người nghèo. Năm 1931 ông thi vào trường sư phạm, khi tốt nghiệp ông bắt đầu công tác với các tòa báo. Ban đầu là thơ và sau là văn chương. Ông theo trường phái hiện thực và phản ánh cuộc sống của những người phía dưới, bên lề vực họ. Nhiều tác phẩm của ông được dịch ra nước ngoài. Năm 1972, ông được trao giải thưởng Dgiavakharla Neru là giải thưởng hàng năm cho các nhà hoạt động văn hóa lớn

Ramdail là một diễn viên thực thụ. Anh có khả năng nhập vai tuyệt hảo. Ngay lúc còn trong trường trung học, nhờ khả năng này anh đã có tiếng tăm và bây giờ khi trở thành diễn viên điện ảnh thì tên tuổi của Ramdail được mọi người nói đến khắp nơi. Sau khi kết thúc bậc trung học, anh

được một trong những xưởng phim của Bombay mời, rồi nhanh chóng được coi là một diễn viên tài năng của Ấn Độ. Khán giả rất hâm mộ diễn xuất của anh. Vinh quang đến với Ramdail. Anh là người có tài và rất háo danh. Trong mỗi vai, mỗi hình mẫu sáng tạo của Ramdail có cái gì đó bất khả giả phải đứng phắt dậy từ chỗ ngồi và reo to: "Bravô", sau đó họ còn bình phẩm mãi vai diễn của anh.

Hai tháng trước, anh lấy vợ. Đôi vợ chồng sống trong căn nhà không lớn ở ngoại ô Bombay. Trước đây, Ramdail đã từng là một người nghèo, còn bây giờ anh không thiếu thứ gì. Cái chính là việc gì phải nghĩ đến đồng tiền? Anh lấy vợ là con một gia đình giàu có. Vợ của Ramdail xinh đẹp, có học. Thượng đế đã truyền sinh lực vào tâm hồn khô héo của Ramdail, mang đến cho anh vinh quang và giàu có liên tục. Từ bầu trời thối đến những làn hơi ẩm ướt đầy sinh khí cho mảnh đất khô héo và làm thoả mãn cơn khát của Ramdail. Trời nhá nhem. Bóng tối trở nên dài rộng hơn, dường như nó bị ném ra trên mặt đất này bởi một vị thần linh nào đó. Ramdail ngồi trên ghế ở cửa thư viện mê mẩn đọc. Trời sấm rền.

Người hầu ấn nút, trong một khoảnh khắc, tất cả gian phòng bừng sáng. Ramdail lau chiếc kính mắt bằng khăn tay rồi tiếp tục đọc. Anh đang đọc tạp chí viết cho phụ nữ. Ramdail ngẫu nhiên vớ được và đọc lướt qua, nhưng tạp chí này có một bài viết khá hay làm cho anh không dừng lại được mà phải đọc cho đến hết. Không, bài báo không viết về một diễn viên nào. Ở đây, tác giả không viết về nghệ thuật nhập vai. Đó chỉ là một mẫu nhận xét chân thực, tác giả thể hiện quan điểm không bình thường về một đặc điểm của tính cách phụ nữ như sau: "Phụ nữ được tạo ra cho tình yêu. Họ sẵn sàng hy sinh tất cả cho người yêu. Nàng có thể quỳ xuống trước người đàn ông. Nhưng nếu bị từ chối, người phụ nữ, để thoả mãn những khát khao tình yêu của mình, sẽ tìm kiếm một con người nào đó, bất kỳ, hoặc một vật vô tri vô giác. Chúng không khác nhau khi người phụ nữ cần thiết, để dâng hiến tình yêu. Định luật của tạo hoá là như vậy". Ramdail đứng dậy, suy nghĩ một cách sâu sắc rồi rời thư viện. Dưới ánh đèn điện xanh biếc, phố xá nom đom đống như cô gái sắp cưới. Tâm hồn buồn bã, Ramdail đi dọc phố. Nhìn anh bây giờ, anh có thể tượng được nó chính là người nghệ sĩ lừng danh được cả Ấn Độ thán phục.

Vợ của anh - Urmila - là một phụ nữ tài sắc lạ thường. Ở cô ta dường như thể hiện một mẫu người lý tưởng về sắc đẹp của phụ nữ. Thượng đế đã ban cho cô một giọng nói diệu kỳ. Cô còn là hiện tượng hiếm có của âm nhạc, và những điều đó làm cho cô thành người phụ nữ tuyệt vời. Khi cô nghiêng đầu và những ngón tay mềm mại lướt trên phím đàn Xita, tâm hồn người phụ nữ bừng dậy, rộng mở những cánh cửa bí mật, tràn ngập trong không gian một âm thanh huyền diệu. Ramdail say đắm Urmila, cô cũng yêu chồng bằng tất cả tâm hồn và trái tim. Họ tự hào vì nhau, nhưng không có lẽ điều đó kéo dài vĩnh viễn? Vâng, có điều gì vĩnh cửu trong thế giới phi lý này. Sự hoài nghi giống như một cơn sóng thần bất ngờ ập vào, trong chớp mắt bẻ gãy mọi chồi non của tình yêu chưa được cứng cáp. Urmila ngồi trong phòng tiếp khách. Cô ta chờ Ramdail. Bên nhà đối diện, hôm nay, xuất hiện một chàng trai trẻ nào đó. Urmila tò mò nhìn anh ta. Cô lắng nghe bước chân

trên cầu thang xem có phải chồng mình hay không, nhưng cặp mắt vẫn hướng về người láng giềng trẻ tuổi. Ngôi nhà đối diện, một thời gian vắng khách, nay có ai đó đã thuê và một hai lần trong ánh điện thấp thoáng bóng người trẻ tuổi. Đường như anh chàng bị xúc động bởi điều gì ghê gớm và sống không bình an.

Đồng hồ điểm 9 giờ. Nhà đối diện tắt đèn, Urmila cảm thấy cô độc khủng khiếp. Nàng cầm lấy chiếc Xita. Những ngón tay dịu dàng lướt trên phím đàn, môi mấp máy và trong tĩnh mịch vang lên giai điệu một bài hát buồn thảm: *"Tình yêu của tôi! Đôi mắt của tôi/ Xa hơn cả sự xa thẳm của bầu trời"*

Trong bài hát, nghe thấy nỗi buồn, sự dịu dàng và khát khao tình yêu. Đó là lời cầu nguyện say đắm được bật ra từ trái tim.

Urmila quên hẳn mình trong bài hát và không nhận ra chồng nàng đã đứng trước ngưỡng cửa phòng khách, ngắm nàng rất lâu. Nàng hát và quên tất cả thế giới này. Cặp mắt chăm chú hướng vào Xita, thanh âm chìm lấp trong những âm vang huyền ảo. Ramdail cau mày, im lặng quay vào phòng. Ở phòng ăn, anh bảo người phục vụ mang đồ ăn tối, ăn bữa tối rồi vào đi ngủ. Còn Urmila tiếp tục hát, không gian vang vọng mãi bài hát trầm buồn của cô.

Người chồng thương yêu của nàng, thượng đế của nàng, đến và đi, còn nàng đã mang đến cho thượng đế của mình lời cầu nguyện này. Tất cả, nàng cầu nguyện và mãi cầu nguyện cho chàng.

Ngày hôm sau, Ramdail trở về muộn. Urmila vội vã mang nước đến để chồng rửa ráy. Nàng đã nhận ra chàng không hài lòng vì điều gì đó.

- Anh đã ở đâu lâu thế? - Urmila hỏi. Ramdail im lặng không trả lời.

Urmila mang chiếc bình nước đến cho chồng. Trong nhà có hai người phục vụ, nhưng từ khi lấy chồng, Urmila luôn tự tay chăm sóc chồng. Buổi chiều, khi Ramdail về nhà, Urmila luôn giúp chồng lau rửa, mang thức ăn đến và hỏi han tin tức mới trong xưởng phim. Lần này, Ramdail thậm chí không mấp máy môi. Urmila đứng trước chồng và im lặng nhìn anh ta đang căng người trong cái giận. Trái tim nàng đập mạnh. Trong đầu xuất hiện hàng nghìn câu hỏi ngạc nhiên. Nàng muốn trao đổi với chồng nhưng sợ hãi như thể anh ta sắp mắng nàng nên lại im lặng. Ở đâu đó, trong sâu thẳm của Urmila, leo lét hy vọng, nhưng cảm giác tuyệt vọng đã chế ngự cô. Khi sự hoài nghi bao trùm tâm hồn con người, nó luôn đi cùng với thất vọng chán chường, hy vọng vượt mất như một ảo ảnh.

- Công việc của anh tốt đẹp cả chứ? - Urmila đánh bạo hỏi.

- Im.

- Anh!

- Tôi bảo: im!

Urmila cứng người, thất vọng bao trùm và đánh mất sự dũng cảm cuối cùng.

Cô nhớ lại mới chiều hôm qua, không có lẽ chỉ vì say đắm bài hát, không nhận ra chồng mà anh ta giận dữ đến thế! Nàng không thể hiểu được. Lẽ ra anh ta phải

vui mừng vì nàng yêu bài hát đến thế. Không, vấn đề không phải như vậy. Có thể chàng căm ghét vì chuyện khác. Có thể cãi nhau với ai đó, hay là chuyện gì rủi ro chẳng. Đầu óc nàng cứ o o vì những phán đoán đó.

- Nếu em, nô lệ của anh, có lỗi vì việc gì đó, mong anh tha thứ.

Nàng quỳ xuống, gục đầu trước chân chàng. Ramdail bỏ vào phòng và Urmila ngã sấp mặt xuống sàn.

Urmila úp mặt xuống sàn, khóc, rất lâu. Nàng không thể tin rằng chồng nàng đã thay lòng đổi dạ vì một điều vớ vẩn nào đó. Cho đến chiều hôm qua, anh ta vẫn không có một lý do nào để quở trách nàng. Thậm chí anh có méch lòng vì một chuyện vớ vẩn nào đó, thì việc gì phải xúc phạm nàng?

"Có thể một nữ diễn viên nào đó đã mê hoặc anh ta chẳng?" - Nàng nghi ngờ nhưng không tin chuyện đó. Đầu Urmila nặng như chì. Tất nhiên, Ramdail có thể say mê một ai đó nhưng Urmila cho là thật đáng xấu hổ khi nghĩ về chuyện đó. Tại sao nàng không hỏi vì điều gì mà chồng nàng không chú ý tới nàng? Phải chăng nàng không có quyền để ý đến chàng? Phải chăng họ không là vợ chồng? Với ý nghĩ đó, nàng đứng dậy từ sàn nhà. Nàng cảm thấy mình có một sức mạnh mới. Bây giờ Urmila sẽ đi gặp và hỏi chồng vì điều gì giận dữ, đừng đi đâu khi chưa giải thích lý do, hoặc anh ta sẽ cười xoa, ôm lấy nàng và nói: "Đúng, anh trêu em một tí, thế thôi".

Nàng chậm chạp đi vào buồng Ramdail. Anh đang nằm. Trên mặt anh đọng lại một nụ cười. Chỉ có thượng đế mới biết đó là sự đau khổ không thể hiện hay là niềm vui ngấm ngấm.

Nàng khó nhọc bước vào phòng. Ramdail trở dậy và ra khỏi phòng. "Đi nghỉ đi và đừng có động vào tôi!" - Ramdail nói với giọng hung dữ.

- Phải chăng...

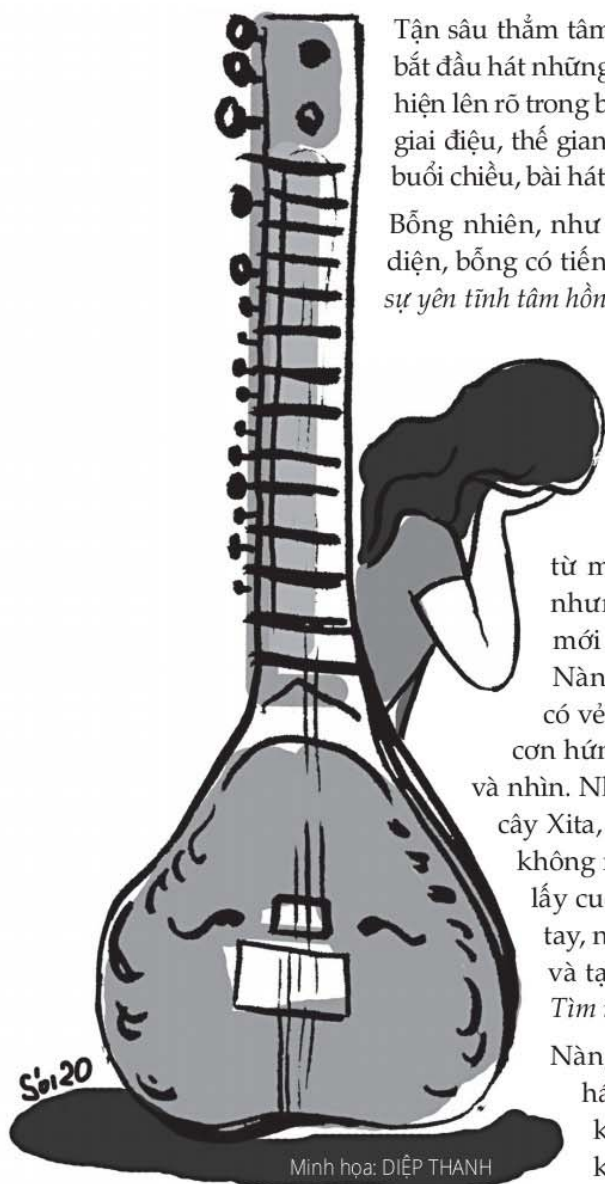
- Tôi bảo: đi ngay!

Urmila chết lặng tại chỗ, cứ như thể bà phù thủy chạm vào người cô chiếc đĩa thần. Sự cương quyết mới có cách đây không lâu biến mất. Nàng không thể và không muốn hỏi nữa. Tất cả mọi ý nghĩ bay ra khỏi đầu: những gì nàng chuẩn bị hỏi tại sao anh ta buồn, những cơn giận dữ vô lý, đề nghị tha thứ...

Nàng im lặng quay về phòng và suốt đêm vật vã trên đệm, cố gắng thiếp đi. Nhưng giấc mơ không đến.

Từ dạo đó, tháng ngày đi như bay. Ramdail hầu như vắng nhà. Cùng với hai nữ phục vụ, Urmila tăng thêm người thứ ba. Tất cả họ đều trêu gan nàng. Nàng không cần sự săn sóc của họ. Nàng cần tình yêu, mà tình yêu thì không có trong cuộc đời.

Mùa mưa phùn đã đến. Bầu trời bao phủ những đám mây. Gió lạnh thổi và vang vọng khắp nơi những tiếng kêu của một loài sếu. Từng trận gió ập vào nhà. Nhưng nó không mang đến niềm vui mà là nỗi buồn xộc thẳng vào tim



Tận sâu thăm tâm hồn thoát ra tiếng thở dài. Nàng nhắc cây Xita và bắt đầu hát những lời về sự chia ly. Những gì u ẩn trong tâm hồn nàng hiện lên rõ trong bài ca này. Không gian chập chờn vì âm thanh. Ngoài giai điệu, thế gian này không tồn tại đối với nàng. Trong im lặng của buổi chiều, bài hát của nàng dường như chứa toàn bộ thế giới.

Bỗng nhiên, như là để trả lời thanh âm của cây Xita, bên nhà đối diện, bỗng có tiếng hát: *"Không có người, tình yêu của tôi/ Tìm nơi đâu sự yên tĩnh tâm hồn"*

Ai đó đã mở được tâm hồn Urmila và đọc được trong đó điều bí mật của nàng. Đó là ý nghĩa của bài hát. Kinh ngạc, quên hết mọi sự trên đời, nàng để ý sang âm thanh. Giọng hát mới huyền diệu làm sao! Lời ca được hát bằng cả tâm hồn như thể xé rách lồng ngực để thoát ra. Đã từ một tháng nay, bên nhà đối diện nghe tiếng Xita, nhưng Urmila không chú ý tới họ. Hôm nay chỉ có trời mới biết tại sao trái tim Urmila lại bị bài hát quyến rũ... Nàng muốn ngồi bên cạnh cửa sổ, nhưng ngồi ở đây có vẻ giống một tên trộm không kinh nghiệm. Nàng sợ cơn hứng của mình. Dù vậy, nàng vẫn đến bên gần cửa sổ và nhìn. Nhưng ngồi ở đây là để nhớ về chồng. Urmila nhắc cây Xita, đặt nó vào chỗ cũ để khi người đó cất tiếng hát không nghĩ là nàng đáp lại anh ta. Một lần nữa, nàng vớ lấy cuốn sách nào đó bắt đầu đọc. Nhưng sách rơi khỏi tay, nàng hình dung chữ cái trong mỗi dòng nhảy múa và tạo thành câu chữ: *"Không có người, tình yêu của tôi/ Tìm nơi đâu sự yên tĩnh tâm hồn"*

Nàng ném sách và nằm dài trên ghế tựa. Và cái giọng hát, vẫn hát. Bài hát tràn ngập tâm hồn nàng. Để tìm mình, nàng cầm lấy Xita sờ vào những sợi dây, khe khẽ hát. Từ từ, giọng lời ca trở nên to dần và vang lên: *"Không có người, tình yêu của tôi/ Tìm nơi đâu sự yên tĩnh tâm hồn"*

Bất ngờ bài hát dừng đột ngột và không gian âm thanh huyền ảo biến mất. Nàng đứng dậy, tiến đến bên cửa sổ. chàng trai đang giữ trong tay cây đàn Xita và lắng nghe cô gái hát: Niềm vui tràn ngập trong nàng, niềm vui chiến thắng! Trong khoảnh khắc này nàng quên tất cả: Ramdail, tình yêu của nàng với anh ta và những gì mà nàng đang thiếu hụt. Trong đầu chỉ có một ý nghĩ: Nàng đã chiến thắng.

Từ dạo đó, mỗi ngày trong không gian vang lên hai bài hát. Hai con người bất hạnh thể hiện sự cảm thông với nhau thông qua âm nhạc, phơi bày nỗi buồn của mình.

Một tháng đã trôi qua, Ramdail đóng phim mới và thỉnh thoảng làm việc ở xưởng cả ban đêm. Trong những ngày này, Ramdail chỉ về nhà có một lần. Trái tim Urmila đập mạnh. Nhưng không giống sự hồi hộp lần trước. Trước kia, nàng bắt đầu lo lắng chỉ từ suy nghĩ Ramdail có thể giận nàng, bây giờ Urmila lo mỗi một điều làm thế nào để anh ta không biết cái gì đã xảy ra trong tâm hồn nàng - làm thế nào để anh ta không ở nhà suốt đêm và không ngăn cản cuộc hẹn hò bằng âm nhạc kia với người hàng xóm. Đã đến tuần lễ cuối cùng của tháng 10. Ramdail về nhà. Urmila quyết định thậm chí không thèm nhìn ngó gì đến chồng. Ramdail không đá động đến nàng. Sau một giờ, anh ta ra đi, dặn lại người hầu: "Tôi sẽ không thể ở nhà trong 1 tháng tới. Phải thu thanh lại một lần nữa". Sau khi Ramdail ra đi, Urmila thở phào nhẹ nhõm, giống như hòn đá trĩu nặng rời khỏi ngực. Nàng không thể kể tất cả cho Ramdail nghe vì chắc gì chàng sẽ hiểu. Nước bao giờ cũng chảy xuống chân núi chứ không bao giờ chảy lên đỉnh núi. Ramdail bây giờ ở rất xa nàng, còn chàng trai nghệ sĩ thì ở đây, thật gần. Trái tim của Urmila hướng về chàng. Trong ngày hôm đó, Urmila bắt đầu cất tiếng hát, một bài hát mới mà trong đó, bên cạnh nỗi buồn da diết hàm ẩn niềm vui mới. Bây giờ nàng hay hát ở ngoài hiên chứ không ở trong phòng. Từ phòng đối diện vang lên bài hát trả lời. Giai điệu quấn vào nhau. Và trái tim họ gặp gỡ. Buổi chiều đến gần. Urmila đi dạo trong vườn. Cái nhìn của nàng hướng về nhà đối diện. Nàng mong rằng chàng trai không quen sẽ xuất hiện trong vườn và nàng sẽ kể cho chàng biết điều đau khổ trong tâm can mình. Nàng chỉ có một mình. Hoàng hôn đặc quánh lại, trong đó hoà tan những ráng hang cuối cùng của ngày.

Trời trở lạnh. Thiên nhiên mơ màng. Một cảm giác khó chịu nào đó bao trùm lấy Urmila. Nàng ngồi trên ghế băng, hát không thành tiếng: "*Khi nào đôi mắt của em/ Lại nhìn thấy anh lần nữa?*".

Giọng của nàng to dần và bài hát vang lên trong màn đêm sẫm tối. Bỗng nhiên có ai đó đến gần nàng từ phía ngoài phố, chạm khẽ vào vai nàng.

- Chị hát hay quá

Trong bóng đêm, Urmila có thể nhìn thấy người đã đến gần nàng. Đó là một chàng trai đẹp, ăn mặc lịch sự, hàng ria nhỏ, tóc dài được cắt theo một thời thượng. Anh ta mặc sơ mi lụa.

Urmila nhìn trộm anh ta. Trái tim thì nói: hãy chạy đi, còn đôi chân cứ như gắn chặt xuống đất. Nàng giống như con chim nhỏ bay trộm tới cái chuồng mà trong đó có những hạt kiều mạch vút tung toé. Như vậy đấy, sẽ đến...

- Giọng chị thật kỳ diệu!

Urmila ngược mắt nhìn chàng trai và mỉm cười. Chàng trai mỉm cười đáp lại

- Tất cả là nhờ có anh, tôi còn lâu mới đạt được nghệ thuật của anh - nàng nói. Anh ta bật cười:

- Anh sống một mình à?

- Vâng.

- Thế còn vợ anh?

Chàng trai nói gần:

- Vợ ư? Trong thế giới này tôi chỉ có một mình, không yêu ai mà cũng không cần ai.

Giọng chàng trai run rẩy. Urmila thấy anh ta xanh xao, gương mặt buồn vô hạn. Làn sóng đồng cảm vỗ về nhẹ trong nàng. Mắt nàng đầm lệ.

Chàng trai nhảy qua hàng rào, đến bên ghế và ngồi cạnh. Urmila muốn ngồi xa ra một chút nhưng rồi lại thôi.

Chàng cầm lấy tay thiếu phụ. Urmila run rẩy vì hồi hộp. Nàng muốn rút tay lại. Mắt chàng trai rớm lệ. Nàng để tay lại trong tay chàng. Chàng nói: "Tôi hy vọng rằng tôi sẽ đến đây, chỉ có hai ta với nhau thôi và tôi sẽ hát những ca khúc của mình để lãng quên nỗi buồn thảm của tôi. Tôi không thiếu tiền bạc, vinh quang nhưng tất cả đã không mang lại bình yên cho tâm hồn. Khi tôi chơi Xita, tâm hồn tôi trở nên ấm áp và thanh thản. Nhưng giờ đây, Xita không còn mang lại cho tôi niềm vui sướng nữa..."

Tất cả đều rất dễ hiểu đối với Urmila. Nàng, một lần nữa, thử rút khỏi tay chàng. Chàng trai không buông ra và bất thành linh ôm choàng người phụ nữ, đặt lên những cái hôn thêm khát. Urmila đỏ mặt, giật tay ra và bỏ chạy.

- Khi nào tôi lại gặp chị lần nữa? - chàng hét to theo.

Urmila không trả lời. Nàng chạy vào buồng, lăn ra giường và khóc. Con chim đã mắc bẫy, giẫy giụa ở trong đó, gắng tìm cách thoát ra. Nàng nằm lâu, khóc và nhớ lại việc chồng đã xử tệ bạc với mình như thế nào. Mặc dù vậy, Urmila vẫn thấy sự việc vừa rồi thật xấu xa tệ hại, ngọn lửa ăn năn cháy leo lét. Urmila muốn rằng Ramdail sẽ đến, ngồi bên cạnh, âu yếm nàng và nàng có thể quỳ xuống khóc, khóc thật lâu để có thể làm tan trái tim băng giá của Ramdail.

Nàng đứng dậy, bước vào thư viện của chồng. Trong cái góc nhỏ, đặt trên bàn là tấm chân dung của chồng. Urmila cầm lấy, thẩn thức, hôn bức ảnh mấy lần.

Tiếng động của những bước chân cắt đứt dòng suy nghĩ. Urmila chuẩn bị gặp chồng với trái tim trong sáng. Tâm hồn nàng trở nên thanh khiết. Tình yêu chân chính đã làm Urmila trắng trong trở lại.

Nàng lấy nước trong bếp và mang đến cho Ramdail. Trong mắt hãy còn lệ, tim tràn ngập tia hy vọng. Nàng nhìn chồng, anh ta cầm lấy ca nước rửa ráy và sau đó ra lệnh cho Urmila đi ăn tối. Khi Urmila mang đồ tráng miệng đến, người chồng ôm lấy nàng, đặt vào miệng nàng một miếng bánh ngọt. Urmila cháy lên niềm hạnh phúc. Nàng ngước cặp mắt và nhìn. Ramdail ngồi ở tư thế đó, còn nàng như là đã đứng và đang đứng trước mặt anh ta với một cốc nước trong tay. Tia hy vọng tắt ngấm. Mọi ước mơ tiêu tan. Chỉ còn lại sự thật cay đắng và khủng khiếp. Ramdail hất đầu ra lệnh cho vợ lui ra. Nàng im lặng phục tùng. Đó là chuyển động không phải của cơ thể sống mà là của con búp bê gỗ theo lệnh chủ. Nàng quay trở lại phòng, đặt chiếc cốc xuống bàn, gục xuống sàn, đau khổ khóc. Thậm chí cái sàn nhà lạnh lẽo và câm lặng cũng đồng cảm với nàng. Nàng áp chặt vào và khóc cho vợ

bớt nổi khổ. Đã vài ngày nàng không ra khỏi phòng. "Tôi sẽ không ở nhà hai tuần lễ - Ramdail nói với người phục vụ - hãy để ý làm tốt công việc". Vì sự nhần tâm của chồng, những giọt lệ trên mắt nàng không khô đi. Nàng đang chìm dần trong biển tội lỗi, còn chồng thậm chí không thêm động tay để cứu. Làn sóng tràn vào nàng, còn anh chồng bình thản vô cảm, đứng trên bờ theo dõi nàng đang chết dần.

Từ nhà hàng xóm lại vang lên những bài hát thắm đậm nỗi buồn da diết và đau khổ. Urmila với một tâm hồn nhạy cảm âm nhạc như vậy, tràn ngập xúc động. Nhưng nàng không chạy ra khỏi phòng. Buổi chiều đã đến, chàng trai hát những bài ca không vui của mình. Trái tim Urmila cảm thấy hết những âm sắc giọng hát. Nàng đứng dậy và đi ra phòng khách. Cây Xita của nàng nằm ở góc như một vật thể lơ lửng yếu đuối. Bụi bao phủ cây đàn. Nàng lại gần Xita, phúi sạch bụi, xúc động cực điểm, hôn lên cây đàn. Những giọt lệ ướt hai bên má. Chàng trai lảng giềng lại hát: "*Ở đâu lối của tôi/ Ta âu yếm bằng điều gì?*"

Urmila thở dài, những ngón tay nàng run rẩy lướt trên dây đàn. Vô tình, nàng bắt đầu đàn giai điệu: "*Ở đâu lối của tôi/ Ta âu yếm bằng điều gì?*"

Khi tiếp tục hát, chàng trai ra khỏi nhà, nhảy qua hàng rào và ngồi vào ghế với Urmila. Nàng tiếp tục đàn, chàng hát. Có thể chàng chưa bao giờ hát hay như vậy còn nàng chưa bao giờ chơi tuyệt diệu như vậy. Giai điệu bài hát và thanh âm cuốn vào nhau dường như là kẻ với họ về tình yêu.

Bài hát kết thúc. Chàng trai mạnh mẽ ôm nàng và hôn. Urmila tránh né, chàng lại một lần nữa ôm lấy nàng. Nàng dứt ra và thứ bỏ chạy. Chàng trai đặt nàng ngồi xuống, bắt ngờ tháo mép và tóc giả. Trời đã tối. Trong ánh hoàng hôn mờ mờ, Urmila thấy - trước mặt mình chính là chồng nàng đang cười nhạo bóng. Urmila xanh xao, tím mặt.

- Thật khó khăn anh mới lừa được em!

Ramdail thốt lên, ôm nàng vào lòng và vui mừng với chiến thắng.

Ai có thể nghĩ được rằng, anh ta, bằng kinh nghiệm bản thân đã quyết định chứng minh tính đúng đắn của một phán đoán về tính cách phụ nữ đã đọc trong một bài báo cách đây 2 tháng.

- Tôi sẽ quay lại ngay - Urmila nói và bỏ chạy vào buồng riêng.

Một vài khoảnh khắc trôi qua. Ramdail ngồi và nhìn trong những suy nghĩ của mình. Tiếng kêu từ phòng Urmila cắt ngang dòng suy nghĩ. Anh ta nhảy bổ vào và thấy Urmila đã tự đốt quần áo mình. Ngọn lửa tàn nhẫn đang bình thản trùm lên người nàng.

Ramdail kêu to khủng khiếp lao vào cứu vợ. Anh đã làm tất cả để giúp vợ nhưng muộn rồi! Thi thể Urmila đã cháy lên trong ngọn lửa tang lễ, còn Ramdail ngồi như phỗng đá bên cạnh, suy nghĩ về điều ngu xuẩn mà mình đã làm thử giải đáp câu đố kia - câu đố về trái tim phụ nữ.

NGUYỄN THIÊN VIỆT (dịch)



Chủ tịch Hồ Chí Minh trong một buổi làm việc cùng ông Võ Khắc Minh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Giám đốc Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh (người cầm sổ ghi chép) và lãnh đạo Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh tại Hà Nội

Rạng rỡ những trang sách vàng

BÙI THỊ NGỌC

(Giám đốc Nhà xuất bản Nghệ An)

Nghệ Tĩnh không chỉ là vùng địa linh nhân kiệt mà còn nổi tiếng về truyền thống lịch sử, cách mạng, văn hóa lâu đời. Chính vì vậy, giữa năm 1980, nhận thấy sự cần thiết phải thành lập một nhà xuất bản, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trình và được Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép thành lập Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh vào ngày 12/9/1980. Ông Võ Khắc Minh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh được Tỉnh ủy giao kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh đã nêu rõ tôn chỉ mục đích của Nhà xuất bản: Là cơ quan chính trị tư tưởng, văn hóa của Đảng bộ và Nhân dân Nghệ Tĩnh; là nhà xuất bản tổng hợp, phục vụ sự nghiệp chính trị, tư tưởng, văn hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí tỉnh nhà.

Không thể kể xiết muôn vàn khó khăn, gian khổ của những ngày hoạt động đầu tiên, thiếu thốn từ cơ sở vật chất đến con người, đặc biệt là thiếu cán bộ chuyên môn (lãnh đạo đến cán bộ, nhân viên chưa ai trải qua trường lớp về xuất bản),... Nhưng vượt lên những thách thức đó, những cuốn sách đầu tiên vẫn được trình làng thật sự ấn tượng: *Bà mẹ mùa xuân* (truyện dài), *Thường thức thơ viết về Bác Hồ* của nhà thơ Minh Huệ, *Ký ức đồng chiêm* của nhà thơ Trần Hữu Thung, *Năm thế kỷ văn Nôm người Nghệ* của nhà nghiên cứu Thái Kim Định,... Tiếp đến là những ấn phẩm tạo được nhiều dấu ấn của các văn nghệ sĩ tình nhà trong những năm 1980 - 1990: *Bí mật trên đồi hổ táng* (Bá Dũng), *Hai giọt sương* (Hồng Nhu), *Sen lên* (Xuân Hoài), *Gánh buổi qua sông* (Ninh Viết Giao), *Xuân quê hương* (Nguyễn Sĩ Cẩn), *Nhịp cầu nối những bờ vui* (Phan Văn Từ),...

Từ năm 1991, Nghệ Tĩnh được tách thành hai tỉnh, Nhà xuất bản Nghệ Tĩnh được đổi tên thành Nhà xuất bản Nghệ An, vẫn giữ nguyên tôn chỉ mục đích, tiếp tục làm nhiệm vụ xuất bản cho cả xứ Nghệ (vì Hà Tĩnh không thành lập Nhà xuất bản).

Trải qua 40 năm, với nhiều thay đổi về cơ quan chủ quản (từ Tỉnh ủy đến Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông và nay là UBND tỉnh), các thế hệ cán bộ, viên chức, lao động Nhà xuất bản Nghệ An luôn cần mẫn, nhiệt tình, hăng say với công việc. Kết quả của sự miệt mài ấy là sự gia tăng rõ nét của số đầu sách hàng năm, đặc biệt là xuất bản nhiều bộ sách đồ sộ có giá trị lớn như: *Bộ sách về văn học nghệ thuật Nghệ An thế kỷ XX*, *Văn Hồ Chí Minh*, *Thơ Hồ Chí Minh*, *bộ Kho tàng về xứ Nghệ* (9 tập), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*, *bộ Nghệ An toàn chí*, *Nghệ An đất phát nhân tài*, *Đất Nghệ*, *Người Nghệ*, *Nghệ An - Những con người tiêu biểu*, *Biên niên lịch sử Đảng bộ tỉnh Nghệ An (2005 - 2015)*; *Phan Bội Châu ở Nhật Bản*, *Từ điển Thái - Việt*; *Thạch Quỳ - Tuyển tập thơ*, *Tuyển tập La Quán Miên*, *Vinh xưa*,...

Đến nay, Nhà xuất bản Nghệ An đã thực sự trở thành địa chỉ tin cậy cho các đồng đội ngũ tác giả và độc giả trong cả nước. Có được thành quả to lớn đó, chúng tôi - các thế hệ cán bộ, viên chức, lao động của Nhà xuất bản rất biết ơn sự quan



Một số đầu sách tiêu biểu trong bộ sách VHNT Nghệ An thế kỷ 20



Các thể hệ các bộ, viên chức, người lao động Nhà xuất bản Nghệ An qua các thời kỳ

tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, UBND tỉnh cùng các ban, ngành, địa phương trong tỉnh. Đặc biệt, xin được tri ân đội ngũ tác giả, cộng tác viên,... đã luôn đồng hành và chung thủy với Nhà xuất bản Nghệ An trong suốt 40 năm xây dựng và trưởng thành.

MỘT SỐ THÀNH QUẢ TIÊU BIỂU CỦA NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN TRONG 40 NĂM (1980 - 2020):

- Xuất bản hơn 5.000 đầu sách, với gần 2.000.000 bản sách thuộc các đề tài: Lịch sử, chính trị, văn học nghệ thuật, nghiên cứu, khoa học,... cùng hàng vạn bản văn hóa phẩm, lịch bloc,... phục vụ cho nhân dân trong tỉnh và cả nước.
- Xuất bản hơn 500 đầu sách về Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia thế, góp phần quan trọng trong việc giới thiệu, quảng bá về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đến với nhân dân trong nước và nước ngoài. Màng sách về đề tài Bác Hồ đã làm nên thương hiệu của Nhà xuất bản Nghệ An.
- Hàng trăm đầu sách của Nhà xuất bản Nghệ An đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao quý trong và ngoài tỉnh như: Giải thưởng VHNT Hồ Xuân Hương, Giải thưởng VHNT Nguyễn Du, Giải thưởng "Sáng tác và quảng bá về đề tài Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", Giải thưởng Khoa học Công nghệ, Giải thưởng Sách Việt Nam, Giải thưởng Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh,...
- Tham gia gần 100 cuộc hội chợ, triển lãm sách trong và ngoài tỉnh; tổ chức hàng chục cuộc giới thiệu sách, nói chuyện về sách. Hằng năm, cùng Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các cuộc tặng sách cho trường học, đồn biên phòng... trong tỉnh, góp phần quan trọng trong việc phát triển văn hóa đọc sách trong cộng đồng.
- Ghi nhận những đóng góp to lớn của Nhà xuất bản Nghệ An trong suốt 40 năm qua, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, UBND tỉnh Nghệ An đã có nhiều Bằng khen, Kỷ niệm chương dành cho tập thể và cá nhân của đơn vị. Đặc biệt là tháng 9/2020, Nhà xuất bản Nghệ An vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI
CỦA NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN:

“Nguyễn Ái Quốc - Nhà báo không thể”

Cầm trên tay cuốn sách “*Nguyễn Ái Quốc - Nhà báo không thể*” của tác giả Văn Hiến, tôi thực sự ấn tượng với tên sách mà ông đặt cho đứa con tinh thần đã ấp ủ bấy lâu nay của mình.

Cũng như bất cứ tác giả nào viết về Bác, Văn Hiến đã vô cùng thận trọng, công phu để tìm kiếm, sưu tập, chỉnh lý tài liệu có liên quan, từ đó làm căn cứ chọn lựa, phân tích, đánh giá, đưa ra kết luận, khái quát vấn đề cần được nêu nhằm toát lên chủ đề của sách - một cách làm việc vô cùng khoa học.

Mở đầu cuốn sách, tác giả chọn bài “Từ Le Paria đến Việt Nam hồn” chứ không phải là “Vấn đề người bản xứ” - bài báo đầu tiên Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp ngày 02/8/1919 trên báo L’Humanite. Phải tinh tế lắm mới nhận ra điều này. Tác giả muốn nhấn mạnh, không chỉ là người viết báo, Nguyễn Ái Quốc thực sự là một nhà báo đúng nghĩa, một nhà báo “đặc biệt”, vừa là chủ nhiệm, chủ bút, họa sĩ trình bày báo, kiêm luôn thủ quỹ, phát hành,...

Nghề làm báo đã luôn gắn liền với hành trình hoạt động cách mạng của Bác Hồ với tổng số các bài báo mà Người đã đăng tải là trên 2.000 bài. Là nhà báo rất nhạy cảm và năng động, lại chăm đọc, ham tìm hiểu, Người có vốn hiểu biết rất rộng, rất sâu. Phạm vi đề cập của các bài báo rộng khắp, từ Châu Á, Châu Âu, Châu Phi và cả ở Hoa Kỳ. Cái gì Người cũng hiểu biết một cách tường tận. Vì thế, những bài báo của Người hết sức sinh động, mang ý nghĩa xã hội sâu sắc và có sức lan tỏa rất nhanh.

Với Bác Hồ, mục tiêu, động lực viết báo rất rõ ràng. Người căn dặn: Vì ai mà mình viết? Mục đích viết là gì? Viết cho đối tượng nào thì phải xem xét, dùng từ ngữ thích hợp thì mới phát huy tác dụng. Theo Người, viết báo là sáng tạo độc lập chủ quan nên rất dễ sai sót. Người nhắc nhở các nhà báo cần quan tâm, ngoài nội dung thiết thực, chân thực, tác phẩm báo chí phải hay, “lạ”, văn chương. “Cán bộ



báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng... đi sâu vào thực tế, đi sâu vào đời sống quần chúng lao động”.

Bên cạnh những lời dạy, những mẫu chuyện, tư liệu phổ biến, tác giả Văn Hiến công bố thêm một số tư liệu hiếm, lần đầu xuất hiện, gắn liền với hoạt động báo chí của Bác Hồ. Những bài viết này làm cho chúng ta hiểu thêm tại sao Bác rất am hiểu ngay cả những chuyện “bếp núc” của nghề báo.

Tác giả *“Nguyễn Ái Quốc - Nhà báo không thể”* mong muốn công bố những bài viết để góp phần làm rõ những đóng góp lớn lao, vĩ đại cả về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thông qua đó giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người làm báo hôm nay.

NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC

“Văn biên ngẫu thể loại hịch - phú - văn tế của người xứ Nghệ”

Văn biên ngẫu được tiếp nhận ở văn học Việt Nam, cả trong những sáng tác viết bằng chữ Hán hay bằng chữ Nôm. Ngày nay, ở những câu văn xuôi hiện đại Việt Nam cũng còn nhiều dấu vết của lối tổ chức câu văn theo kiểu biên ngẫu. Từ xưa, văn biên ngẫu thường được dùng để trình bày các vấn đề lớn lao, mang tầm vĩ mô và được xem như là một thể loại văn chương bác học, phù hợp với các bậc cao niên, lão nho uyên thâm. Với mong muốn lưu giữ, bảo tồn một nét di sản văn hóa của dân tộc, đồng thời giới thiệu và quảng bá các giá trị to lớn của văn biên ngẫu xứ Nghệ, năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã đặt hàng Nhà xuất bản Nghệ An ấn hành cuốn sách *“Văn biên ngẫu thể loại hịch - phú - văn tế của người xứ Nghệ”* do nhóm tác giả: Nhà giáo Nguyễn Thế Đạt (chủ biên), Tiến sĩ Phạm Tuấn Vũ, Cử nhân Đào Tam Tĩnh, Đại tá, nhà báo Nguyễn Khắc Thuận biên soạn.



Tập sách gồm ba phần: Hịch (5 bài), Phú (32 bài), Văn tế (65 bài) của các tác giả Nghệ Tĩnh hoặc có gốc gác ở đây.

Các bài hịch chủ yếu là lời hiệu triệu, kêu gọi, vạch rõ tội ác của đối phương và khuyến khích, cổ vũ nhân dân ta đánh giặc như “Hịch đánh Trịnh”, “Hịch Tây Sơn”,... Hịch của người xứ Nghệ đầy nhiệt huyết, ngôn ngữ sắc bén, đanh thép và uyên thâm. Điều đặc biệt của các bài hịch trong tập là được viết bằng Quốc âm hoặc Quốc ngữ nên chúng được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

32 bài phú trong cuốn sách được thể hiện theo lối văn biền ngẫu - là một hình thức cấu trúc của một loại văn chương cổ xưa, trong đó lấy đối làm nguyên tắc cơ bản, tạo cho lời văn sự nhịp nhàng, cân đối. “Các bài phú trong tập sách này chủ yếu do các nhà nho hay chữ ở xứ Nghệ sáng tác ra và phần lớn chúng là phú dân gian (để phân biệt với phú trường ốc, phú thi cử).

Ngoài ra, nhóm biên soạn còn chọn 65 bài văn tế mang tính trang nghiêm, hoài niệm, thương nhớ. Đó là những bài văn tế các chí sĩ yêu nước qua đời và những chiến sĩ hy sinh trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931) như là nén tâm nhang gửi tới những người đã xả thân vì độc lập, tự do, hạnh phúc của đất nước, của nhân dân.

Hy vọng, cuốn sách quý này sẽ đem đến cho độc giả những cung bậc cảm xúc hết sức tinh tế và trang nhã của văn chương.

PHẠM HẰNG

Mỹ thuật



Hội ỷ (lựa) - BÁ SIẾU



Nước mắt thấm lặng (khắc gỗ) - HỒ THIẾT TRÌNH



Hát ví giặm (tổng hợp) - TẠ TÂM



Chiều nay bão về (sơn dầu) - PHẠM ĐÌNH HÙNG



Nắng trong vườn (trổ giấy) - ĐÌNH TRUYỀN



Tháng Ba về (acrylic) - HỌC HÀ

CÁC EM VỀ



Hành quân cùng Bác - KIM HIỀN (13 tuổi)



Hát dân ca xứ Nghệ - PHẠM THẢO PHƯƠNG (15 tuổi)



Giữ biển - CAO ANH THƯ (13 tuổi)



Phiên chợ ngày rằm - PHAN THẢO LINH (12 tuổi)

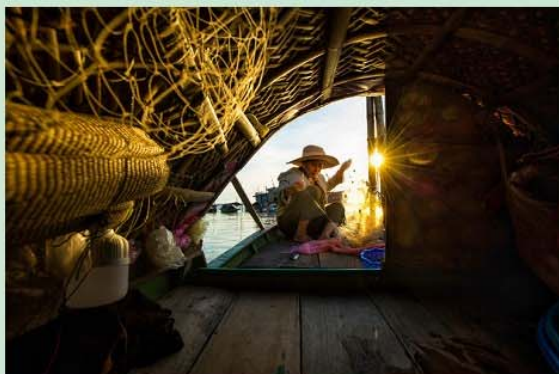


Biển đảo quê em - THẢO PHƯƠNG (15 tuổi)



Phòng chống dịch Covid - DIỆU LINH (12 tuổi)

Nhiếp ảnh



Làng chài - HẢI VƯƠNG



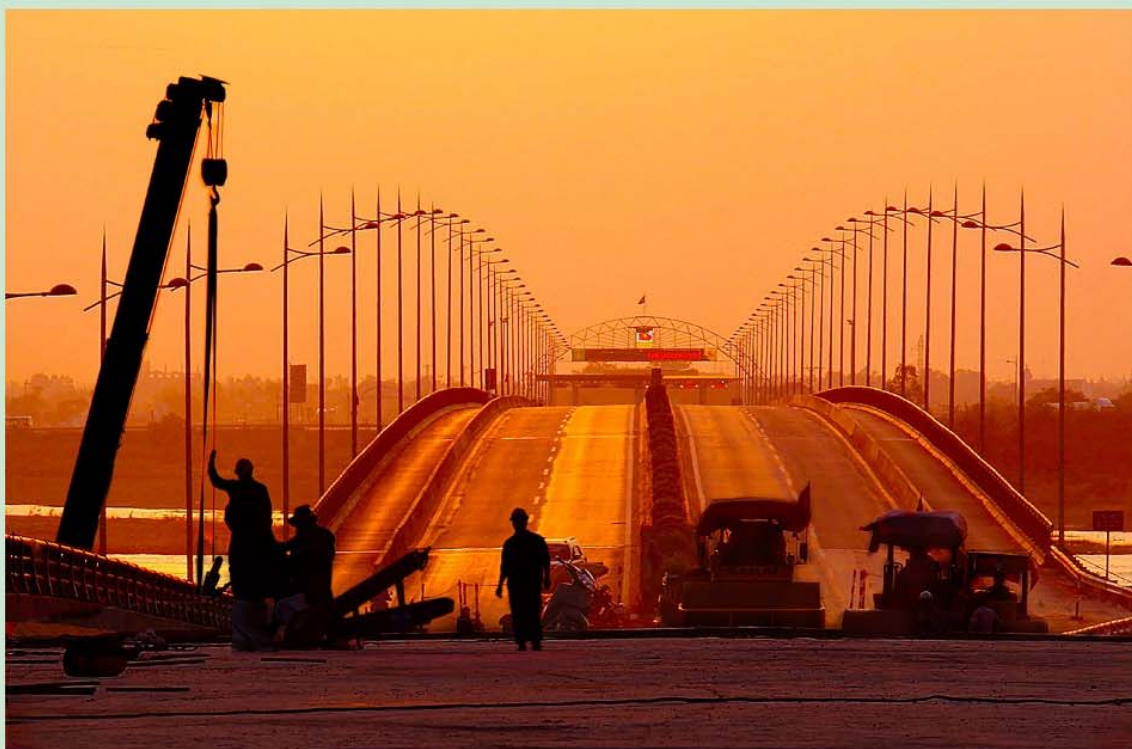
Dáng biển - TRẦN CẢNH YẾN



Tuổi hồn nhiên - LÊ THẮNG



Trên công trường nguyên liệu bột giấy, Hoàng Mai - CẢNH YẾN



Nhịp điệu cầu - CHU TRỌNG TUẤN



Lê Hoàng nhạc sỹ của núi rừng miền Tây Nghệ An
QUANG DŨNG



Hạnh phúc - HỒ HẢI ĐĂNG



Bến xuân - HỒ CHIẾN



Bình minh rừng bản - HẢI VƯƠNG

Vững vàng chiến lũy vùng biên

Tạp chí Sông Lam trân trọng giới thiệu đến bạn đọc chùm ảnh của NSNA Từ Thành đoạt giải Nhì trong Cuộc thi ảnh “Nghệ An làm theo lời Bác” vừa diễn ra trong tháng 8. Bộ ảnh ghi lại cuộc chiến “chống dịch như chống giặc” của Bộ đội Biên phòng Nghệ An trên toàn tuyến biên giới.



Canh gác tại các điểm “nóng” trên đường mòn, lối mở qua biên giới



Quản triệt nhiệm vụ phòng chống COVID-19 mỗi ngày tại các chốt kiểm soát



Cán bộ chiến sĩ biên phòng đưa các đối tượng vi phạm về khu cách ly y tế tập trung



Truyền thông phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho nhân dân quanh khu vực đóng quân



Ở các chốt kiểm soát, với tinh thần chiến đấu lâu dài, cán bộ chiến sĩ đẩy mạnh tăng gia tại chỗ



Sau giờ gác tại chốt, cán bộ chiến sĩ nuôi thêm gà, tăng gia sản xuất, cải thiện bữa ăn sẵn sàng bám trụ với đường biên



Đại Tuệ mây vờn - Ảnh: QUANG DŨNG



Làng nghề tương Nam Đàn - Ảnh: HỒ CHIẾN



Tài hoa - Ảnh: HỒ HẢI ĐĂNG



Để cho những chuyến xa khơi
Ảnh: CHU TRỌNG TUẤN



Hoàng Mai, một vùng trời nước - Ảnh: HỒ LONG